

Thư Quán

Bản Thảo

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT/PHÁT HÀNH BẤT ĐỊNH KỲ



Chủ đề : Tưởng nhớ nhà văn Đoàn Dân (1938- 1972)

Với bài viết/sưu tập của Du Tử Lê, Nguyễn Xuân Hoàng, Đinh Nguyên, Võ Hồng, Nguyễn Ngu Í, Văn Nguyên Dường, Nguyễn Vy Khanh, Lữ Quỳnh

◆ Nhiều người viết: Những Làn Ra Mất Sách ở trong nước-

◆ Đinh Cường: Những kỷ niệm rời cùng Khánh Ly

● thơ ngu yên, khoa hữu, đình cường, lâm hảo khô, nguyên trung dũng...

● truyện khuất đầu, nguyên trung dũng, đặng kim côn. nguyên thị hải hà, lữ quỳnh....



Số 46 tháng 4-2011

Thư Quán Bản Thảo
TẬP 46, THÁNG 4, NĂM 2011
Tưởng Nhớ Nhà Văn Doãn Dân

MUC LỤC

Thư Tòa soạn / 3

Sống và Viết / 4:

Trần Hoài Thư: *Đi tìm bàn tay cho Yến* /4
Nguyễn Lệ Uyên: *Thời gian*/8
Phạm văn Nhân: *Một kỷ niệm khó quên*/12
Khuất Đầu: *Ra mắt sách tại Đà Lạt*/17
Nguyễn Minh: *Những lần ra mắt sách*/19
Đình Cường: *Những kỷ niệm rời cùng Khánh Ly*/41

Chủ đề Tưởng nhớ Doãn Dân

Luân Hoán: *Niệm hương Doãn Dân (thơ)* / 53
Nguyễn Ngu Í: *Phỏng vấn Doãn Dân* /56
Nguyễn Vy Khanh: *Nhà văn Doãn Dân* / 61
Lữ Quỳnh: *Doãn Dân cùng bằng hữu...*/70
Văn Nguyên Dưỡng: *Định mệnh* / 72
Võ Hồng: *Kỷ niệm với Doãn Dân* / 91
Nguyễn Xuân Hoàng: *Thư gửi người đã khuất* / 95
Định Nguyên: *Doãn Dân, cát bụi* / 98
Du Tử Lê: *Chỗ nào cho Doãn Dân* / 101

Sáng tác của Doãn Dân

Giao thừa /104
Bàn tay cho Yến /119

PHẦN THƯỜNG LỆ

Truyện

Khuất Đầu: *Người tử tù* / 135
Nguyễn Trung Dũng: *Đôi mắt* / 157
Nguyễn thị Hải Hà: *Màu mắt chưa quên* / 174
Lữ Quỳnh: *Người tù* / 182
Đặng Kim Côn: *Đã tạnh mưa chưa* / 191
Cáp Kim: *Nhạc sĩ và con kết (truyện dịch)* / 200

Thơ

Đình Cường /167 , Nguyễn Trung Dũng / 168,
Ngu Yên /169, Khoa Hữu /172, Lâm Hào Khôi /181

Điểm sách

Đỗ Nghê: *Gọi chiều nước lên* / 214

Giới thiệu sách báo / 220

Thân hữu và tòa soạn / 214

Tranh bìa : Từ Vườn Khuya Bước Về, tranh ĐÌNH CƯỜNG
Phác họa chân dung Doãn Dân: Nguyễn Trọng Khôi

Tòa soạn:

P.O Box 58

South Bound Brook

NJ 08880

Email: tranhoaitu@verizon.net



THƯ TÒA SOẠN

Số báo kỳ này, ngoài những mục thường lệ như Sống và Viết, Sưu Tập Di Sản văn chương miền Nam, giới thiệu sách báo, những sáng tác văn chương mới nhất của các tác giả quen thuộc, chúng tôi dành nhiều trang cho chủ đề tưởng niệm Doãn-Dân. Ông tử trận vào ngày 29-4-1972 trên đại lộ kinh hoàng ở Quảng Trị. Xác ban không sao thu góp được.

Vì số trang có hạn, nên chúng tôi chỉ đăng hai truyện của ông do chúng tôi sưu tầm được: **Giao Thừa** trên tạp chí Bách Khoa và **Bàn Tay Cho Yển** trên tạp chí Văn. Truyện sau là truyện mà nhà văn Doãn Dân rất ưng ý.

Quý bạn nào cần đọc truyện **Tiếng Gọi Thầm** của Doãn Dân có thể tìm trong **VĂN MIỀN NAM** tập I, Thư Ấn Quán xuất bản năm 2009.

Cuối thư, xin được cảm ơn các thân hữu đã nhiệt tình đóng góp bài vở. Kính chúc quý bạn và gia đình những mùa vui, bình an bất tận...

Trân trọng
Tạp chí TQBT

SỐNG VÀ VIẾT

Sống và Viết kỳ này gồm một bài tản mạn thâm trầm của Nguyễn Lệ Uyên, một bài viết của Trần Hoài Thư về chuyến đi sưu tập tài liệu cho chủ đề Tưởng Nhớ Doãn Dân, và một số bài viết về sinh hoạt ra mắt sách, đặc biệt tại quê nhà và một bài viết về ca sĩ Khánh Ly của Đinh Cường. Chúng ta sẽ ngạc nhiên tại sao lại có một cuộc ra mắt tập thơ **Mây Khói Quê Nhà** của Phạm Cao Hoàng do Thư Ấn Quán xuất bản tại Hoa Kỳ ở một ngôi nhà tận trên Đà Lạt trong khi tác giả lại ở hải ngoại qua bài viết của Khuất Đầu hay những kỷ niệm rất dễ thương của những buổi ra mắt sách khó quên trong bài viết của Nguyễn Minh và Phạm văn Nhân ...

Rong bút
Trần Hoài Thư

1.

Đi tìm Bàn Tay Cho Yến

Nhà văn Doãn Dân tử trận vào ngày 29-4-1972 tại Quảng Trị. Anh chết không toàn thân, xác banh như xác pháo. Khi số báo này ra, anh mất đúng 39 năm. Anh nằm xuống không thấy mặt tác phẩm thứ hai do Tân Văn xuất bản. Và có lẽ nếu nhìn thấy nó chắc anh cũng buồn, vì **Tiếng Gọi Thầm** được thay cho **Bàn Tay Cho Yến**, truyện ngắn mà anh thích như lời kể của nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng (xin mời đọc bài viết của Nguyễn Xuân Hoàng trong số này).

Không phải dễ dàng gì để có truyện ngắn này, sau hơn 35 năm thất lạc. Mà rất khó. Thứ nhất là làm sao biết tạp chí nào đăng để mà tìm. Bài Doãn Dân thường xuất hiện trên Bách Khoa, Chi Đạo, và Văn. Bách Khoa thì đã xem qua thư mục, không thấy. Chi Đạo của Bộ Quốc Phòng thì quá cũ, phát hành vào năm 1957-1960, một năm ra một vài số bất định kỳ. Chỉ có Văn thì may ra. Nếu không có thì xem như chịu thua, đành tạ tình với người bạn văn quá cố. Còn nữa. Anh NTG cần tôi giúp sưu tập truyện "Vườn Cổ Thụ" của anh. Sức khỏe của anh rất kém. Anh cho biết. Anh ao ước được thấy lại đứa con tinh thần đã thất lạc rất lâu. Tôi nghe anh nói qua điện thoại về bệnh tình của anh. Tôi trấn an anh, an ủi anh, nhưng tôi ngại những lời nói kia rồi cũng thành phù phiếm hay sáo ngữ. Phải. Tôi cũng

là người viết văn. Và tôi hiểu về sự mầu nhiệm của tác phẩm đầu lòng. Và tôi cũng ở vào tuổi già, nên cũng đã hiểu về thì giờ là quý báu. Phải đi, không thể chần chờ. Đôi chân của một thời giang-hồ-trận vẫn còn ngứa ngáy cho những cuộc viễn du. Trời tuyết, trời sương thì có thấm gì so với những cuộc tiền thám hay đột kích.... Ngồi xe thì dĩ nhiên đâu có gì mà nhọc mệt so với những đêm lặn hụp dưới bể nước ngập lụt để xâm nhập mật khu...

Vì vậy, 4 giờ sáng Mồng 7 Tết Tân Mão, bắt đầu rời nhà, Rời nhà khi trời còn đen tối, khi tuyết bão, khi trời sương mù dày đặc.

Khi chúng tôi đến Scranton, cách thư viện Cornell khoảng 50 dặm, vào lúc 8 giờ sáng thì đường đông đá. Chiếc xe chạy đầu chạy chậm lại khiến tôi, quen như một phản xạ, cũng đạp thắng, và đạp rất nhẹ. Vậy mà xe đã mất điều khiển trượt tự do. Hết trái, rồi qua phải, không thể kiểm chế nó nổi.. Trong khi đó phía đường ngược chiều nằm phía bên trái, một chiếc xe Truck chạy ngược lại. Tôi chỉ còn biết nhắm mắt. Tôi hiểu là tôi đang chờ một chuyện chẳng lành, vì có thể chiếc xe của tôi xe bay xuống đầu xe truck. Chân tôi lại đạp thắng, ra gì thì ra. Chiếc xe quay vòng trên đường rồi sau đó lao đầu vào vùng tuyết dày đặc bên đường.. Rồi nằm ụ ở đó, chôn sâu dưới đồng tuyết đến ngang tầm tay lái. Cửa xe không thể mở ra. Chúng tôi bị kẹt trong xe. Rất may là máy vẫn nổ, đèn vẫn sáng. Rất may có hai chiếc xe khác đậu lại bên đường. Một người đàn bà hốt hãi chạy lại hỏi có sao không. Và gọi dùm 911. Chừng 15 phút sau, xe cảnh sát tới. Hơn một giờ sau, xe kéo xuất hiện. Xem lại xe. Không hề hấn gì, ngay cả một vết sơn trầy xước. Rõ ràng, tuyết không còn khắc nghiệt mà trái lại quá bao dung. Tuyết mềm mại, giữ gìn che chở mạng sống chúng tôi. Lòng tuyết là lòng mẹ, lòng cha, lòng Trời Đất.

Sự mầu nhiệm này chỉ có người trong cuộc mới hiểu, mới cảm nhận.

Chúng tôi lại tiếp tục lên đường đến thư viện Cornell. Lần này xe mở đèn *emergency* và chạy rất chậm. Bằng mọi giá, **Bản Tay Cho Yếu** phải được tìm lại, phải được có mặt trên tạp chí này, như là tấm lòng của một người bạn văn chương, một đồng đội cũ về một nhà văn và một người lính đã nằm xuống tức tử trong cuộc chiến hôm qua..

Anh Doãn Dân ơi, cảm tạ anh đã che chở và giữ gìn chúng

tôi... (1)

2.

Doãn Dân, và những đoạn văn tiên tri

Trong truyện ngắn **Bàn Tay Cho Yển** - sáng tác vào năm 1968, nhà văn Doãn Dân đã viết về tâm trạng của một kẻ « qui hồi cổ hương » như sau :

“Một hôm trở về làng cũ, tìm lại quê cha đất tổ, trong lòng xiết bao phấp phỏng, hồi hộp, tâm trí mường tượng, hình dung đến từng khóm tre, bụi trúc; từ mái đình, bờ ao, hàng giậu... Đến khi tới nơi, dừng chân đứng lại: làng xưa đã tiêu đâu mất. Nơi đó bây giờ mọc lên hàng trăm, hàng ngàn bin-đình cao nghêu, những con đường trải nhựa bóng loáng thênh thang; xe pháo qua lại rộn ràng, tấp nập... Không còn thể tìm đâu ra chỗ nào trước kia là nhà thằng cu Tý; không còn thể hình dung được nơi nào ngày trước là nhà của bác xã Tèo; nhà cái Hầm con, Hầm lớn. Và không còn thể nhìn ra cho được cả đến cái chỗ khi xưa là căn nhà nhỏ của ông bà cha mẹ mình, nơi mình đã được sinh ra, lớn lên và đã sống qua những ngày thơ ấu... Một quê hương như thế. Một quê hương dù đã trở thành giàu sang, đồ sộ liệu có còn là một quê hương? Một quê hương, chao ôi, quê hương mà lại không có xã Tèo!..”

(Bàn Tay Cho Yển, tạp chí Văn số 200 tháng 12-1968)

Chuyện Qui hồi cổ hương, người về mang tâm trạng Từ Thức, lạ lẫm giữa cảnh và người, chúng ta đã được nghe và đọc nhiều qua những câu chuyện của Việt Kiều trở lại thăm quê nhà . Nhưng vào năm 1968, khó mà tưởng tượng cái cảnh Từ Thức phải chạm vào một quê nhà “Nơi đó bây giờ mọc lên hàng trăm, hàng ngàn bin-đình cao nghêu, những con đường trải nhựa bóng loáng thênh thang; xe pháo qua lại rộn ràng, tấp nập...” trong khi VN là xứ sở nông nghiệp, lại chiến tranh, khói lửa triền miên !

Đọc đoạn văn, ta cứ ngỡ cốt truyện xảy ra bây giờ, và nhân vật có thể là một « Việt Kiều » cũng nên.

Vậy mà đối với bản thân anh, anh lại không thấy trước đề phải chết không toàn thân, thịt da banh trăm ngàn mảnh như xác pháo trên mặt lộ Quảng Trị vào ngày 29-4-1972 ! (lại tháng tư oan nghiệt!)

Anh thấy chứ. Bằng chứng là trong **Bàn Tay Cho Yến**, anh dành nhiều giọng để nói về cái chết trong chiến tranh như sau:

"Ngày nay, sự sống, chết đâu có báo trước cho ai? Người ta chết thình lình trong khi đang ngồi coi hát. Chết giữa lúc thông thả dạo chơi ngoài đường. Chết vô lý ngay cả trong lúc đang ăn, đang ngủ... Vậy thì, nếu anh chết ngoài mặt trận tức là được chết trong một hoàn cảnh hợp thời, hợp lý, sao lại không thể xảy ra? (Bàn Tay Cho Yến)"

Nhà thơ Du Tử Lê đã đề cập một trong những lý do dẫn đến cái chết quá bi thảm này là Doãn Dân không có "duyên may", Theo ông, "Hãy tưởng tượng nếu ở những năm cuối thập niên năm mươi kia, tác phẩm của Doãn Dân ra đời, niềm mơ ước và khao khát bỏng cháy của anh thành hình và được thể hiện từ những năm đó, có thể anh đã khác. Cái khác ở đây, tôi muốn nói, có thể nó sẽ không đưa anh tới cái chết ở Quảng Trị". (2) Nhưng theo tôi, đối với một người mà Định Nguyên nói là "rất bộc trực, rất nóng nảy, rất ngay thẳng" (3), cũng như nhận xét của Lữ Quỳnh "thẳng thắn, trung thực, không chịu khuất phục bất cứ áp lực phi lý nào" (4) thì khó mà có "duyên may" kia được, nhất là trong một xã hội dựa vào quyền thế, quen biết con ông cháu cha, đầy dẫy bất công....

Bằng chứng là theo bài viết của Văn Nguyên Dưỡng, anh đã được chuyển từ Bình Định về SG vào khoảng đầu năm 1970, được phục vụ ở "một nơi mà bất cứ một sĩ quan Quân Báo nào cũng mong muốn" (5)

Anh chết, không để lại cho trần gian một cái gì hết trừ hai tác phẩm. Không có da ngựa bọc thây, vì da thịt bị bắn tung như xác pháo thì còn đâu để mà bọc thây, không có quan tài phủ lá cờ, không có hồi kèn tiễn biệt.. Cũng chẳng làm phiền đến ai. Thân xác anh đã lẫn trong khói lửa nộ cuồng, biến mất trong trời đất không gian hùng hực của thù hận giống nòi.

Đề rồi, tiếng khóc âm ứ của Huệ sẽ không còn được ai nghe nữa. Và bàn tay cho Yến để làm ấm áp một mối tình lứa đôi cũng không còn có ai trao lại cho Yến nữa.

Nếu có chẳng là những trang giấy cũ, bị thất lạc này, chúng tôi đã tìm lại qua một chuyến đi khó quên trong đời. Để gửi về

một Doãn Dân rất xa, rất xa trong cõi không cùng nào đó, hôm nay.

Tái bút:

Cách đây rất lâu, tôi có nhận điện thư của một ái nữ của nhà văn Doãn Dân hỏi thăm về bố cháu. Sau đó, không còn liên lạc được với cháu nữa. Mong quý vị nào biết tin về người thân của nhà văn Doãn Dân xin vui lòng cho chúng tôi địa chỉ để chúng tôi gửi tặng các cháu tạp chí TQBT số này. Xin cảm ơn trước.

(1) Một thân hữu giúp chúng tôi sửa lỗi chính tả, khi dò truyện Bàn Tay Cho Yếu, cũng đã gửi thư cho biết về sự linh hiển này. Em định email hỏi anh vì thấy thiếu sót một đoạn văn của nhà văn Doãn Dân ở trang 127. Em copy and paste để hỏi anh, thì những giòng chữ (em làm mục đỏ cho dễ thấy) đã hiện ra. Thật là một điều huyền diệu !

(2) (3) (4) (5) Xin mời đọc bài viết của các tác giả trên trong số này.

■■■■■■■■■■

Thời gian
Nguyễn Lệ Uyên

Tôi có một thói tật, không biết xấu hay tốt? Nhưng dù có xấu hay tốt thì đó là thói tật của tôi, chẳng phải của ai khác, không vợ lấy của người làm của ta, rồi tí tổn khoe mẽ, rồi cà đu đánh tráo, tôi phếch lên lơp son lòe loẹt.

Thói tật ấy, càng có tuổi, nó cứ lù lù hiện về, đứng ngay trước mắt: Đó là nỗi nhớ không hình dạng về mùi khói ám trên mái tóc hoe đỏ của cô bạn gái hồi tiểu học. Mùi khói kết thành hình nhân, hiện rõ một Ngọc Thảo có giọng hát doãi dài, mệnh mang trên sông Hậu và *Những Tới Thứ Bảy* trên giảng đường lớn. Nàng còn hay mất mà đến 40 năm qua tôi mãi tìm kiếm trong mộng? Nàng ở đâu? Và, bạn tôi, Trương Cương Thanh, cái nhịp cầu bắc qua bờ Cỏ May kia giờ ở đâu?

Cái thứ nhớ nhưng mắc dịch ấy nó làm khổ tôi. Khổ bởi không chịu đựng nỗi sự “dẫn xóc” trong lòng, nên phải đứng lên.

Đứng lên và mò về phía tủ sách lục tìm quyển album cũ nát. Album đâu chưa thấy, bỗng rút ra ra vài mẫu bìa tạp chí văn học. Tôi sững sờ nhìn xuống nền đất, tưởng chừng như đó là thịt da từ người tôi rút ra!

Trước kia, cha tôi và tôi có thói quen đọc sách báo. Thời đó, trong tủ sách gia đình, hầu như không thiếu một loại tạp chí văn học nào: từ Chi Đạo, Sáng Tạo, Văn Nghệ, Hiện Đại đến Bách Khoa, Văn, Văn Học, Tiếng Nói, Nghệ Thuật, Thời Tập, Khởi Hành... chiếm đầy một gian rộng. Vây, nhưng bây giờ chỉ còn lại vài mẫu bìa, vài cuốn tạp chí sờn rách, long gáy. Thời khắc kinh hoàng đó đã đổ ập xuống đầu mọi người. Nhưng khốn nạn nhất là chữ nghĩa của nhân loại, của dân tộc đã bị xóa sạch: Tịch thu và đốt. Chữ nghĩa cháy bùng lên ngàn ngút nổi hờn căm, than oán. Cảnh “phản thu” một cách dã man kia được lặp lại có ý thức, chủ đích. Và nay, những chủ nhân của chúng thì thẳng thốt kêu lên “*hồn ở đâu bây giờ*”!

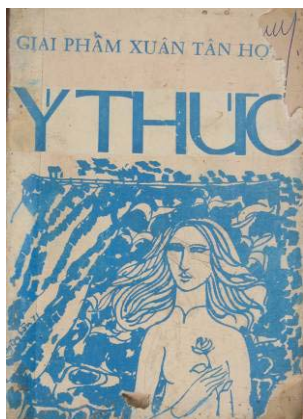
Sáng đang ngồi dưới gốc mận già, màu nắng rót xuống mặt bàn đá. Màu nắng sao giống với màu nắng ở vườn mận bên bờ sông Hậu khiến tôi chạnh lòng. Chạnh lòng và đứng lên. Đứng lên và lại mò vào tủ sách cũ (một thói tật xấu) chỉ còn lơ thơ vài ba cuốn. Thấy chúng y hệt những người trốn thoát cảnh tru di tam tộc thuở xưa. Thò tay cầm một cuốn. Mở ra, bỗng thấy cô bạn cũ khép mình trong trang báo vàng ố. Vẫn nụ cười học trò. Vẫn ánh mắt của cô bé con nhìn hút về chốn xa xôi. Tôi đã chết lịm trong đôi mắt và nụ cười đó. Có nhau rồi mất nhau. Nồng nàn và lạnh buốt, ngập ngừng trong truyện *Buổi sáng mát mẻ*, tôi viết như tự truyện để tự đánh lừa mình.

Tôi hối tiếc vì sự ngu dại tuổi trẻ để mất nàng. Và, cạnh nàng, tôi cũng cảm thấy hối tiếc vì những sách vở một đời tôi yêu quý bị ngọn lửa khốn nạn năm nào thiêu rụi không thương tiếc. Đốt rụi sạch sành sanh. Đúng là khốn nạn cho chữ nghĩa, khốn nạn đến với những thằng người khốn nạn!

Khép tấm hình của *em* vào quyển sách, sẽ sàng đưa lên ngăn, một tờ báo nhào ra. Ý Thức. Một sự trùng hợp đến lạ kỳ. Cả hai đều xảy ra cách đây hơn 40 năm, nhưng hình như mới tinh khôi, như mới hôm qua đây thôi.

Ý Thức, giai phẩm xuân Tân Hợi gộp thành 2 số 7&8, phát hành ngày 15.1.971, bìa vẽ cô gái cầm đóa hồng áp vào ngực (tôi không tài nào đọc nổi tên người họa sĩ vẽ bìa ký nguyệt ngọc). Khuôn mặt sao giống như *em* của tôi? Trang trong có

đầy đủ chữ ký của cô chủ nhiệm Nguyễn Thị Yến dưới dòng chữ “Bản của anh N.Lệ Uyên, ngày 13.1.1971”; sau đó là chữ ký to tướng của Huỳnh Hữu Ủy đề lên chữ ký nhỏ bé của chủ bút Nguyên Minh, rồi lần lượt tới Nguyễn Ban, Nguyễn Lê Tuấn, Trần Nhật Tân, Cao Hữu Huân, Thế Thủy, Hồ Nguyên Hân và cuối cùng là Trần Hoài Thu. Nhìn những chữ ký, tức khắc nhớ lại buổi chiều ngày 13.1.1971 tại nhà riêng của cô



chủ nhiệm gần cầu Calmette. Tất cả ngồi vòng tròn dưới sàn, giữa là chai rượu Napoléon và những đĩa nem, bì cuốn. Mọi người nâng cốc chúc mừng nhau, chúc mừng Ý Thức, rồi xúm nhau đánh giá lại 6 số Ý Thức đã phát hành, nhìn nhận những việc đã làm được và chưa được của tờ báo. Người to tiếng nhất vẫn là Huỳnh Hữu Ủy luôn mặc đồ trận và đeo ancine Bộ Tổng Tham Mưu. Người ít nói nhất là Cao Hữu Huân và Trần Hoài Thu. Với Huân thì tôi có thể tin sự kiệm lời của anh, nhưng với Thu thì mới là sự lạ. Ngoài đời anh ăn nói vung xít mết, sống vung vít, bất cần. Cái sự bất cần ấy anh mang cả vào trong những truyện ngắn của mình. Vậy mà giữa vòng thân hữu, trong bữa tiệc nghèo chiều cuối năm của Ý Thức, anh ngồi im, chỉ thỉnh thoảng mới lên tiếng, như để mọi người thấy rằng anh vẫn ngồi đấy, vẫn có mặt?

Ông chủ bút Nguyên Minh, có tật ngồi lắng nghe và nhổ râu cằm, mặc dù anh không bao giờ có râu cằm, cười tủm tỉm, hào hứng nói về những cải cách sắp tới của tờ báo: Cải cách đầu tiên là thay đổi khổ báo, thay vì chữ nhật như bấy lâu nay thì đến số tân niên sẽ thành khổ vuông (do mỗi tôi đề nghị). Tôi

nhớ lời Trần Nhật Tân: “Tròn méo chi cũng xong. Cái cần là nội dung. Đó là điều then chốt”. Lại nổ ra tranh luận. Ý Thức phải thêm nhiều chuyên mục: Hội họa, phê bình văn học, triết học. Anh nào cũng hăng tiết vệt cho những đề nghị cải cách của mình đối với tờ báo là chính xác, khả thi. Cô chủ nhiệm lôi ra chai Napoléon thứ hai. Vừa uống vừa tranh luận, cãi nhau như thời trẻ con.

Và rồi chia tay. Sau tết, số tân niên ra mắt đúng như lời quảng cáo ở trang bìa 4. Anh em văn nghệ và độc giả sững sốt vì sự “thay đổi táo bạo cả nội dung lẫn hình thức”. Nhóm chủ trương sướng ron. Cứ thế tà tà tiến tới cho tới ngày tan đàn rã đám.

Với biết bao số Ý Thức từ quay ronéo cho tới in typo rồi offset tôi có đủ, nhưng nay chỉ còn giữ vồn vẹn một số duy nhất: số Xuân Tân Hợi năm 1971. Tôi giữ nó như giữ của báu. Ngay trang đầu là bài thơ của Đỗ Nghê (Đỗ Hồng Ngọc) bài *Niềm tin chưa mất*:

*...Bời còn những đêm giới nghiêm
Người mẹ để rơi bên vệ đường
Đến nhà thương bằng xe tuần cảnh
Mẹ con còn cuồng rón nói liền nhau...*

Rồi đến Trần Nhật Tân với bài *Hãy trả triết gia lại cho thi sĩ*. Và đủ cả mặt anh hào: Trần Hữu Lục, Mừng Mán, Phạm Cao Hoàng, Lê Ký Thương, Trần Hoài Thư... Tôi đọc *Như ân thánh sủng* của Thư trong số này và bỗng nhớ đến sông nước Hậu Giang, nhớ đến *em*, *Cỏ May* một thời, nay tôi đánh mất. Truyện mở đầu: “*Phải làn khói sương mờ, mà anh nhận ra em. Em dịu dàng em sâu muộn. Đôi mắt em mờ ẩn sau tấm màn mỏng, anh thấy được những giọt lệ ràn rụa, chảy xuống má, và đầu em cúi xuống một lúc lâu. Chiếc khăn màu lam khẽ lay động...*”. Đó là Quỳnh của Trần Hoài Thư. Quỳnh đã trở thành sư nữ và Thư đã mất năng.

Còn tôi, *em* không thành gì cả, nhưng tôi cũng để vuột mất, chỉ còn giữ được số báo này đã có lần tôi và *em* chụm đầu lại cùng đọc.

40 năm. Rất gần và rất xa.

(Tháng 2 năm 2011)



Một Kỷ Niệm Khó Quên

Nhân ngày ra mắt sách ở Việt Nam

Phạm Văn Nhân

Tôi nhớ vào ngày 25-2-2010, mới năm ngoài đây thôi. Ngày tôi về thăm nhà sau gần 20 năm. Sài Gòn, với tôi vẫn là những tiếng ồn ào, náo nhiệt. Sự ồn ào, náo nhiệt thật dễ thương của ngày nào trước năm 1975 vẫn còn đó. Sự ồn ào rất sinh động của một thành phố Sài Gòn năm xưa không thể nào quên trong trí nhớ của tôi, dù thời điểm đó (1975) đất nước vẫn chìm trong chiến tranh. Sài Gòn vẫn nghe tiếng súng và đạn pháo.

Ngày trở lại sau gần 20 năm, Sài Gòn vẫn nóng và nhịp sống của người Sài Gòn vẫn sinh động. Trước 1975, Sài Gòn gần 4 triệu dân. Còn hôm nay, Sài Gòn xấp xỉ 10 triệu dân thì càng ồn ào và sinh động hơn nhiều. Cái vui của tôi là về quê thăm gia đình, bạn bè, và nhìn lại cái “không khí” của một Sài Gòn không dễ gì quên được.

Nắng, nóng, bụi bặm khi ra đường. Tôi thấy nam giới, nữ giới (nhất là nữ) ai cũng mang khẩu trang che kín mặt và gắng tay dài chống nắng. Hình ảnh này, tôi nghĩ, chỉ có một Sài Gòn mà thôi, không có nơi nào trên thế giới có mang khẩu trang và gắng tay dài chống nắng của phái nữ. Vẫn là hình ảnh đẹp hay xấu tùy theo sự suy nghĩ của mỗi người khi nhìn một Sài Gòn hiện tại. Với tôi vẫn đẹp khi đứng nhìn bên lề đường với những dòng xe chạy không ngừng nghỉ. Đố có ai dám băng qua đường, nhất là tôi, sợ xe “tông” lúc nào không biết. Anh bạn của tôi, về cùng lúc với tôi, dân Sài Gòn chánh cống bảo: cứ đi qua, xe tránh mình. Quả thật, tôi cứ băng qua, tay phải đưa ra nếu dòng xe đi hướng phải. Tay trái đưa ra, nếu dòng xe chạy từ hướng trái. Cứ thế an toàn mà qua đường. Chứ nếu đứng trên lề chờ hết xe thì không thể nào qua được. Sài Gòn là như thế. Vài ngày cũng quen đi mà còn dạn lên nữa là khác.

Nhưng, bên cạnh cái ồn ào, sinh động của một Sài Gòn thì cũng có một khoảng không gian yên tĩnh, thật dễ thương trong khu phố của phường 13, quận Gò Vấp. Tôi muốn nói đến ngôi nhà của nhà văn Nguyễn Minh. Một trong những người đã sáng lập ra tạp chí Ý Thức của thập niên 60. Ngôi nhà khó tìm,

ở sâu trong con hẻm nhỏ. Nhà kế nhà, chẳng chít. Khác với ngôi nhà ngày xưa anh đã sống ở một thành phố cũng nhỏ, nhưng rất dễ thương, trên con phố rợp bóng cây phượng (?). Cho nên con phố ngắn ấy lúc nào cũng mát. Đó là con phố Nguyễn Thái Học, Phan Rang. Ngôi nhà mang số 11. Ngôi nhà ấy đã để lại trong tôi nhiều kỷ niệm khó quên, cùng với những người bạn một thời quen biết khi anh làm tờ Ý Thức trên căn gác của ngôi nhà số 11. Hôm nay nghĩ lại, cũng đã có anh đi vào cõi vĩnh hằng như: Tô Đình Sự, Trần Hữu Ngũ.

Còn hôm nay thì sao, anh cho tôi địa chỉ ngôi nhà ở Sài Gòn. Nhờ người em chở đi tìm, rất khó, nhưng cũng tìm ra được con hẻm trong phường 13 quận Gò Vấp ấy. Ngôi nhà anh ở cũng giống như ngôi nhà ngày nào nơi thị xã Phan Rang, cũng đầy ắp tình anh em cầm bút cũ. Cho dù ngôi nhà có nóng, có chật chội hơn ngôi nhà số 11 trên con phố Nguyễn Thái Học năm xưa.

Tại sao tôi nhắc đến ngôi nhà này; vì nơi đây, anh Nguyên Minh đã tổ chức một buổi họp mặt anh em cầm bút cũ lại nhân dịp tôi về thăm nhà. Và cũng là dịp để ra mắt sách cho ba tác giả: Nguyên Minh (tập truyện: Ngôi Nhà Số 11). Lê Văn Trung (tập thơ Bi Khúc). Phạm Văn Nhân (tập truyện: Màu Thời Gian). Với ba tác phẩm ra mắt sách ngày hôm đó tập truyện của Nguyên Minh và tập thơ của Lê văn Trung là mới. Tập thơ Bi Khúc của Trung do Thư Ấn Quán, Hoa Kỳ in và Ý Thức in lại. Cũng như tập truyện của tôi, Thư Ấn Quán in vào năm 2000. Nay Ý Thức in lại có bổ sung thêm nhiều truyện khác. Còn tập truyện của Nguyên Minh do nhà xuất bản Thanh Niên in tại TP/HCM vào năm 2010. Họp mặt, để bạn bè gặp lại nhau ít nhất là hơn 45 năm mới gặp lại (vì hoàn cảnh). Và Nguyên Minh tổ chức ra mắt sách như một món quà văn nghệ gửi đến bạn bè.

Trong không khí ấm tình bằng hữu hôm ấy. Tôi nghĩ khác với cái thời còn “bao cấp” họp mặt như thế này, mà lại còn tổ chức ra mắt sách nữa... chắc thế nào chủ nhà cũng bị mời lên Công an phường và những người tham dự một phen làm...kiểm điểm. Tôi nhớ lại vào khoảng cuối năm 1982 tôi mới ra khỏi trại “cải tạo” về nhà. Hai người bạn là công nhân xây dựng, nghe tôi được thả về, tới thăm. Đêm đó, trời nóng, ba đứa

chúng tôi ngồi uống trà trước hàng hiên của ngôi nhà thuê (vì không có nhà) vào ban đêm. Vợ tôi, mang ra nải chuối vừa cúng rằm xong, cho ba chúng tôi vừa ăn vừa nói chuyện vui...Thế là sáng hôm sau, tôi có giấy mời xuống đồn Công an: cho biết lý do nói chuyện với ai. Tên gì? Nhà ở đâu? Nội dung câu chuyện nói. Tất cả đều ghi vào giấy. Từ đó, ra đường, tôi không dám gặp ai nữa. Hơn bảy năm trong trại, vợ con đã khổ rồi, hôm nay làm ngọn cỏ mục bên bờ ao, đừng nghĩ gì hơn nữa. Chỉ cầu mong một chút an thân. Nhưng hôm nay thì khác, bạn bè lâu ngày gặp nhau, lại còn tổ chức ra mắt sách nữa (xem như chui- vì không xin phép chánh quyền) trước phòng khách nhà Nguyễn Minh, có nhiều người qua lại. Chỉ có tôi ở nước ngoài về. Tôi lại sợ cho bạn tôi, như đạo nào của những năm 1982 . Hỏi anh, qua điện thoại, trước khi về, Nguyễn Minh nói với tôi là thoải mái, không như thời của năm 1982 nữa đâu. Tôi nghe mà an tâm. Và, anh cũng nói thêm trong ngày ra mắt sách hôm đó cũng có một vài người anh không mời, vì không thích. Hỏi tên, tôi đồng ý với NM ngay.

Trong ngày họp mặt và ra mắt sách hôm đó. Rõ ràng giữa tác giả và bạn bè cầm bút (cũng là độc giả) rất thân tình và trân trọng với nhau qua tác phẩm và tác giả. Tôi thấy khác với những buổi ra mắt sách bên Mỹ (tôi được mời tham dự 3 lần), rõ ràng “lạc lõng” giữa tác giả và người tham dự. Hình như ai tới cũng được. Người tới tham dự càng đông thì càng có “giá trị” cho buổi ra mắt sách cho một tác giả nào đó (có thể qua truyền thông báo chí ở địa phương, hay bạn bè thông báo mà tới). Tôi nghĩ tác giả ra mắt sách nhiều khi chẳng biết người tham dự là ai. Thấy đông là buổi ra mắt sách thành công... vì bán được sách. Họ tới vừa tham dự, vừa nghe ca hát, và đôi khi được ăn... free. Người tham dự không hẳn phải là nhà văn hay nhà thơ. Nhưng, bắt buộc trong buổi ra mắt sách phải có một hay nhiều diễn giả được mời lên giới thiệu tác giả và tác phẩm (trở thành một thông lệ ắt có và đủ trong một buổi ra mắt sách). Mặc cho diễn giả nói gì thì nói, và cử tọa vẫn ngồi nói chuyện riêng tư. Có lần tôi nghe bạn bè nói lại qua điện thoại, có một nhà thơ nọ, tác giả quý trọng, mời đích danh tới dự buổi ra mắt sách và được ký tặng- không bán- cho nhà thơ ấy. Ông ta nhận tập thơ và sau đó quẳng vào sọt rác. Tôi nghe mà ngao ngán! Tôi nghĩ, có lẽ không sai lắm đâu: ra mắt sách bên Mỹ như một cái “cớ” để bán sách lấy lại vốn. Loãng và không

thân tình.

Còn hôm ra mắt sách, cho ba tác giả tại ngôi nhà của Nguyên Minh. Ít người, và là những người mà nhà văn Nguyên Minh chọn trong số bạn bè của anh và cũng quen biết với tôi một thời. Những người cầm bút ấy đã có một thời cầm bút trên 50 năm. 50 năm gắn bó với văn chương chữ nghĩa, và cũng gần thời gian ấy chúng tôi gặp nhau. Thử hỏi, hôm ra mắt sách tại nhà Nguyên Minh làm sao tôi không ghi nhớ trong tâm trí của tôi. Một niềm vui. Một nỗi nhớ về bạn bè rất khó diễn tả. Từ ánh mắt, lời nói, đến cái bắt tay thật mạnh, thật ấm tình bạn bè gần 50 năm (có thể hơn 45 năm) gặp lại mà không thân tình sao được. tập thơ **Bi Khúc** của Lê Văn Trung, Thư Ấn Quán in. Trung rất cảm động. Cầm tập thơ trên tay, cả chị Hiệp, vợ của Trung nữa, nói những lời cảm ơn bạn bè đã giúp anh để có tập thơ hôm nay. Cảm ơn anh Trần Hoài Thư và tôi đã bỏ công sức layout, in ấn, cũng như động viên anh để hoàn thành tập thơ **Bi Khúc** rất tuyệt vời mà hôm nay đã có mặt. Tôi nói với Trung và chị Hiệp, người con gái một thời học ở trường Sư phạm Qui Nhơn. Và tôi đã gặp chị và Trung trên lầu của khu nhà thờ Phú Cam năm nào ở Huế. **Bi Khúc** là do công của anh THT. Tôi chỉ là người cổ vũ.

Ngày hôm đó, tôi gặp lại các bạn: Lữ Kiều (B/s Thân Trọng Minh). Đỗ Nghê (B/s Đỗ Hồng Ngọc), Lê Ký Thương, Sâm Thương, Trần Duy Phiên, Châu Văn Thuận, Phương Tấn, Mùng Mán, Lại Quảng Nam, Lưu Nhữ Thụy, Hạ Đình Thao, vợ chồng Lê Văn Trung. Nhà thơ Hạ Đình Thao và Lê Văn Trung từ khu kinh tế mới Đồng Nai đón chuyến xe đò sớm vào Sài Gòn để gặp tôi. Một người bạn mấy mươi năm mới gặp lại, nhưng thời gian của tôi ở Sài Gòn chẳng là bao, vì ngày hôm sau tôi phải “bay”ra Huế. Trung gọi điện thoại hẹn với tôi khi về Phan Thiết. Nhưng rồi cũng không thực hiện được.

Sau ngày gặp mặt tại nhà NM, HĐT và vợ chồng LVT phải trở về Đồng Nai cho kịp chuyến xe. Cho nên tôi không nói gì nhiều được với Lê Văn Trung và chị Hiệp. Có lẽ anh chị giận tôi. Sẵn dịp đây, tôi xin lỗi vì bận quá. Khi vào lại Sài Gòn chuẩn bị về lại bên này, hẹn nhau tới nhà NM để tôi còn gặp người bạn thân từ Tuy Hòa vào: Nguyễn Lệ Uyên, và anh Khuất Đầu cũng từ Nha Trang vào thăm. Và ngay cả nhà thơ Trần Dạ Lữ nữa cũng trên căn gác nhỏ hẹp của Nguyên Minh.

Tôi đã gặp lại các anh, một món quà văn học tôi mang theo để tặng nhà thơ Trần Dạ Lữ là tập TQBT số chủ đề về anh.

Không có diễn văn, chỉ có những lời nói rất chân tình của Nguyễn Minh dành cho tôi khi tôi trở về quê nhà gần 20 năm, và lý do ra mắt sách hôm nay. Không cần ai phải giới thiệu tác phẩm và tác giả làm chi... vì quá gần gũi.

Trong lời hỏi thăm nhau, thân tình, không cần ai phải dè dặt. Tình bạn lâu ngày gặp lại, những cuốn sách được chúng tôi ký tặng. Những chai rượu vang đỏ được anh Lữ Kiều khai ra, rót vào ly cho từng anh em. Nâng ly chúc mừng ngày bạn bè hội ngộ trong không khí thân tình buổi ra mắt sách cho ba anh em chúng tôi. Bên cạnh những thức ăn nguội như ba-tê, giò lụa của chị Nguyễn Minh lo. Nhưng ăn thì ít, mà anh em nói chuyện về văn chương chữ nghĩa thì nhiều.

Ngày tôi về sao vui quá đỗi. Tình bạn bè gặp lại như ở cái tuổi đôi mươi ngày nào. Có tôi mà thiếu một người coi như chưa gọi là đủ. Nguyễn Minh đề nghị nói về anh. Đó là nhà văn Trần Hoài Thư. Sau khi ký tặng sách xong. Chúng tôi nói về Trần Hoài Thư. Nói về những kỷ niệm khi còn sống chung với nhau, gặp nhau, chơi với nhau. Những kỷ niệm khó quên một thời gần bó. Mỗi người nói một ít về anh. Tôi nói về anh, Lê Ký Thương nói về anh, Nguyễn Minh nói về anh, Lữ Kiều nói về anh, Đỗ Hồng Ngọc nói về anh. Một con người chơi với bạn bè hết mình. Còn Mừng Mán với rất nhiều kỷ niệm về anh. Nhưng, có lẽ Nguyễn Minh không biết về những kỷ niệm giữa MM với THT khi sống ở Cần Thơ sau năm 1975 nên NM không mời gọi. Anh ngồi im, nhỏ râu cằm, đắm chiêu như nhìn về một khoảng thời gian xa xưa nào đó trong tâm thức của một nhà văn, nhà thơ một thời.

Buổi ra mắt sách hôm đó thật ấm lòng. Cũng may là có nhà thơ Lại Quảng Nam, anh di động luôn, hết góc phòng này qua góc phòng khác để quay phim. Phải nói với tài sắp xếp (đạo diễn) của Nguyễn Minh, và chị Lan (vợ Nguyễn Minh) đã cho chúng tôi ăn món ăn ba-tê, thịt nguội để đưa những ly rượu vang thật ngon từ tay Lữ Kiều rót cho từng người một trong cái không khí thấm đẫm tình bằng hữu ấy, khó mà tìm thấy bên xứ Mỹ trong một vài lần tôi tham dự buổi ra mắt sách.

Viết lại, như một lần nhớ bạn bè, trong ngày đầu tôi trở về thăm quê.



KHUÁT ĐẦU RA MẮT SÁCH TẠI ĐÀ LẠT

Ngôi nhà ấy có gắn một cái biển nhỏ ít người để ý: “điền trang Thân Trọng”. Hai chữ điền trang gợi nhớ đến Tolstoi, bởi vì chủ nhân cho dù đã có lúc phải “đi vác gỗ trong rừng sâu”, vẫn không xóa hết được cái nét quý tộc của một giòng họ đã định danh từ cả ngàn năm. Thuận hỏi, đây không có ruộng sao lại gọi là điền. Phải để là gia trang chứ. Gia trang nghe Tàu quá ông à, chủ nhân cười bảo.

Ngôi nhà nằm quay lưng với thành phố nên tầm nhìn không bị vướng víu bởi những mái nhà nhấp nhô và nhất là tránh được cái xô bồ hỗn độn của một thành phố đã đánh mất bản sắc. Chập chùng trước mặt là những cánh rừng thông, tuy một vài chỗ mọc lên những ngôi nhà hợm hĩnh đáng ghét, nhưng trong một buổi chiều mà chủ nhân cho đốt hết những lá rụng trong vườn để tạo nên một màn khói lam hư ảo, trong cái lạnh làm mê mẩn những kẻ đang yêu, khách có thể mơ màng tưởng như đang sống lùi lại những năm 50, 60 của thế kỷ trước.

Nơi đây, hơn 10 năm về trước, một người đã bỏ bút từ những ngày tháng tư năm ấy, bỗng dung ngồi viết lại và đã làm sùng sốt bạn bè với tác phẩm có cái tên rất bồi hồi là *Tướng Chùng Đã Quên*.

Cũng từ đó, Ý Thức bản thảo ra đời.

Cũng từ đó bạn bè xao xác tìm nhau.

Và sau đó có tôi, một kẻ lạ hoắc được những người đồng cảm cho nhập vào cái đám “bên trời lận đận”.

Hôm nay, tôi và người bạn đời chưa già lắm, được Big Minh và Little Minh rủ rê lên thành phố của người hiền Yersin để “ăn” một cái tết Tây muộn và dự buổi ra mắt tập thơ của Phạm

Cao Hoàng.

Xe khách băng qua khu rừng nguyên sinh Khánh Vĩnh và Đa Nhim trong màn mây mù xám, sau hơn 3 giờ đồng hồ, bỏ chúng tôi đứng ngẩn ngơ trên một con dốc thăm thẳm. Vẫn biết ở phố núi, nhà cửa giống như hai người tình trong nhạc của Trịnh Công Sơn, một người về đỉnh cao, một người về vực sâu, nhưng không ngờ nhà của người khách đi qua cầu (Lữ Kiều) lại có thể làm “mỏi cái đôi chân này”. Đang loay hoay chưa biết tính sao, thì đã nghe tiếng reo của chủ nhân và các bạn kể cả Nguyên Minh ồm ồm chạy lên đón.

Giờ, có lẽ tôi phải mượn hai chữ “tưởng chừng” của anh để có thể nói chúng tôi “tưởng chừng trở lại”. Chúng tôi lững lờ trong vườn, lên dốc xuống dốc, chụp ảnh và hỏi nói líu lo như thời Gió Mai. Helena, bà đầm Ý nói tiếng Việt rất sôi, luôn miệng khen “đẹp quá”, “thích quá”. Một đôi lúc cô ôm lấy anh chồng và tuôn vào tai anh những tràng tiếng Ý dòn dã.

Tết muộn được bày ra bên đồng lửa ấm áp ở ngoài vườn. Có rượu tây, có xì gà và khoai nướng. Chúng tôi nâng cốc chúc mừng được thêm một tuổi rất quý hiếm.

Trong ánh lửa bập bùng những kẻ bị cái bệnh văn chương hành hạ suốt cả đời, ngồi bàn chuyện chữ nghĩa cứ y như đang ngồi trong viện hàn lâm. Rất tiếc chủ nhân của tập thơ Mây Khói Quê Nhà không có mặt nên buổi ra mắt thơ có vẻ giống như những đám cưới trong thời chiến tranh, cô dâu đẹp nhưng buồn vì thiếu chú rể. Cô dâu đêm ấy là tranh bìa của Đinh Cường, rất tiêu thư, rất dài các, với màu xanh huyền hoặc của tà áo, của nền trời, màu xanh của thiên đường đã mất.

Nhân nói về thơ, Trương Văn Dân một Việt kiều Ý đem cô vợ về ở hẳn Việt Nam để viết văn, bỗng sôi nổi khi nói về ngôn ngữ đầy nhạc điệu của quê hương. Lữ Kiều bảo viết kiểu gì cũng được nhưng phải hay. Theo anh thì Phan Huy Vịnh dịch Tì bà hành đâu có cầu kỳ kiểu cách gì mà không chừng còn muốn hay hơn cả Nguyễn Du. Khuất Đầu tán thêm, các bác ạ, chữ “quạnh” trong câu *quạnh hơi thu lau lách đìu hiu*, cách đây trên 200 năm mà tưởng chừng hầy còn mới quá.

Không biết có phải vì quá hưng phấn hay vì rượu, Lữ Kiều kể lúc học ở Quốc Học, anh đã đoạt cả giải văn và thơ, phải nhờ một người bạn đội bút danh Nàng Lai để lên nhận giải. Đó là cái vui nồng nhiệt tươi trẻ của tuổi học trò. Đó cũng có thể là tiếng gọi của văn chương như một định mệnh.

Cũng giữ bí mật đến hơn 50 năm bây giờ mới bật mí. Lai là tên một cô gái, dĩ nhiên rất đẹp, nhưng nói thể thì hơi ...tầm thường đối với một thi sĩ, nên anh đã giải thích với các bạn, nàng là ai, đọc nhanh thành nàng lai. Bí mật đến nỗi Nguyễn Minh cũng cứ tưởng nàng là ai! (Đỗ Hồng Ngọc đã từng thắc mắc, nàng là ai, giờ nói thiệt đi).

Ai bảo những người thất thập cổ lai hy không bị câu hát của Sơn xỉ mũi: *tình chưa xa nên tình thật gần*.

Lửa đã tàn, các bà đã rúc vào chăn để trốn cái lạnh, mà các “đại văn hào” vẫn cứ nói về những gì đã viết, những gì sắp viết hay muốn viết mà chưa viết được như thể đang ở tuổi đôi mươi.

Tôi viết những dòng này để muốn nói với các anh em ở những xứ sở tự do rằng, chúng tôi vẫn sống và viết như những đốm lửa nhỏ trong vườn khuya.

Viết và đọc lẫn nhau, để sưởi ấm cho tuổi già quạnh hiu, mỗi lần gặp nhau cứ tưởng là lần chót.

Viết vừa để trả nợ mà cũng là để tạ ơn đời.

Khuất Đầu

05/1/2011



NHỮNG LẦN RA MẮT SÁCH NGUYỄN MINH

NHỮNG NGƯỜI CÙNG ĐI THỜI MỚI LỚN

Lần đầu tiên tôi tham dự một buổi ra mắt sách vào khoảng năm 1960, lúc ấy chiến tranh chưa ló dạng lại sau mấy năm chia đôi đất nước, ở Huế. Lúc đó tôi chỉ là một cậu học sinh

trung học trường Quốc Học. Tại đây tôi tham gia vào nhóm Gió Mai, và hàng tháng chúng tôi ra một tập san văn chương chép tay. Tôi không biết làm thơ, nhưng các bạn khác trong nhóm đã ra tuyển tập thơ mang tên NHỮNG NGƯỜI CÙNG ĐI, chỉ đánh máy chữ đóng thành 5 tập trên giấy pelure mỏng tanh mà chúng tôi có đến trên mười người nên đánh phải bóc thăm. Mỗi trang thơ của một tác giả kèm theo một hình vẽ chân dung, nét mực đen của Lữ Kiều. Điều này không làm tôi ngạc nhiên là sau 40 năm anh trở thành họa sĩ mang tên thật: Thân Trọng Minh. Lúc ấy, may mắn thay, tôi được nhận. Một người không biết làm thơ lại giữ một tuyển tập thơ của các bạn mình. Và bao nhiêu năm tôi vẫn giữ gìn nó cẩn thận. Nhưng rồi, lại đau lòng vì tập thơ ấy bị thiêu hủy dưới ngọn lửa bạo tàn của một lần bị tịch thu trong trận cuồng phong trong chiến dịch được mang tên là tiêu diệt tàn dư văn hóa Mỹ Ngụy.

Bây giờ, qua trên nửa thế kỷ, qua bao nhiêu cuộc bể dâu tôi vẫn nhớ mãi buổi ra mắt sách ấy. Chúng tôi mấy cậu học sinh bé nhỏ cùng đạp xe đạp cộc cạch trên những con đường gồ ghề, bỏ phố phường, kéo nhau lên đồi Vọng cảnh. Dưới ánh trăng sáng vàng vạc, gió từ sông Hương phía dưới chân đồi thổi dội lên lồng lộng, chúng tôi tụm đầu vào nhau, lật từng trang giấy mỏng, những con chữ lơ mờ mà cùng đọc lên những tựa bài thơ. Xếp lại bỏ vào trong áo khoác lạnh. Những khuôn mặt ngây ngô làm ra vẻ người lớn đọc sang sáng bài thơ của mình đã được chọn trong tuyển tập. Chúng tôi phì phà những điều thuốc lá vừa mới tập hút, ho sặc sụa, nước mắt túa ra, sau vài lần mới thả được khói ra lỗ mũi và thấy hồn lâng lâng theo từng con chữ sắp hiện ra trên trang giấy trắng. Một người bạn mà bây giờ tôi không nhớ tên lấy ông sáo ra thổi bài Trăng Mờ Bên Suối, tuy không điều luyện mấy nhưng cũng đủ làm chúng tôi xúc động. Bạn khác lại huýt gió bài Đêm Đông, âm thanh nhỏ và chập chờn theo con gió thổi lạnh buốt, cũng đủ làm lòng chúng tôi ấm lại.

Chúng tôi trở về nhà trời đã khuya, phố xá đã ngủ yên. Trong giấc mơ tôi vẫn nghe thoang thoảng tiếng ai đó thổi sáo, tiếng ai đó ngâm thơ họa theo.

GIÓ MAI, TỜ BÁO IN RONEO ĐẦU TIÊN

Những ngày cuối cùng của niên học 1961 ở trường Quốc Học, trước lúc chia tay để mỗi người mỗi ngả, kẻ vào trường

võ bị Đà Lạt, kẻ vào đại học Y Khoa Sài Gòn, người vào Qui Nhơn học sư phạm, chúng tôi ra một tuyển tập Gió Mai, quay Roneo ở một nhà in tại Huế, vì lần đầu tiên chúng tôi tự đánh máy trên những tờ stencil trong cơ quan của ông bố Lữ Kiều, chữ mất chữ còn, trên giấy màu trắng ngà, khổ A4, gán mấy chục cuốn, tiền ăn sáng phải nhịn lại để góp phần trả nhà in.

Buổi ra mắt sách được tổ chức trọng ở một nhà hàng trên đường Trần Hưng Đạo, trung tâm thành phố Huế. Chúng tôi có mời thêm các bạn văn ở nhóm khác. Ở Huế, lúc bấy giờ có nhiều nhóm văn thơ mà sau này đã thành danh như *Thiên Thanh* của Thái Luân, *Hai Mươi* của Trần Hữu Lục, nhóm thơ Cao Hoành Nhân và Thanh Nhung, *Bông Trang* của Hoàng Hương Trang... Lúc bấy giờ tuổi của chúng tôi đã trên dưới 20, đã biết uống rượu bia sành sỏi, đã hút thuốc lá liên miên và đã biết si tình, vào những đêm thức trắng để viết cho xong những truyện ngắn, những bài thơ. Trong buổi ra mắt tuyển tập này chúng tôi ăn mặc chỉnh tề, áo bỏ vào quần, nịt hằn hoi, chân mang giày, như đi dự một buổi lễ long trọng vậy. Những bài thơ được đọc lên. Còn truyện ngắn chỉ nói lên cái tựa bài cùng tên tác giả, rồi chúng tôi cùng ký tên mình chung một trang giấy trắng đầu của tuyển tập ghi ngày tháng đầu tiên, kỷ niệm ngày họp mặt. Ra về mỗi người cầm trên tay một cuốn.



Nguyên Minh, Hồ Thủy Giũ, Ngự Hữu, Lữ Kiều

Sau buổi ra mắt sách đó, chúng tôi kéo nhau ra tiệm ảnh La Cảnh Lưu chụp với nhau vài tấm để kỷ niệm những ngày cuối cùng ở Huế, trước lúc chia tay, mỗi người mỗi ngả khắp mỗi miền của đất nước.

Không biết bây giờ trong những người bạn văn ngày ấy có còn giữ được tập văn thơ ấy không. Riêng tôi, vẫn mang theo nó bên mình cho đến ngày nó cùng chung một số phận sách

báo trong tủ sách của tôi có cả ngàn cuốn vừa tạp chí văn học, sách nghiên cứu về triết học, tôn giáo...đều bị tịch thu và cháy rụi trong đám lửa bạo tàn ngày ấy.

Ý THỨC THỜI RONEO

Mấy năm sau, tại Phan Rang, nơi tôi đã được sinh ra và lớn lên, 17 tuổi về Huế, quê nội để tiếp tục học, rồi vào Qui Nhơn vào trường sư phạm. Về dạy học nơi mình đã bỏ đi. Trần Hữu Ngũ chọn nơi này thành quê hương thứ hai, Nguyễn Mậu Hưng vừa tốt nghiệp y khoa, đổi về làm bác sĩ ở bệnh viện tỉnh Ninh Thuận, vợ sắp cưới của Châu Văn Thuận, Lữ Quỳnh đều về dạy học tại đây, nên chúng tôi thường gặp nhau. Thế là tờ báo Gió Mai Tha Hương quay roneo ra đời. Tiền lương tháng đầu tiên mỗi đứa đều mua được một máy đánh chữ xách tay. Phân công nhau, Thùy Linh (Trần Hữu Ngũ) làm chủ biên, Nguyễn Minh lo phần in ấn. Cơ sở đặt tại 11 Nguyễn Thái Học. Nói là cơ sở cho oai, thật ra lúc đó chúng tôi đâu có máy móc gì, chỉ mấy cái quai guốc, một tuýt mực roneo, vài chục tờ giấy stencil và hai máy đánh chữ xách tay. Một đứa quét mực, một đứa lấy tờ giấy vừa in ra chữ phơi trên sàn nhà. Mấy đứa khác vừa nói chuyện huyền thuyên vừa xếp trang rồi đóng kim thành tập, không xén vì không có máy cắt. Buổi tối bạn bè tụ họp lại trên căn gác ngôi nhà số 11, cùng uống rượu rum, say túy lúy nằm lăn lóc trên sàn gỗ, bên cạnh là tờ báo vừa xong. Trong buổi tiệc rượu xem như một buổi ra mắt sách. Cũng đọc thơ. Cũng thảo luận về một đề tài của một bài tiểu luận. Cũng say sưa nói về một viễn tượng là tập hợp được những nhà văn trẻ như chúng tôi đang ở rải rác khắp miền đất nước, dù họ đã khoác trên mình những bộ đồ lính trận, dù họ còn đứng trên bục giảng dạy những học trò lớn nhỏ ở các tỉnh thành. Chúng tôi sẽ có một tờ báo văn học tại Thủ đô Sài Gòn.

Để thực hiện ước mơ đó chúng tôi phải qua một giai đoạn chuyển tiếp khác. Sau tết Mậu Thân, tờ Gió Mai được đổi tên thành Ý Thức sau khi đã tập hợp nhiều bạn văn thơ khác như Lê Ký Thương, Võ Tấn Khanh, Trần Hoài Thu, Trần Hữu Lục, Ngụy Ngữ...Quan trọng hơn cả, rút kinh nghiệm về phương pháp in roneo, chúng tôi mới mua lại một máy roneo cũ của

một nhà in địa phương, và may mắn là tôi đã nhờ một người bạn gái thân thiết là chị Kim Phương tận tụy đánh máy chữ ngay hàng thẳng lối, rõ ràng từng nét, nên khi in ra trên giấy báo, mọi người cứ nghĩ là tờ báo được in Typo xếp chữ chì, lối in thời ấy cho là hiện đại. Một cách tận tâm gần như chưa có một ai nghĩ ra và thực hiện được là chúng tôi in thành sách khổ 14x20cm, may chỉ hẵn hoi. Sách đầu tiên được in ra gần cả 1000 cuốn là **Nỗi Bơ Vơ Của Bầy Ngựa Hoang** của Trần Hoài Thư, bìa do Lê Ký Thương trình bày. Rất tiếc cả tôi và Trần Hoài Thư bây giờ không còn giữ được. Buổi ra mắt sách cũng tại căn gác của ngôi nhà số 11, dù Trần Hoài Thư còn đang ở ngoài mặt trận không có mặt. Chúng tôi chuyền tay nhau, cùng ký tên vào trang đầu sách để kỷ niệm. Sách đóng thùng để chuẩn bị gửi vào Sài Gòn giao cho Lữ Kiều, Đỗ Nghê (Đỗ Hồng Ngọc), và các tỉnh thành khác.

Ý THỨC DỜI ĐO

Giã từ thị trấn bé nhỏ đó, tôi vào Sài Gòn, tờ Ý Thức không còn in roneo và tòa soạn có địa chỉ rõ ràng, hẵn hoi, hợp pháp, không như ngày nào đã ghi nơi trang nhất là *Tòa soạn theo chân người viết*, chủ biên là Ngự Hữu (Một bút hiệu khác của Trần Hữu Ngũ). Thay thế vào đó là Chủ nhiệm Được sĩ Nguyễn Thị Yến, một cô bạn gái của tôi chỉ đứng tên trên giấy phép do Bộ Thông Tin cấp, còn Nguyễn Minh là Tổng Thư Ký Tòa Soạn.

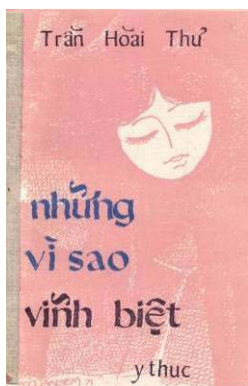
Ngày ra mắt tờ báo Ý Thức số 1, như một định mệnh, một dấu ấn mãi sau này cứ làm tôi ray rức mỗi lần nhớ lại. Nhưng lúc đó thì tôi thật sự quên hết kể cả người yêu đang đứng chờ vợ dưới cơn mưa tầm tã bên vệ đường. Tôi chỉ biết có tờ báo Ý Thức đang mang theo, bỏ trong cặp da mà sợ bị nước ướt nên dấu trong áo mưa, đem ra trình làng với anh em đang tụ họp ở trên căn gác gỗ ọp ẹp của nhà Hồ Thanh Ngạn, mà vợ anh là Nguyễn Thị Dung đứng tên Quản lý báo Ý Thức. Tôi huyền thuyên



nói những khó khăn khi thực hiện tờ báo, mãi đến khi vợ Lữ Kiều nhắc nhở: T. đâu? Tôi giật mình mới biết đã bỏ quên người con gái mà tôi đã từng yêu say đắm. Lữ Kiều bảo tôi tả sơ qua vóc dáng nàng, và đoạn đường nào để anh đi đón hộ. Tôi tả về người tôi yêu thật lắt lăm Lữ Kiều chỉ cần nhận dạng chiếc xe Suzuki màu đen có gắn nắp bình thủy thể nắp bình xăng xe tôi đã bị vắng mất trong lần mang báo Ý Thức thời roneo cùng với Lê Ký Thương vì con gió lốc khi xe ngang qua cánh đồng trống gần thị xã Cam Ranh. Khi T. ngồi bên cạnh tôi mới ngỡ nhận ra tóc nàng đã cắt ngắn, không còn xõa ngang vai như bốn năm trước thời nữ sinh áo trắng của ngôi trường trung học duy nhất tại thị xã Phan Rang. T. mặc chiếc áo màu vàng mà tôi cứ nghĩ là màu tím. Còn khi nói đến chữ xếp trong tờ báo Ý Thức *corp* gì cỡ bao nhiêu tôi đều nói đúng vanh vách. Bìa ai trình bày, màu gì, trong ruột đăng bài của ai tôi đều nói trúng phóc. Đêm ra mắt Ý Thức số đầu tiên chỉ có những anh chị em trong nhóm: như vợ chồng Hồ Thanh Ngan, vợ chồng Lữ Kiều, Lê Ký Thương, Nguyễn Thị Yến, tôi và T.

Ấu cũng là định mệnh, những lần báo ra, những lần say rượu túy lúy tôi không còn có T. bên cạnh. T. đã bỏ tôi đi lấy chồng. Nguyễn Thị Yến chỉ bảo: “Đáng đời ông.” Tôi say mê làm báo và nỗi đau kia cũng đã lắng chìm trong quên lãng theo thời gian.

NHỮNG VÌ SAO VĨNH BIỆT.



Bìa tập truyện Những Vì Sao Vĩnh Biệt, Ý Thức 1970
(nguồn: Thư viện Đại học Cornell)

Song song với tờ báo tôi lập thêm nhà xuất bản Ý Thức. Và tập truyện đầu tiên cũng của Trần Hoài Thư, mang tựa **Những Vì Sao Vĩnh Biệt**. Trình bày bìa là họa sĩ Đỗ Quang Em, một người bạn cùng quê với tôi. Nhà phát hành Đồng Nai mua đứt. Buổi ra mắt sách tại nhà Chủ nhiệm Nguyễn Thị Yến, ngoài anh em trong nhóm như Lê Ký Thương, vợ chồng Hồ Thanh Ngạn, vợ chồng tác giả Trần Hoài Thư, đặc biệt có mặt anh Trần Phong Giao bên tạp chí Văn đến chung vui. Hôm đó tôi say, lão đảo đứng trên ghế, mắt nhắm lại, miệng nhóp nhép không ra tiếng, như một đoạn phim câm, bằng nét mặt đau thương diễn tả nỗi đau của một kẻ bị phụ tình. Không biết em phụ tôi hay tôi phụ em.

Khi viết về buổi ra mắt này, gần nửa thế kỷ trôi qua, Trần Hoài Thư gửi email cho tôi bản tin này chụp lại từ báo Văn, làm tôi nhớ lại rõ hơn. Anh vừa cưới vợ xong, mấy ngày sau lại chào mừng đứa con tinh thần thứ hai ra đời. Tập truyện in Typo. Chữ sắc nét. Rất tiếc là Tập truyện **Những Vì sao Vĩnh Biệt** đã vĩnh biệt chúng tôi thật sự, nó đã bị thiêu hủy trong đám lửa bạo tàn kia, năm nào.

Đại, tiểu đẳng khoa của người cầm bút

Người xưa coi đại đẳng khoa là thi đỗ, tiểu đẳng khoa là cưới vợ. Đối với người cầm bút trẻ thời nay, phải « xếp bút nghiên theo việc đao cung », thì đại đẳng khoa không còn là thi đỗ, mà (có lẽ vậy) là có tác phẩm được in.

Cây bút trẻ viết rất nhiều hiện nay, Trần Hoài Thư, vừa qua cả tiểu lẫn đại khoa, cùng lúc :

Ngày 18 tháng 6, anh đã làm lễ thành hôn với cô Nguyễn Ngọc Yến, tại Sài Gòn. Hôn lễ cử hành đơn giản, trong vòng thân mật.

Ngày 23 tháng 6, vào hồi 19 giờ 30, Cơ sở Xuất bản Ý Thức vừa tổ chức một buổi tiếp tân trình diện tập truyện đầu tay của Trần Hoài Thư : « Những Vì Sao Vĩnh Biệt ».

Tiểu, đại đẳng khoa xong, Trần Hoài Thư vội vã lên đường trở về đơn vị ở Quân khu II. Lĩnh chiến chỉ có một tuần nghỉ phép. Chạy xuôi chạy ngược, không có tuần trăng mật cũng như không kịp đem sách mới đi tặng anh em bà con. Vui vậy đó !

Nhân dịp vui mừng này, chúng tôi xin có lời cầu chúc đôi bạn THỤ-YẾN một hạnh phúc bình dị, lâu dài và bền chặt. Cũng xin cầu chúc tác giả « Những vì sao Vĩnh biệt » sẽ sớm có thêm nhiều tác phẩm mới khác, — những tác phẩm nào tửu và tinh tửu.

(Bản tin của tạp chí Văn năm 1970 về buổi ra mắt sách của THT)

RA MẮT NHÀ XUẤT BẢN HOA NIÊN

Ngoài tạp chí Ý Thức và nhà xuất bản cùng tên, tôi còn lập tủ sách hoa niên cho độc giả nhỏ tuổi. Như thời chúng tôi còn học tiểu học, đã từng say mê vào nhà sách hoặc thư viện thị xã đọc ké những tập sách hồng của các nhà văn hiện đại thời bấy giờ như của Thạch Lam, Khái Hưng. Chúng tôi muốn gây dựng nên một số độc giả trong tương lai, thì ngay bây giờ phải hướng dẫn gây nên một phong trào đọc sách báo trong giới tuổi thơ và tuổi mới lớn. Một lượt tôi cho xuất bản 4 cuốn, khổ nhỏ

10x17, bìa do họa sĩ Nguyễn Trung trình bày. **Đám tang đa đa** của Nguyên Minh, **Mưa qua thành phố** của Nàng Lai (một bút hiệu khác của Lữ Kiền) **Em bé bất hạnh**, **Anh hùng tí hon** bản dịch của Trần Quang Huê. Mỗi loại in 10.000 cuốn bằng offset và được Nhà sách Hàm Thụ vừa mới thành lập do anh Trần Quang Huê làm giám đốc, tôi làm phó (thật ra đó là một nhà phát hành sách). Ngày trước anh Huê đã từng làm

giám đốc nhà phát hành sách báo Thống Nhất, anh đã nghỉ việc, về trông nom nhà in Đăng Quang mà chủ nhân là bà chị ruột. Một sự tình cờ đã gắn bó giữa hai chúng tôi khi tôi chân ướt chân ráo vào Sài Gòn tìm nhà in để ra báo Ý Thức tôi đã gặp anh. Ý Thức in Typo tại đó gần 20 số thì chuyển về nhà in Thanh Bình của người chị ruột của tôi từ Nha Trang theo chồng chuyển vào Sài Gòn. Từ một người chưa biết gì về ngành in và trong một thời gian ngắn tôi phải học hỏi nhiều nơi. Đầu tiên, trước khi tờ báo Ý Thức ra đời, tôi vào sống và học cách quản lý nhà in tại cơ sở in ẩn và nhà xuất bản Thương Yêu của vợ chồng Trần Dạ Từ, Nhã Ca. Tôi muốn tự lập riêng nên sau khi in ở nhà Đăng Quang một vài số báo thì tôi được bà chủ nhà in cho sang lại. Đến khi chị tôi mở một nhà in Offset với máy móc tối tân hiện đại, tôi có thêm Lê Ký Thương đang học Anh ngữ để chuẩn bị đi tu nghiệp ở Mỹ, cùng nhau mày mò học hỏi. Và tờ báo Ý Thức được đem ra làm thí điểm. Những sách của Ý Thức, Tiếng Việt được in ra với số lượng từ 5.000 đến 10.000.

Trở lại, ngày ra mắt hệ thống phát hành sách Hàm Thụ và tủ sách Hoa Niên, chúng tôi có mời các nhà xuất bản uy tín thời bấy giờ của Thủ đô Sài Gòn như An Tiêm, Lá Bối, Ca Dao, Thương Yêu, Cỏ Thơm...và các nhà văn như Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Thế Nguyên bên tờ Trình Bày, vợ chồng Thế Uyên... Mặc dù trời đang mưa tầm tã họ đều đến tham dự. Gần 50 người ngồi trong phòng khách sang trọng của ngôi nhà mới xây dựng, uống với nhau những ly rượu, cùng nghe anh Trần Quang Huê trình bày cách thức phát hành sách của chúng tôi, và những tập sách nhỏ viết cho tuổi thơ lại tặng cho những người lớn tuổi đã thành danh trong sự nghiệp văn chương chữ nghĩa này.

Một sự ngạc nhiên và làm tôi cảm động là sau gần 40 năm, trong một lần ra mắt sách của Trần Duy Phiên tại nhà Sâm Thương, người ngồi bên cạnh tôi là nhà phê bình văn học Huỳnh Như Phương hỏi tôi có phải là Nguyễn Minh, tác giả **Đám tang đa đa** không? Chị Kim Quy vợ của nhà thơ Lê Ký Thương khi vào thăm tôi đang nằm mê man trên giường bệnh đã tặng cho tôi tờ Ý Thức số 20 được photocopy mà người cho chị mượn chính là Huỳnh Như Phương. Tạp chí Ý Thức ngày xưa trong anh em nhóm chúng tôi chỉ Đỗ Hồng Ngọc còn giữ và Lữ Kiều cho đi đóng thành ba cuốn bìa da mạ vàng, trong một buổi đẹp trời Lữ Kiều giao lại cho tôi, nhưng thiếu đi một

số. Tôi định nhờ Trần Hoài Thư vào thư viện ở Mỹ và photocopy như anh đã từng sưu tập những tác phẩm văn chương miền Nam. Tôi gần như tỉnh lại sau cơn mê, rung rung nước mắt, cầm trên tay tờ báo cũ mà cứ nghĩ mình đang nắm lấy tay người yêu năm xưa.

TUỞNG CHỪNG ĐÃ QUÊN

Gần 25 năm gác bút, đã nhiều lần tôi cầm bút viết lại, nhưng trí óc cứng đơ, và cũng chẳng biết viết gì đây, dù đời sống của tôi biết bao nhiêu nỗi đau không thể giữ mãi trong lòng. Cho đến một hôm tôi cùng lên Đà Lạt với vợ chồng Lữ Kiều và vợ chồng Lê Ký Thương sau khi họ triển lãm tranh sơn dầu tại Gallery Tự Do, tôi không biết vẽ nhưng nhìn xuống đồi núi chập chùng trước mắt và màu thời gian đang biến chuyển đổi thay từng gốc thông già từ màu xám đến màu xanh lơ rồi xanh lục theo từng cơn nắng chiếu xuống từng giờ. Tiếng thông vi vu như tiếng ai cười khúc khích, như tiếng ai khóc tí tê, như lời ai thì thầm kể lể nỗi tiếc nuối về một mối tình đã tan. Tôi nhận ra giọng nói quen thuộc của người yêu xưa từ trong đáy lòng, tưởng qua bao nhiêu thời gian đã đè lấp trong sự quên lãng. T. đó. T. như một bóng ma chập chờn trong rừng cây thông kia, và T. lần bước đến cạnh tôi. T. cúi xuống nói thật khẽ như hỏi tôi: *“Đã bao nhiêu năm rồi, anh có còn theo đuổi nghiệp văn chương nữa không? Tờ báo Ý Thức đã ra được mấy trăm số rồi?”* Tôi nuốt nước miếng và như mắc nghẹn, có vật gì chặn cổ họng tôi. T. nói như một lời trách móc khi tôi lắc đầu: *“Như thế thì em đau lòng quá, uống đi một sự đánh đổi không xứng”*. Một cơn gió mạnh thổi T. bay đi. Tôi ngẩn ngơ giây lát. Tôi vội lấy một xấp giấy cùng một cây viết. Ngồi trên căn gác gỗ tôi viết truyện Tưởng Chừng Đã Quên như một lời tạ lỗi với T. Bây giờ trong tôi như có một dòng suối bùng chảy, tôi viết không kịp suy nghĩ. Tôi vui mừng đọc cho hai bạn trong nhóm Ý Thức ngày xưa cùng nghe. Hai bạn ngừng vẽ. Cùng một cảnh những dãy đồi trước mắt bằng màu sắc hai bạn tôi cảm cọ, còn tôi cảm nhận vẻ đẹp đó bằng chữ nghĩa văn chương, và tôi trải hồn tôi qua đó. Màu của thời gian.

Về đến Sài Gòn, Lữ Quỳnh, Châu Văn Thuận, Hồ Thanh

Ngan, Lê Ký Thương có thêm Kim Quy, Lữ Kiều và tôi quyết định làm lại báo Ý Thức dưới dạng Bản thảo. Cuộc chơi về văn chương chữ nghĩa của mấy ông già tuổi 60 lại bắt đầu. Tôi hằng ngày cầm cùi đánh máy vì tính rồi đem photocopy thành 10 cuốn để chuyên tay nhau đọc. Thú nhất là những lần ra mắt báo, cũng trịnh trọng như ngày nào. Bạn bè trong nhóm Ý Thức còn lại ở Việt Nam, nhất là tại Sài Gòn đều họp mặt tại nhà Lữ Kiều. Cũng trên trang nhất của tờ báo bạn bè ký tên đánh dấu mốc thời gian. Tôi thành người đốt lửa lên cho anh em khơi lại cảm xúc mà cũng như tôi đã bao nhiêu năm tưởng chừng đã quên. Những tấm hình chụp chung nhau, tay cầm tờ báo với những nụ cười rạng rỡ trên những khuôn mặt đã có nhiều nếp nhăn. Ngồi trong căn phòng làm việc của Lữ Kiều, dọc theo bốn vách tường là những tủ sách chất đầy làm tôi cứ nghĩ mình đang ngồi nơi tòa soạn Ý Thức ở 666 Phan Thanh Giản ngày xưa (bây giờ đổi thành Điện Biên Phủ). Những khuôn mặt của những nhà văn, nhà thơ đã một thời gắn bó tờ báo Ý Thức giờ còn lưu lạc trên đất người, có người còn ở trong nước nhưng không liên lạc nhau vì họ đã gác hẳn bút để đi vào con đường kinh doanh, có người quay lưng lại, từ chối những tác phẩm của họ trong thời gian trước năm 1975 để bước lên đường công danh, tất cả lần lượt hiện lên trong tôi. Lữ Kiều nhắc lại những khuôn mặt ngày xưa về Yến, về Hà, về T. Không biết bây giờ họ lưu lạc ở phương trời nào? Và họ có nghĩ là tôi tiếp tục cuộc chơi đã đứt khoảng một thời gian quá dài.

Tưởng rằng chẳng bao giờ tôi gặp được người yêu xưa. Tưởng mình còn đang nằm trên giường ngủ ru hồn trong giấc mộng. Từ khi T. đi lấy chồng, gần 30 năm sau chúng tôi mới gặp lại nhau. T. bây giờ đã thành thiếu phụ. Tôi bây giờ đã thành ông già tóc bạc. Gặp nhau, câu đầu tiên T. hỏi: “Anh còn viết văn không? Tờ báo Ý Thức ra sao rồi?”. Tôi lôi ra từ chiếc cặp mang theo tờ Ý Thức bản thảo số 1 cùng tấm ảnh của T. thời con gái đã tặng tôi. Có lẽ T. nhớ lại ngày đầu tiên ra mắt tờ Ý Thức số 1 của 30 năm trước, như một kỷ niệm buồn mà T. đã muốn chôn sâu tận đáy lòng. Ngày đó, khi biết chuyện tôi bỏ quên T. ở dọc đường, còn mình thì lo ôm tờ báo đón xe taxi cũng như tôi đã thất hẹn biết bao lần chỉ vì chăm lo cho tờ báo Ý Thức ra kịp ngày. Đáng lý ra tôi chở T. đi chơi thì không hiểu sao như ma đưa lối quỷ dẫn đường, tôi lại ghé nhà in, cô thư ký bận việc không báo trước, tôi phải bắt T. ngồi ở

tòa soạn sửa lỗi bản in thử. Làm, Hà - cô bạn láng giềng thân thiết với tôi thời thơ ấu ở cái thị xã nhỏ bé kia - cũng phải thốt lên: *“Nếu Hà gặp phải một người say mê văn chương chữ nghĩa như thế, hơn cả người mình yêu, Hà cũng nuốt hận mà ra đi. Ngày mai ông nên đến an ủi T. đi.”* Sáng sớm tôi lại đến nhà trọ, gặp T. tôi chỉ biết cười và đặt giỏ đầy trái cam và mấy lon sữa lên bàn học. T. nói: *“T. đâu có bệnh gì mà anh mang đến những thứ này.”* Tôi tự trách mình: *“Chưa già mà đã lắm cảm.”* Thời gian chúng tôi xa cách nhau một khoảng đời quá dài và nhiều gian truân, biết bao nhiêu điều hỏi thăm nhau, và tặng quà cho nhau. Sao lại chỉ một tờ báo. Sao lại một tấm hình đã hoen ố của một thời xa xưa. Một mối tình đã mất. T. cầm tờ báo Ý Thức Bản Thảo số 1, và T. lấy cây viết ra nguệch ngoạc mấy chữ: *“Kỷ niệm những ngày trở về quê hương thật dễ thương.”*

Sau khi T. về lại Mỹ, tôi viết văn rất thoải mái. Như phải ăn. Như phải thở. Nhận ra mình đã mắc nợ quá nhiều với người tôi yêu ngày xưa, với vợ hiền, với bạn bè, người thân như Cha như mẹ, như anh như em, với quê hương, với đất nước. Bây giờ đến lúc tôi phải trả nợ họ. Tôi phải viết.

Mỗi buổi sáng, tôi dậy thật sớm, ngồi vào bàn vi tính gõ vài trang. Lúc bấy giờ tôi thường bị cơn đau bao tử hành hạ, như những cơn bão thường niên đổ lên đầu đất nước tôi trên dưới con số 12, như kinh nguyệt đàn bà hằng tháng phải đúng kỳ hạn, cơn bệnh ỏi mửa suốt mấy ngày liên tiếp, mặt xanh mặt vàng, mặt mày xanh mét, tay chân run rẩy. Qua cơn đau tôi lại tiếp tục. Viết. Như con tằm phải nhả tơ. Bao nhiêu năm giờ tôi có dịp tuôn trào những điều cần nói. Tôi viết về T., về Hà, về Võ Thường, về Đỗ Quang Em, về Trịnh Công Sơn, về Lữ Quỳnh, về Lữ Kiều, về Trần Hoài Thư. Khi viết về ai đó như tôi viết về tôi, và khi tôi viết về tôi như tôi viết về họ. Giữa tôi và họ đã hòa nhập lại với nhau thành một.



Họp mặt với người xưa

Ngày T. trở về Việt Nam lần thứ hai, tôi đã hoàn thành xong bản thảo tập **TƯỞNG CHỪNG ĐÃ QUÊN**, đem đi photocopy khổ như sách 13x20, bìa tranh của Đinh Cường, Thân Trọng Minh. Tuy đang nằm trên giường bệnh tôi cũng ráng đến *Quán Những Người Bạn Già* của một cô bạn mới quen, để cùng anh em Ý Thức còn lại tại Sài Gòn, cùng hai nhân vật chính là vợ tôi và T. người tình xưa. Có đủ mặt anh em Ý Thức và thêm một nửa của họ đến chung vui như Lữ Kiều và Thanh Hằng, Châu Văn Thuận và Thân Thị Huế, Hồ Thanh Ngạn và Nguyễn Thị Dung, Lê Ký Thương và Kim Quy. Bên chồng sách, tuy chỉ trên mười cuốn nhưng cũng đủ làm chúng tôi vui lòng, tưởng như cả trên nghìn cuốn, còn thơm mùi mực in. Bạn bè nâng ly, chúc mừng Nguyên Minh trở lại văn đàn và người mà đã khơi dậy nguồn cảm hứng ấy không ai khác ngoài T. và người vợ hiền lành tạo điều kiện cho chồng yên tâm mà viết văn. Ngay buổi ra mắt tập truyện này, tôi đã nói với mọi người: Nguyên Minh chỉ có T. là người muôn thuở. Cũng như suốt đời chỉ sống với một người vợ là Lan. Tôi tôn trọng giữ gìn những thứ tình như thế. Bạn bè uống rượu còn tôi chỉ uống được một ly sữa nóng. Bản thảo **Tưởng Chừng Đã Quên** gửi qua Mỹ và được Trần Hoài Thư sau đó ấn hành. Khi cô em tôi ở Mỹ về Trần Hoài Thư có gởi cho tôi một cuốn. Một năm sau Công Ty Sách Cừ Đức mua đứt và sách đứng tên nhà xuất bản Thanh Niên, phát hành trên toàn quốc. Ngày ra mắt sách lần này, không có T. về tham dự.

MƯA QUA THÀNH PHỐ, THỬ BÚT, KỊCH LỮ KIỀU

Năm 2005, căn bệnh của tôi đã đến hồi nguy cấp, tôi phải nằm ở bệnh viện Hoàn Mỹ gần một tháng trời. Mô nội soi lấy sạn trong túi mật, rồi mổ banh cả một vùng bụng, cắt bỏ hẳn túi mật và một phần gan. Bây giờ tôi đâu còn lớn mật to gan nữa, như ngày xưa bạn bè từng gán cho như thế khi làm tờ báo Ý Thức, không một cơ quan của nhà nước cũng như tổ chức nước ngoài nào tài trợ như phần lớn các tờ báo khác. Một mình chống chọi từ mọi phía để tờ báo đó thuần túy về văn học nghệ thuật, dưới cái nhìn của những người làm văn chương trong cuộc chiến tranh kéo dài gieo rắc biết bao đau khổ cho thế hệ chúng tôi. Cuối cùng tôi cũng phải tạm ngừng tờ báo vì đã lệch đường đi. Tôi giao lại tờ báo cho Lữ Kiều, lúc ấy anh làm bác sĩ tại Đà Lạt. Tiếc là tờ Ý Thức chỉ rút lên cao nguyên và dưới dạng bản thảo, nhưng không còn quay roneo mà in bằng máy offset tự động của tôi mới mua đặt ở ngôi nhà số 11, Phan Rang. Không phải xếp chữ và phơi kẽm, chúng tôi chỉ dùng bàn máy chữ IBM quả cầu bằng điện, chỉ đánh máy trên tờ master, móc lên máy in thôi. Báo ra được một số đầu tiên vào cuối năm 1974. Tờ số 2 vừa in xong chưa kịp phát hành thì xảy ra biến cố 1975. Cùng một số phận thành giấy vụn bán kí để gói xôi, bánh mì với tờ Ý Thức Bản Thảo đó là tập kịch **Kẻ Phá Cầu** của Lữ Kiều. Trước đó, tôi vẫn đi đi về về trông nom hai nhà in, một của người chị ở Sài Gòn với máy móc hiện đại, bề thế, một gọn gàng bé nhỏ, không cần công nhân và nặng nề chiếm nhiều diện tích như dùng xếp chữ chì, và ở nơi xa Sài Gòn, yên tĩnh như ở quê tôi là Phan rang, nhà in mang tên Tiếng Việt. Tại đây tôi chỉ xuất bản những tác phẩm thơ văn không bán ngoài thị trường sách báo, chỉ để tặng anh em trong giới văn nghệ, như tập thơ **Bếp Lửa Còn Thơm Mùi Bã Mía** của Lê Ký Thương, **Tình Người** của Đỗ Nghê (Bs. Đỗ Hồng Ngọc bây giờ)...

Những ngày nằm mê man bất tỉnh, những cơn mộng mị ma quỷ quái dẫn vô vấp lấy tôi, những vết nhừ nhối từ vết thương làm độc, giữa cái chết rình rập, tôi thấy đời mình gần như vô nghĩa nếu tôi không đi lại suốt con đường văn chương mà từ lâu tôi để tuột mất người mình đã từng yêu say đắm. Bạn bè đến thăm, cứ nghĩ là cho tôi thấy hình ảnh của họ lần cuối cùng, cũng như họ ghi lại trong tâm trí hình ảnh đau thương

của tôi trong cơn bệnh hoạn thập tử nhất sinh này. Những giọt nước mắt của vợ tôi chảy dài khi tôi mở mắt sau một cơn mê vừa bất gặp làm vợ tôi phải quay mặt về hướng khác. Vợ tôi nắm chặt lấy bàn tay chỉ còn da bọc xương của tôi. Người tôi bỗng nhiên ấm lại, một luồng điện chạy khắp thân thể tôi. Một sinh khí mới đang ồ ạt đổ vào tôi, đẩy lùi cái chết đã rình rập tôi.

Sau đó sức khỏe tôi ổn định. Nhờ sự chăm sóc của vợ tôi, da thịt trở nên hồng hào, mập mạp. Đến lúc này thì tôi phải lo trả nợ rồi. Nợ văn chương. Nợ chữ nghĩa.

Tác phẩm đầu tiên được xuất hiện bằng cách đánh máy vi tính và in ra bằng máy in cá nhân dù chỉ vài chục tập là **Căn Nhà Hoang** tập truyện của Nguyên Minh, đáng lẽ do nhà xuất bản Ý Thức đảm nhận trước năm 1975, ngày ấy cả 5000 cuốn sách đó chưa kịp xong thì đã xảy ra biến cố lịch sử, cùng chung số phận với tập kịch **Kẻ Phá Cầu** của Lữ Kiều. Điều làm tôi vẫn còn ăn năn, ray rức là tôi để mất luôn cả bản thảo độc nhất mà Lữ Kiều đã giao cho tôi là vở kịch **Bờm Cười**. Bây giờ sau bao nhiêu năm, cùng một lúc được in ra cũng bằng phương pháp *sách theo yêu cầu*, ba cuốn của Lữ Kiều là tập truyện **Trên Đồi Là Lô Cốt**, tập **Thử Bút: Chàng Thư Sinh Dưới Góc Tùng** và tập Kịch: **Kẻ Phá Cầu**. Sách chỉ được in ra mỗi thứ vài mươi cuốn chỉ để tặng anh em trong nhóm, nhưng chúng tôi cũng họp mặt nhau tại nhà Lữ Kiều uống ly rượu mừng và nói chuyện với nhau về văn chương chữ nghĩa, rất hăng hái. Tôi chỉ mong ước một ngày không



Lữ Kiều, Hồ Thanh Ngạn, Kim Quy, Châu Văn Thuận, Dung Hằng, Nguyễn Minh

xa những tác phẩm mới của chúng tôi được in ra với số lượng trên nghìn cuốn và được bày bán trong các nhà sách trên toàn quốc dù không được mang tên nhà xuất bản Ý Thức.

Cũng những người bạn từng tham gia buổi “ra mắt sách loại bỏ túi” đầy thân mật đều có mặt tại nhà Lữ Kiều. Tôi nhìn Thanh Hằng. Tôi nói: “Nếu không có những người vợ yêu chồng, xem cuộc chơi chữ nghĩa này như cái nghiệp của chồng mình phải mang thì chúng tôi không có những tác phẩm này đến tay những người yêu văn thơ.”

Tôi cho các bạn biết. Nếu không có Thanh Hằng, một nữ độc giả, giữ được cho đến bây giờ tập truyện Mưa Qua Thành Phố của Nàng Lai, mà khi quen với B.S Thân Trọng Minh, Hằng chưa biết Nàng Lai là ai. Thuở ấy nàng là cô nữ sinh áo trắng sinh văn chương, và mê văn của Nàng Lai. Khi thành vợ của BS Thân Trọng Minh, Hằng mới biết. Không ai, cả tôi và Lữ Kiều còn giữ được những tác phẩm của chính mình được xuất bản trước 1975. Tôi phải thêm vào đó những truyện ngắn của anh đăng trên Ý Thức cũ và một truyện mới viết năm 1983 là Vác Gỗ Rừng Sâu thành tập truyện **Trên Đồi Là Lô Cốt** và tác giả là Lữ Kiều.

Tập thứ bút cũng do Thanh Hằng chép tay lại lấy rải rác những bài viết ngắn đã và chưa từng đăng báo, nằm tứ tung trong bản thảo chép tay của anh. Tôi cũng tập hợp thêm những bài đăng trong Ý Thức ở mục xuôi dòng năm xưa. Nếu tôi không cố gắng đánh máy vi tính, trình bày bìa và in theo phương pháp *sách theo yêu cầu* thì tôi có lỗi với Lữ Kiều vô cùng. Tập kịch **Kẻ Phá Cầu**, Lê Ký Thương thay tôi cho biết sách đã in xong phần ruột, bìa chưa trình bày xong, lại thành đồng giấy vụn buộc phải chất lên xe cùng những số báo Ý Thức còn lại đem đi giao cho chính quyền để chờ vào Sài Gòn cho vào lò làm giấy tái sinh. Bây giờ tôi lấy từ Gió Mai tha hương, Ý Thức cũ, cùng Ý Thức Bản Thảo cũ những vở kịch của anh nhưng thiếu đi hai vở, may nhờ Kim Quy mượn lại số Ý Thức 21 mà chúng tôi không có nơi Huỳnh Như Phương mới lấy ra **Kẻ Phụ Việc**. Còn vở kịch **Bờm Cười** thì chẳng bao giờ có được. Tôi tạ lỗi với Lữ Kiều.

NGÔI NHÀ SỐ 11, MÀU THỜI GIAN, BI KHÚC.

Điều mong ước đó đã thành sự thật vào năm 2007. Đầu tiên

nhà sách Cửu Đức liên kết với nhà xuất bản Thanh Niên cho ra cuốn **Tưởng Chứng Đã Quên** của Nguyên Minh, trước đó một năm cuốn **Tưởng Chứng Đã Quên** đã được Thư Ấn Quán của Trần Hoài Thư in ra tại Mỹ. Tiếc rằng buổi ra mắt **Tưởng Chứng Đã Quên** chính thức lần này không có T. bên cạnh. Chỉ có vợ con tôi và một ít bạn bè thân thích như vợ chồng Lữ Kiều, Khuất Đầu (người bạn văn mới), Kinh Dương Vương, Đỗ Hồng Ngọc, Hồ Tĩnh Tĩnh, Miên Đức Thắng, Trương Thìn. Cầm micro đứng trên bục khán đài, nói vài câu thôi, nhưng bỗng dung tôi nghẹn lời, khi trước mặt tôi thiếu một ai đó, rất quan trọng trong sự nghiệp văn chương của tôi, một nguồn cảm hứng dồi dào đã đánh thức tôi, giục giã tôi viết những bài văn trong tập sách này. Chợt nhớ da diết và rung rung nước mắt tôi thốt ra, như nói thầm với chính mình: cảm ơn T.

Hai năm sau, cuốn **Ngôi Nhà Số 11** cũng đứng tên nhà xuất bản Thanh Niên và công ty sách Cửu Đức mua đứt để phát hành toàn quốc. Tôi dự định tổ chức buổi ra mắt sách tại một quán cà phê Ngọc Lan ở Phan Rang, sau lưng ngôi nhà số 11 đường Nguyễn Thái Học, khách mời chỉ vài người bạn thân thiết còn lại quê nhà và một số anh em trong nhóm Ý Thức còn làm văn chương hiện ở Sài Gòn cũng như các tỉnh lân cận cùng nhau tụ họp tại một nơi phát xuất từ đầu báo Ý Thức vào nửa thế kỷ trước. Anh em đều nhận lời và chờ ngày tôi ấn định. Tiếc rằng tôi bị bệnh bất ngờ, kéo dài cả nửa tháng, nên đành phải hủy bỏ.

Sách đã được phát hành toàn quốc cả ba tháng rồi, tình cờ Phạm Văn Nhân về thăm quê hương mang theo vài cuốn MÀU THỜI GIAN tập truyện ngắn của anh do Thư Ấn Quán của Trần Hoài Thư xuất bản, và vài cuốn BI KHÚC, tập thơ của Lê Văn Trung. Nhân và Trung muốn có buổi gặp gỡ anh em trong nhóm Ý Thức để tặng sách. Thế là buổi ra mắt sách của ba tác giả: Nguyên Minh – Phạm Văn Nhân – Lê Văn Trung được tổ chức tại nhà của Nguyên Minh. Khách mời chỉ có khoảng 20 người mà thôi. Anh em trong nhóm Ý Thức có mặt là Lữ Kiều, Lê Ký Thương, Đỗ Hồng Ngọc, Châu Văn Thuận. Bạn chung của ba người là Trần Duy Phiên, Sâm Thương, Phương Tấn, Lại Quảng Nam, Nguyễn Hữu Thụy, Hà Đình Thao. Hai ngày sau Nguyễn Lệ Uyên và Khuất Đầu mới vào. Tôi, Lữ Kiều, Phạm Văn Nhân và hai bạn đó như 5 chàng hiệp sĩ ngồi trong căn gác nhỏ nói chuyện văn chương say sưa. Trở lại buổi ra

mất sách ấy, anh em đã đến đông đủ xoay quanh chiếc bàn nhỏ đặt mấy chồng sách, bỗng dưng điện bị cúp bất thường, cái nóng mùa hè ở Sài Gòn tràn vào căn phòng nhỏ nhẩn và đông người làm chúng tôi ngộp thở. May sau, chỉ nửa tiếng đồng hồ mới có điện lại. Đầu tiên, vợ tôi đứng bên cạnh, hai chúng tôi cầm lấy cuốn **Ngôi Nhà Số 11** cúi đầu chào bạn bè. Vợ tôi ngồi xuống cạnh vợ Lê Văn Trung chỉ còn tôi đứng đó nói về những nhân vật mà tôi đã viết ra trong tập sách này. Những người cầu thủ bóng đá của đội banh của ba tôi đã từng vang bóng một thời. Mỗi người có một đời sống riêng, nỗi đau riêng, nhưng sống chung một mái nhà, cùng để lại những dấu ấn khó quên cho một cậu bé như tôi bấy giờ, và lớn lên tôi biết những điều bí mật về họ trong hoàn cảnh bi đát của đất nước tôi. Tôi xin cảm tạ họ đã cho tôi những cảm xúc để trang trải thành những lời văn. Cũng trong **Ngôi Nhà Số 11** này, tái hiện lại mối tình học trò rất đẹp của hai người bạn thân của tôi, nhưng kết cuộc quá bi thảm bằng cái chết vì một phát súng tự bắn vào đầu mình. Ngày ấy tuổi đời non nớt chỉ trên hai mươi tuổi, hấn lắm tưởng mình là kẻ phụ tình. Cái chết của người bạn thân đó cứ ám ảnh tôi mãi. Tôi như mắc nợ hấn. Hấn cứ chập chờn trong giấc ngủ của tôi. Cuối cùng, về già tôi nghiệm ra rằng. Hấn là kẻ chung tình. Một nhân vật nữ cứ hiện trong từng trí nhớ đó là T. mối tình đầu của tôi, gắn liền với Ngôi nhà số 11. Rồi bạn bè. Tôi viết về Trần Hoài Thư, xuyên qua đó là hình ảnh, như một định mệnh, gắn liền người vợ hiền thực với tôi bấy giờ.

Trong buổi họp mặt này, Lữ Kiều nói về sứ mệnh của người cầm bút hôm nay đã qua một thời kỳ từng trải những giai đoạn lịch sử, họ đúng là nhân chứng nên phải chân thật và có trách nhiệm những gì mình viết ra. Không chối bỏ, không quay lưng, phải chấp nhận bởi vì: “Chúng ta không chọn lịch sử mà lịch sử chọn chúng ta.”

Anh em đồng tình đón nhận.

Phạm Văn Nhân, dáng người cao lớn, cầm tập truyện MÀU THỜI GIAN, cảm động khi được gặp lại anh em bạn bè trong



Phạm Văn Nhân, Vợ LVT, Vợ NM, Nguyễn Minh, Lê Văn Trung, Lữ Kiều

giới cầm bút trước năm 1975 vẫn còn sáng tác, và những tác phẩm mới của họ lần lượt được xuất bản. Cũng như tôi, Phạm Văn Nhân ngừng viết cả một khoảng thời gian dài vì phải quần quật với đời sống, mấy năm trong trại học tập cải tạo, lao đao với đời sống của những năm thời bao cấp, rồi được định cư ở Mỹ. Mãi đến lúc gặp lại Trần Hoài Thư trên đất người, cùng ra tạp chí văn học mang tên Thư Quán Bản Thảo năm 2000, anh mới hăng hái viết lại. Tập truyện **Màu Thời Gian** là tác phẩm thứ hai sau tập **Vùng Đồi**, cũng đều do Thư Án Quán xuất bản. Phạm Văn Nhân kể lại vài kỷ niệm thời xa xưa khi anh còn công tác tại Phan Rang, lần đầu tiên gặp được tôi, và lần cuối cùng tại tòa soạn Ý Thức ở Sài Gòn. Thế mà đã gần 30 năm. Điều vui nhất là chúng tôi còn sáng tác được, còn có dịp ngồi bên nhau, cạnh những cuốn sách còn mới tinh mùi giấy mực.

Sau đó là Lê Văn Trung cầm tập thơ **Bì Khúc** như ra mắt đứa con tinh thần thứ hai, sau tập thơ **Cát Bụi Phận Người**. Ngày ra mắt tập thơ **Cát Bụi Phận Người** được tổ chức tại một quán cà phê, đông người tham dự. Tôi mang cảm giác như mình đang dự một buổi kỷ niệm ngày cưới mấy mươi năm qua của một cặp vợ chồng giờ con cái đã thành danh đang cầm những bó hoa lên tặng bố mẹ. Tôi nghĩ rằng Lê Văn Trung, cũng như tôi sau bao nhiêu năm ngừng bút, bây giờ vợ con anh động viên anh để trở lại cùng anh em đi trên con đường văn chương nghệ thuật. Trong buổi ra mắt sách này, chẳng đông

đảo người, chỉ những anh em thân tình, vẫn có vợ của Lê Văn Trung đứng bên cạnh chồng mình. Anh đọc cho chúng tôi nghe một vài đoạn trong tập thơ với giọng Quảng sang sang.

Cả ba tác phẩm được chuyển tay nhau cùng ký tên mình vào trên giấy trắng đầu tiên của cuốn sách, đánh dấu ngày tháng chúng tôi họp mặt nhau.

NHỮNG NGƯỜI CÙNG ĐI LÚC TUỔI XẾ CHIỀU

Như trong truyện Đồ Long Đảo của Kim Dung, các môn phái mọi nơi đều tập trung trên đỉnh Quang Minh. Còn chúng tôi, sáu người già trẻ hẹn nhau lên trên đỉnh đồi nhà của Lữ Kiều trên Đà Lạt. Tôi, Châu Văn Thuận và vợ chồng Trương Văn Dân từ Sài Gòn ngồi suốt mấy tiếng đồng hồ trên xe đồ mới đến nơi. Vợ chồng Khuất Đầu từ miền Trung cũng ráng ngồi trên xe đồ dù Khuất Đầu mang chứng bệnh đau khớp xương. Ngày còn trẻ các bạn trong Nhóm Gió Mai, đạp xe đạp cộc cách mười cây số giữa đêm trắng lên đồi Vọng Cảnh ở Huế, nhìn trăng sáng trên dòng nước xanh của sông Hương, cùng nghe bạn mình đọc những bài thơ trong tập NHỮNG NGƯỜI CÙNG ĐI. Bây giờ những người bạn vẫn đó không còn cùng đi với tôi nữa. Có người đã chết sớm vì chiến tranh. Có người qua đời vì bệnh hoạn. Còn người còn sống nhưng đã đi xa. Còn người còn sống nhưng đã quay lưng chạy theo danh lợi. Còn người còn sống nhưng đã bỏ bút. Còn người còn sống nhưng bây giờ lại thờ ơ xem chuyện văn chương ngày nào chỉ là một cuộc chơi vô bổ. Còn người còn sống nhưng vẫn ray rức vì không viết được nữa mà không hiểu vì sao. Gió Mai đã chết. Ý Thức ngất ngư. Tôi ngừng lại Ý Thức Bản Thảo dù chỉ được 9 số cũng vì thế. Tưởng rằng mình không còn ai để cùng đi những chặng đời còn lại trong sự nghiệp văn chương, thì ra tình cờ họ đến với tôi, gắn liền với chữ nghĩa văn chương. Đó là Khuất Đầu. Anh có dáng người cao lêu nghêu. Anh đã làm thơ, viết văn từ năm 1969, nhưng không xuất hiện trên văn đàn miền Nam. Mãi đến 40 năm sau, tôi được đọc bản thảo của anh do Kim Quy vợ của Lê Ký Thương chuyển đến, **Những Tháng Năm Cuồng Nộ** của Khuất Đầu, mới viết. Tôi ngạc nhiên đến sững sờ. Những năm tháng ấy tôi cũng được nghe những người thân từng sống ở liên khu 5 thời 9 năm kháng chiến nhưng tôi không hình dung hết được những cảnh đau khổ mà lịch sử đã để lại cho thế hệ chúng tôi. Sau đó hai chúng

tôi thân nhau như đôi bạn tri kỷ. Anh đọc văn tôi và góp ý. Tôi đọc văn anh lại cũng góp ý. Không ngờ chúng tôi gãi đúng chỗ ngứa của mình. Khuất Đầu đến với Lữ Kiều, đến với Lữ Quỳnh, lần lượt gặp mặt những anh em đã từng cộng tác với tờ Ý Thức năm xưa còn sống tại Việt Nam cũng như định cư tại nước ngoài mà vẫn còn viết lách như Trần Hoài Thư, Phạm Văn Nhân, Nguyễn Lệ Uyên, Phạm Ngọc Lư... Đời sống thường nhật có khác nhau, nhưng chúng tôi có nề hà gì, chúng tôi chỉ gặp nhau ở mẫu số chung: Văn học nghệ thuật. Và gắn liền với nhau như một khối. Người thứ hai tôi nói đến là anh bạn trẻ Trương Văn Dân, tình cờ tôi gặp anh trong buổi họp mặt với Đặng Kim Côn, Âu Thị Phúc An, Nguyễn Hòa và Lữ Kiều ở một quán cà phê. Chúng tôi chỉ nói chuyện về văn chương chữ nghĩa. Trương Văn Dân tặng tôi tập truyện của anh vừa được xuất bản. Đọc văn anh tôi thích thú ngay. Truyện cảm. Chân thành. Sau đó anh và chúng tôi thân nhau. Tôi phục sự can đảm của anh, dám bỏ sự nghiệp tại một đất nước phương Tây mà anh đã du học thành tài, sống và làm việc đã gần 40 năm cùng một cô vợ người Ý, hai vợ chồng họ trở về lại Việt Nam sống với văn chương chữ nghĩa. Anh đưa cho tôi và Lữ Kiều tập bản thảo truyện dài **Dưới Con Mưa Nhẹ** dày cả 300 trang khổ A4. Điều đáng nói về hai người bạn văn này là bên cạnh họ có những người vợ cùng chia sẻ, góp ý và giữ gìn những tác phẩm của chồng mình viết ra. Nếu không có Huyền Chiêu cất giữ bản thảo của chồng mình như một báu vật thì Khuất Đầu không còn tập bản thảo về những bài thơ anh từ những năm 1970, cũng như Truyện vừa **Người Tử Tù** trước năm 1975. Mấy mươi năm sau, cả hai tập bản thảo đó đã được Thư Quán ấn hành.

Hôm nay, cả sáu người chúng tôi kéo nhau lên Đà Lạt, chẳng cần đi đâu cả, suốt mấy ngày chúng tôi trao đổi với nhau về hai tác phẩm này. Một điều thích thú hơn là bên cạnh còn có tập thơ **Mây Khói Quê Nhà** của Phạm Cao Hoàng do một người bạn văn mang về. Tập thơ do Đinh Cường trình bày, cùng hai phụ bản màu. Buổi tối, dưới ánh lửa hồng cháy bập bùng giữa đêm khuya, sương ướt lạnh, nhưng lòng chúng tôi ấm lại, như chuyện cho nhau nguồn cảm hứng vô biên về văn học nghệ thuật.



Vợ TVĐ, Trương Văn Dân, Nguyễn Minh, Khuất Đầu và vợ, Lữ Kiều

Đầu cần phải vào trại sáng tác. Đầu cần phải xuất thân từ một trường mang danh là trường viết văn. Đầu cần phải nhiều người vỗ tay. Chúng tôi chỉ âm thầm sáng tác và trao đổi với nhau một cách chân tình, để tác phẩm của anh em khi được xuất bản hoàn tất hơn.

Cám ơn những người bạn văn chương cuối đời còn đi chung với tôi một con đường. Dù muộn màng.

Sài Gòn Tết Nguyên Tiêu năm Tân Mão (2011)



Khánh Ly, sơn dầu trên bố, 30x40 in, Đinh Cường

NHỮNG KỶ NIỆM RỜI CÙNG KHÁNH LY

ĐINH CƯỜNG

Đà Lạt 1964

Mùa hè Đà Lạt thường mưa buổi chiều, mưa liên tiếp ba buổi rồi tạnh. Mưa núi buồn hơn mưa thành phố, có thể ngửa bàn tay hứng những hạt mưa đá li ti rồi tan ngay. Mây xám thấp, sà xuống sát núi chỉ chừa lại một lóe sáng, một màu mây nếu vẽ lên tranh sẽ thấy thật dữ dội. Những cây thông già mờ đi trong từng đám mây băng qua. Và gió se lạnh, phải kéo cao cổ áo. Chúng tôi có một buổi chiều thật đẹp, Khánh Ly với chiếc jupe ngắn màu xanh nhạt, cầm khay đưa kéo cho ông Thị Trưởng Thành Phố cắt băng khai mạc phòng tranh tại Alliance

francaise de Dalat (lúc ấy là trung tá Trần văn Phần,hiện ở tại Centreville,Virginia)

Tôi triển lãm ở đó vào dịp Lễ Giáng Sinh 1965 với ba mươi ba bức tranh sơn dầu, Trịnh Công Sơn nói lời giới thiệu và catalogue có ghi dòng chữ xiên nhỏ: *dédié à Tuyết Nhung*. Một không khí đầy tình bằng hữu, phương xa về có các anh Phạm Duy, Nguyễn văn Trung, Christian Cauro (giáo sư Đại học Văn Khoa Huế và Sài Gòn, đã mất tại Paris), Marybeth Clark (giáo sư anh văn nữ trung học Đồng Khánh Huế, hiện ở San Diego – California),từ Saigon lên, Bửu Ý, Hoàng Phủ Ngọc Tường từ Huế vào, tại Đà Lạt có anh Đỗ Long Vân, anh chị Hoàng Anh Tuấn –Ngô Thy Liên, Thái Lăng, Trịnh Công Sơn, Trịnh Xuân Tịnh, Nguyễn Xuân Thiệp, Tôn Nữ Kim Phượng, chị Thanh Sâmvà Di Ba, ông café Tùng . Ông Tùng mua bức tranh Thiếu nữ Xanh treo ở café Tùng cho đến nay, qua vật đổi sao dời, tranh đã ngả màu, hư hao ...và ông Tùng cũng không còn nữa. Dây ghế da nâu liền nhau trong quán vẫn không thay đổi, vách bên mặt treo bức tranh sơn dầu lớn ‘*Người đánh đàn guitare* ‘ của Vị Ý, phòng nhỏ bên trong có bức ‘*Chân dung thiếu nữ*’ của Cù Nguyễn rất quý ...còn nhớ ông hay khoe bộ báo Bách Khoa đầy đủ, đóng bìa da, để ở lầu trên nay tan tác nơi nào?



Khánh Ly, Đỗ Long Vân, Đinh Cường, Trịnh Xuân Tịnh



Nguyễn Xuân Thiệp, Trần văn Phán, Đinh Cường, Thái Lăng

Hãy trở lại những đêm Đà Lạt năm 1964, thời gặp hình ảnh người ca sĩ nhỏ nhắn với chiếc jupe ngắn màu xanh nhạt ở Night Club, rồi Tulipe Rouge, ôi tiếng hát và vóc dáng mảnh mai ấy đã cuốn hút chúng tôi biết bao, nhất là những đêm cuối tuần ngoài trời đầy sương lạnh. Tôi đã nói với Sơn không còn giọng hát nào hay hơn, hát rõ câu chữ như nhà từng lời buồn thánh (nhớ là khi qua Paris gần đây, ngày nào trong bữa ăn, Bạch Thái Quốc cũng cho tôi nghe Billie Holiday hát, ôi những bài blues mê hoặc lòng người, làm nhớ lại những lời ru của Sơn qua giọng ca Khánh Ly ...). Và chúng tôi đã làm quen được người nữ ca sĩ của Đà Lạt từ năm ấy, để năm sau khi bày tranh, Khánh Ly đã là bóng dáng đẹp nhất trong lòng bạn bè ... “Nguyễn đã gặp các bạn Đinh Cường và Trịnh Công Sơn rồi Khánh Ly và bao nhiêu người nữa. Giáng Sinh, kéo nhau đi uống bia, rồi về đàn hát ở studio Đinh Cường trên đường Rose. Có đêm uống rượu ở kiosque Di Ba, hay vào Night Club dưới chân Đài Phát Thanh nghe Khánh Ly hát ...” (*Giáng Sinh và những đồng lứa trong đêm mùa đông - Nguyễn Xuân Thiệp - tuần báo Trẻ, Dallas, số ngày 23.12.2010*)

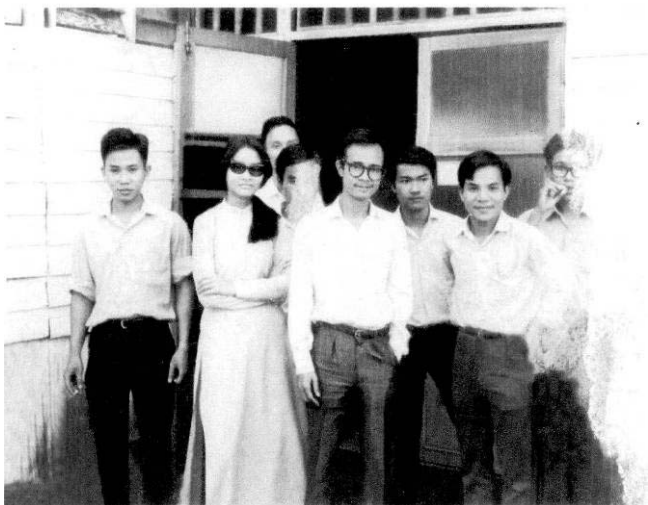


Đỗ Long Vân, Thái Lăng, Khánh Ly, Đinh Cường, Phạm Duy, Nguyễn văn Trung, Pauline

Sài Gòn 1967

... "Bời định mệnh nên đến năm 1967, như một sự tình cờ, Khánh Ly gặp lại nhạc sĩ Trịnh Công Sơn giữa giòng người đi lại trên đường Lê Thánh Tôn, Sài Gòn, vào một buổi chiều êm ả. Từ một đêm mưa của Đà Lạt đến một buổi chiều trên đường phố Sài Gòn, tất cả đã bắt đầu. Ngay chiều ấy, trên nền gạch đỏ nát có một quán lá sơ sài được dựng lên với cái tên là Quán Vãn. Ca sĩ Khánh Ly bắt đầu hát với nhạc sĩ Trịnh Công Sơn tại đây ..."

(Khánh Ly và Nhóm Bạn –website Khánh Ly) Quán Vãn, một thời làm sao quên của những người bạn ăn dặm nằm dề ở đó : hai anh em Hoàng Xuân Sơn –Hoàng Xuân Giang, thời này Hoàng Xuân Sơn thường đệm guitare cho Khánh Ly hát.



Hoàng Xuân Giang, Phạm Huệ Giang, Hoàng Xuân Sơn, Trịnh Công Sơn, Hoàng Ngọc Tuấn, Ngô Vương Toại

Hoàng Ngọc Tuấn, Ngô Vương Toại, Trịnh Công Sơn, Khánh Ly...đã đi vào truyện ngắn *Ở một nơi ai cũng quen nhau* của Hoàng Ngọc Tuấn : ...”Bọn con trai nằm ngủ trên chiếu, chiếc ghế bô duy nhất trong căn phòng được dành cho Lê Mai(1), nàng mặc một bộ áo pyjama đàn ông rộng thùng thình. Và khi cái gáy của nàng đã đặt trên gối, mái tóc xõ tung, khuôn mặt không son phấn, đôi môi và đôi mắt bình yên khép kín. Nàng nằm đó, nhỏ nhoi và bình thường như một thiếu nữ còn êm ả với mẹ cha trong gia đình, nhưng trên vàng trán của nàng đã hằn rõ một vài nếp nhăn phiền muộn, dấu hiệu của những người sớm cô độc bước vào cuộc đời. Khi giấc ngủ đến với nàng, có người đã nhìn thấy tiếng cười thơ dại và những vết nhăn trên vàng trán của nàng cùng một lúc chan hòa với nhau thành một hình ảnh đẹp. Có người đã nghĩ rằng nàng như một nữ thánh. Ban ngày Lê Mai nghịch ngợm như một con chim rừng xanh, nhưng ban đêm, đôi khi nàng có những giọt lệ âm thầm ...” (*OMNACQN, trang 45, Hoà Bình xuất bản, Virginia 2007*. Hoàng ngọc Tuấn có làm bài thơ hiếm quý (*thời ấy, tôi có làm đôi ba bài thơ, tiếc thay thơ không chịu gắn bó với tôi mãi mãi...Nhật ký -Thời Tập trang 54*) tình cờ vừa đọc lại :

Khánh Ly

Đêm vang vang xa màu tóc rối
Nàng ngồi hát bằng hoàng
Bài ca đốn đau
Trên quan tài tình nhân
Cánh chim nào từ núi lạ
Đã mang tay ngà ra khơi chưa
Tôi ngồi đây thấp ngọn lửa hồng
Ao ước nàng hóa thân vành khuyên bé bỏng
Mỗi đêm tóc xỏa môi phai
Bàn chân trần mướt xanh trên cát
Hơi thở mẩu thuốc tàn
Mà giọt lệ không bao giờ rơi
Âm thanh như đêm
Xóa nhòa linh hồn cũ

Đời quá muộn cho lời ao ước
Môi xin cầm cho khỏi vỡ tan
Ôi sao em làm thân đàn bà một đời không sân ga dừng lại
Còi tàu khuya thúc hối khởi hành
Tiếng ca nào và khúc nhạc thầm
Hát trong bếp lửa ấm hong môi
Đêm mùa đông xa nhà
Đêm chưa xót dấu vết tình yêu trên môi khô
Người đừng bao giờ nói đừng bao giờ nói
Vì giấc mơ là cánh chim sa mạc bay mù
Khi thành lời .

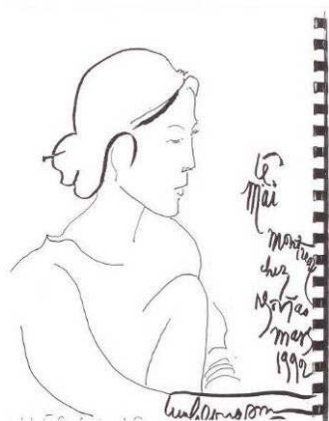
*(Nhật ký, Thờì Tập. tuyển tập nhà văn trẻ
trang 52, phát hành 6.74, chủ trương : Viên Linh)*

California 1989



Khánh Ly, sơn dầu trên giấy 18 x24 in .DC

Khánh Ly, người bạn chân tình, làm sao tôi quên những tháng đầu tiên mới đến Mỹ, năm 1989, chị đã gửi vé máy bay cho tôi từ Utah về thăm bạn bè ở California, có Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Khai, vợ chồng Nguyễn thị Hợp -Nguyễn Đồng ra đón ở sân bay John Wayne ...và Nghiêu Đề đã lái xe từ San Diego lên thăm ...cho tôi tin tưởng hơn là sẽ lái xe được, vì Nghiêu Đề còn vụng về hơn tôi



Khánh Ly, Trịnh Công Sơn vẽ

Năm 1992 gặp tại Montréal, Canada khi cùng qua thăm Sơn, ngôi nơi căn phòng ăn nhà người em gái Sơn, Trịnh Vĩnh Tâm – Hoàng Tá Thích , Sơn tập cho Khánh Ly hát, Khánh Ly hay

lấy que tre ngắn thay trâm cài tóc...và tháng giêng năm 2008, là cuộc gặp gỡ đầy kỷ niệm: triển lãm tranh Đinh Cường và Nguyễn Đình Thuận bên cạnh một chương trình ca nhạc Trịnh Công Sơn qua giọng hát Khánh Ly với sự góp mặt của thi sĩ Hoàng Xuân Sơn từ Canada qua do bác sĩ Hồ Phan Hà và nhóm bạn tổ chức tại Việt Art Gallery, Houston – Texas, một đêm thật đẹp và cảm động ...Khánh Ly đã nhiệt tình giới thiệu phòng tranh cùng người thường ngoạn, cũng như năm xưa Đà Lạt đã cùng Trịnh Công Sơn làm cho buổi khai mạc thêm ấm cúng, sòng sánh những ly rượu vang đầy thân yêu của bạn bè, không bao giờ quên...Cho tôi thấp nén nhang chiều nay, chiều giáp tết, để nhớ lại từng khuôn mặt thân quý không còn nữa: Tôn Nữ Kim Phượng, Christian Cauro, Đỗ Long Vân, Hoàng Anh Tuấn, Hoàng Xuân Giang, Hoàng Ngọc Tuấn với lời ghi tôi nhớ mãi :” *Từ đau đớn và truân chuyên, tôi gọi đến mọi người hạnh phúc vững bền của chữ nghĩa*“.



Khánh Ly-Lệ Thu -Thái Thanh



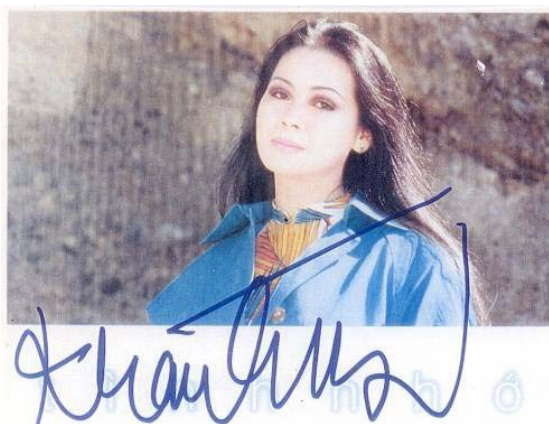
Khánh Ly – ĐC (Virginia 2004)

Cũng như: *Khánh Ly ...đời mãi hát ...hát cho đời, cho người - hát với người, cùng người ...mãi hát ...*(Khánh Ly và nhóm bạn – website KL)

CD mới nhất của chị “*Nụ cười trăm năm*“ gồm 12 lời ca thơ của Trần Dạ Từ làm trong trại cải tạo Gia Trung sẽ ra mắt vào ngày 13.3.2011 tại Quận Cam. Khánh Ly viết văn hay, nói giỏi (đừng nói nhiều), là ca sĩ - nghệ sĩ xứng đáng được ngồi ca cùng với những giọng ca hàng đầu của miền Nam Việt Nam như Thái Thanh, Lê Thu, Thanh Thúy, Hà Thanh, Kim Tước, Quỳnh Giao, Lê Uyên, Khánh Hà ...Riêng với nhạc Trịnh Công Sơn, nhiều ý kiến cho rằng nghe Khánh Ly hát là thấm nhất. Thật vậy, chị có đủ tình thân - từ thời thanh xuân, qua bao truân chuyên của đời sống, cả một thời tan tác, đau thương của chiến tranh, chia xẻ được những lời ca Sơn viết ...Riêng trong tôi khi nhớ đến chị là cứ nghe như vang lên *Người nằm co như loài thú khi mùa đông về. Người nằm yên không kêu than buốt xương da mình. Từng tiếng người nhiều tiếng người gọi hoài giữa đêm. Người nằm co như loài thú trong rừng sương mù ...*(Phúc âm buồn 1965 in trong Ca khúc Trịnh công Sơn, An Tiêm xuất bản 1967)

Trong sương tuyết trắng trời chiều nay, tình cờ đọc được bài thơ trên báo Xuân (2), tôi cũng như nhìn thấy lại bóng dáng của hai người bạn, Sơn và Mai của Đà Lạt một thời xa xưa, một thời mộng mị ...*trời xanh trên mái nhà thờ* .

Virginia, 2.2011
ĐÌNH CUỒNG



(1) Khánh Ly sinh ngày 6 tháng 3 năm 1945, tên thật là Nguyễn thị Lệ Mai. Hiện cư ngụ tại Cerritos California .Phu quân của Khánh Ly là cựu kỹ giả, nhà văn, nhà báo Nguyễn hoàng Đoan .Khánh Ly có 4 người con 2 trai, 2 gái, đều đã trưởng thành .

(2) CON TÀU NGÀY ẤY

Buổi sáng quá bình yên
chúng tôi ba người Huế
Nhìn nhau
Im lặng
Mùa hạ đang ngoài kia
Ném lửa hàng long nã
Dòng sông đang ngoài kia
Trong xanh ảo

Chiến tranh mới đi qua
Lần đầu, chẳng ngờ lần duy nhất
Gặp Trịnh công Sơn
Dáng hao gầy
Nhà ai Khánh Ly hát
Thằng thót trời xanh trên mái nhà thờ

Bữa ấy
Tôi kịp nói trong tiếng còi tàu
Nhạc Trịnh
Nhạc của thiên đường

*Lời Trịnh
Đau đầu trần gian*

*Một mình tôi lên con tàu chợ
Chưa quên
Con tàu ngày ấy nhả nhiều khói quá*

NGUYỄN XUÂN THÂM
(Văn Nghệ, Tết Tân Mão, Hội nhà văn Việt Nam)

TUỞNG NHỚ NHÀ VĂN DOÃN DÂN

qua Luân Hoán, Lữ Quỳnh, Võ Hồng, Nguyễn
Vy Khanh, Du Tử Lê, Nguyễn Ngu Í, Đinh
Nguyên, Nguyễn Xuân Hoàng, Văn Nguyên
Dưỡng, Nguyễn Trọng Khôi

Sơ lược tiểu sử:

*Tên thật Trần Doãn Dân . Sinh năm 1938 ở tây Phụ Long,
huyện Mỹ Lộc, Tỉnh Nam Định, Bắc Việt.*

*Viết truyện cho Chi Đạo, Giai phẩm Tân Phong, Bách Khoa,
Văn.*

Nguyên sĩ quan QLVNCH.

Tử trận ngày 29-4-1972 tại Quảng Trị

Tác phẩm xuất bản: Chỗ của Huệ (1968), Tiếng Gọi Thăm
(1972)



Doãn Dân qua nét phác họa của Nguyễn Trọng Khôi

LUÂN HOÁN

Niệm Hương Doãn Dân

nhắm mắt cổ muờng tượng
khuôn mặt anh thế nào
cầm vuông cánh mũi thẳng ?
cặp mắt sáng như sao ?

có lẽ không phải vậy
hình như giống hao hao
anh là lính đánh giặc
phăng phát chút giang hồ

tóc chùng ba phân rưỡi
vàng trán cao càng cao
niềm ưu tư thăm thẳm
chùng như đã cất vào

trong lòng, “Chỗ Cửa Huệ” ?
trong những “Tiếng Gọi Thầm” (1)
giàu một đời dẫu bề
thao thức cùng dòng văn

tôi gặp anh buổi sáng
độc nhất chỉ một lần
anh ghé ngang Đà Nẵng
tìm kẻ lạ đã thân

buổi sớm mai hôm ấy
tôi nghỉ mấy giờ làm
mời anh ngồi ghé đá
hóng ngọn gió sông Hàn

anh nhìn qua An Hải
anh hỏi về Hà Thân
nghe tiếng phà nghiền nghiền
anh thả mắt băng khuâng

tôi vô tư như lá
xao xuyến xanh trên đầu
trả lời nhiều hơn nói
nhưng đường như hiểu nhau

anh quan tâm vết cắt
đã làm oằn đời tôi
trong tay nắm ái ngại
rõ ràng anh truyền hơi

tôi trở nên bé bỏng
trước mến thương chân thành
không một chút kẻ cả
không tự phụ đàn anh

chúng tôi không kẻ lẻ
về những cuộc hành quân
chiến trận quá cụ thể
đâm ra thành dừng dừng

anh hỏi chuyện sáng tác
tôi vốn thường hồ người
phải nói về viết lách
vui ít hơn ngâm ngùi

mặt sông Hàn bát ngát
gió thơm hương Sơn Trà
chúng tôi không ai hát
nhưng thoảng tiếng đồng ca

chia tay trong bận rộn
ra về lòng bồn khoăn
nhớ thời còn ra trận
người như thiếu cân bằng

đêm nằm thao thức nghĩ
về người bạn mới quen
ông anh gốc Nam Định
không biết có gì chẳng ?

ngày chưa qua hết tháng

chẳng phải là hết hồn
mà một hôm chết điếng
tin chiến sự đập dồn

tháng tư ngày hăm chín
năm một chín bảy hai
đất cùng trời Quảng Trị
đã cướp xác những ai ?

nhà văn mặc áo giáp
hỡi ông anh họ Trần
đã bắt lực thất hứa
không giữ được Doãn Dân

giận mình không thể khóc
lượn lại rồi ghé qua
ghế đá vẫn còn đó
hai người giờ một ta

sông Hàn vẫn gọn sóng
theo gió núi Sơn Trà
vọng mắt về cửa biển
lòng đập dồn xót xa

ba mươi chín năm đã khuất
người xa, nhà cũng xa
Trần Hoài Thư chợt nhắc
như kim luân dưới da

mượn ké dòng hương khói
tết cúng tiền ông bà
gợi nhớ đến bạn quý
chưa kịp thân đã xa

Luân Hoán
mùng 4 tết tân mão, 06-02-2011

NGUYỄN-NGU-Í

*LTS: Trên tạp chí Bách Khoa vào những năm 1960, 1961, 1962, có loạt bài **Quan niệm sáng tác của các nhà thơ, nhà viết truyện, nhà soạn kịch** do nhà văn Nguyễn Ngu Í phụ trách, gồm 4 câu hỏi:*

I- Sáng tác để làm gì? Để cho mình hay cho thiên hạ? Để cho bây giờ hay cho mai sau?

II- Sáng tác theo một đường lối nhất định hay tùy hứng?

III- Những gì đã xảy ra trong tâm trí và trên trang giấy của tác giả từ khi tác phẩm bắt đầu thai nghén cho đến lúc thành hình?

IV- Những kinh nghiệm sống và sáng tác thích nhất.

Sau đây là phần trả lời của nhà văn Doãn Dân.

DOÃN DÂN, viết truyện ngắn

I - Cứ thực mà nói thì từ cái ngày nào đó cho tới bây giờ, tuy đã nhiều lần cầm bút, song chưa lần nào tôi băn khoăn tự hỏi: “Mình sáng tác để làm gì? để cho ai? v.v...” Nghĩa là tôi sáng tác chẳng có mục đích nào ráo trọi! Hay nếu có thì đó chỉ là cái mục đích nẩy ra một cách rất tình cờ, chứ tôi không hề cố ý bắt tôi phải viết “để làm cái này, hay, để làm cái kia...”

Bây giờ được anh nhắc nhở đến, tôi mới ra công lục lợi cái sự “tình cờ” ấy để trả lời anh cho “nó” có chuyện mà nói cùng anh.

Suy nghĩ kỹ, tôi thấy, ở trường hợp tôi, nguyên nhân thúc đẩy tôi viết văn, có thể chia làm hai giai đoạn.

2. Giai đoạn đầu

Cổ nhớ lại, tôi nhận ra rằng: cái nguyên nhân đã thúc đẩy tôi sáng tác, thật là giản dị: “chỉ vì tôi muốn thi vị hóa cuộc sống đã qua của tôi”. Tôi muốn ghi lên giấy những gì mình đã sống qua, đã trải qua, hay nói tóm lại, những gì mình đã “có”, để được sống lại trong khoảnh khắc với những hình ảnh đã gặp gỡ mình. Hay nói khác đi, nếu bảo: “tôi viết văn” hay nếu bảo: “Tôi kể ra – tất nhiên là có sự thêm thắt và xếp đặt – những gì

đã lẫn vào ký ức tôi thì cũng vậy”. Thí dụ: Khi viết truyện “*Cái vòng*” (tác phẩm đầu tiên của tôi đăng ở *Chỉ Đạo*, số ra ngày 1-8-59 và một vài truyện sau đó, tôi chỉ có mỗi một ý muốn duy nhất là: để được sống lại cái cuộc sống đã qua mà tôi luôn luôn nhớ tiếc trong đời, sự nhớ tiếc tạo cho tôi cái băng khuâng, rạo rực và day dứt khiến tôi phải để nó thoát ra ngoài bằng cách ghi lên giấy. Vậy nghĩa là tôi chỉ viết vì tôi thích viết! Thế thôi. Bởi vậy, hồi đó, tuy tôi không được quen biết báo nào, nhưng tôi cứ viết, hình như tôi viết chỉ cốt để thỏa mãn sự khao khát của riêng mình, chứ tôi không nghĩ tới một ngày nào để tôi sẽ gửi tác phẩm của mình đến một báo nào. Tôi coi như sự viết của tôi đã giúp tôi làm sự “khao-khát” trong lòng, nhẹ đi, vơi đi hay có khi mất hẳn...

Bởi cái mục đích quá tầm thường và ích kỷ như vậy, anh bảo đâu còn dám nghĩ đến: “Mình viết để cho ai? Cho bây giờ hay cho mai hậu?...”. Nói ra thì tôi biết, thế nào cũng bị anh chê cười. Nhưng sự thật nó là thế. Chẳng lẽ tôi lại đi nói sự... “dối” với anh sao?

Nhưng cũng may là giai-đoạn tôi vừa nói kể trên, chỉ kéo dài trong thời gian rất ngắn (chừng hai tháng) thì tôi “được” bước sang giai-đoạn thứ hai...

2. Giai-đoạn kể hơi phiền phức hơn giai-đoạn trước.

Như anh đã biết, mới đầu tôi viết là chỉ để khơi lại “những cái của riêng mình đã qua đi”. Nhưng khơi mãi rồi tất nhiên cũng đến lúc không còn gì để mà “khơi” nữa, tựa như nếu cứ múc mãi nước ở cùng một cái giếng thì tất nhiên sẽ có ngày giếng cạn. Sau đó, chẳng lẽ lại múc đến... bùn.

Thú thật với anh là khi nhận ra mình không còn gì để viết nữa, tôi đã tưởng rằng: duyên nợ giữa tôi và ngòi bút đến đây là chấm dứt! Bởi vậy tôi trả nó về chỗ cũ và yên chí rằng sẽ không bao giờ chúng tôi còn gặp gỡ nhau...

Nhưng bỗng một hôm – cách đây hơn một năm – tôi được một người bạn kể cho tôi nghe về cuộc sống của anh trong gia đình. Tôi bị xúc động. Rồi những gì anh kể cứ theo đuổi, ám ảnh tôi mãi. Tôi có cảm tưởng như tôi đang sống trong cuộc sống của anh: Tôi bị dày vò day dứt một cách rất chân thành. Và cuối cùng, tâm hồn tôi rạo rực, tôi thấy cần phải cho cái “rạo rực” ấy thoát ra ngoài. Thế là tôi lại tìm đến bút.

Trong khi tôi viết tôi mong muốn một cách tha thiết rằng: anh bạn tôi sẽ cho tôi là người đã thông cảm được lòng anh.

Tôi cũng chẳng hiểu – và chẳng cần hiểu - nếu có tôi thông cảm, anh bạn tôi có lợi hay có hại gì không? Nhưng thấy cần phải viết thì tôi viết. Thế là mấy tháng sau - kể cũng hơi lâu – “*Linh hồn tôi*” ra đời.

Và bắt đầu từ đó, dần dần, tôi nhận ra rằng: “Không phải chỉ có những gì của chính tôi mới cho được tôi cảm hứng, mà tôi còn có thể tìm thấy ở những gì không thuộc về tôi”. Và cũng bắt đầu từ đó, tôi tự đặt tôi vào những hoàn cảnh khác nhau - tất nhiên là những hoàn cảnh làm tôi rung động – có thể xảy ra ngoài đời và tôi tự hỏi: “Nếu ở vào hoàn cảnh ấy, mình sẽ nghĩ gì và hành động ra sao?”. Tôi tự trả lời bằng cách viết ra thành truyện. Trong thời gian này, tôi viết những truyện “Hoa nở muộn”, “Khép cửa”, “Giọt nắng...” (đều đã đăng rải rác trong Tân phong). Ở giai-đoạn này tôi viết, không phải chỉ cốt để thỏa mãn sự nhớ tiếc cái gì đã qua của mình nữa. Tuy nhiên, tôi cũng không tự hỏi: “Mình viết cho ai? Hay viết vì ai?”

Bởi vậy, khi anh hỏi đến, suy đi, tính lại, tôi vẫn thấy rằng tôi viết chỉ cốt để thỏa mãn sự tò mò, muốn thấy mình được sống ở những hoàn cảnh mà mình không có (hoặc vui, hoặc buồn) và nhất là để thỏa mãn sự náo nức thích viết của mình. Thế thôi! Tôi viết mà không bao giờ nghĩ: “Mình viết để cho người này, hay cho người kia...” và cũng chẳng bao giờ tôi thâm nhủ: “Mình viết là để sau này...” . Vì tôi nghĩ, tôi cứ cố gắng thanh tâm với những gì tôi muốn viết, còn tác phẩm của tôi nó sống được bao lâu là do chính nó quyết định chứ không do tôi – mà dù tôi có muốn quyết định cũng không được - . Chỉ nguyên có sự ham thích sáng tác và rung cảm với những hoàn cảnh mình tự tạo ra cũng đủ để tôi cảm thấy “vui” trong cái “buồn” của kẻ cầm bút rồi!

II – Còn anh muốn hỏi: “Sáng tác theo một đường lối nào nhất định hay là tùy hứng?” thì tôi thấy hơi khó trả lời! Vì tôi không được hiểu rõ ý nghĩa câu hỏi của anh.

Riêng tôi, tôi hiểu câu đó theo hai nghĩa như sau:

1 - Viết theo một “chiều hướng nào nhất định” hay “gấp ý gì viết ý ấy”

Hoặc:

2 - Viết theo “thời dụng biểu” nhất định hay viết vào “bất cứ giờ giấc nào”?

Có lẽ anh muốn hỏi theo ý câu trên (1). Nhưng xét ra, tôi cứ

trả lời anh theo cả hai ý cũng chẳng thiệt hại gì, phải không anh?

1 - Với lối viết của tôi – như đã trình bày với anh ở trên - tất nhiên không có thể được “một đường lối nào nhất định”. Mà trái lại, bất cứ một ý gì, đến với tôi làm tôi rung động và khi đã thấy rằng mình có thể diễn tả được điều làm mình rung động đó, là tôi viết. Tôi không chọn “loại ý này” hay “loại ý kia” mà tôi cũng không tự vạch ra một đường lối nào để dẫn dắt câu chuyện của mình theo đường lối đó.

Có khi đang viết truyện này, chợt gặp một ý khác trái nghịch với ý trong truyện hiện đang viết, tôi cũng viết luôn, cả hai song-song với nhau.

Nói tóm lại, tôi chỉ viết - và tôi cũng chỉ mong viết - những gì có “thực” trong ý nghĩ tôi, dù những cái “thực” ấy vô cùng phiền phức và vô cùng mâu thuẫn. Nghĩa là tôi làm việc “không theo một đường lối nào nhất định”. Nhưng theo nhiều đường lối.

Làm việc kiểu này kể cũng “hơi” bừa bãi “quá”! phải không anh? Song, anh hỏi thì phải nói. Chẳng lẽ lại cứ chọn “cái tốt” mà “khoe ra” còn cái “xấu xa” thì “đẩy lại”!

2 - Nếu anh muốn hỏi theo ý thứ hai thì tôi xin trả lời một cách không ngập ngừng rằng: Tôi viết chẳng theo một “thời dụng biểu” nào cả.

Khi đã tìm được một ý nào đó, tôi nghiền ngẫm kỹ càng rồi xếp nó vào một góc.

Rồi một sáng; một chiều; một tối hay một đêm, - bất luận giờ nào - tự nhiên tôi cảm thấy như có “một cái gì” động dậy, cựa quậy ở nội tâm, thế là tôi “lôi nó ra” bằng cách vớ ngay cây viết, ghi vội vàng...

Tôi không bao giờ xếp đặt cốt truyện. Tôi chỉ nghiền ngẫm ý trong truyện để xếp đặt “nếp nghĩ” cho nhân vật. Rồi khi viết, tôi để nhân vật đưa tôi đi và cũng chính nhân vật xếp đặt cốt truyện cho tôi - Viết theo lối này, tôi hay gặp những bất ngờ thích thú. Thí dụ: đáng lẽ tôi chưa định kết thúc truyện “Khép Cửa” ở chỗ đó; nhưng tôi thấy nhân vật trong truyện có thể “an nghỉ” được rồi, thế là tôi ngừng bút...

Nhưng cũng đôi khi, tôi bị “giữa đường đứt gánh”. Vì không biết nên để nhân vật của mình “đi về đâu?” cho khỏi vô lý và cho khỏi trái với sự diễn biến của câu truyện. Gặp trường hợp này, tôi phải dừng bút và phải nghiền-ngẫm lại để “tìm một lối đi cho nhân vật”...

Có những truyện tôi bị mất nhiều thì giờ và khổ công suy nghĩ. Nhưng cũng có những truyện tôi hoàn thành một cách dễ dàng.

Tùy theo cái “ý” làm tôi rung động nhiều hay ít. Như truyện “Ba Mẹ” (đăng ở Bách Khoa số ra ngày 15-8-60), tôi viết rất dễ dàng. Vì tôi bị xúc động bởi sự ngăn ngor của thân mẫu tôi...

III – Khi một ý nghĩ nào chợt đến với tôi thì một số nhân vật hiện ra, hoạt động, quay cuồng trong tâm trí tôi. Tôi phải dùng lý trí để “loại trừ” những “tên” nào không cần thiết. Và những “tên” còn lại, tôi cho mỗi “tên” một nếp sống riêng biệt – tùy theo ý của câu truyện tôi định viết – và tôi sống với nhân vật ấy ít ra cũng từ một tháng trở lên rồi mới để nó “ra đời”...

Theo tôi thì khi nào tôi cho rằng: “mọi sự đã hoàn hảo” tôi mới viết. Còn sự thật – khi đã viết xong thì nó có “hoàn toàn” hay không lại là chuyện khác. Không ai dám tin chắc ở sự hiểu biết của mình. Nhất là tôi lại không “hiểu biết” gì cả!

IV – Anh hỏi tôi câu này mới thật là khó trả lời. Vì thú thật với anh: tôi đã đem “hết sức mình” để cố nghĩ xem “truyện nào tôi thích nhất”. Song, tôi vẫn không tìm được truyện nào. Vì thường-thường truyện nào trước khi viết và trong lúc đang viết tôi cũng “thích nhất”. Và truyện nào khi đã viết xong, tôi cũng thấy mình không còn “thích nhất” nữa, mà lại đâm ra “chán nhất” Thế có “chán” không?

Vậy, xin lỗi anh, cho tôi được trả lời anh câu hỏi này “trong tương lai”. Vì ở “dĩ vãng” và “hiện tại” thì... sự thể “nó” đã thế rồi (!), không sửa đổi được!

(trích *Cuộc Phỏng-vấn Văn-ngệ thứ hai của Bách-Khoa*, tạp chí BK số 110, năm 1961)

Nhà văn Doãn-Dân

Nguyễn Vy Khanh

Nhà văn Doãn-Dân họ Trần, sinh ngày 11-7-1938 tại Nam Định, di cư vào Nam năm đất nước qua phân 1954, gia nhập quân đội và viết văn. Ông có truyện ngắn đăng trên tạp-chí *Chi Đạo*, *Văn*, *Bách Khoa* (Ba Me, Tiếng Gọi Thăm, ...) và các giai phẩm *Văn Hóa Ngày Nay*, *Tân Phong*. Tác-phẩm đầu tay là truyện ngắn Cái Vòng đăng trên *Chi Đạo* số 1-8-1959 và hai tác-phẩm đã xuất-bản: *Chỗ Của Huệ* (Sài-Gòn: Nhân Văn Xã, 1968), *Tiếng Gọi Thăm* (Tân Văn, 5-1972). Ông tử trận tại chiến trường Quảng Trị ngày 29.4.1972.

Doãn-Dân đã đến với chúng tôi khoảng năm 1962, năm tôi vừa lên trung học. Năm đó người cậu cả của chúng tôi đứng đầu ngành Chiến-tranh tâm-lý của quân đội Việt Nam Cộng-hòa suốt bảy năm, vì bất đồng chính kiến với lãnh đạo chế độ Đệ nhất cộng hòa, đã bị gởi đi làm ngoại giao. Ông ra đi và chuyển đi bị thời cuộc đất nước biến thành lưu-vong từ sau vụ đảo chính tháng 11 năm 1963, nhưng đã để lại tủ sách ở nhà chúng tôi - và đó đã là những cuốn sách đầu tiên đi vào cuộc đời văn-hóa của chúng tôi. Tủ sách ngoài những tài liệu và lý thuyết về tâm lý chiến, những diễn văn viết cho tổng thống (do Nguyễn Mạnh Côn, Tạ Ty,... viết), sách binh lược và quân sự như của Võ Nguyên Giáp, triết học của Paul Foulquié, LM Cao Văn Luận, v.v... còn gồm những bộ tạp-chí *Chi Đạo*, *Mai*, *Bách Khoa*, *Quê Hương*, *Văn Hóa Á Châu*, *Văn Hóa Nguyệt San*, v.v... và những tác-phẩm văn-chương như tiểu-thuyết và tập truyện của những Kỳ Văn Nguyên, Nguyễn Mạnh Côn, Hoàng Ngọc Liên, Triều Đầu, Phan Văn Tạo, Triều Lượng Ché, Nguyễn Ái Lữ, Nguyễn Đạt Thịnh, Mặc Thu, Lan Đình, Nguyễn Văn Xuân, Nguyễn Triệu Nam, Đỗ Thúc Vịnh, Đỗ Đức Thu, các kịch bản của Ngô Xuân Phụng, các bút ký vượt tuyến, toàn bộ *Truyện Chúng Mình* của Nhất Tuấn và thi tập của Diên Nghi, Đỗ Tấn, Tô Kiều Ngân, Tường Linh, Phạm Đình Tân, Huy Lực, v.v... Tất cả cùng với gần 3 ngàn sách báo trân quý khác do tôi sưu tập đã không theo tôi rời khỏi nước trong đêm rạng sáng ngày 30-4-1975.

Chính trên *Chỉ Đạo*, tạp-chí văn-học nghị luận chính-trị vào thời đầu của nền văn-học tự do 1954-1975, tôi đã được đọc và say mê những truyện ngắn của Doãn-Dân. *Chỉ Đạo* là cơ quan ngôn luận của Ủy ban chỉ đạo chiến dịch Tổ Cộng của bộ Quốc phòng, từ số 3 với thiếu úy đồng hóa Nguyễn Mạnh Côn làm thư-ký tòa soạn, với sự góp mặt thơ văn của Đỗ Tôn, Nguyễn Triệu Nam, Lan Đình, Tường Linh, Duyên Anh, cả Bình-Nguyên Lộc, cùng biên khảo, nghị luận của các giáo-sư Nguyễn Đăng Thực, Nguyễn Thiệu Lâu, BS Hoàng Văn Đức, Toan Ánh, v.v... và từ 1959 thêm các nhà văn Trần Phong Giao, Phan Kim Thịnh, Dương Kiền, Hà Huyền Chi, Doãn-Dân, v.v... Ngoài những bài nghị luận chính-trị mở đầu nhắm cổ võ cho tinh thần chống Cộng, cho phong trào chống Cộng, diệt Cộng (trong khung cảnh chính-trị này xuất hiện danh xưng "VC, Việt cộng" ngấm nghĩa "diệt cộng" theo cách phát âm của người miền Nam) cùng bài phong, phản đề, là những biên khảo văn-hóa, văn-học và nhất là phần thơ văn thì phong phú, đa dạng. Nếu so với tạp-chí *Sáng Tạo* cổ võ tinh thần tự do và văn-chương mới từ Âu Mỹ qua biên khảo, nghị luận và sáng tác thì *Chỉ Đạo* cổ võ văn-nghệ và văn-hóa dân chủ, tự do mà sáng-tác thì đủ thể loại và Nam Trung Bắc đủ mặt! Cả hai, *Sáng Tạo* và *Chỉ Đạo*, đều ra mắt cùng tháng 10 năm 1956.

1- Tôi tự sự

Văn-học miền Nam tự do 1954-1975 mặt nổi đã bắt đầu với bộ phận nhà văn, nhà báo thiên cư từ Bắc di cư vào. Trước đó đã có những nhà văn Bắc vào Nam sinh hoạt văn-chương và báo chí nhưng chìm vào đa số miền Nam; nay đất nước qua phân, hàng loạt người di cư đã đem theo ngôn từ và không gian văn-hóa Hà-nội của thời tiền chiến và kháng chiến được làm sống lại và sống động một cách chân thành và đa số với đam mê. Nhóm nhà văn thơ này phần lớn đã sinh hoạt văn-nghệ trước khi di cư như Triều Lượm Ché, Đỗ Tôn, Triều Đầu, Đỗ Thúc Vịnh, Đỗ Đức Thu, Toàn Phong và những cây viết mới xuất hiện đã mạnh như Nguyễn Mạnh Côn, hoặc trẻ hơn mới nhập làng văn như Duyên Anh và Doãn-Dân.

Ở Doãn Dân nói chung là ngôn từ của một không gian đã vừa mất, và một thời gian chỉ vừa qua đi nhưng khó trở lại - thời tự do, và ở Hà-Nội. Quá-khứ gần nhưng không lối thoát, khó qui hồi, của ấu thời hay thời thanh niên mới lớn. Mới đó

nên hãy còn sống động trong tâm trí và đánh động ngòi bút văn-chương. Đó cũng là không gian với những giàn hoa thiên lý ở Duyên Anh, những cánh hoa vôong vang ở Đỗ Tổn, những mùa trăng cũ ở Hoàng Ngọc Liên, những vĩa hè Hà-nội ở Triều Đầu, những con đường và khuôn mặt Hà-Nội, Bắc Ninh ở Thanh Tâm Tuyền, v.v... Đó cũng là những nỗi ám ảnh trong tâm thức những nhà văn phải sống lưu xứ này: người đi nhưng vẫn còn người ở lại và những kỷ vật, biến cố không thể đều là hành lý mang theo được. Doãn-Dân cũng như nhiều nhà văn khác đã mở đầu sự nghiệp với những tác phẩm mang tính tự thuật, lấy đời sống và kinh nghiệm bản thân làm chất liệu, rồi với thời gian tính chất này sẽ loãng dần, kín đáo hơn hoặc biến mất.

Truyện đầu tay *Cái Vòng* của Doãn-Dân đưa người đọc cùng tác-giả trở lại nơi đất cũ, vườn nhà thời niên thiếu - những tàn tích của quá khứ, với những trò chơi ngày còn bé và một mối tình ngây thơ chớm nở! Những hoài niệm, cái còn lại của những gì đã đánh mất nhưng hiện như đang bám vào hiện thực vì sống động trong tâm tưởng và ký ức, cảm tính hay ý thức. Tình tiết câu chuyện ở đây nhường chỗ cho một ngôn từ của tâm cảm và tiềm thức, thứ ngôn từ dễ đánh động tâm thức độc-giả và rất văn-chương ở Doãn-Dân. Kỹ thuật hành văn nhẹ nhàng, gãy gọn dù với những câu văn dài chạy theo tình tiết của câu chuyện kể. Thật vậy, những truyện ngắn ở giai đoạn sáng-tác đầu, Doãn Dân đã cho biết khi trả lời phỏng vấn văn-nghệ của Nguyễn Ngu Í, rằng ông sáng tác giản dị "chỉ vì tôi muốn thi vị hóa cuộc-sống đã qua của tôi" (*Bách Khoa* 110, 1960?, tr. 98-101). Như truyện ngắn *Cái vòng* đăng trên *Chi Đạo* và trong vài truyện khác thời đầu, tác-giả "chỉ có mỗi một ý muốn duy nhất là để được sống lại cái cuộc-sống đã qua mà tôi luôn luôn nhớ tiếc, sự nhớ tiếc tạo cho tôi cái băng khuâng, rạo rực và day dứt khiến tôi phải để cho nó thoát ra ngoài bằng cách ghi lên giấy. (...) hình như tôi viết chỉ cốt để thỏa mãn sự khao khát của riêng mình...".

Cái Vòng xuất hiện, Doãn-Dân đã được đón nhận như một nhà văn vững tay nghề. Tác-phẩm của nhà văn trẻ sau đó ngoài *Chi Đạo* còn xuất hiện trên các tạp-chí đại diện cho một truyền thống văn-chương - Tự-Lực văn đoàn: *Văn Hóa Ngày Nay*, *Tân Phong*; từ đó ra đến *Bách Khoa* và *Văn*.

Giai đoạn tiếp theo mà Doãn Dân gọi là "giai đoạn hơi phiền phức hơn giai đoạn trước". Truyện ngắn đầu đánh dấu cho thay đổi này là *Linh Hồn Tôi*, tác-giả viết vì "thấy cần phải viết thì tôi viết" và cảm hứng có thể đến từ "những gì không thuộc về tôi", từ "những hoàn cảnh làm tôi rung động..., ở hoàn cảnh "minh sẽ nghĩ gì và sẽ hành động ra sao". Đó là hoàn cảnh ra đời của các truyện đăng trên giai phẩm *Tân Phong*: *Hoa Nở Muộn*, *Khép Cửa*, *Giọt Nắng*,... Doãn Dân cho biết ông "chỉ viết và cũng chỉ mong viết những gì có 'thực' trong ý nghĩ tôi, dù những cái 'thực' ấy vô cùng phiền phức và vô cùng mâu thuẫn".

Con người sống xa quê hương nguyên quán có thể không ngày về, sống di cư hay định cư nơi vùng đất mới, thường sống như sống nhờ sống tạm, sống với cái tâm lý phân thân và trống rỗng hụt hẫng thường trực. Trong hoàn cảnh đó, Doãn-Dân đã đi từ cái *Tôi tự sự* đến những nhân-vật hiện thực của đời thường, rồi bỏ thiên đường của hạnh-phúc, của những hoài niệm để nhập cuộc cho một kiếm tìm hạnh-phúc khác, cho đến khi tử trận, lúc mà cuộc chiến huynh đệ tương tàn đang ở cao độ của kinh hoàng và bí lối. Thể loại văn-chương của cái *Tôi tự sự* vẫn sống mạnh cho đến ngày tạm ngưng cuộc chiến, với những tác-giả như Nguyễn Đình Toàn trở lại lãng mạn (*Áo Phai*, 1974), v.v...

2. Tôi và tha-nhân

Ở những truyện ngắn của giai đoạn đầu, các nhân-vật có tên hoặc xưng Tôi thường là đàn ông và thường mang bóng dáng tác-giả. Các nhân-vật nữ có mặt nhưng không đóng vai chính hay quan trọng. Phải đến giai đoạn sau thì các nhân-vật nữ thường đóng vai chính, dù các nhân-vật nam có mặt và có vẻ dẫn dắt câu chuyện. Như *Chỗ Cửa Huệ* (1968) là tác-phẩm đầu tay được xuất-bản của Doãn-Dân, một tiểu-thuyết tâm lý xã hội. Một câu chuyện tình của Sơn, nhân-vật xưng Tôi với cô gái giang hồ tên Huệ. Họ sống trong một ngõ tối của một khu xóm 'khả nghi' của đô thành Sài-Gòn. Sơn yêu Huệ, về sống chung với quyết tâm vớt nàng ra khỏi vũng bùn ô uế, ước mơ "đem nàng thoát khỏi chốn này để rồi chúng tôi cùng nhau đi đến cái chỗ ... thành ra những kẻ bình thường". Nhưng Sơn thất nghiệp phải sống bám vào những đồng tiền của một thời Huệ 'đi khách'. Cạn tiền, Huệ trở lại 'đi khách' nhưng Sơn

ghen, vũ phu đánh Huệ. Rồi Sơn được bạn nhường chỗ kèm trẻ, hai người dọn đi ở xóm khác, một xóm lao động, thợ thuyền. Nhưng Huệ bị nhiều người dân trong xóm biết được dĩ vãng nên gọi nàng là 'dĩ' và cũng vì tai tiếng đó nên Sơn cũng mất chân kèm trẻ. Huệ bỏ trở về căn nhà thấp nơi xóm cũ, mong đợi Sơn cùng trở lại nơi đó, nhưng Sơn tự ái đã không nghe theo. Chàng chỉ trở về một năm sau, sau khi nhần nhục tìm được việc làm ở một ga nhỏ; chàng thuê nhà khác, trang hoàng chu đáo rồi tính đón Huệ về. Khi Sơn tìm đến ngõ cũ thì Huệ đã chết vì bệnh lao, người quen đã đưa lại cho chàng sợi dây chuyền vàng mà Huệ vẫn xem như bùa hộ mệnh như nàng vẫn nói: "Khi nào rời nó, chắc là em chết". Sơn từ đó sống với hối hận và tự trách: "Từ ngày ấy đến đây, trong cuộc-sống hàng ngày, đã có những khi tôi thâm oán Huệ... Tôi nhớ lại những ý nghĩ ghen ghét hằn học của tôi với dĩ vãng của nàng. Tôi thấy mình nhỏ nhen ích kỷ. Trước khi tôi đã ước mong cho Huệ trở nên một người con gái tầm thường. Giờ đây tôi bỗng nhận ra : mình còn tầm thường hơn Huệ. Tại sao từ trước đến nay tôi cứ mãi mê mẩn mò với cái dĩ vãng của nàng mà không để ý, quan tâm những điều tốt đẹp hiện nàng đang có? Lẽ ra tôi phải giúp nàng, phải lãnh lấy phần trách nhiệm làm nàng quên đi, xóa bỏ mọi mặc cảm tội lỗi xấu xa vẫn hành hạ nàng trong từng lời ăn tiếng nói. Lẽ ra tôi phải cùng nàng tẩy xóa vết nhơ dính trên người nàng sau lần vấp ngã, sao tôi đã chỉ mãi xét nét đến từng vết bẩn ở nàng để mà đau đớn và làm cho nàng đau đớn với tôi? (...) Bây giờ tôi mới thấu hiểu sâu xa lời khuyên của Trị. Hắn đã hiểu tôi đến vậy được sao? Hắn đã thừa biết được rằng : tôi không thể nào có cái tình yêu thâm trầm sâu sắc biến thành tấm lòng độ lượng khoan dung để đem cho nàng hạnh-phúc ...".

Chỗ Của Huệ xuất-bản vào thời những người đọc như chúng tôi đã đến với Phạm Công Thiện, Bùi Giáng, Trần Thiện Đạo, Tam Ích, ... cảm tưởng đầu tiên là thất vọng. Tuy vậy khi đọc lại mới nhận ra Doãn-Dân có một kỹ thuật dựng truyện, một ngôn từ đặc thù và những nhận xét và phân tích tâm lý nhân-vật cũng như xã hội đương thời đáng phải để ý. Nhân-vật Sơn cởi mở khi chấp nhận chung sống và yêu thương Huệ bất kể quá-khứ gái giang hồ, nhưng lại quá lý tưởng, cứng rắn, khiến khi sẵn sàng đi tìm Huệ thì nàng đã chết. Một bức tranh xã hội thời chiến với những con người khốn khổ chỉ muốn

sống còn, sống qua ngày, nơi những xóm nghèo, ngõ hẹp.

Nhưng đến năm 1972, tác-phẩm thứ hai *Tiếng Gọi Thâm* được xuất-bản, đã đưa độc-giả vào một thế giới văn-chương khác, nội tâm và khắc khoải hiện đại hơn. Doãn-Dân chưa kịp thấy mặt tác-phẩm thứ hai của mình đã hy sinh tại Quảng Trị, lúc mới ngoài 33 tuổi. Trong việc xuất-bản lần này, Doãn-Dân không may khi tập truyện không bao gồm Bàn Tay Cho Yếu, là truyện chính đã được tác-giả dùng làm tựa chung cho bản thảo tập truyện.

Doãn-Dân qua các nhân-vật của ông trong *Chỗ Của Huệ* và *Tiếng Gọi Thâm*, luôn dò xét và theo dõi phân tích tâm lý của chính mình, đưa cái *Tôi tự sự* vào câu chuyện. Và đặc điểm thứ nữa là họ (tác-giả và nhân-vật của ông) hình như không bao giờ sống yên thân, không chịu nhắm mắt cho mọi diễn tiến và sự việc qua đi. Tiếng Gọi Thâm (đăng lại trong giai phẩm *Văn*, số 13 Tưởng niệm Doãn-Dân, 17-4-1973) là chuỗi tâm sự và độc thoại của Hiệu, một sĩ quan được cử đi tu nghiệp chung với nhiều người khác ở Hoa-Kỳ, được bắt đầu truyện với những dẫn vật, chán nản của nhân-vật chính tên Hiệu: “Hiệu cho rằng sự chán nản bắt đầu từ nửa khuya hôm đó. Một sự chán nản đến rất tinh cò, đường đột, gần như vô lý. Vậy mà nó lại nằm ỳ, bám sát lấy tâm trí Hiệu, sao không xua gạt được, khiến cho những ngày kế tiếp của chàng hóa thành vô vị. Chàng thấy tiêu tan mọi niềm hứng khởi: những ngày sau đó nơi đất lạ chỉ còn là một chuỗi ngày sống trong nồn nao, khắc khoải. Chàng bồn chồn, nồn nóng như kẻ ngồi ở chỗ hẹn, quá giờ đã lâu, vẫn không thấy người yêu tới...”. Đó là những mặc cảm, tự ái, lúng túng của người Việt trước người ngoại quốc, khi tiếp xúc cũng như trao đổi trong lớp học, những đôi co và nói xấu, nghi ngờ nhau, giữa các sinh viên người Việt, cả những tủn mủn của những tính toán vật chất (mua bán gì, bao nhiêu cho có lợi khi đem về nước), v.v... Độc thoại cũng như sự lười biếng (tham gia, gặp gỡ) của Hiệu ít ra cũng khiến chàng tìm được những giây phút “bình yên, phẳng lặng” của đêm “quá ư an lành, êm ả”, một thứ “lặng thình bát ngát quanh mình”: “Đêm của chàng dày đặc những nỗi lo âu ; dày đặc những nỗi bồn chồn, khắc khoải” bất cứ ở đâu trên đất nước, vì chiến-tranh, vì con người, v.v... mà chàng cứ phải đỉnh ninh cho là êm ả, vì Hiệu cũng vừa nhận ra nơi vùng đất an bình của

xứ người, chàng không tìm thấy được nỗi an tâm, tự tin cũng như những gì có thể xem là thân thuộc, cái êm ả ở đây cũng xa lạ quá khiến chàng càng thêm cảm tưởng đơn độc: “Trong đêm vắng, chỉ còn có mình mình đối diện với nỗi lặng thinh thanh thản của đất nước người, chàng bỗng cảm nghe lòng mình buồn bã; nghe như từ một chỗ nào sâu kín tận đáy hồn mình, vẳng lên một tiếng gọi thầm, tiếng gọi mơ hồ, vu vơ, chấp chới mà thật thiết tha, khắc khoải vô cùng...”. Hiệu cần sống với những cảnh vật và khung cảnh tâm thường, nhỏ nhặt mà đã quen thuộc của quê-hương, dù nơi đó chiến-tranh, bom đạn không ngừng nghỉ! Làm như chiến-tranh đã trở nên thành phần của cuộc-sống thời đó, vắng hay xa thì thấy thiếu.

Truyện Bàn Tay Cho Yển (tạp-chí *Văn* số 120, 1968) đưa người đọc đến mê cung của tâm lý với những “ám ảnh dằng dai, ám ức”, những thắc mắc, ngờ vực không đâu của nhân-vật tên Nguyên về Yển, người yêu của mình, người yêu từ ấu thời mà chàng tình cờ gặp lại sau một thời gian dài xa cách. Những suy đoán khá chủ quan và bất bình thường về sự liên hệ giữa nàng với một người đàn ông già xa lạ. Với Nguyên, mỗi chi tiết của hình vóc, dáng vẻ bề ngoài của người này đều khả nghi theo ý xấu. Riêng với Yển thì Nguyên quan sát và nhận xét chủ quan thân mật hơn: “Cái cử chỉ lắc đầu, hất mái tóc ra phía sau, mặt hơi ngước lên nhìn người đối diện, vừa như tỏ ra lịch sự, chú tâm theo dõi câu chuyện, lại vừa có vẻ ngây thơ, cố ý mà vẫn duyên dáng: cái cử chỉ đó Nguyên cũng không làm được. Nhưng, còn hai bắp chân. Hai bắp chân thon, trắng với những sợi lông hơi dài và hơi đen hơn mức bình thường, bám sát vào da, xuôi xuống thật đều, thật mịn. Hai bắp chân đó là của Yển? Nguyên thấy xa lạ. Chúng gọi đến những cảm giác kỳ cục, không thể dành cho Yển. Chúng kêu gọi ham muốn. Chúng khuyến khích, thúc giục người nhìn tưởng tượng ngước lên phía trên ... Nguyên không tin chúng thuộc về Yển”. Phân vân, ngờ vực pha ghen tuông, tất cả những diễn biến tâm lý đó trong khung cảnh đường phố đồ nát của một vụ tấn công của Việt-Cộng đêm qua với những xác địch “nằm tênh hênh, mình trần trụi, mặc mỗi cái quần xà-lỏn”. Khi người đàn ông lạ bỏ đi thì Nguyên mới nhận ra người nữ đó chính là Yển trước nay đã đi vào đời chàng, và thường “đã như tất cả nghị lực của chàng, giúp chàng chịu đựng, vượt qua mọi khó khăn, vất vả ở đời” của một người lính luôn hành

quân trong rừng sâu. Ở đây là đôi mắt của Yến, yếu tố đưa hai người đến gần nhau sau nhiều năm xa cách, rồi chiến-tranh khiến họ ít gặp nhau đến lần này giữa đạn khói (dù đã lắng), Yến nhận ra “sau mấy năm gặp lại anh, em thấy anh lạ hẳn” - câu nói làm cả hai chìm đắm vào suy tư và ... phân tích người kia. Vì từ ngày học sinh đạp xe chở nhau đến nay, tuổi đời đã thêm và chiến-tranh cũng đã làm bao thay đổi phải đến. Nguyên thì ngỡ ngác trước những thay đổi ở Yến mà chàng gán cho cái nhãn “con người thời đại”, dù đã cố gắng tự nhủ không buồn vì đó là “cái vòng biến chuyển thường tình nơi chốn thế gian ... cái vòng biến chuyển tối tăm mù mịt...”. Yến cũng vậy, những thái độ, cái nhìn của Nguyên làm nàng lo sợ, nhận không ra ... Nguyên chủ quan nghĩ rằng “Nàng đã tự tách mình ra khỏi đời Nguyên (...) đã thành linh xô đổ, phá vỡ tan tành cái nguồn an ủi to tát, lớn lao của một đời người...”. Một thứ “tan tác, rã rời, cô quạnh,... (khiến) Nguyên cảm thấy thương Yến, thương mình, thương đến xót xa, đau khổ”. Nhưng rồi Nguyên chợt nhận ra mình quá ích kỷ chỉ nghĩ cho mình và mọi suy tư, quyết đoán chỉ để thỏa mãn cái Tôi của mình. Và khi Yến cho biết lý do có mặt nơi thành phố Nguyên đang đóng quân, chàng mới vỡ lẽ ra mọi sự; chàng đã quan trọng hóa mọi sự khi mà với chiến-tranh, sống chết sẽ đến bất ngờ và với bất cứ ai, kể cả anh Hùng của Yến và cuộc-sống hiện tại của nàng. Hai bàn tay nắm lấy nhau, cho nhau – nhưng thật ra chỉ là Nguyên cho Yến vì tính tự kỷ, tự cô lập của chàng. Tình yêu cuối cùng đã chiến thắng từ bàn tay cho nhau.

Qua Sơn, Hiệu, Nguyên, v.v..., các nhân vật chính mà hóa ra phụ, nói cách khác, chỉ là cái cớ để tác-giả chúng nhìn xuyên qua không gian hiện tại để trở về một nơi chốn khác hay của quá khứ và xuyên qua đó nhớ lại và nói với người đã qua đi hay vẫn còn đó, với những nhân vật của truyện như đại diện cho từng mảnh đời hay tâm sự của tác-giả. Người đọc tìm thấy nhiều độc thoại trong truyện của ông cùng những nhớ lại, tưởng tiếc, hối hận. Cấu trúc thường gồm diễn tiến câu chuyện xảy ra xen kẽ những hồi tưởng, lý luận, phân tích, ở một số tình tiết hoặc diễn tiến được tác-giả quay chậm lùi trở lại. Ngôn từ, chính ngôn từ của Doãn-Dân khiến người đọc rung động đến tận đáy tâm thức nguyên sơ. Thật vậy, các hình ảnh, màu sắc, các biến cố, cảnh tượng, v.v... đều thoát ra như một nhẩn nhủ, một hồi tưởng hay như một bức tranh đa nghĩa!

Ngôn từ ở Doãn-Dân nhiều chất thơ mà không gian truyện của ông cũng ắp đầy thi vị. Bên cạnh và giữa những suy tư nội tâm và những diễn biến bất ngờ!

Qua tác-phẩm, Doãn-Dân còn tỏ lộ tâm tình phản kháng đối đầu với thực tại, với hoàn cảnh vây quanh. Nhẹ thì cũng là thái độ, lối sống không hội nhập với tập đoàn, xã hội vây quanh. Xa hơn là những ước muốn cho một xã hội công bằng và hạnh-phúc hơn cho mỗi con người. Vì chiến-tranh, đồ nát cứ quần quanh cuộc-sống các nhân-vật không lối thoát.

Văn tài Doãn-Dân theo thiên ý không ở *Chỗ Cửa Huệ*, mà ở những truyện ngắn đầu đời viết văn cũng như sau này. Ông tả cảnh và nhân-vật bằng tâm trí, bằng xúc động, bằng sự sống lại cái vừa xảy ra. Dùng *Tôi tự sự* hay viết về nhân-vật khác, dùng nơi chốn cũ hay không gian sống mới thì các nhân vật và cuộc đời tác-giả như được viết lại, nhìn lại! Có thể nói không khí văn-chương của Doãn-Dân cùng một quỹ đạo hồi tưởng và viết lại, với những Dương Nghiễm Mậu, Thanh Tâm Tuyền, v.v... Ở Doãn-Dân có thể ngắn hơn, nhưng như tiếng kêu thương tha thiết, muốn sống và vượt thoát những bủa vây, rào cản, khác với cái lạnh lùng, vô cảm của một thế giới hiện sinh *đen* ở Dương Nghiễm Mậu, Thanh Tâm Tuyền. Ở Doãn-Dân hơn nữa, còn là một kiếm tìm một lý tưởng hoặc ý nghĩa cho cuộc-sống. Và một tin yêu vào cuộc đời. Doãn-Dân sinh hoạt văn-ngệ vào cả hai thời đệ nhất cộng hòa và thời hỗn loạn và chiến-tranh leo thang sau đó. Trong các tác-phẩm thời sau, văn-chương vốn có những đặc tính hoài nghi, hiện sinh hưởng thụ và phản nộ, phản chiến, là những thứ mờ nhạt trong tác-phẩm của Doãn-Dân. Trong tác-phẩm của ông, chiến-tranh vẫn có mặt nhưng như một định mệnh, con người đành cam nhận và nếu can đảm, chỉ tìm cách dần xếp cuộc-sống riêng và suy tư của mỗi phận người.

Tác-phẩm của Doãn-Dân như vậy thiên về tâm lý với những phân tích nội tâm, những độc thoại, những thăng trầm, biến đổi của tâm trạng nhân-vật đa số là những con người đương thời với tác-giả hay có liên hệ ít nhiều với tác-giả. Qua *Chỗ Cửa Huệ* và các truyện ngắn của ông, với những phân tích, độc thoại, những bàn đi tính lại như thế, người đọc có cảm tưởng tác-giả có những tâm sự, những bế tắc nào đó của một sĩ quan quân đội thời chiến-tranh ngày càng tăng cường

độ.

Đã bao nhiêu năm trôi đi từ khi các tác-phẩm của Doãn-Dân đến với người đọc và cũng đã gần 40 năm, Doãn-Dân đã rời bỏ thế giới này, nhưng nếu có dịp trở lại với tác-phẩm của ông – như *Thư Quán Bản Thảo* số đặc biệt này, người đọc sẽ vẫn trân quý khi thưởng thức lại một số những văn bản một thời đã được văn đàn đón nhận. Ở Doãn-Dân, văn-chương là cái gì còn lại, nơi lòng người, ở niềm tin tưởng vào một lý tưởng nhân sinh! Với một ngôn ngữ của sự sống trung thực và hết mình!

Nguyễn Vy Khanh
Montréal, 28-2-2011

LỮ QUỲNH

Doãn Dân giữa bằng hữu, cuối những năm 1960

tặng Trần Hoài Thu

Thời gian qua đã lâu nhưng mỗi lần nghĩ đến Doãn Dân tôi vẫn cảm thấy gần gũi với những kỷ niệm nổi cộm về anh. Thật tình cờ vào cuối những năm sáu mươi chúng tôi, Trần Hoài Thu, Doãn Dân, Nguyễn Kim Phụng cùng ở sư đoàn 2 đóng tại Bà Gi, tỉnh Bình Định. Doãn Dân làm việc ở Phòng 2, Nguyễn Kim Phụng Phòng 3, Trần Hoài Thu Đại đội Thám kích, và tôi Tiểu đoàn Quân y. Nhờ những truyện ngắn đăng trên Bách Khoa mà dưới mỗi bài chúng tôi ghi *Bà Gi, ngày tháng...*, Thu và tôi đã tìm nhau, nhưng cũng phải mất thời gian khá lâu mới gặp mặt.

Doãn Dân ở cư xá sĩ quan với vợ và bốn con gái. Những đêm ngủ lại đơn vị, tôi thường lái xe qua nhà anh uống trà và nghe anh chơi guitar. Chị rất giản dị và các cháu đều ngoan. Không nói ra, nhưng tôi biết anh muốn chị sinh một cháu trai, để trong đám trẻ có trai có gái cho vui, thế mà lần sau cùng chị sinh một

cháu gái nữa. Trong đời sống Doãn Dân có nhiều bức xúc. Anh không vui với đời. Thời gian truyện dài **Chỗ Của Huệ** in ở Sài Gòn, anh thường nói chuyện văn chương với bạn bè. Anh nói nhà văn Nhật Tiến đang in giúp anh tác phẩm này. Và anh thấp thỏm chờ đợi. Theo anh, Nhật Tiến rất thân. (Sau này có dịp gặp nhà văn Nhật Tiến ở California tôi có hỏi thăm anh mong được biết tin tức về gia đình Doãn Dân, nhưng anh cũng mất liên lạc với họ ngay trước 1975).

Doãn Dân nổi tiếng rất sớm. Nhiều truyện ngắn của anh đăng trên các tạp chí văn học ở Sài Gòn. Trên một trang mục lục Bách Khoa cũ tôi thấy có mấy truyện Sương Mù (số 110), Giao Thừa (số 122) của anh, khoảng năm 1959, 60.

Một buổi chiều tôi lái xe chở Doãn Dân chạy quanh ngọn đồi lên tháp Bánh Ít thăm Trần Hoài Thư. Từ ngọn tháp này có thể nhìn bao quát cả một vùng từ thị trấn An Nhơn đến quận Tuy Phước. Cảnh quan thật đẹp, thật hiền hòa. Ngọn núi Kỳ Sơn trước mặt chằng hùng vĩ bí hiểm gì, nằm đơn độc giữa cánh đồng bạt ngàn mây nước, nhưng vô cùng bắt mắt với Trần Hoài Thư và đơn vị anh. Nhiều lần hành quân vào ngọn núi này mà không chiếm nó dễ dàng, đã phải để lại nhiều máu đồng đội. Tôi chỉ cho Doãn Dân góc tháp mà Thư đã dựa lưng và kê ba lô lên đùi ngồi viết sau những lần nghỉ hành quân.

Tại miền đất này chúng tôi đã có những tác phẩm nói lên sự bi thảm và phi lý của chiến tranh, về sự chia lìa khốn khổ của những người dân hứng chịu bom pháo ngày đêm, sống giữa hai lần đạn mà không biết đâu là kẻ thù !

Cuốn **Chỗ Của Huệ** dày khoảng 200 trang, Doãn Dân ký tặng bạn bè. Rất khích lệ, anh hẹn sẽ in tập truyện ngắn mà anh tâm đắc vào năm sau.

Qua năm 1970 Trần Hoài Thư tự ý rời đơn vị, tôi cũng chuyển về quân y viện. Trong những lần gặp gỡ sau cùng với Doãn Dân ở Sư đoàn, tôi thấy anh buồn và bất mãn rõ.

Anh kể trong dịp đi phép về Sài Gòn lo đám tang người thân trong gia đình, lúc trở ra trả phép bị cấp trên xài xê vì trễ mấy ngày, anh đã cự nự cãi lại. Anh tâm sự, phải ở trong hoàn cảnh của mình, tình cảm của mình đối với người vừa nằm xuống như thế nào, mới hiểu được nỗi đau và sự khó khăn mà mình chịu đựng. Chứ còn giải quyết sự việc một cách máy móc thì nói làm gì! Sống phải có tình, có sự tương kính, cảm thông nhau chứ.

Mình chấp nhận đi bất cứ đơn vị nào trên bốn vùng chiến

thuật! Tôi biết tính anh thẳng thắn, trung thực, không chịu khuất phục bất cứ áp lực phi lý nào.

Sau này Doãn Dân chuyển về Sài Gòn một thời gian, tôi không rõ anh phục vụ ở đơn vị nào. Chỉ biết qua năm 1972, vào mùa hè, tôi nghe tin anh đổi ra Quảng Trị đúng thời điểm chiến trường nơi đây vô cùng khốc liệt. Một đoạn đường trên quốc lộ 1 đã nổi tiếng là **đại lộ kinh hoàng**. Không rõ anh đã tìm ra đơn vị mới chưa, nhưng qua báo chí lúc bấy giờ, anh đã bị pháo chết lúc ngồi trên xe qua đoạn đường này. Nhiều trang báo đăng phân ưu gia đình anh. Bằng hữu vô cùng xúc động, thương tiếc anh, *một Doãn Dân nhà văn tài năng, một sĩ quan cương trực* đã sớm đền nợ nước!

Những năm tháng sau này thỉnh thoảng gặp người quen cũ, tôi có hỏi thăm chị Doãn Dân và các cháu, nhưng không ai biết. Chỉ nghe đâu chị bị đau yếu và đang sống với các con trong hoàn cảnh khó khăn.

Khi tôi viết những giòng này thì các cháu bé bỗng ngày nào ở Bà Giây bây giờ tuổi đã ngoài bốn mươi, hẳn đã có chồng con và đang sống một vùng trời nào, bên này hay bên kia trái đất. Các chú, bạn của ba các cháu, nhà văn Doãn Dân, cầu mong các cháu dù ở bất cứ nơi đâu cũng được sống an bình, hạnh phúc.

LỮ QUỲNH

Bắc Calif., Feb.10-2011.

Văn Nguyễn Dường

ĐÌNH MỆNH

để tưởng nhớ một cố nhân, nhà văn Doãn Dân

LTS: Cách đây khoảng 5,6 năm, tòa soạn TQBT có nhận được điện thư của một ái nữ của nhà văn Doãn Dân, nhờ chúng tôi tìm tài liệu về bố của cháu. Duyên may, sau hơn 40 năm, chúng tôi được kết nối với nhà thơ Văn Nguyễn Dường, bút danh của cựu trung tá Nguyễn Văn Dường nguyên một thời là thượng cấp trực tiếp của trung úy Trần Doãn Dân (năm 1969). Ông đã sốt sắng chấp thuận lời yêu cầu của chúng tôi để gởi bài về đóng góp cho

số Tuổi Niệm Doãn Dân. Những chi tiết trong thời gian làm việc chung, cùng những kỷ niệm vui buồn cũng như câu hỏi tại sao nhà văn Doãn Dân lại bị chết thảm ở Quảng Trị đã được mô tả rành rẽ. Mong rằng bài này cũng như những bài viết khác trong số báo này về Doãn Dân sẽ là món quà của các chủ, các bác gửi về các cháu thương mến. Và xin được cảm ơn nhà thơ VND.

(Tòa soạn Thư Quán Bản Thảo)

Đúng như Trần Hoài Thư đã viết, SĐ22BB như Sư đoàn Trùng giời, nơi đi đầy của mọi quân nhân thuyền chuyển về đó, nếu hiểu trên góc cạnh nào đó. Trong thực tế, các tư lệnh là những tướng lãnh được tiếng đạo đức và nhân hậu trong QLVNCH như Tướng Nguyễn văn Hiếu và Tướng Lê Ngọc Triển mà tôi được biết khi thuyền chuyển ra đó, trong tình trạng của một sĩ quan bị đi đầy. Những vị tư lệnh chưa hề sử dụng kỷ luật với thuộc cấp, dù là sĩ quan hay binh sĩ. Chính thời gian hơn một năm ở đó tôi thực sự trưởng thành. Vì chính ở sư đoàn này, một quân nhân bị “đi đầy” như tôi đã nhận rõ hơn tín hiệu của kiếp sống con người, tín hiệu của Định Mệnh, một quyền lực vô hình nhưng hiện hữu giữa chúng tôi, trong đó có Đại tá Lê Đức Đạt, Thiếu tá Bửu Kỳ và Trung úy Trần Doãn Dân, hay nhà văn Doãn Dân, một số các bạn khác như nhà văn Trần Hoài Thư, họa sĩ Lê Thanh và tôi.

Trước tháng 1, năm 1969, tôi phục vụ ở các cơ quan trung ương ngành Quân Báo. Chức vụ sau cùng là Quyền Chỉ huy trưởng Trung Tâm Quân Báo (TTQB). TTQB là một trong ba cơ quan lớn của ngành Quân Báo trực thuộc Phòng II/BTTM/QLVNCH. Hai cơ quan khác là Đơn vị 101 và Trường Quân Báo. TTQB là một đơn vị kỹ thuật gồm các khối như Khối Ước Tính Tình báo, Khối Thẩm Vấn Tù binh, Khối Khai thác Tài liệu, Khối Khai thác Chiến cụ, Khối Khai thác Không ảnh và Khối Quản trị nhân viên toàn ngành Quân Báo của QLVNCH kể cả các Biệt Đội Quân Báo cạnh các đại đơn vị Đồng minh. Riêng Khối Quản Trị/TTQB sau khi tôi thuyền chuyển ra SĐ22BB trở thành Trung Tâm Quản Trị Quân Báo vì TTQB giải thể. Thực ra trước đó, các Khối tình báo kỹ thuật nói trên, từ năm 1967 trở đi, chỉ còn chịu hệ thống hành chánh và quản trị của TTQB nhưng về phương diện kỹ thuật trở thành các Trung tâm Tình báo Hỗn Hợp giữa Phòng

II/BTTM/QLVNCH và Phòng II Bộ Tư lệnh Lực lượng Viện Trợ Hoa Kỳ tại Việt Nam –BTL/LLVT/HK/VN, hay J2/MACV. Một trong những trung tâm phối hợp này là Trung Tâm Khai Thác Tài Liệu Hỗn Hợp Việt Mỹ gọi là *Combined Documents Exploitation Center*, hay CDEC, nơi mà nhà văn Doãn Dân đã phục vụ một thời gian, từ cuối năm 1969 trở đi đến khi thuyền chuyển ra SD3BB ở Quảng Trị và hy sinh ở vùng chiến trường hoả tuyến này cuối tháng 4, năm 1972.

Định mệnh như một thứ gì đó thường trớ trêu, không chỉ là những thử thách đắng cay hay ngọt bùi trong kiếp sống của một con người mà còn là sự phản quyết cuối cùng của một vị Thảm phán Tối cao, quyền uy và thấu triệt. Do sự phản quyết của Người, có những người chết rồi mà còn lưu danh thiên cổ, có kẻ nằm xuống vô danh, mãi mãi không ai còn biết họ ở đâu, mất hình hài thể xác, cũng có người nằm xuống, còn di cốt, còn nắm mồ. Nhưng hình như mọi người tưởng chừng như đã mất đi vĩnh viễn, vẫn hiện diện trong trí nhớ hay kỷ niệm của nhiều người khác. Tôi đã mục kích cả hai trường hợp này một thời gian không lâu, chỉ mấy năm sau khi tôi bước chân xuống phi trường Qui Nhơn và đáo nhậm đơn vị mới, Phòng 2/SD22BB ở Bà-Gi, vào ngày ba mươi Tết, tháng 2 dương lịch, năm 1969.

Sau trận Tổng Công Kích & Tổng Khởi Nghĩa Tết Mậu Thân 1968 của CSVN vào 33 thành phố và tỉnh lỵ, 64 quận lỵ và 29 căn cứ quân sự quan trọng ở miền Nam, nhất là sự tàn sát dã man quần chúng ở Cố đô Huế, bất kể người già, đàn bà hay trẻ thơ, với những nắm mồ tập thể của nhiều nghìn người vô tội, người ta nhận thấy rõ ràng hơn giá trị của những bản hiệp ước, những thỏa ước những cam kết ngưng bắn chỉ là những tờ giấy vụn hay những thứ của-bỏ vứt trong sọt rác, và thân phận con người chỉ là con giun con kiến trong con mắt của những người Cộng sản Việt Nam. Không nơi nào của miền Nam không thể là vùng của lửa đạn, nhưng Vùng I Chiến Thuật thực sự là vùng hoả tuyến. Nếu là quân nhân, từ các tỉnh miền tây, miền đông, hay vùng Sài gòn, hoặc ở các tỉnh miền nam Trung phần, mười người thuyền chuyển ra đó, còn được mấy người trở về. Tôi may mắn không bị đưa ra vĩ tuyến sau khi người ta muốn lột chức vụ giao cho tay chân thân tín. Trong Tết Mậu Thân, tôi là Chỉ huy phó TTQB, đến lần tấn

công vào Saigon trong tháng 5, 1968 của CSBV, tôi giữ chức vụ Quyền Chỉ huy trưởng Trung tâm này. Tháng 6, vị tân Trung tá Trưởng Phòng II/BTTM/QLVNCH cho tôi học khóa Anh ngữ cấp tốc để theo học Khóa Tình Báo dành cho các sĩ quan cao cấp Đồng minh ở Hoa Kỳ. Tôi lên đường sang Holibird, Maryland, Hoa Kỳ đầu tháng 8. Mãn khóa, tôi trở về Saigon. Ngày 5, tháng 1, 1969, sau khi trình diện ông này, lúc đó đã thăng Đại tá và giữ chức vụ Trưởng Phòng II/ BTTM đã nửa năm qua. Khi trở xuống Ban Hành Chánh, thay vì nhận giấy nghỉ phép sau khi du học, tôi nhận ngay một Lệnh Truyền Chuyên đặt thuộc quyền sử dụng của Phòng 2/ SĐ22BB và một Sự Vụ Lệnh phải lên đường trình diện đơn vị mới ngày 6, tháng 1. Nghĩa là chưa đầy 24 giờ sau khi về nước. “Chiều cố” nhau đến thế là cùng. Ông Trưởng phòng này, lúc còn mang cấp Thiếu tá và Trung tá được vị Đại tá tiền nhiệm che chở, cho có đất dung thân và tận tình giúp đỡ. Ông Đại tá tiền nhiệm là một cấp chỉ huy nhân hậu, nhưng khá dễ tin, đã nuôi ong tay áo. Cờ đến tay, ông tân Trưởng Phòng II/BTTM kiêm Trưởng ngành Quân Báo phát bạo, gây tiếng vang không mấy đẹp và gieo nỗi sợ sệt lẫn bất mãn trong toàn ngành. Đối với ông, đưa đi hỏa tuyến để trừng trị nhân viên dưới quyền gần như là một thông lệ.

Nếu không cho phép nghỉ sau khóa học thì tôi tự động nghỉ, bẽ nào cũng bị đuổi ra khỏi Saigon, thì dù có ra Bình Định trễ một vài tuần đâu hệ trọng gì. Tuy nhiên tôi cũng điện thoại cho Thiếu tá TT, Trưởng Phòng 2/SĐ22BB, nói với anh là tôi sẽ trình diện trễ. Anh TT cùng học chung khóa Tình báo cao cấp đó với tôi và cùng về chung một chuyến bay, sau khi anh và tôi ngao du chung với nhau bằng đường bộ xuyên lục địa trong suốt hơn mười ngày trên hành trình từ miền Đông sang miền Tây Hoa Kỳ để đến Travis Air Force Base chờ chuyến bay về nước. Nghỉ ở Saigon hơn ba tuần, bỗng tôi chợt muốn ra Bình Định xem ở đó ăn tết như thế nào. Ngày ba mươi Tết tôi ra thành phố Qui Nhơn trên một chuyến bay của Air Vietnam. Tôi làm anh TT bất ngờ. Anh giữ tôi ở ăn tết với gia đình anh. Khi theo học khóa kể trên tại Fort Holibird, anh TT ở một phòng sát phòng tôi, và hai người sử dụng chung một phòng tắm thông nhau giữa hai phòng ngủ. Anh và tôi cùng cấp bậc, hợp tính tình, nên trở thành đôi bạn thân. Khi trở về nước anh bất ngờ khi “phải nhận” người bạn -có thể nói là rất

thân- đặt thuộc quyền sử dụng của anh. Dĩ nhiên là tôi bị lột chức không có lý do. Cho du học rồi sau đó chuyển đi đơn vị xa, hay cho “ngồi chơi xơi nước”, là các biện pháp “đi” của một ít cấp chỉ huy ngày đó. Hay thật! Nói ra thì e có sự hiểu lầm lắm xấu lây cho tập thể, nên nhiều nạn nhân đã ngậm quả bồ hòn mà cho là ngọt. Và tôi cũng đã từng. Anh TT hiểu rõ như vậy, nên hình như anh đã trình tình trạng của tôi cho Trung tá LKL Mưu Trường Sư đoàn biết, trước khi tôi trình diện. Qua ngày mùng một, anh TT đưa tôi vào Bà-Gi, nơi Bộ Tư lệnh Sư Đoàn đóng quân, trình diện Trung tá LKL. Ông thông cảm hoàn cảnh của tôi nên tiếp tôi niềm nở.

Chính vị Tư Lệnh Sư đoàn, Thiếu tướng Nguyễn văn Hiếu, một lương tướng mẫu mực của QLVNCH, được mọi người kính trọng và thương mến, cũng được tường trình về tình trạng và việc tôi vừa mới đi học ở Mỹ về với anh TT, cũng vui vẻ tiếp tôi. Trung tá LKL nói với anh TT là cho tôi sự tự do lựa chọn muốn ở Saigon, hay muốn ở Bà-Gi, hay trong phố Qui Nhơn thì Sư Đoàn sẽ thu xếp cho. Hoặc muốn về Saigon lúc nào cũng được. Tôi thành thực cảm ơn sự hiểu biết và thông cảm của các vị chỉ huy này. Nhưng tôi nghĩ là không nên phụ lòng những vị đó, nên phụ giúp Thiếu tá TT trong công việc. Tôi được cấp một căn nhà trong cư xá sĩ quan của sư đoàn ở Bà-Gi, một xe jeep, một tài xế, và một binh sĩ phục vụ, vì tôi đến đơn vị một mình, không có gia đình. Căn nhà của tôi ở đầu dãy nhà, đối với tôi như một thứ gác trọ không hơn kém. Và, căn nhà kế bên là của gia đình Trung úy Trần Doãn Dân, cũng là nhân viên của Phòng 2 Sư Đoàn.

Mấy chung trà ngon, mấy thức mứt ngọt, mấy ly cúc tửu cay thơm mà tôi thường thức trong những ngày Tết kế tiếp của mùa Xuân năm đó là của chính do người hàng xóm nhà bên cạnh tiếp đãi khi mà, ở cái xứ đi đây đó -tôi như một lãng tử vô gia đình- làm tôi ấm lòng. Tâm trạng tôi lúc đó, khi đối ẩm với ông bàng lân, không biết là tôi có đọc hai câu thơ của Thế Lữ: “Rũ áo phong sương trên gác trọ. Lặng nhìn thiên hạ đón xuân sang” hay không? Nhưng chắc chắn là tôi có đọc thơ, nếu không phải là của ai đó thì là thơ của tôi. Ông bàng lân này chính là nhà văn Doãn Dân. Nhờ mấy ngày Tết trà dư tửu hứng này tôi mới được biết Trung úy Dân là nhà văn Doãn Dân. Từ đó, trước hành lang giữa hai căn nhà của anh và của

tôi, Doãn Dân đặt một sạp gỗ nhỏ của một người ngủ, tuy nhiên thừa rộng để anh Dân và tôi bày biện thức nhậu lai rai với rượu đế hoặc bia, hay chỉ uống trà suông nói chuyện phiếm, mỗi buổi tối khi vừa lên đèn. Thực tình, tôi chỉ biết Doãn Dân lúc đó đã và đang viết một số chuyện ngắn, có thể đã có sách xuất bản, nhưng tôi chưa hề đọc qua một tác phẩm nào của anh, cũng như anh biết tôi có làm thơ và đã xuất bản tập thơ “Vùng Đêm Sương Mù” ở Saigon mấy năm trước, nhưng cũng có thể anh chưa đọc một bài thơ nào trong tập thơ đó của tôi. Thực ra, sau khi xuất bản tập thơ trên xong vào giữa 1966, tôi bận rộn dài dài trong sáu tháng còn lại và trọn năm kế tiếp 1967. Lúc đó tôi là Chỉ huy phó TTQB, được sự uỷ nhiệm của Đại tá HVL, Trưởng Phòng II/BTTM kiêm Chỉ huy trưởng TTQB, thành lập hơn mười Biệt Động Quân Bảo hoạt động cạnh các đại đơn vị Hoa Kỳ và Đồng Minh. Chiến cuộc gia tăng, Hoa Kỳ đưa quân vào nhiều tôi bận rộn cả ngày đêm, nên đã không còn có thì giờ thơ với thần và cũng không thể đọc chuyện của nhà văn nào, dù là của Doãn Quốc Sĩ, Mai Thảo, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Mạnh Côn, Thảo Trường, hay Doãn Dân. Rồi thì xảy ra trận Tết Mậu Thân, rồi đi học ở Hoa Kỳ, cho đến khi bị “đi đày”. Hơn nữa, tôi cũng không muốn làm thơ đăng trên bất cứ tờ báo hay tạp chí nào suốt thời gian tôi phục vụ trong quân đội, trừ một bài duy nhất đăng trong một số nào đó của Tập San “Bách Khoa”, bài ‘Màu Thời Gian’, hình như do Thế Phong gởi cho Toà Soạn Bách Khoa thì phải. Cho đến khi ngồi đối ẩm với Doãn Dân, chẳng ai biết tôi là ai. Tôi cũng vậy, tôi chỉ biết người ta bằng cái “tiếng” mà không học được một “miếng” nào của họ. Doãn Dân và tôi có một thứ giống nhau “không coi mình bằng ai nhưng cũng không để ai coi mình bằng thứ người gì đó”. Và có lẽ vì vậy mà chúng tôi quý trọng nhau lắm.

Mỗi chiều “lai rai” mấy chỉ hoặc uống trà và đàm đạo với nhau như vậy, Doãn Dân và tôi thường bàn bạc với nhau về các tác phẩm của các nhà văn lớn trên thế giới nhiều hơn, hay các tác phẩm của nhóm Tự lực Văn Đoàn. Đặc biệt là Doãn Dân thường nói về các tác phẩm với những nhân vật chính mẫu người “người hùng” vô danh của Lê văn Trương là một nhà văn viết rất nhiều về các chuyện phiêu lưu mà dòng văn học chính không muốn đề cập đến, hay các tác phẩm của Vũ Trọng Phụng như Số Đỏ, Giông Tố hay Vỡ Đê... Có lẽ

trong Doãn Dân tiềm ẩn nỗi thương cảm nào đó dành cho thân phận của những nhân tài không có đất phát triển khi nói về các nhân vật của Lê văn Trương, trong khi có lắm kẻ không hẳn đã hơn người nhưng vẫn “phát” như ai trong “Số Đỏ”, hoặc những tên ác ôn hay dùng quyền lực đè nén những người bất hạnh của Vũ Trọng Phụng. Anh cũng thương cảm cho số phận của những nghèo khổ, khốn cùng, bị lép người bê thế trong xã hội đè nén, mà bất lực khi muốn vùng vẫy vượt thoát số kiếp, nhưng “số đỏ” không bao giờ đến với họ. Phải chăng Doãn Dân nói về thân phận của một lớp người có tài mà “bất khả” trong xã hội, hay anh muốn nói về chính thân phận của anh, một người ôm hoài bão lớn, nhưng chưa nhìn thấy tương lai? Và, có lẽ tôi cũng vậy chẳng nên tôi hiểu anh dễ dàng lắm, nghe anh nói nhiều lắm về kiếp sống của con người, nhất là con người trong chiến tranh, như thời kỳ nhiều nhượng của chúng tôi, chết ngày hôm qua, chết ngày hôm nay, chết vội vàng tức tử, không nói được hết lời... làm sao tiếng tiếng vọng vang được xa xôi vào thời gian hay tuôn sâu vào ngưỡng cửa của hậu thế!... Kiếp con người sao mà khổ đến vậy, ngắn ngủi đến vậy. Và cũng chính con người, sao mà bạc ác đến vậy, nhẫn tâm và vô tình đến vậy. Họ giết người bên này hay bên kia dòng sông, trên cánh đồng bờ ruộng, hay trong đô thị phố phường?... Con người đánh mất lương tri và tình yêu ở đâu? Có phải họ đã ném tất cả vào biển lửa chiến tranh, phải không? Phải không! Vì vậy khi nhìn thấy ngọn lửa chiến tranh diễn ra tàn khốc từ nhiều năm trước nên thơ tôi làm thơ như tiếng gầm kinh sợ của một loài muông thú nhìn ánh lửa trong buổi cổ hoang, hay như tiếng hót náo nê của một loài chim lạ cô độc nhìn ánh sáng động trong vùng trời đất hoang dã mù sương. Làm sao mà nhìn cho ra! Còn Doãn Dân thì sao?

Doãn Dân, người miền Bắc, chừng mực, rất ít nói, cũng không hay cười, nhưng khi trò chuyện với tôi, gần như anh muốn trút bớt bầu tâm sự nặng trĩu trong lòng anh. Ở trên, là những gì anh nói, tôi nhớ ít nhiều và lập lại. Nhưng hơi oi, tôi có đọc được gì của anh đâu mà hiểu rõ anh hơn! Hình như anh còn mang tâm sự khác nữa. Có lẽ là một thứ chịu đựng khác hữu hình nhưng vô ngôn, như chính sự im lặng của anh. Gia đình đông là hạnh phúc nhưng là nỗi khổ tâm. Những người có tâm hồn, có tri thức, biết trút tâm sự vào đâu khi mà không có người muốn đón nghe, thì trút vào những

trang giấy vốn dĩ là vật vô tri nhưng hữu tình sẵn sàng nghe tiếng nói tận cõi sâu thẳm trong tâm tư của mình. Đi tìm một chân trời mới trong hư vô bằng trí tưởng tượng và tạo hình ảnh phản diện của hiện thực thiếu mỹ, cảm, là lối thoát của một tâm sự bung bít. Đó là nỗi khổ của kiếp làm người. Và đó cũng là định mệnh. Tôi thông cảm anh vì chính tôi cũng đã nhận thấy những điều đó. Vả lại, lúc đó tôi đang phải chịu đựng sự bất công của xã hội dù là một xã hội thu hẹp giữa những con người mặc áo nhà binh. Trong những tháng đầu năm đó, hàn huyên thân mật với nhau, nên tôi coi Doãn Dân như một người thân, và là một người em, vì tuổi tác của anh nhỏ hơn tôi ít nhất là bốn năm tuổi và, dĩ nhiên trẻ hơn tôi, nên tôi thường gọi Doãn Dân là “chú”. Chú là tiếng xưng hô rất thân mật và đậm đà thương mến của một người miền Nam với một người bạn thân nhỏ tuổi hơn. Nhưng không ngờ tiếng gọi này không hợp tai hiền nội của Doãn Dân. Một lần ở sở về nhà trễ, không thấy Doãn Dân ngồi ngoài sạp gỗ ở hành lang như thường ngày, tôi bước đến bên ngoài cửa nhà Dân, định gọi anh, vô tình tôi nghe từ trong khung cửa đóng kín tiếng nói của chị Dân vọng ra. –“Tại sao anh cứ để cho ông Dương gọi là chú mãi thế? “Chú” là gì anh biết không. Là đàn em của ông Dương đó!” Không nghe tiếng Doãn Dân trả lời. Tôi đau lòng, buồn bã, và âm thầm bước đi, không nhìn lại, nhưng có cảm tưởng là cả anh chị Doãn Dân đã mở cửa ra và nhìn tôi từ phía sau. Đêm đó tôi rủ Lê Thanh, một Thiếu úy làm việc ở Phòng 3 Sư đoàn, xuống phố Qui Nhơn, uống đến say khướt, mãi gần một hai giờ khuya mới trở về Ba-Gi.

Thời gian đó, ngoài việc chơi thân và đàm đạo với Doãn Dân, tôi cũng chơi thân với Thiếu úy Lê Thanh, người miền Nam, độc thân nhỏ hơn tôi chừng tám tuổi, làm việc ở Phòng 3 Sư đoàn. Lê Thanh là một họa sĩ xuất thân ở Trường Mỹ Thuật Gia Định, tốt nghiệp Sĩ quan Trừ bị mấy năm trước. Ngày thường và lúc tỉnh, anh chỉ làm việc và vẽ tranh. Nét vẽ của Thanh thật tươi mát, phóng túng, tuy chưa quá lập thể siêu thực như một Picasso, chưa quá biến thể lộng lẫy như một Wassily Kandinsky – những nghệ nhân vẽ tranh như tiếng nói của suy tư, của màu sắc- ở đầu Thế kỷ 20, nhưng nét vẽ của Thanh mang dấu ấn của một nghệ nhân vừa thuộc phái ấn tượng lại vừa thuộc phái trừu tượng. Áo ảnh và hiện thực quện vào nhau, như có như không. Thanh là một nửa của

Monet và một nửa của Renoir. Hình như Thanh là một Berthe Morisot thì đúng hơn. Nhưng không, Lê Thanh không theo trường phái của nhà nữ danh họa này. Lê Thanh là Lê Thanh, theo một trường phái riêng sáng tạo và phóng túng, gọi ảnh mà siêu hình, nên mỗi bức tranh là mỗi hiện diện của những giấc mơ. Thật tài hoa. Lúc Lê Thanh uống ngà ngà say thì thơ xuất ra như dòng suối trong chảy mạnh, dồn dập, thật mới mẻ, thật trữ tình, thực đẹp dễ, rồi vì không ai ghi kịp, nên quên hết - những dòng thơ mà sau này tôi đọc thấy ở Trần Văn Lệ, trôi chảy miên man. Thơ Lê Thanh chứa đựng một tâm hồn mà như chứa cả không gian man mác, vô tận. Tiếc rằng không còn một dòng thơ nào của Thanh. Khi Thanh tỉnh lại chỉ còn thấy sự trần trụi của thực tế và đã đánh mất cái tuyệt điểm vào hư vô. Vì vậy mà tôi quý mến Lê Thanh vô cùng. Biến thiên ngập tràn, rồi ly tán, tôi tìm Thanh từ hơn bốn thập niên qua, nhưng con phương hoàng này đã như mất bóng tự nghìn xưa.

Một người nữa mà tôi chơi thân là Trung úy Phạm Đình Trọng, người miền Bắc, một tay làm tình báo sừng sỏ, nhưng lại là người có tâm hồn, yêu thơ, thích nhạc biết đánh tây bằng cầm và sành bình luận văn học. Ông này trước năm 1974 thăng lên cấp tá và làm quận trưởng một quận ở Cao Nguyên, hiện nay ở Morigan.

Ba người trẻ tuổi này, Doãn Dân. Lê Thanh và Phạm Đình Trọng, tôi thực sự quý mến. Tôi thường gọi các anh bằng “chú” khi xưng hô, và họ gọi tôi bằng anh. Tài hoa của họ làm cho tôi thán phục, và vì vậy tôi không thể làm nổi một bài thơ nào suốt thời gian đó, chỉ nghe và thưởng thức những gì họ nói với chất men. Vắng thì nhớ, như ghiền... Tài nghệ của họ đã thực sự làm tôi tịt ngòi. Tôi thật đau lòng khi nghe được tiếng nói của chị Doãn Dân. Từ ngày buồn bã đó, chiều nào tôi cũng cùng Lê Thanh hay Phạm... Trọng, tôi gọi như vậy, xuống phố Qui Nhơn, đến Lệ Đá, hoặc quán, bar, nào đó uống túy lúy, đến khuya mới trở về Bà-Gi, dù con đường từ phố về khoảng hai mươi cây số này đôi khi không an ninh. Dĩ nhiên là tôi ít thù tạc với Doãn Dân, mà chỉ gặp nhau ở nơi làm việc. Tôi gọi Doãn Dân bằng tên sau chữ “anh” hay bằng cấp bậc. Trông anh buồn thấy rõ và có lẽ cũng đau lòng như tôi.

Vào khoảng tháng 9 hay tháng 10, năm 1969 đó, anh Thiểu tá TT bảy giờ đã thăng cấp Trung tá được điều lên

Pleiku làm Trưởng Phòng 2 QĐII & V2CT. Tôi thay thế anh làm Trưởng Phòng 2 SĐ22BB và dời lên ở dãy nhà ngói của cấp trưởng phòng và đơn vị trưởng của Sư Đoàn, cạnh nhà Tham Mưu trưởng. Tôi đã có trách nhiệm thực sự với đơn vị, nhưng đêm đêm vẫn thù tạc với người bạn mới là Đại uý Bác sĩ Trần Huy Thọ, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn Quân Y của Sư Đoàn, ở căn nhà bên cạnh nhà tôi. Các bác sĩ quân y, trợ y, và hành chánh quân y trẻ của Thọ cũng thường đến nhà của chúng tôi để họp đàn...văn nghệ, có cả Lữ Quỳnh. Đêm đêm chúng tôi thay phiên nhau nấu một soon mì Ramen lớn, ở bếp nhà tôi hay nhà Thọ, ăn chung với hàng chục hột vị luộc trộn cải xanh, và uống bia mua ở Quân Tiếp vụ, bàn chuyện văn chương, nghệ thuật hay ngâm thơ và đàn hát. Thịnh thoảng có Trần Hoài Thư ở ĐĐ405 Thám Kịch ghé chơi. Kể cả Lê Thanh, Phạm Trọng và đôi khi có cả Doãn Dân. Nhưng Dân bấy giờ trở nên thâm lặng hơn. Dù sao, đó cũng là thời kỳ đẹp đẽ nhất cho cả bọn chúng tôi. Những quân nhân yêu văn học, chuộng nghệ thuật, và suy tôn vẻ đẹp của thế giới đó với sự trân trọng, vui vẻ, nhưng vẫn giữ đúng phong cách riêng của từng người trong nhóm.

Sau đó không lâu, từ mấy tháng cuối năm 1969 trở đi, vì công việc tất bật với sự gia tăng hoạt động của các đơn vị địch ở khắp nơi trong “Khu vực Trách nhiệm Chiến thuật” của Sư Đoàn, nhất là vùng thung lũng An Lão, phía tây bắc Tam Quan và Bồng Sơn với các hoạt động mạnh mẽ của Sư đoàn 3 SaoVàng Cộng sản vùng liên ranh trách nhiệm giữa SĐ22BB và SĐ2BB đóng ở Quảng Ngãi. Tôi không còn rỗi rảnh nữa. Lúc đó, Thiếu tướng Nguyễn văn Hiếu đã chuyển vào QĐ III & V3CT làm Tư lệnh SĐ5BB đã hơn nửa năm trước và Chuẩn tướng Lê Ngọc Triển thay thế Ông ở SĐ22BB. Tư lệnh phó là Đại tá Lê Đức Đạt. Trung tá LKL vẫn còn giữ chức Tham Mưu trưởng. Điều đáng ghi nhận là SĐ22BB có đến 4 trung đoàn bộ binh thay vì 3 như các sư đoàn khác. Ba Trung đoàn 40, 41 và 47 phụ trách khu vực tránh nhiệm vùng duyên hải từ ranh giới phía bắc Quận Tam Quan, Tỉnh Bình Định, đến Đèo Cả phía nam Quận Phù Khê, Tỉnh Tuy Hoà. Trong khi đó Trung đoàn 42 Bộ binh, Thiết đoàn 14 Kỵ Binh của Sư Đoàn và Đại đội 22 Trinh Sát (-) được đưa lên Tân Cảnh, phía bắc Tỉnh Kontum, tức vùng cửa khẩu quan trọng của Tây Nguyên để bảo vệ an ninh vùng này lên phía bắc đến căn cứ Dakto, và xuống phía

nam đến Võ Định, để ngăn chặn lực lượng Cộng Sản Bắc Việt gồm hơn hai sư đoàn của Tướng Hoàng Minh Thảo, tư lệnh Mặt Trận B-3 ở vùng Ben Het và Ba Biên Giới, còn gọi là vùng Tam Biên, có thể bất cứ lúc nào, tấn công vào Kontum. Tuy nhiên tình hình lúc đó có vẻ nghiêm trọng hơn ở vùng duyên hải liên ranh giữa SĐ2BB và SĐ22BB, nên một chiến dịch hành quân phối hợp được tổ chức giữa hai sư đoàn này.

Bấy giờ SĐ22BB lập Bộ Tư Lệnh Hành Quân nhẹ ở Bồng Sơn (Quận Hoài Nhân phía nam Quận Tam Quan). Tôi và toán Phòng 2/Hành Quân –là một trong những thành phần chính của BTL/HQ nhẹ- cũng lên theo Tư lệnh Sư Đoàn lên đó. Trung úy Trọng, Trung úy Dân và một số sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ khác cùng đi hành quân với tôi. BTL/HQ/SĐ đồng chung với Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn 41 trực thuộc trên đồi Bồng Sơn.

Vào khoảng tháng 12, 1969, một buổi tối, Doãn Dân gặp riêng tôi. Anh trình bày là mong được chuyển chuyên. Đêm đó, hai người bạn lại tâm tình và tôi nói với Doãn Dân là tôi sẵn sàng giúp chuyển đơn với hảo ý nếu anh muốn chuyển chuyên về trung ương hơn là đi các đơn vị khác. Biết Doãn Dân khá Anh ngữ nên tôi khuyên anh nên làm đơn xin chuyển chuyên về một trong hai trung tâm hỗn hợp Việt Mỹ là CICV – Combined Intelligence Center Vietnam- hoặc CDEC – Combined Documents Exploitation Center- vì tôi cũng biết các trung tâm này đang rất cần các sĩ quan Quân Báo giỏi hay vững về Anh ngữ. Anh nghe theo tôi và làm đơn xin chuyển chuyên về CDEC. Không bao lâu sau đó, khoảng đầu năm 1970, Doãn Dân nhận được lệnh chuyển chuyên về CDEC theo đơn xin. Tôi cũng nghe tin chị Doãn Dân được thu nhận làm nhân viên dân chính do phía đối tác Hoa Kỳ chọn, muốn, và cùng làm việc chung với Doãn Dân ở Trung tâm Hỗn Hợp này. Tôi thực sự hài lòng vì giúp được một người bạn văn nghệ về một nơi mà bất cứ một sĩ quan Quân Báo nào cũng mong muốn, Saigon. Khi tôi gợi ý cho Doãn Dân xin chuyển chuyên về CDEC ở trong vòng rào mới của BTTM/QLVNCH, tôi chỉ nghĩ là giúp anh như giúp một người bạn có đông con được về nơi đất lành có nơi ăn học, ở Bà-Gi không có một Trường Tiểu học cho trẻ con. Cũng để giúp cho chính anh có đất “dụng võ”. Không có một ý nào khác hơn. Tôi nhớ ngày trước khi còn làm

CHP/TTQB, Bộ Chỉ huy đóng ở Phú Thọ, gần Cư xá Lữ Gia, nơi quản trị nhân viên toàn ngành Quân Báo, cuối năm 1966, không biết vì lý do gì Đại tá HVL Trưởng Phòng II/BTTM kiêm Chỉ Huy Trưởng TTQB, ba lần chỉ thị cho tôi làm lệnh truyền chuyển Đại úy VHN làm việc ở Phòng II/BTTM, đi Vùng I/CT hoặc Vùng II/CT. Tôi lần nữa mãi, đến lần chót khi Ông cử tôi tại sao không thi hành lệnh của Ông, tôi đã trình rằng Đại úy N. có bà mẹ già trên bảy mươi, mộ đạo, đi Nhà Thờ mỗi ngày, và một đàn con năm sáu đứa còn nhỏ dại, nếu bị dời đi xa, ông ấy có bề gì thì Đại tá nghĩ sao về bà mẹ và bảy con nhỏ của ông ta? Đại tá HVL nín lặng và bỏ qua nhưng giao ông đại úy này xuống TTQB làm việc với tôi.

Về việc Doãn Dân, có khác một chút, nhưng tôi cũng hành xử theo lương tâm của mình. Cho dù nếu có bạn của tôi nêu lên là Doãn Dân lần đó “bị” truyền chuyển về Saigon hơn là “được”, thì tôi cũng không thấy hối hận vì tôi làm đúng theo lương tâm và nhịp đập của trái tim tôi. Đó là về tình, còn về lý, tôi không muốn đề cập đến, nhưng có một ý kiến nhỏ. Ở Bà-Gi, cuộc sống không như ý, chị Doãn Dân dù có học thức nhưng theo chồng sống ở đó, không có việc làm mà chỉ lo việc nội trợ, nên chắc rằng gia đình không dư giả. Lương tháng của một trung úy, nuôi nấng năm con dại, người nội trợ tất phải thật vén khéo. Doãn Dân truyền chuyển về Saigon, nơi mà mọi quân nhân không phải là cấp tướng và đại tá ở các ngành yểm trợ tác chiến, đều mơ ước, nơi mà bốn đứa con gái còn nhỏ của Doãn Dân có trường lớp khang trang để học hành, nơi chị Doãn Dân có việc làm trong một cơ sở hỗn hợp Việt Mỹ rất đứng đắn, được trả lương như một tư chức làm sở Mỹ, thường là gấp đôi lương sĩ quan cấp úy, do đó đời sống gia đình chắc chắn thoải mái hơn, an vui hơn và cũng an toàn hơn... Tuy nhiên tôi không cho rằng việc truyền chuyển của Doãn Dân về Saigon cuối năm 1969 là “bị” hay là “được”, nhưng chắc chắn là tốt đẹp hơn cho gia đình Doãn Dân.

Làm việc ở Saigon đến một vài năm sau đó Doãn Dân mới truyền chuyển ra đơn vị nào đó ở vùng hoả tuyến, thì việc này chính tôi cũng không thể nào biết được. Dĩ nhiên cần tìm hiểu vì sao Doãn Dân “bị” truyền chuyển ra khỏi Saigon và từ trần ở Quảng Trị? Ai truyền chuyển Doãn Dân đi và vì lý do gì? Tôi nghĩ là rất nhiều sĩ quan ngành Quân Báo phục vụ ở

Phòng II/BTTM, nhất là phục vụ ở CDEC trong thời gian từ đầu năm 1970 đến cuối năm 1971 (hai năm) biết rõ. Tôi mong mỗi một vị nào đó, hiểu các việc nêu trên, xin vui lòng làm sáng tỏ. Còn một chi tiết khác cần được lưu ý là nếu Trung úy Trần Doãn Dân chỉ chuyển chuyên ra QĐI & V1/CT mà vẫn còn phục vụ trong ngành Quân Báo thì dù bị đi đày rõ ràng nhưng chưa hẳn là bị kỷ luật mà đôi khi vì nhu cầu công vụ, hay vì lòng thương ghét của thượng cấp. Nhưng nếu Trung úy Dân bị “loại ra khỏi ngành”, kèm theo phần phạt trọng cấm và chuyển chuyên ra một đơn vị tác chiến ở vùng hỏa tuyến này thì đó là hình thức kỷ luật nặng đối với một sĩ quan của ngành này. Vậy, nhà văn Doãn Dân bị đưa ra vùng hỏa tuyến trong trường hợp nào?

Trong thời gian đó thì tình trạng cá nhân của tôi trong ngành Quân Báo cũng không ổn vì dù các cấp chỉ huy SĐ22BB từ vị Tư lệnh, Tướng Triển, Tư lệnh phó Đại tá Đạt và Tham mưu trưởng Trung tá LKL, đều thích lỗi làm việc của tôi, và tôi cũng thích làm việc với các cấp chỉ huy hiểu biết và độ lượng như vậy. Tuy nhiên biển muốn lặng mà gió không ngừng, vì bao nhiêu đơn từ trước đây của tôi xin chuyển chuyên ra khỏi ngành Quân Báo và cả đến việc các cơ quan tình báo khác xin cho tôi về với các cơ quan này đều bị Trưởng Phòng II/BTTM, với tư cách Trưởng Ngành Quân Báo, từ chối. Trong đó có công điện của Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tỉnh Báo, theo yêu cầu của Đại tá HVL, nguyên Trưởng Phòng II/BTTM, xin cho tôi về và chuyển tôi sang Paris để làm phụ tá cho Ông vì lúc đó Ông là Trưởng lưới Tỉnh báo của Phủ ĐUTƯTB ở Âu châu. Đó là dịp may bằng vàng của bất cứ một sĩ quan tình báo nào. Lần sau cùng, khi Tướng Triển Tư lệnh Sư đoàn, gửi công điện về Bộ Tổng Tham Mưu để xin chính thức điều chỉnh chức vụ Trưởng Phòng 2 SĐ22BB cho tôi, cũng bị Trưởng ngành Quân Báo từ chối, mặc dù Quyết định do chính Đại tướng Tổng Tham Mưu Trưởng QLVNCH ký. Ông Đại tá Trưởng Phòng II/BTTM này còn viết một bức thư riêng gửi Tướng Triển giải thích rằng trước đó tôi chỉ là một huấn luyện viên và là một sĩ quan quản trị và hành chánh nên không thể giữ chức vụ chỉ huy tình báo chiến trường ở cấp đại đơn vị chiến thuật quan trọng là Sư đoàn. Và, ông ta xin Tướng Triển chấp nhận một sĩ quan cấp tá khác có khả năng về tình báo chiến trường thay thế tôi. Người đó là Thiếu tá BK.

Tướng Triển cho tôi xem bức thư này và nói thêm là “Ông Đại tá này không ưa anh. Thôi để tôi giúp anh.” Sau đó, vị Tướng đầy lòng bao dung và nhân hậu này điện đàm giới thiệu tôi với Trung tướng Đồ Cao Trí, Tư lệnh QĐIII & V3CT. Lúc đó, Tướng Trí sắp mở cuộc Hành quân Toàn Thắng sang lãnh thổ Miền đang cần sĩ quan QB biết Pháp văn.

Trong ngày hôm sau Tướng Triển cấp cho tôi một Sự Vụ Lệnh về trình diện thắng Trung tướng Trí, ở Biên Hoà. Đó là ngày 31 tháng 3, năm 1970. Hành trang của tôi nhẹ nhàng, chỉ mấy bộ quân phục, mấy bộ thường phục, xếp vào chiếc valise nhỏ, được trực thăng chỉ huy của Tư lệnh đưa về sân bay quân sự Qui Nhơn và lên một C-130 của lực lượng Hoa Kỳ bay về Saigon trong buổi trưa cùng ngày. Trước khi rời Bồng Sơn, không kịp chào từ biệt Đại tá Lê Đức Đạt, Tư Lệnh Phó và Trung tá LKL Tham Mưu Trường, nhưng tôi vẫn luôn mang ơn và nhớ hai vị này vì đã chiếu cố và đã cùng tôi chia sẻ niềm vui chung khi cùng nhau “butterfly”, chữ mà Đại tá Đạt thường dùng khi gọi Trung tá LKL, Trung tá H, Trưởng phòng 1 SĐ, và tôi, họp để xoa Mặt Chược. Thứ thú giải trí hấp dẫn này, chắc hiện nay vẫn còn được Đại tá LKL dùng để tiêu khiển thi giờ ở đâu đó trên đất Mỹ, nhưng Đại tá Lê Đức Đạt đã trở thành người thiên cổ ở Tân Cảnh trong năm 1972. Tôi nhớ một người và xót thương một người... Khi tôi từ giã các chiến hữu thuộc toán Phòng 2 Hành quân trước khi ra sân bay trực thăng ở Bồng Sơn tôi thật cảm động khi thấy có một số nhân viên rơi nước mắt, trong đó có Hạ sĩ Bẹ tài xế, và binh nhất Kiên, người phục vụ thân tín từ hơn một năm trước, khi tôi mới đảo nhậm đơn vị ở Bà-Gi. Cũng không kịp từ giã Lê Thanh, người bạn trẻ nghệ nhân tài hoa của tôi. Tôi mất liên lạc với anh từ đó. Bây giờ anh ở đâu!.. Có niềm vui và nỗi buồn nào hơn cho tôi, lúc đó?.. Ngày hôm sau, 1, tháng 4, năm 1970, tôi trình diện Trung tướng Trí và ngay trong ngày đó Ông chỉ định tôi làm Sĩ quan Liên lạc của Ông ở Sway-Riêng. Sau đó, tôi được đưa sang Kompong Cham, cũng làm Sĩ quan Liên lạc cho QĐIII & V3CT QLVNCH cạnh BTL Quân Khu I Quân đội Miền.

Tháng 6 năm đó, tôi trở về Biên Hoà và làm việc ở Phòng 2/QĐIII & 3CT. Cuộc hành quân ngoại biên vẫn tiếp diễn với những thắng lợi lớn lao, phá tan hầu hết các căn cứ

địa của CSBV trong vùng biên giới Việt-Miên như Lưỡi Câu và Mỏ Vẹt. Các lực lượng hành quân của Trung Tướng Trí tiến xa vào lãnh thổ Miên, yểm trợ cho quân đội của Chính phủ Lon Nol và bắt đầu hành quân thủy, bộ, đưa hàng chục ngàn Việt Kiều ở Miên về nước. Tôi cũng thường theo Bộ Tư Lệnh Hành Quân nhẹ của Trung tướng, lúc đó ở Hiếu Thiện, Tỉnh Tây Ninh và sau đó dời vào tỉnh lỵ. Đến cuối năm, tôi nhận được nhiều tin vui về các cấp chỉ huy và bạn bè cũ ở SĐ22BB. Chuẩn tướng Lê Ngọc Triển thăng Thiếu tướng và được điều về Saigon giữ chức vụ Tham Mưu Phó Hành quân BTTM/QLVNCH. Đại tá Lê Đức Đạt thăng chức Tư lệnh SĐ22BB thế Tướng Triển. Trung tá LKL thăng Đại tá và được bổ nhiệm giữ chức vụ Tham Mưu Trưởng QĐII & V2CT. Đại úy Bác sĩ Trần Huy Thọ thăng Thiếu tá, Phạm Đình Trọng thăng Đại úy và lên làm việc với Trung tá TT ở Phòng 2 QĐII & V2CT. Lê Thanh thăng Trung úy. Trần Hoài Thư chuyển về miền Nam. Không biết ở đâu. Khi làm Trưởng phòng 2 SĐ22BB, trên nguyên tắc, tôi chỉ huy và lập kế hoạch hành quân cho Đại đội Thám Kịch 405, đơn vị của Trần Hoài Thư và Đại đội Trinh Sát Sư Đoàn. Đáng lẽ Đại đội Trinh Sát phải được sử dụng thi hành những nhiệm vụ khó khăn và nguy hiểm để sưu tầm tin tức ở các căn cứ địa hay mật khu của địch, kể cả đột kích ở các vùng sâu bắt cóc hay giết cán bộ cấp cao và nguy hiểm của chúng. Nhưng thường thì đơn vị này trên thực tế nhận những nhiệm vụ tế nhị hơn như canh phòng, tháp tùng bảo vệ Tư Lệnh Sư Đoàn, khi ở hậu cứ hay hành quân, hoặc trấn giữ một vài cứ điểm nhỏ nhưng quan trọng của Sư đoàn. Vậy mà, bao nhiêu trách nhiệm nguy hiểm trong vùng địch kiểm soát, đột kích, thám kích, tiền thám hay viễn thám kể cả tăng viện và là mũi tấn công chính trong một trận đánh dữ dội, đều giao cho Đại đội Thám Kịch 405. Vì vậy sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ của đơn vị này phải là quân nhân tinh nguyện hoặc được chọn lựa trong thành phần có kinh nghiệm trận mạc, gan lì và nhất là sự bền bỉ chịu đựng gian khổ ở các đơn vị tác chiến khác của Sư Đoàn. Mặc dù Đại Đội Thám Kịch không có trong Bảng Cấp Số của Sư Đoàn, nhưng do tính chất của nhiệm vụ khi thành lập -vì nhu cầu chiến trường- nên tính mệnh của mọi cấp trong ĐĐ/TK như “chỉ mảnh treo chuông” mỗi một khi được sử dụng. Ai vào thám kích mà ra khỏi được, không chết, ít nhất cũng mang theo vài chiếc sẹo trên mình. Trần Hoài Thư rời miền Trung vào miền Nam

không biết được mấy Chiến thương Bội tinh?

Việc tôi về làm việc ở Phòng 2 QĐIII & V3CT không theo thủ tục thông thường làm ông Đại tá Trưởng Phòng II/BTTM lúc đó bức tức nhưng Ông biết rằng Trung tướng Đỗ Cao Trí đã nhận tôi thì mọi việc về tôi đã ngoài tầm tay của Ông rồi. Nhưng có điều đáng buồn là vì chuyện không “trị” được tôi trước đó nên Ông quay sang kiểm soát chặt chẽ và trị các thuộc cấp khác ở Phòng 2/BTTM và các cơ quan Quân Báo trung ương trực thuộc. Ông đuổi ra khỏi Saigon hàng chục sĩ quan cấp tá và cấp úy mà Ông cho là ương ngạnh và không phải là người của Ông từ các đơn vị Quân Báo ở các Vùng Chiến Thuật chuyển về. Trong những sĩ quan cấp tá bị “tống” đi xa có Trung tá TVB, Thiếu tá PNT, Thiếu tá TDL (hiện ba ông này đều ở Mỹ) còn sĩ quan cấp úy đếm không hết. Phải chăng trong số này có Trung úy Trần Doãn Dân, tức nhà văn Doãn Dân? Điều này tôi không dám khẳng định mà chỉ nêu lên như một câu hỏi. Thực sự, tôi không được biết chính xác Doãn Dân bị chuyển ra vùng hoả tuyến từ bao giờ, và vì lý do gì, vì từ ngày tôi bị tận tình “chiếu cố”, tôi không muốn nghe gì và biết gì về “triều đại” độc tôn của Đại tá Trưởng ngành QB nữa. May là, khi tôi về lại Phòng II/ BTTM, khoảng đầu năm 1972, thì nơi này đã đổi chủ. Vị Trưởng Phòng II/BTTM và Trưởng ngành QB mới là một cấp chỉ huy học thức rộng, phục vụ rất lâu năm trong ngành. Ông nhân hậu, rất lịch thiệp và nhã nhặn với thuộc cấp, đối xử chí công vô tư đối với tất cả nhân viên toàn ngành. Dĩ nhiên Ông được sự kính trọng và mến phục của mọi người. Lúc đó nhà văn Doãn Dân hình như đã không còn làm việc ở CDEC nữa.

Từ hơn bốn mươi năm qua tôi không còn muốn nhắc đến chuyện cũ nữa vì không muốn gợi nhớ lại thời kỳ buồn bã của chính tôi. Nhưng hôm nay, theo yêu cầu của Trần Hoài Thư và mong mỏi của mọi người, nhất là người trong giới làm văn học muốn tìm hiểu rõ hơn về cái chết oan nghiệt của nhà văn Doãn Dân, một sĩ quan Quân Báo, ở chiến trường Vùng I Chiến Thuật, nên tôi viết câu chuyện này. Chỉ mong góp một chút ánh sáng. Một sĩ quan hi sinh là thiệt thòi cho quân đội, ông ta trở thành một anh hùng, có thể là vô danh, nhưng một nhà văn mất sớm là thiệt thòi lớn cho một nền văn học. Riêng tôi, tôi cũng muốn tìm rõ hơn về cái chết của Doãn Dân.

Vâng, chính tôi đã cho Doãn Dân từ SĐ22BB – nơi mà nhà văn Trần Hoài Thư ví như là một nơi từng giới của mọi quân nhân bị kỷ luật hay đi đầy- rời vùng đất chết về Saigon, một nơi tốt đẹp nhất và an toàn nhất của mọi người mặc quân phục, nếu không phải là địa đàng của miền Nam thời chiến. Nhưng ai đã đuổi Doãn Dân ra vùng hoả tuyến một thời gian khá lâu sau đó, vì lý do gì? Ông ở đơn vị nào nữa sau khi Ông rời CDEC và trước khi Ông tử trận trên đường thuyền chuyển đến SĐ3BB? Tôi có thể nói rằng khi ở SĐ22BB và trước khi Dân thuyền chuyển về CDEC, Saigon, Doãn Dân vẫn tôn trọng tôi. Tôi vẫn quý Doãn Dân như một nhà văn. Ông ta không hề xúc phạm tôi, và tôi cũng vậy. Cũng cần nói rõ, tôi không hề dùng quyền hạn hay áp dụng kỷ luật với thuộc cấp. Suốt hơn hai mươi năm trong quân ngũ, tôi chỉ bị người ta phạt nhưng không hề ai hà hiếp, nên chẳng bao giờ tôi hà hiếp và chưa hề phạt trọng cấm hay khinh cấm bất cứ một thuộc cấp của tôi. Đó là danh dự cũng là niềm hãnh diện của tôi.

Có một điều tôi nghĩ rằng tôi cần nói rõ là Doãn Dân không “bị trả về Saigon” sau khi bị thượng cấp đập bàn cự nự vì một lần đi phép về trình diện đơn vị trễ. Và Doãn Dân, vì bảo vệ vinh dự của một sĩ quan đã cũng lớn tiếng thách thức thượng cấp... Điều này chỉ đúng một phần vì chính tôi biết rõ và nghe rõ sự đối đáp giữa Trung tá TT, Trưởng Phòng 2/SĐ22BB lúc đó, và Doãn Dân. Trung tá TT đáng lý không quá nóng giận với một sĩ quan thuộc cấp. Đó là điều đáng tiếc. Vì bình thường Ông trầm tĩnh và đôn hậu, ai cũng mến mặc dù Ông rất ít nói và làm việc rất cẩn trọng. Trung úy Dân cũng vậy. Bình thường Dân lễ độ, giữ đúng kỷ luật, làm việc giỏi và thận trọng, nhưng lần đi phép đó không hiểu vì sao anh không giao lại một tài liệu quan trọng mà anh phụ trách cho Trung tá TT làm ông này chơi với và phải chờ nhiều ngày. Tôi không ngờ chuyện đã xảy ra mà cả hai đều có lỗi lầm. Nhưng sau đó Trung tá TT tỏ ra hiểu biết và không áp dụng kỷ luật với Trung úy Dân. Thực ra, với quyền hạn đối với sĩ quan cấp úy thuộc cấp, Trung tá TT có thể phạt Trung úy Dân 7 ngày trọng cấm và xin gia tăng, cũng có thể đề nghị Tư lệnh Sư đoàn đưa người thuộc cấp này làm Sĩ quan Quân Báo ở cấp Tiểu đoàn, đầu cần phải “trả về Saigon” nếu Ông muốn kỷ luật Trung úy Dân. Theo qui chế, một Trưởng phòng 2 cấp Sư đoàn chỉ có

thể trả một sĩ quan dưới quyền về Phòng 2 Quân Đoàn mà thôi. Việc trả về trung ương chỉ áp dụng cho sĩ quan Quân Báo cấp Tá và phải do Tư lệnh Sư Đoàn ký đề nghị “hoàn trả” nếu không muốn sử dụng nữa, hay như trường hợp muốn cách chức Trưởng phòng 2 Sư đoàn hay một sĩ quan cấp Tá khác trực thuộc phòng đó. Cũng có trường hợp hoàn trả các sĩ quan Quân Báo về ngành này, dù là cấp tá hay cấp uý, nếu trước đó các sĩ quan này được biệt phái làm việc trong các cơ quan khác của Chính phủ hay các ngành khác của QLVNCH.

Việc Trung úy Dân cải vã với Trung tá TT ngày đó không liên quan gì đến việc Doãn Dân được chuyển về Sài Gòn sau đó. Cũng nên nhắc lại, Doãn Dân về Sài Gòn là khi tôi làm Trưởng Phòng 2/ SĐ22BB vào khoảng cuối năm 1969 hay đầu năm 1970. Vì vậy, việc xảy ra giữa Trung tá TT và Trung úy Dân diễn ra vào khoảng tháng 5 hay tháng 6, năm 1969.

Một điều nữa tôi thật không ngờ -mà tôi cho là do định mệnh- là: tại sao một chiến sĩ với năm tháng dài sống trong một đơn vị đánh nhau, luôn đối diện với tử thần từng giờ, từng ngày như Trần Hoài Thư, đã từ đất chết về được cõi sống, và tại sao một người an lành trong ngành tình báo trung ương, ở vùng đất địa đàng, như Doãn Dân, đã bị đưa ra vùng hoả ngục và hi sinh ở đó?

Phải chăng là định mệnh?

Còn nữa, định mệnh ác nghiệt còn đến với Thiếu tá BK, người mà vị Đại tá Trưởng Phòng II/BTTM lúc đó nhất định yêu cầu Tướng Lê ngọc Triễn chấp nhận cho từ Sài Gòn ra Bình Định làm Trưởng Phòng 2/ SĐ22BB thay thế tôi năm 1970. Sau đó, Thiếu tá BK và toán Phòng 2/Hành quân theo Bộ Tư Lệnh nhẹ của Sư Đoàn đi hành quân trên Tây Nguyên và hi sinh ở Tân Cảnh với cả toán nhân viên của Ông trong mùa Hè, năm 1972.

Khi tôi đang giữ chức vụ Trưởng Phòng 2/ SĐ5BB, và đang bị bao vây ở An Lộc với Tướng Lê văn Hưng, ngay trong “mùa hè đỏ lửa” đó. Một đêm, tôi đang ở trong hầm chỉ huy của BTL/HQ/SĐ, thì khoảng 2 giờ khuya, nhận điện thoại

của Đại tá HNL, vị Trưởng Phòng II/BTTM mới tôi đề cập ở trên, cho biết một tin buồn. Nguyên văn câu nói của Ông: - “Dường, tôi gọi báo cho anh một tin buồn và một tin mừng. Buồn vì tôi vừa được báo cáo là Bộ TL/HQ nhẹ của SĐ22BB ở Tân Cảnh đã bị địch tràn ngập. Đại tá Lê Đức Đạt, Tư lệnh Sư Đoàn, và Thiếu tá BK người thay anh ở đó, đã mất tích. Tôi mất một cán bộ tình báo. Mừng là mừng cho anh. Có thể, sẽ không có chuyện gì xảy đến. Anh sẽ về an lành.” Đại tá HNL tin tưởng như vậy. Tôi nghe tin này như một người chợt tỉnh sau một giấc mộng dữ. Định mệnh là như vậy hay sao? Hay sự mất tích của Thiếu tá BK là tín hiệu của thứ “định mệnh” lạ nào đó của chính tôi! Tháng 6, 1972, An Lộc được giải vây và chiến thắng. Tôi được thăng cấp tại mặt trận và yên lành trở về. Tôi thương tiếc người chỉ huy cũ, Đại tá Lê Đức Đạt, đã từng “butterly” với chúng tôi. Tôi thương tiếc Thiếu tá BK, người đã chết thay cho tôi ở SĐ22BB. Đến hôm nay, đã hơn bốn mươi năm qua, vẫn không có tin tin tức gì về những vị này. Họ đã thành người thiên cổ cả rồi! Họ đã thành những vị anh hùng của QLVNCH. Phải chăng là Định mệnh?

Giả thử Doãn Dân còn tiếp tục ở lại SĐ22BB cho đến mùa Hè năm 1972 mà không về Sài Gòn đầu năm 1970, và tôi không rời chức vụ Trưởng Phòng 2/ SĐ22BB mà vẫn còn ở Bà- Gi, Bình Định -ít khi vị TL/SĐ thay người chỉ huy tình báo tác chiến ở cấp chiến thuật quan trọng này- thì chúng tôi sẽ như thế nào trong Trận Tân Cảnh, mùa Hè 1972? Định mệnh quyết định số phận của mỗi người ra sao?

Định mệnh. Định mệnh. Tất cả chỉ là Định mệnh mà thôi!.. Thực sự có phải như vậy hay không? Cõi đất trời nào sẽ trả lời cho tôi?

Văn Nguyên Dường
Trung tuần tháng 2, 2011

Võ Hồng : kỷ niệm với doãn dân

Tôi gặp anh Doãn Dân lần đầu tiên vào mùa Hè 1968. Lúc bấy giờ anh làm ở Bộ Chỉ Huy Sư đoàn tại Qui Nhơn và chẳng biết nhân dịp nghỉ phép hay đi công tác mà anh và Nguyễn Kim Phụng lái xe jeep vào Tuy Hòa mang luôn Trần Hoài Thu, Trần Huyền Ân, Thế Vũ... vào thẳng Nha Trang. Khi Nguyễn Kim Phụng giới thiệu anh với tôi, tôi cảm động cầm tay anh. Là bởi nhiều năm trước tôi có đọc mấy truyện anh đăng Bách Khoa, tôi yêu cái không khí lãng đãng nhẹ nhàng, cái uyển chuyển ngập ngừng rất tinh vi trong truyện anh. Khi viết những dòng này, tôi lười không lật ra những chồng Bách Khoa cũ để đọc lại, mà chỉ hồi tưởng cái cảm giác êm ả dịu dàng tôi đã cảm thấy lúc xưa.

Gặp gỡ nhau, chúng tôi cùng dự chung những bữa ăn vui vẻ, trong đó có mặt hầu hết các thân hữu ở Nha Trang. Tôi còn nhớ có một bữa ăn do tòa soạn Đất Sống của anh Lê Minh.

Tác phẩm của Doãn Dân hình như chưa được thưởng thức đúng mức của nó. Nguyên do có lẽ vì anh không chịu xếp đặt một cốt chuyện thật lôi cuốn, hấp dẫn, sử dụng mọi yếu tố gay cấn, bất ngờ để kích thích độc giả. Chắc không ai ngờ nghĩ rằng anh không xây dựng nổi một cốt truyện hấp dẫn như vậy. Mọi trí óc bình thường đều có đủ khả năng để thêu dệt nên những truyện lâm ly, huống chi Doãn Dân có thể mượn một vài cốt truyện ngoại quốc thật hay, pha chế thêm bớt và cuối cùng "Việt Nam hóa" nó đi. Khả năng ngoại ngữ của anh giúp anh làm dư cái công việc đó. Nhưng Doãn Dân lại chọn con đường khác. Anh phân tích tâm lý nhân vật, đi sâu vào những ngõ ngách của tâm hồn con người rồi đưa ra những phát hiện bất ngờ khiến người đọc thích thú nhẹ nhàng. Hãy lấy ví dụ truyện **Tiếng Gọi Thảm**, tác phẩm mới nhất của anh, ra chào đời vào lúc anh vừa nhắm mắt.

Nhân vật chính của truyện là Hiệu, một sĩ quan đi tu nghiệp tại

Hoa Kỳ. Lấy khung cảnh là nước Hoa Kỳ thì thiếu gì chi tiết để tạo nên những hoàn cảnh hi nộ ai lạc, những mối tình lãng mạn, những gặp gỡ và chia ly tưới đầy nước mắt. Nhưng anh không chịu dễ dàng làm vậy. Anh lại tỉ mỉ phân tách tâm trạng của Hiệu:

Chàng nhận thấy mình không có đủ cương quyết để thực hiện ngay bất cứ việc gì... Chàng chần chừ nán ná rồi cuối cùng cho phép mình bỏ cuộc, tự hẹn với mình một dịp "hứng" khác. Cứ thế, Hiệu bỏ dở nhiều ý định. Chàng vừa băn khoăn, khó chịu về tính lười biếng nhu nhược của mình vừa chiều theo nó. Nhiều khi quăng thì giờ chàng phải chịu đựng nỗi khó chịu, sự ân hận lâu hơn cả khoảng thời gian chàng có thể hoàn tất công việc một cách gọn gàng chu đáo (tr 102)

Có phải rằng đó cũng là tâm lý của chúng ta ? Và :

Trưa cũng như chiều, chưa một lần nào chàng thử ghé qua Câu lạc bộ sĩ quan, hoặc tạt vào phòng giải trí. Đó là những nơi dường như không thích hợp, không thuận tiện cho những dáng người bé nhỏ; càng không thích hợp cho những dáng người bé nhỏ mà lại có quá nhiều mồ hôi (tr. 115)

Hoặc:

Đến một lúc, Hiệu bỗng ý thức rõ ràng, cái vẻ lịch lãm ôn tồn lẫn lễ độ của anh (một đại úy người Anh) nó làm cho anh khác Hiệu, nó nhắc anh ra xa Hiệu. Nó không giúp chàng gần lại anh. Trái lại, nó bắt chàng đứng lại ở đúng vị trí của chàng. Nó như là một khoảng cách an toàn cầm giữ, không cho chàng nhích lại gần. (tr 110).

Và đây là phần phân tích tinh vi của anh:

Chàng bỗng nhận ra, đã từ lâu lắm, từ hồi còn nhỏ cũng nên, chàng không bắt gặp một đêm bình yên, phẳng lặng thế này. Đêm bình yên quá cũng là một sự kiện bất thường; một điều hiếm thấy. Chàng đâm ra ngơ ngác, bàng hoàng. Như người tình cờ, chợt khám phá ra một sắc thái mới của cuộc đời mình, khác hẳn với cái sắc thái mà mình vẫn sống (tr 124) . Từ xưa đến nay, mặc dầu đã sống gần nửa đời mình, đã đi gần như hầu hết mọi nơi trên đất nước mình, chàng vẫn chưa từng được gặp đêm nào quá ư an lành, êm ả như thế này, êm ả tưởng chừng mỗi cử động nhỏ của mình đều phải giữ gìn, gượng nhẹ, nếu không, có thể đụng nhằm phải nó, nó sẽ la

lên...

Đêm của chàng luôn luôn có những bất trắc, hiểm nghèo thường xuyên rình chờ, quanh quẩn kề cận bên mình. Nỗi bất trắc núp dưới lùm cây, sau mô đất nhỏ, trên một lối đi bé xiu ngoằn ngoèo, lượn khuất quanh co giữa những khóm tre, bụi chuối, gần lẫn vào đám cỏ dại xanh tốt hai bên... Trong đêm tối, bất cứ cái gì, ở bất cứ đâu cũng đều hàm chứa những nỗi hiểm nghèo, những điều trọng đại. Ngay đến cả sự lặng thinh lại cũng mang cái ý nghĩa bất an, trọng đại: (tr 125)

Đó là những đêm ở Việt Nam. Và đây là đêm Hoa Kỳ:

Trong đêm vắng, chỉ có mình mình đối diện với nỗi lặng thinh, thanh thân trên đất nước người, chàng bỗng cảm thấy lòng mình buồn bã, nghe như từ một chỗ nào sâu kín tận đáy hồn mình, vẳng lên một tiếng gọi thăm, tiếng gọi mơ hồ, vu vơ, chấp chới mà thật thiết tha, khắc khoải vô cùng. Lần đầu tiên từ mấy tuần nay, Hiệu chợt ý thức rõ ràng: mọi thứ ở đây đúng là hoàn toàn xa lạ; đúng là không có lấy mảy may thân thuộc với mình. Những con đường, những khu phố, những người, những cảnh... xa lạ đã đành. Đàng này, xa lạ cả đến một niềm êm ả, xa lạ cả đến một cái lý do làm mình thức tỉnh trong đêm. Ở bên nhà mỗi lần bừng tỉnh là mỗi một lý do đường hoàng, chính đáng: tiếng súng nổ rất bên tai, tiếng phản lực rít trên đầu, bị địch tấn công, pháo kích... Trong khi đó ở đây lý do sao mà nghèo nàn, vô vị; giật mình choàng tỉnh lại chỉ là vì một làn gió lướt quanh nhà, vì một cánh cửa quên không khép lại (tr 129)

Chỉ rút một vài đoạn của một truyện ngắn Doãn Dân, chúng ta đã thấy nét đặc thù của bút pháp của anh.

Cái kỷ niệm gần nhất, kề sát nhất với ngày Chết của anh là bức thư anh gửi cho tôi hôm tháng Hai 1972, gửi từ Đ.N báo tin rằng một tuần lễ Văn Hóa Dân Tộc sẽ được tổ chức tại Đ.N vào dịp lễ Hùng Vương và anh bảo tôi chuẩn bị trước để ngày đó ra dự. Thư mời chính thức của Ban tổ chức sẽ gửi sau. Tôi biên thư trả lời và khi viết địa chỉ anh lên phong bì thì tôi lúng túng không biết cái số KBC của anh là 4103 hay là 4109. Nét chữ của anh bằng bút nguyên tử, - có lẽ ở giai đoạn cạn mực, - đã ngoằn ngoèo đứt nối khi viết con số chốt nên tôi phải đoán,

thậm chí phải lấy kính lúp ra soi và phải nhờ người đoán giùm. Ý kiến không đồng nhất, tôi lại dò hỏi xem có ai có người quen làm việc ở Bộ chỉ huy tại Đ.N để biết rõ con số KBC. Nhưng không ai có người quen làm việc ở đó cả. Cuối cùng tôi đành quyết định viết con số 3.

Một tháng sau, thư được trả lui với lời ghi chú "*không có tên này ở địa chỉ trên*". Tôi thấy phong bì, ghi địa chỉ 4109. Ngày 27 tháng Tư nhận được thư anh. Anh xin lỗi rồi rút về cái ngòi bút tai hại đã làm tôi nhọc nhằn (thực tế thì có gì đâu mà gọi là nhọc nhằn ?) Và cuối thư anh ghi lại con số KBC bằng chữ thật to, đồ đi đồ lại thật đậm, nhất là chỗ con số 9 thì cơ hồ gần rách cả giấy. Anh bị chú thêm "*Như thế này là bảo đảm thư anh không còn có cách gì để bị trả lui lại nữa*". Sự cẩn thận của anh lần này còn đi quá cả cái mức cần thiết : địa chỉ của anh ghi ở ngoài phong bì thư, ngang ở số KBC anh cũng đồ đậm hết cỡ.

Nhận thư anh được ba ngày thì nghe tin anh tử trận. Tôi bàng hoàng, ngòi nhớ lại cái dáng dấp thấp của anh, cái cốt cách nghiêm túc cẩn trọng của anh và xót xa nhất là khi hồi tưởng đến cái buổi tối cuối cùng anh ngồi đối diện với tôi. Anh đã nói :

- Chiến tranh hoài, nản quá. Ai cũng mong thanh bình. Nhưng khi thanh bình rồi thì đối với anh em sĩ quan trừ bị chúng tôi, vấn đề làm ăn lại phải đặt ra. Mình chẳng biết làm nghề gì cho hay. Chẳng lẽ lại đi dạy học. Lúc đó cuộc tranh sống tha hồ mà khó khăn.

Hôm nay thì, với anh, đột nhiên mà cuộc tranh sống đứt đoạn, ngừng nghỉ. Tin anh chết đến với tôi khi trên bàn tôi bức thư có số KBC đồ đậm, phong bì có số KBC đồ đậm còn nằm nguyên đó . 4109. Nhưng tôi còn dùng con số này để làm gì, để viết gửi cho ai ?

(nguồn: *Giai phẩm Văn số 13 ngày 17 tháng 4-1973*)

████████████████████

nguyễn xuân hoàng : *thư gửi người đã khuất*

sàigòn ngày 3 tháng 4 năm 1973

Anh Doãn Dân,

Tôi đã nhận được thư đề ngày 03-03-1972 của anh. Rất cảm ơn anh và anh Duy Lam đã có lòng tốt nghĩ đến tôi. Tôi sẽ cố gắng liên lạc với các bà Nguyễn thị Hoàng và Trùng Dương để trình bày ý định của ban tổ chức ngoài đó. Nếu hai nhà văn này đồng ý tôi sẽ đánh điện ngay ra cho anh và lúc đó anh hãy sắp xếp sau cũng không muộn. Anh biết mà, công việc của tôi thực ra cũng chẳng lấy gì làm bẽ bộn cho lắm, nhưng tôi bị chia sẻ nhiều thứ, nhiều việc cho quá nhiều thì giờ thành ra đôi lúc tôi có cảm tưởng như đang bay trên những cây kim đồng hồ. Nói tóm lại là tôi sẽ không ra ngoài đó trong lúc này, nhưng đề đến tháng 7 thư thả một chút, tôi sẽ tìm mọi cách ra ngoài đó chơi với anh và thăm viếng các anh ấy một phen. Và lại Đà Nẵng, tôi cũng yêu thành phố ấy lắm. Hồi ông anh tôi còn đóng quân ở đó, tôi có ra chơi đôi ba bận. Tôi rất ưa bến Hàn Giang và có lẽ mình cũng nên đi chùa Non Nước mua mấy cái tượng đá xem coi lần này có bị bể như mấy lần trước không.

Thăm anh và chúc anh nhiều sức khỏe.

Anh Doãn Dân,

Đó, lẽ ra tôi đã phải biên cho anh một cái thư đại loại như vậy ngay sau khi nhận được thư anh. Thế mà tôi đã không viết, mặc dù tôi đã sốt sắng cho chạy ngay cái tin sinh hoạt văn nghệ do anh ghi về tuần lễ văn hóa.

Cái gì đã khiến cho tôi không lấy tờ giấy ra, cầm cái bút và biên thư cho anh ?

Có lẽ tôi còn biết tự giải thích bằng cái tính quá ư lười biếng của mình. Thực ra, cách cắt nghĩa đó không ổn, không bao giờ ổn, cho vai trò của một TKTS. Lại càng không ổn cho vai trò của một người bạn. Cái lối giải thích đó càng tố cáo thêm cái lỗi lầm của người giải thích hơn là khuất lấp được lỗi lầm ấy. Dù sao sự việc đáng lý không xảy ra đã xảy ra.

Nếu anh hiểu tôi, không giận tôi, thì những dòng chữ trong lá thư muộn màng này hơn là một lời cảm ơn, mà còn có thể xem như là một lời xin lỗi rất thành thật của tôi gửi đến anh.

Anh Doãn Dân, tôi không nhớ một cách đích xác là tôi đã quen

anh từ hồi nào. Điều chắc chắn mà tôi có thể nói được, căn cứ vào cái thư đề ngày 03-03-1972 của anh, tôi đã bắt tay anh lần đầu vào khoảng tháng 11 hay tháng 12 gì đó năm 1971.

Còn nhớ lần đầu tiên gặp anh ở tòa soạn Văn, ông chủ nhiệm Nguyễn đình Vượng đã giới thiệu anh với tôi. Và hình như chúng ta đã không nói gì với nhau nhiều cho lắm. Anh có vẻ e dè và kín đáo. Còn tôi lúc nào tôi cũng sợ cái sự vồn vã ban đầu của một người lạ. Thú thực với anh bữa đó tôi có hơi ngạc nhiên một chút khi được biết anh là tác giả *Chỗ Của Huệ*. Tôi đã nghĩ là anh quá trẻ để viết một cuốn sách như cuốn đó. Thế giới trong tác phẩm anh dễ khiến cho người đọc có cái cảm tưởng là họ đã đọc rồi, ở đâu đó. Một mối tình như thế, một kết thúc như thế. Những rung động quen thuộc, công thức, buồn thảm. Những cô gái giang hồ trong đời chúng ta, thấp thoáng trong những dòng chữ đã được viết, những trang sách đã được in. Tôi không muốn nói là anh không sáng tạo khi dựng một vũ trụ cho thế giới tiểu thuyết của mình. Tôi nghĩ là anh đã chưa muốn sử dụng đến khả năng sáng tạo của một người cầm bút. Sau đó, chúng ta đã nói chuyện với nhau khá hơn, chuyện nắng mưa thời tiết, đời sống quân ngũ, tình hình khó khăn nơi vùng anh đóng quân, một vài rắc rối mà anh đang gặp phải đã khiến anh nản lòng. Giọng nói anh nhỏ nhẹ dịu dàng và dường như có phần nào buồn thảm. Điều nhận xét ấy làm tôi quan tâm đến anh hơn, đến khuôn mặt rắn chắc, cứng cỏi, những nét gãy gọn, đen sạm, cằm bạnh, tóc khô cứng, dáng người khá to lớn hơi thô. Một cái gì trái cựa, bất hợp giữa hai điều ấy.

Lần thứ hai gặp anh cũng tại 38 Phạm Ngũ Lão. Lần này anh có vẻ hấp tấp và vội vàng, hình như anh đang nóng lòng chờ đợi một quyết định gì đó nơi ông Nguyễn Đình Vượng. Khi đứng dậy cầm chiếc nón nhà binh trên tay xoay xoay anh nói với tôi là anh cần phải trở về đơn vị gấp. Tôi không còn nhớ tới cuốn truyện cũ của anh nữa. Ông Nguyễn Đình Vượng đưa cho tôi tập bản thảo mấy cái truyện ngắn của anh và lần này với tập truyện mới của anh trong tay, tôi nghĩ là tôi sẽ được đọc thấy trong tác phẩm anh một bầu không khí khác, những nhân vật khác. Tập truyện ấy gồm tất cả là năm sáng tác và nếu tôi nhớ không lầm thì dường như lúc đầu anh có ý muốn chọn cái nhan đề là *Bàn Tay Cho Yén*, tên của một truyện trong tập truyện. Nhưng khi in đến chuyện Tiếng Gọi Thâm, số trang ấn định cho mỗi tập Tân Văn (sách) đã vừa đủ, thành ra cái truyện, có lẽ là truyện ưng ý nhất của anh, đành gác lại, và cái

tựa của cuốn sách lại là tên của truyện cuối cùng trong tập được in.

Lần thứ ba tôi gặp anh, hình như là ngày mừng hai hay mừng ba Tết gì đó và anh đã cùng với Định Nguyên đến thăm tôi tại nhà riêng.

Tôi còn nhớ bữa đó anh tỏ vẻ than phiền tôi về một vài sửa đổi trong tờ báo, sự than phiền mà lẽ ra nếu có, sẽ phải do một người bạn khác phát biểu chứ không phải anh. Tôi đã tìm mọi cách để trấn an anh, thật ra là để trấn an bạn tôi và tôi, như tôi đã tìm mọi cách để trấn an một vài người bạn thân khác về những bức dọc của họ đối với những khó khăn mà chúng tôi gặp phải mà chính họ, họ không hiểu, chưa kịp hiểu. Anh ra về có phần vui tươi hơn lúc bước chân vào cửa. Tôi không tin là mình đã thành công trong sự biện bạch những việc mình đang thực hiện. Tôi tin rằng, cũng như tôi, chắc anh không lấy đó làm quan trọng nữa. Mỗi người ở một giai đoạn nào đó, trong một khung cảnh nào đó, họ sẽ đóng giữ một vai trò nào đó. Giai đoạn ấy qua, khung cảnh ấy hết thuận tiện, kẻ khác thay thế, ghé vai vào đẩy cái bánh-xe-công-việc theo một chiều hướng mà hẳn cho là đúng, dù hẳn không nức lòng tin tưởng cho lắm.

Điều quan trọng chính là chiếc-xe-công-việc chạy, và vấn đề là hướng nào nó sẽ đến, đâu phải là cách ghé vai hay cách xô bằng hai cánh tay.

Thật không ngờ, đó là lần cuối cùng chúng ta nói chuyện với nhau. Và lá thư đề ngày mừng 03-3-1972 của anh gửi cho tôi với những tình cảm tốt của một người bạn đã không được phúc đáp. Tôi đã không thực hiện đúng những ý muốn của anh.

Chắc anh sẽ không giận tôi, anh Doãn Dân. Ở một nơi xa, anh cứ tiếp tục hiểu cho rằng, văn chương cũng như những thứ khác trên cõi đời cũng chả có gì là trầm trọng. Giữa hai người bạn, sự giao tiếp trước hết là sự giao tiếp giữa hai con người, còn những cái phụ thuộc đeo cuốn quanh nó (văn chương, hay nghệ thuật, chức tước hay quyền lợi...) nên đặt qua một bên.

Tôi thành thực hối hận đã không biên cho anh những dòng chữ lẽ ra đã phải viết, như một người bạn gửi cho một người bạn.

(nguồn: Giai phẩm Văn số 13 ngày 17 tháng 4-1973)

định nguyên : *doãn dân, cát bụi*

Cho đến lúc Nguyễn Xuân Hoàng vấy vào nhờ viết vài dòng về Doãn Dân tôi mới chợt nhớ lại rằng Dân đã chết gần một năm rồi. Tôi không thích nhớ đến những cái chết vì cái chết đã từng quấy nhiễu tôi, dù là cái chết của một người bạn thân cũng vậy.

Những quen biết tình cờ, những lần gặp nhau quán xá. Những câu chuyện chiến tranh, thời cuộc, vui đùa, tiểu lâm, văng tục, những kỷ niệm nói chung, về Doãn Dân tôi thật tình không muốn nhớ đến nữa, tại lười biếng, tại xúc động, phải chảy nước mắt : Mình là những thằng nhà binh, một lần hấn nói, tôi chỉ mỉm cười nhưng đồng ý hoàn toàn như thế thân nhau dễ hơn, thành thực hơn, không phải vì văn chương, đồng ý !

Văn chương là cái quái gì ?

Người bạn cười hăng hắc.

Bữa chiều ba mươi Tết năm ngoái cầm cái lệnh thuyền chuyển về đến Sài Gòn, mệt mỏi, chán nản, Quảng Trị, Đông Hà, đường số 9, Cam Lộ, Hưng Hòa, chắc là tôi không còn có dịp, cũng không muốn trở lại đó nữa. Doãn Dân thì ở mãi trong Qui Nhơn, nhưng cái Tết ấy chúng tôi gặp nhau ở Sài Gòn.

Hôm ấy là mồng hai, mồng ba gì đó, có lẽ là mồng ba, tôi không nhớ rõ. Buổi trưa tôi về nhà hơi trễ một chút, thường có khi tôi không về. NG. nói với Dân vậy nhưng Dân bảo rằng chờ tôi vì hôm sau đó phải về Qui Nhơn, đáng lẽ phải đi từ trước Tết kia.

Tôi về nhà kịp. Dân cười thật tươi, bắt tay thật chặt, có cả Đào Trường Phúc. Phúc không nói làm chi vì đã đến chơi nhiều lần nhưng sự có mặt của Doãn Dân thật tình làm tôi cảm động vì đó là lần đầu tiên hấn đến thăm tôi.

Tôi giữ hai người bạn lại ăn cơm trưa nhưng Phúc từ chối. Vì anh không thể vắng mặt trong buổi hóa vàng ở nhà được. Dân ở lại với tôi với điều kiện sau đó phải chở hấn về nhà luôn. Dĩ nhiên tôi đồng ý.

Không ngờ lần gặp gỡ đó là lần cuối cùng.

Trong bữa ăn chúng tôi uống một chút rượu. Một chút men

đường như làm cho người bạn sáng khoái hơn. Sáng khoái đến độ hần gần như rầy la tôi về một vấn đề thuộc lãnh vực văn chương. Tôi chỉ cười. Nhưng rồi Dân cũng bỏ qua chuyện đó ngay và sau đó chúng tôi chỉ nói toàn chuyện quân sự, đơn vị, ông này, ông kia, những trận đánh... Hần bắt măn nhiều thứ nhưng thời kỳ ấy khá rồi, có vẻ dễ chịu. Dân cũng bảo ở ngoài đó tương đối thoải mái hơn hồi còn ở Bình Dương. Nhà binh thế là được rồi. Tôi bảo cũng liệu mà xoay sở về trong này cho gần nhà nhưng người bạn nói nhiều chuyện buồn gia đình quá không muốn ở gần Sài Gòn.

Ăn trưa xong là đi ngay. Tôi biết người bạn không có nhiều thì giờ vì hôm đó là ngày cuối cùng của hần ở Sài Gòn, phép thì cũng đã trễ rồi, không nấn ná thêm được nữa.

Dân đưa tôi đến nhà cô em ở Thị Nghè và tôi gặp ông cụ thân sinh cùng vợ anh ở đó. Cũng là lần đầu tiên người bạn tâm sự về cái hoàn cảnh gia đình khó giải quyết của mình, sự kiện mà bạn bè Dân chẳng biết gì nhiều lắm. Tôi nghĩ rằng Dân coi tôi là bạn thân từ đó. Hần kể với giọng buồn bã pha chút bất măn. Quả thật là tôi không có ý kiến. Chịu! Tôi chỉ an ủi người bạn thì liệu liệu thế nào cho ổn thôi. Một câu nói vô tội vạ dĩ nhiên. Hần căn dặn : chỉ có mầy và thằng Phúc biết rõ hoàn cảnh tao, khổ tâm lắm! Tôi cười bảo hần bọn mình nhà binh mà rồi cũng xong cả lo gì cho mệ ! Người bạn cũng cười xuề xòa. Tôi yêu nụ cười hần, cởi mở và thành thật. Rồi cũng xong cả ? Quả đúng như thế thật, nhưng tại sao lại bằng cách ấy? Tại sao vậy?

Chúng tôi đến nhà Phúc ở Trương Minh Giảng một lúc, lúc ra về tiện đường Doãn Dân đề nghị vào thăm Nguyễn Xuân Hoàng. Trong câu chuyện hần vẫn còn hậm hực về cái vụ viết tựa. Lúc ấy tôi nghĩ buồn cười cho ông bạn nóng tính hơn cả mình, khác hẳn các nhân vật nằm đọc sách chờ người yêu rồi nói đùa rằng không biết chàng xem sách hay sách nó xem chàng như trong một truyện ngắn của Dân.

Cuối cùng tôi đưa Dân về nhà ở một ngõ đường Yên Đổ. Trước khi tôi về hần căn dặn buổi chiều phải đến ăn cơm với hần. ‘

Buổi chiều tôi không đến được vì bận đi chúc Tết một vài nơi và cho đến bây giờ tôi còn ân hận về vụ thất hẹn ấy.

Hơn hai tháng sau Đào Trường Phúc báo tin Doãn Dân tử trận trên cái vùng đất tôi đã sống nhiều ngày tháng. Cái tin làm tôi lặng người đi và khi ở ngoài phố về, mở cửa bước vào nhà, tôi

tưởng nhìn ra khuôn mặt rạng rỡ nụ cười của người bạn đang ngồi ở chiếc ghế nệm đỏ, khi thấy tôi về reo lên :

- A ! đây rồi !

Về đến nhà tôi cũng không nói cho Ng. biết cái tin Dân mất. Tôi không muốn báo tin một người chết cho một người khác. Tôi không thích nghe những người sống chỉ biết than thở: "Tội nghiệp quá".

Bao nhiêu điều để nói về một người chết, một nhà văn, một cuộc đời, những tác phẩm... Ta chỉ nói về một người bạn cho chính ta nghe. Hấn sống như một quân nhân và chết như một quân nhân. Ta không nói về nhà văn Doãn Dân vì hấn đã bảo văn chương ớn lắm. Mà có lẽ thế thật ! Sống không buông chết không tha: hấn nằm xuống khi những trang in cuối cùng của một tập chuyện chưa khô mực.

Cũng biết bao nhiêu kỷ niệm để kể về một người bạn qua đời nhưng đáng nhớ nhất có lẽ chỉ là kỷ niệm cuối cùng. Kỷ niệm cuối cùng của Doãn Dân, đối với tôi là cái siết tay, thật chặt, một lời hẹn, nhưng tôi đã không đến; kỷ niệm cuối cùng: sự ân hận.

Chết là hết. Nói với người chết là nói với hư không mà nói về người đã chết thì có thể sai lầm ngộ nhận, tôi nói với kỷ niệm, kỷ niệm như cát bụi phủ lên ngày tháng mòn ố, phai nhạt, quên lãng. Doãn Dân : một người bạn, một kỷ niệm, một cái chết đã phai mờ trong ngày tháng mệt mỏi, đã được cất giấu một xó góc tối tăm nào đó trong tâm hồn những người đang sống, cái xó góc âm u trong tiềm thức chỉ để chắt chứa kỷ niệm, một nơi bụi bặm, im vắng, chỉ để tưởng nhớ không phải mở ra lục tìm quá khứ.

Tôi không muốn làm công việc lục lạo ấy, chỉ muốn tưởng nhớ chứ không muốn tìm thấy Doãn Dân (nhà văn, tác phẩm, của đời như cái cung cách người ta vẫn hay nói về một người cầm bút khi qua đời. Chết là một tác phẩm cuối cùng lớn nhất, phủ nhận mọi tác phẩm khác), tưởng nhớ để ân hận cái lần cuối thất hẹn với người bạn ấy.

Đến giờ phút này tôi vẫn nhớ nguyên tắc Doãn Dân thường nói đùa : "Bạn văn nghệ không khoái bằng bạn nhà binh ". Tôi không biết hấn có bao nhiêu bạn hữu, với bạn hữu của Doãn Dân nói về hấn là thừa. Tôi chỉ nói với những người không quen biết anh rằng Doãn Dân rất bộc trực, rất nóng nảy, rất

ngay thẳng nhưng cũng rất hồn nhiên dễ thương.
Yên nghỉ nghe Doãn Dân !
Có gì trên đời rồi chẳng như cát bụi !

(nguồn: *Giai phẩm Văn số 13 ngày 17 tháng 4-1973*)

du tử lê : *chỗ* nào cho doãn dân

Chỗ của Huệ là nhan tác phẩm đầu tay của Doãn Dân. Tôi thích cái titre này, như thích cái lối nói chuyện say sưa của anh, buổi tối nào, ở quán P. Đó là những buổi tối khi anh em chưa tan tác. Đó là những khoảng thời gian mà sinh kế chưa quá vut xuống lưng anh em những đường roi cay nghiệt, khiến anh em phải mỗi người về một phía. Đó cũng là cái khoảng thời gian mà *Chỗ của Huệ* ra đời.

Những người có mặt trong chiếc bàn vuông hôm đó, tôi nghĩ chắc khó có thể quên một Doãn Dân với khuôn mặt vuông, cằm bạnh, lưỡng quyền cao, trán lớn và bóng, với chồng sách còn ướt chữ mực in trên tay. Anh nâng niu từng cuốn, tặng từng người. Anh say sưa với giọng nói đục và (như) nằm ngang về những gian nan của cuốn sách. Về cái tình của N.T., người chủ trương nhà Huyền Trân, người mà Doãn Dân coi như ân nhân của mình trong cố gắng tận lực để *Chỗ của Huệ* ra đời đúng với ý nguyện tác giả.

Nói như nhà văn M.T thì mỗi người cầm bút ngoài khả năng thực sự của mình, họ còn thành công hay thất bại, nhanh hay chậm, do nơi cái gọi là "duyên may".

Nếu có một số ít anh em được hưởng cái duyên may kia, thì ngược lại, theo tôi có quá nhiều anh em ở trường hợp ngược lại. Doãn Dân ở trường hợp sau.

Cái không may của anh, ở chỗ lẽ ra tác phẩm đầu tay của anh phải được trình làng vào những năm cuối năm mươi. Đó là khoảng thời gian có mặt tạp chí Văn Hóa Ngày Nay do nhà văn Nhất Linh trông nom. Tôi không biết trước thời gian này Doãn Dân đã viết cho báo nào chưa, nhưng tôi nhớ từ thời Văn Hóa Ngày Nay, Doãn Dân đã có mặt, ngang hàng với những

tác giả thời đó. Hãy tưởng tượng nếu ở những năm cuối thập niên năm mươi kia, tác phẩm của Doãn Dân ra đời, niềm mơ ước và khao khát bùng cháy của anh thành hình và được thể hiện từ những năm đó, có thể anh đã khác. Cái khác ở đây, tôi muốn nói, có thể nó sẽ không đưa anh tới cái chết ở Quảng Trị. Tôi không tin nơi những lời nói nhà văn không cần tác phẩm, nhất là ở trong thời hiện đại. Câu nói này nghe nó có vẻ lãng mạn kiểu trung cổ quá đi. Và tôi vẫn nghĩ công việc cũng như khó khăn đầu tiên của một nhà văn là y phải có tác phẩm. Tác phẩm đầu tay. Điều này cần thiết lắm. Tôi ví nó như một tấm gương. Một tấm gương chỉ in hình của chính anh nhà văn đó mà thôi. Nó cần thiết như một thử thách không thể không có cho một lên đường hay bỏ cuộc. Từ đây, anh nhà văn có thể viết lại, bằng một lối khác, điều đã viết ra kia, hay kể lại, bằng một cách khác, câu chuyện kể đã có sẵn đây. Hoặc hơn nữa, y xóa bỏ hoàn toàn để vẽ lên một dung nhan mới. Nhưng cách nào, thế nào, cũng chỉ là một lối nói, một quan niệm của từng người. Việc đầu tiên vẫn là cái tấm gương phải có hình ảnh y. Và tôi nghĩ, quá muộn màng cho Doãn Dân khi gần hai mươi năm sau, tác phẩm đầu tay của anh mới được ra đời.

Cái không may, cái không có duyên của Doãn Dân còn ở chỗ anh đã không được nhìn thấy cuốn sách thứ hai của anh lên khuôn (1). Tôi nghĩ đến cái đam mê lớn nhất của người bạn văn số này là cái đam mê dành cho chữ in. Dành cho màu mực. Tôi hiểu cái khát khao quặn thắt tâm hồn anh, những tháng năm đã đi qua là cái khao khát của những dòng chữ mang tâm hồn và ý nghĩ anh. Nhưng đã vô ích rồi tất cả những thứ đó. Đã hoài công rồi, những gì mà giờ phút này anh em, bè bạn và đám đông có thể dành cho anh.

Tôi cũng nghĩ, cái kém may mắn cái không có duyên của Doãn Dân, còn ở chỗ anh đã quên không dành lấy cho chính mình... một chỗ. Một chỗ nào đó, trong suốt thời gian còn làm người. Và phải chăng chính sự quên mình, chính vì sự chỉ mưu toan giữ chỗ cho những gì khác, ngoài một chỗ của Huệ, đã khiến tôi thấy yêu anh hơn, và bản chất nghệ sĩ nơi con người anh, từ đây đậm nét hơn.

Bây giờ lúc mà chiến tranh đã dành cho Doãn Dân một chỗ không êm đẹp. Lúc mà những viên đạn vô tình của những

người anh em bên kia, đã dành chỗ vôi vàng trên thân thể Doãn Dân, tôi muốn xin những người còn lại, những người thân yêu hãy để cho Doãn Dân một chỗ nào đó khuất kín trong lòng mình. Cũng như đã để cho những người nằm xuống khác, những chỗ tương tự. Hy vọng đặc tính mau quên của thời đại mới sẽ không đúng với trường hợp này. Và lời cuối cùng trong bài viết ngắn này, tôi muốn gửi tới người con gái đi bên Doãn Dân trong buổi tối nào khi cuốn sách đầu tay của Doãn Dân còn ướt mực một lời xin riêng. Có thể là một ngỏ ý thừa thãi, một lời xin trễ tràng nhưng tôi cũng xin được nói. Đó là một chỗ, vâng, một chỗ nhỏ nhoi thôi, trong tâm hồn cô, nhưng đó là một chỗ mãi mãi, dành riêng cho bạn tôi. Doãn Dân. Được chăng ? Hỡi người con gái của một tối mà tới bây giờ, tôi vẫn chưa biết tên.

Xin cảm ơn cô, và cảm ơn tất cả những ai còn dành cho Doãn Dân một chỗ nhỏ nhoi trong trí nhớ, như anh, anh đã dành suốt cuộc đời anh, kiếm tìm những chỗ cho bất cứ một ai đó, trong chúng ta.

(1) Tiếng gọi thầm, Tân Văn

(nguồn: Giai phẩm Văn số 13 ngày 17 tháng 4-1973)

SÁNG TÁC CỦA DOÃN DÂN

GIAO THỪA

Loan vẫn đứng tỳ hai khuỷu tay lên mặt tủ, người hơi cúi, hai bàn tay ôm lấy mặt, quay lưng về phía chồng.

Tân ngược mắt nhìn vợ thật nhanh rồi lại cúi xuống. Dáng đứng có vẻ thiếu nảo, mệt mỏi và thất vọng của Loan làm chàng vừa thương vừa ghét vợ.

Bỗng Loan quay phắt lại, nhìn trừng trừng vào mặt Tân, nói giọng gay gắt:

-Anh không biết như thế là nhục nhã lắm à? Hẹn người ta năm lần bảy lượt rồi...

Mặt Tân vụt trợn lên và miệng chàng hơi hé ra như ngạc nhiên, sừng sốt về thái độ hỗn xược của Loan. Chàng định dùng một lời gay gắt mắng lại, nhưng, trong tích tắc, chàng bưng hiều, làm thế không ích gì. Chàng lặng lẽ cúi đầu và thoáng thấy lòng mình se thắt lại. Chàng nâng một bàn tay ôm lấy mặt để dấu tiếng thở dài.

Thái độ nín thinh của Tân như trêu chọc, thách thức nổi khó chịu, hằn học trong lòng Loan. Nàng vẫn đứng yên, nói, giọng hơi dịu đi, nhưng có vẻ mỉa mai, chua chát:

-Hừ! Người ta đến bây giờ rồi lại làm ra tươi cười, vồn vã... Thật là dê hèn...

Bỗng nàng hét lên:

-Tôi chán phải nói "xin khất ông bà..." lắm rồi! Lần nào cũng chấp chân chấp tay như một kẻ ăn xin khốn nạn. Nhục lắm!

Tân vẫn không ngừng đầu lên. Nét mặt chàng lúc này trở nên bình thản lạ lùng; cái bình thản chai đá của một người nhịn nhục quá độ.

Lát sau, chàng nhìn Loan, ôn tồn nói:

-Em đừng to tiếng...Đêm ba mươi, hàng xóm người ta cười...

-Người ta còn chú vào mặt cho nữa...Tôi nghe chán rồi...

Mắt Tân vụt quắc lên, rồi dịu đi ngay. Chàng đứng dậy đi đến bên cửa sổ nhìn ra ngoài. Trời tối đen, không một ngôi sao.

Loan vừa đi lại phía Tân, vừa nói:

-Anh tính sao bây giờ? Họ sẽ trở lại trước giao thừa. Họ bảo thế.

Tân không quay lại, nói:

-Biết tính sao! Anh đã đi suốt buổi chiều...

-Nghĩa là...

Bất giác, Loan ôm mặt, chạy đến bên giường, òa lên khóc.

Tân vẫn đứng yên. Chàng không còn cảm thấy gì. Tiếng khóc ảm ức của Loan như xoáy vào tâm hồn chàng, rồi loang ra và vang lên. Mắt chàng đăm đăm nhìn vào khoảng không đen đặc. Chàng không nghe thấy có những tiếng pháo đã lác đác nổi dậy từ rất xa

Một lát sau, Tân quay trở vào, đến bên Loan, vẫn ôn tồn nói:

-Anh biết em khổ. Anh có lỗi với em. Nhưng em thử nghĩ xem...quanh năm anh vất vả. Anh có chơi không để bắt em phải chịu đựng, khổ sở một mình đâu!...

Loan nằm quay mặt vào tường, khóc tẩm tức:

-Ai chả biết anh vất vả!!! Nhưng sự vất vả của anh giúp vợ con được gì. Tôi không muốn suốt đời vác mặt đi vay thiên hạ...Sao anh không cố gắng lên?

Tân nói như đã nghĩ từ lâu:

-Em không nên nói thế. Không phải ai vất vả cũng có được tiền. Và cũng không phải ai không có tiền là không vất vả. Anh đã làm hết sức anh. Anh nghèo không phải lỗi với anh. Ai cũng muốn có tiền để vợ con sung sướng. Nhưng sức anh chỉ có thế. Anh không muốn làm những công việc ngoài khả năng chân chính của anh để mang lại sự sung sướng cho em. Như vậy là lừa dối, bịp bợm người đời...

Loan vụt quay lại, nhòm người lên, nhìn thẳng vào mắt Tân:

-Anh cho là bịp bợm? Hừ! Đời nó thế cả! Sao anh không thú nhận là anh không có can đảm làm như mọi người? Sao anh không chịu thú nhận là anh hèn kém hơn họ?

Tân quay mặt đi như lẩn tránh tia mắt Loan. Chàng có cảm tưởng như mình vừa bị tát vào mặt. Nét mặt chàng nhăn nhó

lại. Một lần nữa, chàng đưa tay lên ôm mặt để giấu tiếng thở dài.

Có tiếng Loan hỏi:

-Anh hãy làm như họ. Chỉ có sự khúm núm trước mặt kẻ khác là đáng làm cho mình cảm thấy nhục nhã, dẽ hèn, hổ thẹn... Anh đã khúm núm, anh chưa biết sao?

Tân lặng lẽ đứng dậy, đi đến bên song cửa. Chàng không muốn nói gì; và cũng không nói được gì. Đã nhiều lần Loan và chàng cãi nhau vì những nguyên nhân tương tự và chàng nhận thấy bao giờ chàng cũng là người chịu thua, chịu kém.

Bất giác Tân quay lại hỏi Loan:

-Họ hẹn mấy giờ họ trở lại?

-Chắc chắn là trước giao thừa.

Suy nghĩ một lát, chàng nói:

-Em ở nhà. Anh lại đi lát nữa xem sao...

Loan im lặng.

Tân đẩy cánh cửa, lại quay đầu lại, nói:

-Anh sẽ trở về trước Giao thừa. Em bảo họ ngồi đợi.

Loan vẫn im lặng

Tân bước hẳn ra ngoài.

Ra khỏi nhà, Tân rẽ bên phải, đi như một kẻ không hồn. Con đường trước mặt chàng chìm hẳn vào bóng tối. Những mái nhà đứng rải rác hai bên đường đã đóng cửa từ lâu như muốn âm thầm gìn giữ sự hồi hộp đợi chờ giờ phút thiêng liêng sắp tới.

Tân thọc hai tay vào túi quần, cúi đầu, lặng lẽ bước. Những lời Loan vừa nói vang hẫng lên, quay cuồng trong óc chàng. Ý nghĩ chàng cơ hồ loảng ra giữa màn đêm mênh mông, đen kín. Theo vệt bước chân chàng, một tiếng nói âm thầm vang lên ở trong tiềm thức: “Đến nhà ai? Biết đến nhà ai bây giờ?”. Câu hỏi lập đi, lập lại như một tiếng vang mà Tân không ý thức được. Có cái gì xôn xao, vang động trong tâm trí chàng lẫn át tiếng nói âm thầm ấy. Chàng không tự biết mình hiện nghĩ gì hay chẳng nghĩ gì cả. tất cả mọi ý nghĩ trở nên mung lung, hỗn độn.

Đến một đoạn đường có vệt ánh sáng hắt ra từ khe cửa của một căn nhà mé bên phải, Tân đứng hẳn lại giơ một tay lên xem giờ: mười giờ kém năm. Sắp đến Giao thừa; sắp đến lúc mà chàng phải có số tiền để trả nợ. Tự nhiên, Tân cảm thấy thân thể mệt mỏi, rã rời. Chàng đứng dựa lưng vào một cây bên đường nhắm mắt lại. và trong một thoáng, Tân không

muốn nhắc chân lên nữa. Một nỗi tủi then đón đau như đã ẩn nấp từ lâu, đột nhiên tràn ngập tâm hồn chàng. Tân như thấy rõ ràng lời nói của Loan:

“Sao anh không cố gắng lên?... Sao anh không chịu thú nhận là anh hèn kém?... Đời nó thế cả!...Anh hãy làm như mọi người...” Những lời nói ấy đã nhiều lần Tân được nghe, nhưng chưa lần nào chàng để ý quan tâm đến nó như lần này. Đứng giữa một vùng đêm tối bao la, Tân cảm thấy một nỗi đau khô ê chề đang từ từ lún xuống: lún sâu xuống đáy lòng chàng. Tân nhắm nghiền mắt lại, mặc cho tâm hồn thu nhận cái cảm giác khổ đau thấm thía ấy. Chàng muốn chịu đựng; một mình chịu đựng sự hắt hủi của người đời, ngay cả của Loan, như bao lâu nay chàng vẫn chịu.

Vài phút sau, Tân lại tiếp tục bước đi. Làn không khí về khuya lạnh dịu dịu làm tâm thần chàng dần dần yên tĩnh. Thỉnh thoảng, một vài tiếng pháo như không chịu đựng nổi sự hội họp trong lúc chờ đợi Giao thừa đã nổ bật lên, vội vàng, hấp tấp. Rồi không gian trở về im lặng.

Tân nghe rõ tiếng chân mình gieo xuống nền gạch. Chàng cố để tâm vào sự vắng vẻ chung quanh; chàng cố nghe ngóng, tìm kiếm những cảm giác, ý nghĩ của mình về đêm ba mươi Tết. Tự nhiên, chàng thấy tâm trí thanh thoi. Chàng ngửa mặt lên, đón những làn gió từ xa lùa tới. Chàng thấp thoáng nhớ lại những ngày chưa có gia đình, mỗi năm, cứ vào cái đêm quan trọng như đêm nay, chàng hay ngồi một mình trong một căn phòng riêng biệt, nhìn ra ngoài trời tối mà nghe niềm vui nhẹ nhàng lan dần ra trong lòng mình. Nhưng lúc này, Tân cảm thấy như thời gian ngừng hẳn lại. Không gian êm mát và thanh thoát lạ lùng. Mọi vật đều yên lặng, trong làn không khí của khoảng không gian bao la vào những phút trước Giao thừa hình như có một niềm vui đầm ấm đang âm thầm xao động bàng hoàng ở khắp mọi nơi; và ở trong lòng mọi người. Sự im lặng êm ả của bầu không gian là sự nín thở trang nghiêm của vạn vật trong lúc đón chờ giờ phút quan trọng thiêng liêng đã được chọn lọc, nâng niu suốt một năm trời. Tân thấy tâm hồn mình như đang cùng với thời gian, dần dần đổi mới. Và chàng vui sướng, nôn nao...

Nhưng tất cả cảm nghĩ ấy, từ mấy năm nay, chàng không có nữa. Lại một điều là cứ tới ba mươi là chàng phải đi vay tiền, mặc dù suốt năm chàng đã chịu khó làm việc. Và lại một điều nữa là đi vay tiền không phải để tiêu, mà để trả nợ. Đêm ba

mười Tết năm nào, Loan và chàng cũng dẫn vật nhau vì tiền. Và năm nào chàng cũng được nghe những lời của Loan tương tự như hồi nãy. Tết năm ngoái, Tân đã đi bộ ròng rã suốt từ buổi chiều cho đến lúc tận Giao thừa mà vẫn không vay ai được. Cuối cùng chàng đành lang thang ngoài đường mãi tới gần hai giờ sáng mới dám trở về.

Sáng sớm hôm sau, câu đầu tiên Tân nói với vợ là câu “Năm mới, anh hứa với em, năm nay anh đã cố gắng để khỏi đi trốn nợ đêm ba mươi Tết...” Vậy mà năm nay...

Tân vẫn cúi đầu, lặng lẽ bước đi. Nỗi tủi thẹn về thân phận mình hòa với tình thương Loan mỗi lúc một dâng lên dào dạt trong lòng. Bây giờ, nhớ lại lời Loan, Tân thấy nàng cũng có lý đôi phần khi trách móc chàng. Hình dung lại nét mặt cau có giận dữ của vợ, chàng cảm thấy xót xa, đau khổ. Tân bước chân đi mà tưởng như mình đang trôi chơi vui trong nỗi khổ đau âm thầm rộng lớn. Chàng vừa thương Loan, vừa thương chính bản thân mình.. Linh tính cho chàng biết, đêm nay rồi lại như đêm ba mươi năm ngoái, sẽ không vay được đồng nào. Và chàng sẽ lại đi lang thang thế này cho đến quá lúc Giao thừa.

Hình ảnh một vài bộ mặt quen thuộc loáng thoáng hiện ra trong tâm trí Tân. Chàng soát lại về mặt từng người rồi âm thầm tìm kiếm những người quen khác như khi người ta tìm chiếc vé độc đắc trúng một triệu đồng. Cuối cùng chàng vẫn chỉ gặp những bộ mặt mà chàng đã ít nhất là một lần chàng đã nói với họ câu: Tôi biết thế này thì phiền...lắm! Nhưng vì hoàn cảnh...”. Một hôm, đang ngồi ăn cơm ở nhà người bạn, muốn nhờ chị người làm vặn lại chiếc quạt trần đang quay nhanh quá, chàng cũng mở đầu: “Tôi biết thế này thì phiền chị lắm. Nhưng vì hoàn cảnh... không đứng dậy được. Chị, chị làm ơn vặn lại giùm chiếc quạt!”. Vợ chồng người bạn Tân tưởng chàng nói đùa, cùng phá lên cười. Mặt Tân nóng ran như người bị bỏng... Cho đến bây giờ, Tân không thể nào nhớ được mình đã nói như vậy với bao nhiêu người, chàng chỉ nhớ một lần chàng đã nói câu đó với bà chị họ.

Lần ấy cách đây nửa năm, khi Loan bị bệnh, phải đi bác sĩ.

Tân nhớ rõ ràng, hôm đó, sau khi đã bán hết những thứ có thể bán được để chữa cho Loan mà bệnh nàng vẫn chưa thuyên giảm, chàng bắt buộc phải nghĩ đến sự đi vay. Theo lời khuyên của Loan, chàng tìm tới bà Huyền - chị họ chàng.

Buổi chiều hôm ấy, chàng vừa bước chân vào nhà, bà Huyền đã từ dưới bếp ì-ạch chạy lên, mừng rỡ:

-A! Chú Tân! Sao lâu lắm không thấy chú lại chơi? Mô Phật! Đạo này chú béo trắng ra...

Nụ cười và câu chào đón niềm nở của người chị họ có thân hình mập mạp to lớn làm ý định mượn tiền của Tân, bỗng nhỏ tóp lại. Chẳng toan cười - cười giải thích về sự đã lâu không đến thì bà Huyền đã lại vồn vã:

-Chú lên lầu ngồi chơi đợi chị. Dưới này bữa bọn quá. Chị vừa đi về, chưa kịp thu dọn... Chị rửa cái tay rồi chị lên...

Nói xong bà Huyền lại ì-ạch chạy vội xuống nhà.

Tân đứng nhìn quanh, lưỡng lự, ngập ngừng rồi chép miệng bước lên cầu thang. Chàng thầm nhủ: "Phải vào đề ngay mới được..."

Tân vừa ngồi xuống chiếc ghế bành kê ở giữa nhà thì bà Huyền lên tới. Bà gọi người làm rót nước rồi hỏi Tân:

-Thím ấy đâu? Sao chú không rủ thím cùng đi?

Như gặp một dịp may hiếm hoi, đất đỏ, Tân nói ngay:

-Nhà tôi ốm chị ạ!

Tân thoáng thấy mình hèn hạ, muốn đem cái ốm của vợ ra để cầu xin tình thương người khác.

Nét mặt bà Huyền bỗng nghiêm hẳn lại, quan trọng lạ thường. Bà tròn đôi mắt ốc nhồi nhìn Tân, kêu lên:

-Thím ấy ốm à? Mô Phật! Thế đã khỏi chưa?

Tân mỉm cười hỏi:

-Đạo này chị có về sùng đạo Phật?

Bà Huyền cười rung cả hai bên má và cái bụng:

-Lạy Thánh! Ít lâu nay chị cũng nằng đi lễ chùa.

Rồi bà hỏi đột ngột:

-Chắc chú chưa xơi cơm? Ở đây ăn cơm với anh chị và các cháu. Anh đi làm cũng sắp về rồi.

Tân không trả lời, cúi đầu suy nghĩ. Chàng thầm nhắc lại trong tâm trí: "Có nên không? Có nên hỏi ngay không?"

Bất giác, chàng nghiêm nét mặt, nhìn bà Huyền, nói giọng quan trọng:

-Tôi biết thế này thì phiền chị lắm. Nhưng vì hoàn cảnh...

Bà Huyền đã cầm lá trầu lên định têm, lại bỏ xuống bàn, nhón nhác nhìn Tân.

Chàng tiếp:

-Nhà tôi hiện đang ốm, cần tiền để chữa. Chị vui lòng cho chúng tôi mượn tạm hai nghìn. Cuối tháng chúng tôi xin hoàn lại chị.

Nói được câu đó, Tân thấy nhẹ hẫng cả người. Chàng nhìn

lên bà Huyền chờ đợi...

Trên nét mặt bà Huyền bây giờ không còn một dấu vết gì của sự vui mừng hồi nãy nữa. Bà cúi đầu tỏ vẻ suy nghĩ lao lung.

Lát sau bà nói:

-Tội nghiệp! Chả giấu gì chú, chị cũng không có tiền. Anh đi làm mỗi tháng có hai chục ngàn thì có bao nhiêu thứ tiêu...

Tân nâng vôi tách nước lên uống để cổ dồn tiếng thở dài buột ra từ trong lồng ngực. Chàng quay nhìn vợ vẫn ra ngoài và đột nhiên chàng có cảm tưởng, mình vừa lổ vốn sau một chuyến buôn. Chàng thầm nghĩ: “Nhà này họ vừa tiêu vừa đốt tiền đi chắc!”

Có tiếng bà Huyền hỏi:

-Thế thím ấy ốm ra sao?

Tân quay lại:

-Nhà tôi bị thương hàn!

-Mô Phật! Chú nhớ bảo thím chớ có ăn cơm vào!

Tân cúi đầu, im lặng.

Ngồi một lát không thấy Tân nói gì thêm, bà Huyền đứng dậy:

-Xin lỗi chú! Chị xuống bảo người làm sắp cơm, rồi lên ngay...

Tân không nghe thấy câu nói của bà Huyền. Chàng ngồi như dán xuống mặt ghế. Hình ảnh bộ mặt vàng bủng, đôi mắt lõm sâu của Loan hiện rõ trong đầu óc chàng. Đợi bà Huyền xuống hẳn dưới nhà, chàng đưa một tay lên dụi mắt và chàng ngạc nhiên thấy nước mắt mình ứa ra tự lúc nào.

Rồi không biết bao lâu sau, Tân mới đứng dậy, lững thững xuống nhà.

Đang ngồi ăn cơm cùng mọi người, thấy Tân, bà Huyền kêu lên:

-Chết chưa! Tôi tưởng chú Tân về rồi!

Bà quay sang con bà:

-Tao đã bảo con Bích lên mời Chú xuống xơi cơm, mà mày không lên à? Con này đoảng thật!

Rồi mọi người nhao nhao lên mời Tân nhưng chàng không nghe thấy. Chàng cười nói:

-Cám ơn anh chị. Tôi phải về. Nhà tôi đang đợi.

Bà Huyền chép miệng:

-Thôi thế thì khi khác vậy. Xin lỗi chú nhé! Chú cho anh chị và các cháu gửi lời hỏi thăm thím.

Tân không trả lời, bước vội ra ngoài.

Ra đến đường, Tân thoáng có cảm tưởng như mình vừa đánh mất đi sự gì thiêng liêng quý giá nhất đời. Chàng thầm hiểu là từ nay sẽ không bao giờ chàng còn dám gặp bà Huyền nữa.

Từ hôm ấy, Tân rất thận trọng, dè dặt khi nói với người mình định vay tiền, câu: “Tôi biết thế này thì phiền...nhưng vì hoàn cảnh...”

Tân đã cố gắng, làm việc bằng hết sức mình để tránh những dịp phải dùng câu nói ấy, song, chàng đau khổ nhận ra: sức mình có hạn. Và chàng linh cảm thấy rằng: rồi đây chàng sẽ phải dùng câu ấy cho đến khi nào “nằm xuống”

Tới một đầu đường có nhiều ánh sáng, Tân đột ngột dừng hẳn lại. Chàng sững sờ, ngạc nhiên nhận ra mình đang đứng ở trước ngõ nhà bà Huyền. Chàng nheo mắt nhìn lên tòa nhà hai tầng màu xám tro đứng sừng sững trong một vùng ánh sáng, phía cuối ngõ. Chàng chép miệng, nhẹ nhẹ lắc đầu, lặng im quay gót. Đi được mấy bước, Tân giơ tay lên xem giờ: Mười rưỡi. Bỗng nhiên, một sự nôn nao nóng nẩy cuộn cuộn dâng lên trong lòng chàng. Cái ý nghĩ “phải vay được tiền trước Giao thừa” như một làn sóng, ào ạt nổi lên, vội vàng, cấp bách. Chàng bước nhanh hơn. Không gian tựa hồ rộng rãi thêm ra. Thời gian tựa hồ trôi đi vùn vụt. Tiếng pháo bắt đầu nổi lên từ một phía rất xa, rồi rạc, rồi lan ra mau chóng, phút chốc trở nên giòn giã khắp nơi như muốn vây bọc lấy Tân. Chàng hoang mang, bàng hoàng, hồi hộp. Tân bước những bước thật dài. Chàng thấy mình bơ vơ, lạc lõng. Hình ảnh những bộ mặt quen thuộc hồi nãy, bây giờ lại thấp thoáng hiện ra, lướt vội qua tâm trí Tân. Hình ảnh những bộ mặt nặng như đồ chì của vợ chồng người chủ nợ... rồi hình ảnh vẻ mặt cau có của Loan chập chờn, lảng vảng... Tân bước chân đi vội vàng, hấp tấp... Lại những bộ mặt quen thuộc hiện ra: Bà Huyền; ông Trung; ông Lợi...

Bất giác, Tân đứng sững lại: một tia sáng vụt lóe lên trong ý nghĩ chàng như một vì sao đổi ngôi. Rồi một niềm vui chợt bật ra ở đáy lòng chàng. Tân không đưa tay lên ôm mặt, mặc cho một tiếng thở dài buột ra khỏi miệng. Chàng có cảm tưởng, bao nhiêu lo lắng theo tiếng thở dài vừa thoát ra khỏi lòng chàng. Chàng ngược mắt lên, định lại tâm trí, đoạn rẽ sang tay trái để đến nhà Bằng (người bạn cùng sở của chàng ngày trước).

Đi hết con đường gạch nhỏ, Tân đứng lại trước cửa một căn nhà xinh xắn, tường quét vôi vàng. Mùi thuốc pháo thoang thoảng đâu đây. Chàng ghé mắt nhìn qua khe cửa vào nhà: bên trong ánh sáng huy hoàng, rực rỡ. Tân thoáng cảm thấy cảnh sắc nơi đây cao xa quá, đối với chàng. Chàng ngập ngừng vài giây rồi chắc lưỡi, gõ tay gõ cửa.

-Ai đó?

Nhận ra tiếng Thùy, vợ Bằng, Tân vẫn im lặng. Có tiếng dép lê sền sệt bên trong, rõ dần...

Tiếng nói của Thùy lại vọng ra, nhỏ và gần:

-Ai ngoài ấy đó?

-Tôi! Anh Bằng có nhà không chị?

Không có tiếng trả lời. Chỉ có tiếng gọi vang lên:

-Anh Bằng ơi! Có khách!

Có tiếng chân bước hấp tấp từ trong nhà đi ra.

Rồi cánh cửa bật mở. Ánh sáng đổ xô ra ôm choàng lấy Tân làm chàng hoa mắt.

Bằng ngạc nhiên một cách mừng rỡ:

-Tân! Ô, Tân! Đi đâu mà lại mò đến giờ này? Vào đây!

Tân cúi đầu chào Thùy rồi theo Bằng vào phòng khách. Không khí ở đây mát dịu hẳn đi. Bằng líu ríu bảo vợ vào nhà trong pha nước, đoạn, quay sang Tân, đùa:

-Cậu đến xông nhà hơi sớm đấy nhé! Sao? Ít lâu nay làm ăn thế nào? Chị ấy có mạnh không?

Tân gật đầu:

-Cám ơn cậu. Nhà tôi vẫn mạnh.

Tân vừa đưa mắt nhìn quanh gian phòng sáng sủa, trang hoàng đẹp đẽ vừa nghĩ phớt qua về lời đồn đại của anh em bạn về Bằng trước kia. Chàng thầm nghĩ “Có lẽ Bằng không keo bần như họ tưởng!”.

Khi đã ngồi xuống ghế, đối diện Bằng, Tân không dám kéo dài câu chuyện, nói luôn:

-Tôi biết thế này thì phiền cậu lắm. Nhưng vì hoàn cảnh...

Trái với nét mặt quan trọng của bà Huyền hôm nào, Bằng vẫn tươi cười hỏi:

-Sao? Có điều gì phiền?

Tự nhiên Tân im bật. Chàng lén nhìn cặp mắt láu lỉnh của Bằng rồi cúi xuống.

Vài giây sau, chàng nói:

-Tôi biết là phiền cậu...

Chợt nhận ra mình lặp lại lời vừa nói, Tân lại im bật.

Bằng vừa với tay lấy hộp thuốc lá trên mặt tủ, vừa nóng nảy, hỏi:

-Có điều gì quan trọng không? Cậu cứ nói phắt đi!

Tân nhận thấy thái độ sốt sắng, nóng nảy của Bằng có vẻ tự nhiên, thành thực. Chàng ngạc nhiên, thầm nghĩ: “Hay đây không phải là Bằng? Hắn thay đổi nhiều thế sao?” Và chàng mỉm cười với ý nghĩ này.

Bằng lại hỏi:

-Chắc có chuyện gì quan trọng phải không?

Cầm điều thuốc lá Bằng mời, Tân nhìn thẳng vào mắt Bằng, nói:

-Tôi đang cần gấp một số tiền là ba nghìn. Định nhờ đến cậu...

-Bằng thử dài khoan khoái:

-Tưởng gì! Thế mà không nói ngay?!

Chàng bật diêm cho Tân châm thuốc, tiếp:

-Được rồi! Ngồi hút thuốc với nhau đã! Dễ chừng đã gần một năm tôi mới gặp cậu đấy nhỉ?

Tân không trả lời, lại lên nhìn nét mặt Bằng như nghi ngờ thái độ thần nhiên, vui vẻ của chàng. Tân muốn đoán xem hai tiếng “Được rồi!” Bằng vừa nói báo hiệu một điều vui hay buồn, nhưng chàng không dám đoán hẳn. Chàng nói:

-Tôi cần trước giờ Giao thừa. Cậu xem thế nào?

Bằng tròn mắt:

-Trước Giao thừa?

-Trước Giao thừa!

Tân thấy nét mặt Bằng hơi cau lại, có dáng suy nghĩ. Chàng hỏi hộp...

Lát sau, Bằng nói:

-Hiện giờ tụi này không còn đủ số cậu cần...

Tim Tân bỗng thót lại. Chàng hé miệng định nói điều gì, nhưng Bằng đã tiếp:

-Tôi có thể hỏi cho cậu được...

Bằng gật gật đầu, nét mặt suy nghĩ, nói như nói một mình:

-Ừ...ừ... được...

Rồi đột nhiên chàng nhìn Tân:

-Cậu cần trước Giao thừa à? Vậy thì đi với tôi.

Bằng giơ tay xem giờ và đứng bật dậy. Tân cũng đứng lên theo. Chàng muốn hỏi Bằng một câu, song lại nhủ thầm: “Không nên hỏi trước! Chắc là vay được!” Như đoán được ý của Tân, Bằng nói:

-Chỗ này là bạn thân của tôi, me-sư Hoan, chắc cậu không biết? Tôi hỏi được ngay, cậu cứ yên tâm.

Bằng vào nhà trong, một lát đất chiếc xe Đức đi ra, rồi cùng Tân bước ra ngoài.

Đọc đường, ngồi phía sau Bằng, Tân cứ đắm đắm nhìn lên gáy bạn. Chàng vừa vui mừng vừa cảm động về lòng tốt của Bằng. Chàng ngạc nhiên không hiểu tại sao Bằng lại tử tế với mình như vậy. Chàng nhớ đến những ngày còn làm cùng sở với Bằng được nghe bạn bè bàn tán về tính nết bủn xỉn của Bằng. Và Tân ân hận rằng hồi đó chàng đã nhẹ dạ đi tin lời họ mà có những ý nghĩ không tốt cho Bằng. Bây giờ, trong một hoàn cảnh quần bách cùng cực, phải tìm đến Bằng, Tân mới được biết lòng bạn. Chàng không ngờ sự thể lại xảy ra tốt đẹp đến thế; tốt đẹp hơn sức tưởng tượng của chàng. Tự nhiên, Tân muốn một cách ngây thơ, chân thật rằng: ngay lúc này, nói những ý nghĩ không tốt về Bằng của mình trước kia rồi xin lỗi bạn. Song, Tân chỉ muốn vậy thôi. Và chàng cảm thấy mình không thể nói điều ấy ra được. Chàng chăm chú nhìn mông lưng của Bằng chỉ cách mặt chàng vài tấc, rồi chẳng hiểu nghĩ sao, chàng lưỡng lự, rứt rứt giấy lát, đoạn vòng tay ôm ngang người Bằng như muốn tỏ ra ăn năn, hối hận và cảm ơn lòng tốt của bạn...

Chiếc xe đỗ xích lại trước cửa một tòa nhà cao lớn làm ý nghĩ Tân ngừng lại. Chàng bước xuống đất, ngơ ngác nhìn quanh và chàng có cảm tưởng như mình chưa bao giờ trông thấy nơi này. Tân nheo mắt nhìn quanh một lần nữa và chàng ngạc nhiên, nhận ra chỗ này đối với chàng hoàn-toàn xa lạ thực.

Có tiếng Bằng nói:

-Cậu vào đây với tôi, đừng ngại.

Tân đi theo Bằng như một đứa trẻ, trong lòng vừa hoang-mang vừa vui sướng.

Tân thấy Bằng đưa mình vào bên trong một tòa nhà rộng rãi vô cùng. Không khí ở đây lạnh đến rợn người. Tân lại ngơ ngác nhìn quanh và chàng thấy chung quanh vắng vẻ, lặng thinh như không người ở? Tân toan hỏi Bằng, song chàng đã nói:

-Đứng đợi một lát, tôi bấm chuông rồi. Hắn ra bây giờ.

Bằng vừa dứt lời thì một người đàn ông từ một căn phòng bên phải hấp tấp bước ra. Bằng giới thiệu ngay:

-Anh Tân! Anh Hoan. Chắc hai anh chưa biết nhau?

Người đàn ông lạ tươi cười giơ tay bắt tay Tân, nói:

-Hân hạnh được quen anh.

Tân nhìn anh ta và chàng vụt thấy vẻ mặt anh ta có đáng quen quen, chàng định cố nhớ lại xem mình đã được gặp người này ở đâu, song, chàng vội xóa bỏ ý định ấy ngay. Bởi vì, Tân chợt nhớ ra, anh ta hao hao giống bác thợ rèn hiện ở cạnh nhà chàng. Tự nhiên, Tân sinh ra bẽn lẽn, đứng ngay như bức tượng.

Có tiếng người đàn ông nói:

-Mời các anh sang phòng bên xơi nước.

Bằng nói thẳng thắn:

-Nước với non gì! Mình đến mượn cậu cho bạn đây ba nghìn. Cần lắm. Không thể ngồi chơi được. Để sáng mai.

Tân thấy Bằng nói câu đó một cách tự nhiên dễ dàng quá! Dễ dàng như thò tay vào túi lấy tiền. Chàng thoáng nghĩ đến bao phút phân vân, ngập ngừng hồi hộp của mình trước khi cất lời lên hỏi vay ai. Và chàng tự biết, mình không thể so sánh với Bằng được. Chàng thầm nghĩ: “Có lẽ “sù” này cũng tốt nên Bằng mới đưa mình vào đây mà không ngại”. Và chàng thấy mình không cần phải nói lời nào.

Có tiếng người lạ hỏi:

-Làm gì mà vội thế? Hãy mời anh Tân xơi chén nước đã.

Bằng lắc đầu:

-Không được! Vội lắm.

Tân thấy người đàn ông có vẻ thất vọng, đoạn nói:

-Vây các anh đứng đây. Tôi xin lỗi một chút.

Rồi anh ta hấp tấp trở vào nhà trong.

Bằng ghé tai Tân nói nhỏ:

-Tôi vẫn hỏi tiền hần luôn. Cậu đừng ngại.

Tân im lặng.

Vài phút sau, người đàn ông đi ra, đưa cho Bằng một chiếc phong bì dày cộm, vẫn tươi cười, nói:

-Cậu tệ lắm, lúc nào cũng vội!

Anh ta quay sang Tân:

-Anh biết nhà, thỉnh thoảng mời anh ghé chơi. Tôi với anh Bằng cũng là chỗ thân thuộc.

Tân cảm động, nói một câu mà chàng đã nhiều lần nói với nhiều người:

-Xin cảm ơn anh. Tôi thật không biết nói gì để cảm ơn lòng tốt của anh...

Trong lúc nói vậy, Tân nhớ đến câu nói của Loan: “Anh đã

khúm núm, anh chưa biết sao?” Và chàng tự biết, mình đang khúm núm thực.

Bằng đưa chiếc phong bì cho Tân, nói:

-Bây giờ tôi đưa cậu về. Mười một giờ rồi.

Sau khi bắt tay người đàn ông lạ, Tân theo Bằng ra cửa.

Đến đường, Tân nhìn Bằng không biết nói gì, mặc dầu chàng cảm thấy mình có nhiều điều muốn nói.

Mãi đến khi Bằng giục chàng lên xe, Tân mới nói:

-Cám ơn cậu. Tôi không biết nói gì để cám ơn lòng tốt của cậu. Bây giờ cậu cho tôi về một mình.

Bằng cười:

-Tất nhiên là cậu muốn về một mình. Sáng mai tại này sẽ đến chúc Tết vợ chồng cậu.

Nói xong, Bằng leo vội lên xe.

Tân đứng nhìn theo đến khi Bằng khuất hẳn ở phía cuối đường.

Trước khi quay gót đi, Tân nhìn quanh quẩn một lần nữa, và lúc này chàng lại nhận ra, nơi đây, hồi đã lâu lắm, chàng đã đi qua một lần. Tuy nhiên chàng không nhớ được tên đường. Chàng chép miệng tự trách mình: “Đồng tiền lại cũng làm mình lú lẫn đến thế hay sao!”

Đến đầu một ngã tư, Tân thấy ánh sáng chợt bùng lên rực rỡ. Tiếng pháo từ mọi nơi cùng một lúc trỗi dậy tung bùng. Tuy nhiên, chẳng hiểu vì sao, Tân nghe những tiếng nổ râm rân ấy xa-xôi, mơ hồ như từ nơi nào vắng lại. Và cả vùng ánh sáng vây bọc quanh chàng cũng trở nên bằng bạc mơ hồ. Chàng vừa bước đi vừa bàng hoàng nhớ lại mọi việc mới xảy ra. Chàng vẫn còn thấy ngạc nhiên, sững sốt không hiểu vì cứ gì mọi người lại từ tể, dễ dàng với mình đến thế. Cái thành kiến đời là xấu xa, hèn kém đã nằm gọn trong trí óc chàng từ bao năm nay bây giờ bỗng nhiên như vụn tan đi. Chàng thọc tay vào túi năn- năn chiếc phong bì mà thấy lòng rung-rung cảm động. Chàng nghĩ đến Bằng, đến Hoan với một tấm lòng biết ơn chân thật. Chàng nghĩ đến Loan với một niềm vui hơn hờ, mệnh mang...

Tân cứ bước đi với niềm vui ấy trong suốt những đoạn đường dài.

Chàng về đến nhà thì Loan vẫn chưa đi ngủ. Nàng đang ngồi ủ-rũ bên chiếc bàn con kê ở giữa nhà.

Loan ngược mặt lên lặng lẽ nhìn chồng bằng đôi mắt e-dè, dò hỏi. Tân biết rằng Loan không dám cất tiếng hỏi chàng về

kết quả ra sao. Trong một giây, Tân cảm thấy thương Loan đến tê dại cả lòng. Chàng thương cho sự nằng đã thất vọng nhiều đến độ bây giờ, không dám hy vọng thêm nữa; không dám tin tưởng ở chàng. Tự nhiên, Tân lại nấn-nấn chiếc phong bì vẫn nằm gọn gàng trong túi. Chàng định rút ra đưa ngay cho Loan. Song, bỗng dưng, chàng trở nên phần khởi mạnh dạn, nẩy ra cái ý định trêu nằng, chàng vờ làm vẻ mặt buồn rầu, hỏi:

-Họ trở lại chưa em?

Loan vẫn ngồi yên, trả lời:

-Họ trở lại rồi.

Tân ngạc nhiên:

-Sao? Họ nói sao?

Loan vẫn giữ vẻ mặt kém vui:

Họ cho khát đến ra giềng. Nói khô cả cổ... Sao anh không để chốc nữa hãy về?

Tân cảm thấy niềm vui trong mình bỗng tan đi. Nghe giọng trách móc khó chịu của Loan chàng đâm ra tủi thân, bức tức. Chàng nắm chặt chiếc phong bì trong tay, cố dịu giọng, nói:

-Thì anh cũng phải đi xoay chứ. Em cũng nên biết...

Loan vùng đứng dậy:

-Tôi không cần biết gì cả... Sao anh không ở nhà mà van xin họ? Anh có biết đâu cái khổ của một kẻ khát nợ. Nói như lay người ta...

-Em im đi!

-Tôi không im!

Tân đứng ngây người trước cửa ra vào, quắc mắt nhìn Loan, nói, giọng đánh lại:

-Em không có quyền hỗn xược với anh. Dù sao, em vẫn chỉ là đàn bà, vẫn chỉ là vợ...

Loan đứng dậy, đi đến bên chiếc tủ, cải:

-Tôi không hỗn với ai cả! Người ta chịu khổ cũng chỉ được đến một mức nào thôi!

Tân cố dần lòng, đến gần Loan hơn, nói:

-Anh biết! Anh biết thế, nhưng anh thì sao? Anh không khổ sao? Nhiều khi người ta phải biết đề nén ước vọng của mình...

Loan xua tay:

-Tôi chán nghe những lời ấy lắm rồi! Hừ! đề nén! Tôi không biết đề nén! Không người đàn bà nào biết đề nén...

Tân trừng-trừng nhìn Loan. Trong một thoáng, chàng như cảm được rõ ràng tất cả những cái đề hèn, khôn nạn trong lòng người đàn bà. Chàng rút chiếc phong bì ra khỏi túi, ném về

phía Loan, nói lạnh lùng:

-Tiền đây! Cầm lấy! Đồ khốn!

Hai mắt Loan vụt long lên. Đôi long mày nàng như dựng ngược tất cả. Nàng nhìn như thôi miên vào mắt Tân, sùng sộ:

-Anh bảo ai đồ khốn? Anh thì là gì? Để cho vợ con khổ sở thế là gì?

Tân bủi môi :

-Hừ ! Em đi và cầm lấy tiền! Cô chỉ muốn có tiền, dù bằng cách vùi dập chồng cô. Sao lại có những người dê hèn đến cái mức ấy!

Loan hét lên:

-Anh nói ai? Anh bảo ai dê hèn?

Mặt Tân chợt sáng lên lạ lùng. Chàng nhìn chăm chú vào mặt Loan nói, dần từng tiếng:

-Tôi bảo cô!!!

Loan không nghĩ ngợi, thuận tay vớ ngay chiếc bình hoa trên mặt tủ, lao mạnh vào chồng.

Tân rú lên...

*
* *

-Anh! Anh Tân! Anh sao thế?

Loan lay mạnh vai chồng. Tân choàng tỉnh dậy. Mồ hôi chàng vã ra đầy người, chàng hoảng hốt nhìn quanh:

-Gì thế? Cái gì thế?

Loan nhìn chồng mỉm cười:

-Anh rú lên làm em sợ quá! Dạo này sao anh hay ngủ mê thế? Dậy đi, có khách.

Tân chưa hết bàng hoàng, hỏi dồn dập:

-Anh vừa ngủ mê à? Ai còn đến chơi vào giờ này? Giao thừa chưa?

Loan ghé sát miệng vào tai chồng, thì-thầm, nói nhỏ...

Theo ngón tay Loan, Tân nhón nhắc nhìn ra ngoài. Và qua tấm màn gió mỏng, chàng thoáng trông thấy vợ chồng người chủ nợ.

21-11-61.

(Bách Khoa Xuân Nhâm Dần số 122 ngày 1/2/62)

DOÃN DÂN BÀN TAY CHO YẾN

Nguyên ngồi lặng yên nhìn Yến. Nỗi thắc mắc về người đàn ông đứng nói chuyện với nàng vẫn còn là một ám ảnh dằng dai, ám ức. Chàng thấy khó hồi tưởng. Giá hắn ta cùng trạc tuổi chàng (hoặc lớn hơn, hoặc nhỏ hơn đôi chút) nhìn cách nói nói chuyện chàng còn có thể đo lường được mức độ thân mật giữa hai người. Lại giá hắn ta cứ già như thế, nhưng có một bề ngoài bảnh bao, lịch thiệp, cử chỉ chừng chạc, đàng hoàng, dầu sao cũng vẫn còn là một điều dễ chịu cho chàng trong việc ước đoán mối liên hệ tình cảm giữa nàng và hắn (Nếu hắn thuộc hạng người như thế, Nguyên có đủ lý do để tỏ lộ mối nghi ngờ một cách thẳng thắn mà không ngại làm Yến phật lòng). Đàng này hắn không giống bất cứ người đàn ông nào vào loại đó để có thể nghi được là người tình của Yến. Mái tóc đã lấm tấm ít sợi bạc, bôi dầu bóng nhẫy, hai bên ép sát vào da đầu, lượn một cách rất khéo về phía sau. Nước da xanh mét như một người nghiện thuốc lâu ngày. Cặp kính trắng gọng đen quá to trên khuôn mặt teo tóp. Lại còn bộ ria mép! Bộ ria đen, rậm và dài gạch những nét thật mạnh, thật đậm trên hai bờ môi, dưới hai lỗ mũi hếch lên chút xíu, nom chúng y hệt hai con sâu róm. Tất cả những cái đó tạo cho hắn một vẻ lẳng lơ, đóm dáng muộn màng, lố bịch. Rõ ràng là hắn ta đang cố tình níu kéo, giằng co với tuổi trẻ; đang cố gắng túm lấy, vớt vát đôi chút hơi hướm tuổi trẻ của mình. Và quả thật, tất cả cái hơi hướm ấy nó nằm ngay nơi bộ ria hắn. Cho nên, dù đã cố tránh, Nguyên vẫn không thể không lưu tâm đến nó. Lúc hắn ta nói, bộ ria, ồ không, hai con sâu róm giãy giụa, bực tức muốn tới cắn lộn. Chúng gây cho chàng cảm giác xốn xang, rờn rợn. Chúng nảy lên, bật bật, nhích tới, lùi ra, lại đâm nhào tới... Ghê quá. Chàng hồi hộp. Thế nhưng, thỉnh linh hắn ta bật lên cười. Tiếng cười hô hô phát ra từ cái mồm há hốc trưng ra hai hàm răng mọc lộn nhon không trắng, nhưng lại ngả sang vàng khè. Tiếng cười đó không ngờ lại hiệu nghiệm: chàng thực sự yên tâm. Hai con sâu róm đang kinh chống, gây

gỗ nhau đường ấy, lập tức dẫn ra xa, rung rung vui vẻ...

Về sau, trong lúc nói chuyện với Yên, thỉnh thoảng hai con vật đó lại ngọ nguậy nhột nhột trong đầu làm vẩn đục ý nghĩ chàng. Nguyên khó chịu. Nhưng chàng cảm thấy bất lực trước nỗi khó chịu của mình: chàng không có cách gì để xua gạt nó, ngoài cách nói toạc ra với Yên. Nhưng nói cách nào? Dù nói cách nào để tỏ ý nghĩ ngờ cũng có thể làm buồn lòng Yên; cũng là xúc phạm tới nàng. Nguyên không nỡ. Một người đàn ông cỡ đó không thể được gán cho là người thân của Yên. Càng không thể được nghĩ bậy cho là người tình của Yên. Không! Hắn không thể là người tình của Yên dù Yên bây giờ đã mặc jupe hàng tọc-gan đen, cao trên đầu gối; áo sơ-mi nin-phăng trắng; dù Yên đã có những móng tay bôi đỏ. Hồi chiều, nhìn hai người nói chuyện với nhau một lúc khá lâu, Nguyên vẫn còn nghi hoặc: người con gái kia là Yên hay không phải Yên? Trông từ phía chàng chỉ thấy một phần má bên phải bị mái tóc dài phủ xuống che gần kín, và thấp thoáng chút đầu mũi. Nàng đứng gần như quay lưng lại phía Nguyên. Người đàn ông cao hơn Yên cả cái đầu. Mặt hắn ta nhô lên khỏi mái tóc đen của Yên, đối diện với Nguyên, cách chàng chừng mười thước. Chàng không dám nhìn lâu, sợ hắn để ý, hiểu lầm. Chàng vừa làm bộ quan sát những ngôi nhà đồ của cơ quan quân sự bị Việt Cộng tấn công đêm qua, vừa kín đáo theo dõi. Hai người hình như đang bàn tán về vụ tấn công bất ngờ của địch vào thành phố. Nguyên đưa mắt nhìn quanh. Người đến xem mỗi lúc mỗi đông. Một số người vào hẳn những ngôi nhà đồ, bước trên đồng gạch vụn, vừa đi vừa cúi nhìn, chăm chú như tìm kiếm vật gì đã bị vùi sâu, lấp kín. Đâu đó, bên hàng rào, trong hốc tường, ngay giữa sân, hàng chục xác chết của địch nằm tênh hênh, mình trần trụi, mặc mỗi cái quần xà lỏn. Có cái mất đầu, cái cụt cả hai chân đến bẹn; lại có xác mất cả đầu, lẫn hai chân hai tay, còn mỗi khúc mình. Chúng giống nhau một điểm: cùng cháy đen thui, không còn hình thù là những con người.

Thỉnh thoảng tiếng nói của hai người lại lướt qua chỗ Nguyên. Chàng để ý, lắng nghe tiếng người con gái. Giọng nói thanh, hơi cao, lên xuống nhẹ nhàng đó, nhất định là của Yên. Cái cử chỉ lắc đầu, hất mái tóc ra phía sau, mặt hơi ngược lên nhìn người đối diện, vừa như tỏ ra lịch sự, chú tâm theo dõi câu chuyện, lại vừa có vẻ ngây thơ, cố ý mà vẫn duyên dáng: cái cử chỉ đó Nguyên cũng không làm được. Nhưng còn hai

bắp chân. Hai bắp chân thon, trắng với những sợi lông hơi dài và hơi đen hơn mức bình thường, bám sát vào da, xuôi xuống thật đều, thật mịn. Hai bắp chân đó là của Yến? Nguyên thấy xa lạ. Chúng gợi đến cảm giác kỳ cục, không thể dành cho Yến. Chúng kêu gọi ham muốn. Chúng khuyến khích, thúc giục người nhìn tưởng tượng ngược lên phía trên... Nguyên không tin chúng thuộc về Yến. Không! Đôi chân thò ra ngoài chiếc jupe đen không thể của Yến. Đôi chân nàng phải là đôi chân chàng vẫn chưa một lần trông thấy. Chúng phải được che khuất bí mật. Chúng để chàng mặc sức hình dung, tưởng tượng. Chúng không hợp với một sự phơi bày ra như thế. Đôi chân của Yến không thể bị đối xử sỗ sàng, thô tục.

Nguyên phân vân, ngờ vực. Chàng hơi ngạc nhiên: cảnh đồ nát trước mặt, đối với chàng đã quá quen thuộc và chàng đứng xem đã lâu, sao mãi lúc này Nguyên mới thấy băng khuâng, xúc động. Chàng ngờ vực luôn cả mối xúc động của mình.

Một lúc lâu sau, khi hai người vừa chia tay, Nguyên vờ vô tình tạt ngang qua chỗ cô gái. Và chàng chưa kịp nhận ra, người con gái đã kêu lên thảng thốt: “Nguyên! Trời! Anh Nguyên...”

Bây giờ nhớ lại, Nguyên vẫn không dám tin chắc, lúc đó chàng đã mừng rỡ. Rõ ràng là chàng đã sững sốt, bối rối khi thình lình nghe Yến gọi tên mình. Chàng quay lại và cũng thốt kêu: “Yến!” rồi chàng đứng trân nhìn Yến; nhìn người con gái đang cuống cuống, vồn vã nhào tới phía chàng. Ngay trong cái giây phút nhìn vào nàng như thế, hình như Nguyên đã mơ hồ cảm thấy niềm sung sướng của mình không còn được nguyên vẹn nữa rồi. Đường như nó chưa kịp thoát hẳn ra đã bị chặn ngang, cắt đứt. Và thật lạ lùng, ngay lúc ấy, Nguyên lại như ngưng ngừng, xấu hổ về một điều gì mơ hồ, phi lý. Vậy là thế nào? Có gì đã chặn ngang niềm vui của Nguyên? Cái gì gây cho chàng cảm giác ngưng ngừng? Vì người đàn ông vừa từ già Yến? Vì nàng đã biểu lộ nỗi ngạc nhiên mừng rỡ quá ồn ào, nồng nhiệt ngay giữa đường phố, không hợp với bầu không khí nơi vừa xảy ra một cảnh tang tóc, điều tàn?

Trong suốt quãng thời gian đi với Yến ngoài đường, Nguyên cứ loay hoay với những thắc mắc không đầu đó. Chàng loay hoay tìm nguyên nhân, tự giải thích. Nhưng dù giải thích sao đó, chàng nghe vẫn không ổn, vẫn không yên lòng.

Cuối cùng, Nguyên tự trách mình: mới ngày hôm qua đây, mới tuần rồi, tháng trước, mỗi khi có dịp nhớ đến Yến, chàng

vẫn còn như đã tìm ra được một niềm an ủi ở đời. Buổi sáng gặp Yến trong quân trường mấy năm trước vẫn như một âm thanh êm dịu, ngân nga, trầm trầm, nhẹ nhẹ mà thật đậm đà, đầm thấm trong lòng. Trước đây, những đêm hành quân, nằm sâu trong rừng hay bên thềm một căn nhà tranh bỏ hoang nào đó, giữa một ngôi làng không tên, không cả một bóng con gà, con vịt, Nguyên vẫn âm thầm nhớ Yến; âm thầm nâng niu, triu mến hình ảnh của nàng. Lâu dần, Yến đã như tất cả nghị lực của chàng, giúp chàng chịu đựng, vượt qua mọi khó khăn, vất vả ở đời.

Vậy mà giờ đây, một lần tình cờ gặp lại nhau, vô cớ, bao nhiêu nhớ nhung thâm kín trong mấy năm trời, phút chốc vụt trở nên bề bàng, đối gạt hết sao? Có lẽ nào bao nhiêu mộng ước đầm thấm sâu xa đã được nâng niu, chăm sóc từ bấy đến nay, không dung bỗng bị tiêu tan, bôi xóa? Như trong một giấc mơ, chàng thấy mình có thật nhiều tiền, mua sắm tha hồ, thỏa thích những thứ mình ao ước từ lâu, đến khi giật mình tỉnh giấc, ngó lại bên mình, chàng bỗng bàng hoàng, tê điếng: tất cả đã tiêu tan đâu mất, chỉ còn để lại nơi chàng một nỗi ngao ngán bao la và hai bàn tay trắng. Có lẽ nào như thế? Nguyên không tin. Không thể nào tin được. Mầu son đỏ trên môi Yến; lớp phấn dày thoa trên mặt; những nét bút chì đen, đậm trên đôi lông mày, sao lại ảnh hưởng đến những tình cảm thâm kín của Nguyên? Chúng mà có lạ lắm gì? Chúng đầy dẫy trên đường phố; trên khắp các đường phố. Những thứ tầm thường, quen thuộc đó lại có thể làm thay đổi được đến tận gốc rễ tình cảm của chàng? Chúng lại có thể bỗng dung phá đổ, chối phất ngay được những gì tốt đẹp chàng dành cho Yến đã cho chàng bấy lâu nay? Ai mà tin được!

Ai mà tin được? Ý nghĩ Nguyên tự nhiên dừng lại, vờ vẩn, chồn vờn quanh câu hỏi đó. Câu hỏi như một tiếng vang đều đều, chậm rãi, lập đi lập lại một cách buồn nản trong trí óc chàng, Nguyên như bị cuốn hút, lôi kéo bởi chính ý nghĩ của mình.

Đến khi chợt nhận ra, Nguyên không nhớ rõ, mình đã im lặng thế này bao lâu. Chàng nhìn sang Yến và hơi ngạc nhiên: nét mặt nàng vẫn thản nhiên, điềm tĩnh, không biểu lộ một mảy may bức dọc. Yến đang cúi nhìn mặt bàn. Ngón tay trở đi chuyển hồ hững, vòng theo vệt nước tròn của đáy chiếc ly vừa được nhắc lên, đặt sang chỗ khác. Ly nước cam đã vơi quá nửa. Cục nước đá bên trong tan gần hết. Nguyên tự nhiên ân

hận: từ nãy đến giờ, Yên ngồi lặng thinh như thế vì mãi suy nghĩ hay nàng đã phải cố gắng đè nén, không dám khua động, quấy phá ý nghĩ của chàng? Nguyên muốn lên tiếng, như một cách xin lỗi, để đem Yên ra khỏi sự im lặng; để tiếp tục câu chuyện bỏ dở mà không làm nàng sợ hãi, ngờ ngác. Nhưng, sự im lặng đã kéo quá lâu đã khiến chàng thấy khó bắt đầu trở lại: Bây giờ, chính chàng lại ngại làm phiền, khua rộn ý nghĩ của nàng. Chàng phân vân, e ngại. Và chàng loay hoay trong nỗi e ngại của mình. Nguyên nhận ra, từ ít lâu nay, chàng hay có thói quen dè dặt trước mọi suy tính. Nhiều khi, những sự việc tầm thường, nhỏ nhặt có thể giải quyết dễ dàng cũng làm chàng đắn đo, cân nhắc. Do thế, sự tính toán đôi lúc trở thành nhỏ nhen tỉ mỉ, nhiều khi vô lý. Nguyên mất hẳn đi cái nét bông bột, sôi nổi phóng khoáng đến cỡ lắm mà vẫn đáng được tha thứ, của tuổi trẻ. Chàng cảm thấy buồn: những dằn xóc của cuộc đời không ngờ lại đưa đến cho chàng cái hậu quả đáng phàn nàn như vậy.

Và ngay lúc này, Nguyên lại cũng có một điều để tự phàn nàn, phiên trách: tại sao chàng không xô đổ ngay cái im lặng đang chia cách Yên với chàng. Nguyên thầm hiểu, nếu bây giờ chàng nói lên bất cứ điều gì bằng một thái độ hồn nhiên, cởi mở và cười với nàng, là hai người đã lại có thể xích lại gần nhau; có thể biến sự im lặng quá lâu vừa rồi thành như một dấu chấm, cắt đứt cái không khí e dè, bờ ngõ giữa hai người từ lúc gặp nhau; cắt đứt mọi lời nói giữ gìn, do dự gây ra bởi sự xa cách lâu ngày và nhất là, bởi sự đổi thay nơi Yên. Nếu làm như thế, chàng cũng có thể hướng dẫn câu chuyện sang một giai đoạn mới, theo một chiều hướng hồn nhiên, vui vẻ...

Thế nhưng, khi Nguyên nói với Yên câu nói đầu tiên thì lại không là một lời vui vẻ, mà chỉ là một tiếng gọi nhỏ, gọn, nghiêm trang và thật buồn:

-Yên.

Như đã biết trước, sẽ có lúc Nguyên gọi mình, Yên vẫn điềm nhiên nhìn theo ngón tay hờ hững của mình, nét mặt không thay đổi. Đầu Yên hơi nghiêng, mái tóc buông lơi, vài sợi vắt ngang qua mặt, bay bay nhẹ nhẹ trên đôi môi ngậm kín.

Lát sau, Yên ngẩng nhìn Nguyên. Ánh mắt nàng thẳng thắn mà dịu dàng. Nguyên trông rõ bóng mình thu nhỏ lại, nằm gọn trong đôi mắt to, đen và sáng. Yên hỏi:

-Anh bảo gì em?

-Anh định nói với em một điều. Đôi mắt em làm anh quên

mắt... Hồi này, đầu óc anh thật tệ.

Yến hơi mỉm cười. Sắc mặt nàng thoáng tươi lên, nhưng lại buồn ngay. Ngẫm nghĩ một chút, Yến nói:

-Lâu lâu anh mới “định” nói với em một điều. Anh lại quên mất... Sau mấy năm gặp lại anh, em thấy anh lạ hẳn.

Trong khi nói vậy, tâm trí nàng vẫn quanh quẩn bên lời nói của Nguyên, “đôi mắt em...” Lời nói đó nhắc nàng một kỷ niệm. Hồi còn nhỏ - Yến không nhớ rõ năm ấy nàng lên bảy hay tám tuổi - một buổi chiều, đang ngồi trên xe với Nguyên, bất ngờ nàng nghe Nguyên nói: “Yến có đôi mắt đẹp ghê”. Ngay lúc ấy, Yến không để ý. Rồi sau đó nàng cũng quên luôn, quên bằng hẳn đi. Nhưng ít năm sau, khi gia đình Nguyên đã dời đi mãi đâu nàng không hay biết, không hiểu vào lúc nào, trong dịp nào, Yến tự nhiên nhớ đến buổi chiều hôm đó. Và câu nói của Nguyên bỗng hiện ra thật đậm, thật rõ trong tâm trí nàng. Nó rõ ràng đến nỗi, đã làm mờ đi tất cả những gì xảy ra trước và sau giây phút đó. Nàng nhớ rõ ràng cả đến cái khung cảnh khi Nguyên thốt ra lời nói ấy: Lúc đó trời đã sẫm tối, chiếc xe đạp chở hai người đi vừa đến gốc cây soan to nhất trên đoạn đường ngắn nối từ đường cái về nhà.

Từ đó, Yến không thể nào quên được câu nói của Nguyên: nó tự cho phép trà trộn lẫn lộn vào giữa mớ kỷ niệm nhỏ nhoi, thân thiết của nàng. Lâu lâu nó lộ ra nhắc nàng lưu tâm, chăm sóc. Như một chiếc mụn nốt ruồi xinh xinh, bé mọn nằm đâu đó trên cổ tay, mình không để ý. Đến khi giờ tay lên chải đầu, tháo chiếc đồng hồ, rửa mặt, tỉnh cờ trông thấy mới sực nhớ ra, nó vẫn có đó, vẫn nằm yên khiêm tốn, dính chặt trên da thịt mình. Nó gợi đến một cảm giác thương mến dịu dàng. Nó xin được nâng niu, quý báu. Đối với kỷ niệm giữa nàng và Nguyên, mỗi lần nhớ đến, Yến lại băng khuâng tiếc khoảng thời gian hồi gia đình Nguyên còn sống trong trại định cư cùng gia đình nàng. Hồi đó, thường thường, sau bữa cơm chiều, Yến hay nô giỡn với mấy đứa trẻ cùng xóm trên khoảng sân trước cửa nhà Nguyên. Tại sao lại ở trước cửa nhà Nguyên? Nàng không biết. Tuy vậy, trong lúc nô đùa (hoặc chơi bịt mắt bắt dê; hoặc chơi đánh chuyền; chơi ô...) hình như Yến cứ thắc thỏm chờ đợi một điều gì. Đến khi Nguyên từ trong nhà bước ra, nói: “Nào! Yến có đi chơi một vòng với anh cho tiêu cơm không?” Yến như bừng hiểu. Cô bé vội vàng vứt bỏ trò chơi, bỏ mặc bạn bè, chạy đến với Nguyên. Có lần, Nguyên đem xe ra trước rồi mới hỏi Yến. Nhưng cũng có lần, sau khi hỏi xong,

Nguyên còn đứng đỉnh soi gương, sửa lại áo quần, vuốt vuốt mái tóc một cách hết sức thân nhiên, lơ đãng như thể Nguyên đã quên mình vừa rủ Yến đi chơi và Yến đang đợi. Những lần như thế, Yến bức tức, khó chịu vô cùng. Yến muốn chạy tuốt về nhà, không “thèm” đi chơi với Nguyên nữa. Thế nhưng lần nào cũng vậy, cứ đúng vào lúc Yến định bỏ về thì Nguyên đã lại thông thả dắt chiếc xe đạp ra sân và cười với Yến. Cô bé lại quên hết mọi giận hờn, vui vẻ để Nguyên bế lên tay, đặt ngồi phía trước. Yến chỉ thích ngồi phía trước. Có lần Nguyên hỏi, Yến nói: “Em không thích ngồi sau lưng anh; đằng sau em không có anh đỡ em ngã, anh đâu biết mà đỡ em...”

Hồi đó Yến không biết Nguyên bao nhiêu tuổi, nhưng thấy chàng thật lớn, thật đứng đắn, chừng chạc: Nguyên đã học Đệ thất, còn Yến mới học lớp Ba. Yến thấy mình đủ bé nhỏ, trẻ con để có thể vùi vãnh Nguyên; để không cần phải nhớ những lời Nguyên nói, dù là khen nài có đôi mắt đẹp.

Hôm nay, Nguyên lại nhắc đến đôi mắt Yến. Chàng vô tình hay cố ý gọi một cách xa xôi, kín đáo đến kỷ niệm giữa hai người? Yến không biết. Nhưng dù thế nào thì lời nói của Nguyên cũng làm Yến buồn. Một nỗi buồn khác hẳn với mọi nỗi buồn nài đã gặp phải từ lúc ra đời, từ ngày xa Nguyên. Một nỗi buồn thật xa vời mà cũng thật êm đềm, thân ái. Nỗi buồn gọi đến cái phần tình cảm mà Yến tưởng đã mất tiêu, biến hẳn trong nài từ rất lâu rồi. Nỗi buồn khiến nài vừa sung sướng, bùi ngùi, vừa tủi thân muốn khóc. Nó cho nài cái cảm tưởng gần Nguyên. Nhưng đồng thời cũng bắt nài phải nhận rằng nài đã xa Nguyên, thật cách xa Nguyên.

Tiếng Nguyên:

-Có lẽ anh già đi nhiều.

Yến quay nhìn Nguyên, ngơ ngác:

-Anh nói gì cơ?

-Anh muốn nói về điều Yến bảo anh “lạ hẳn”

Yến hiểu ra. Nài mỉm cười trong lúc mắt nài hoe đỏ. Giọng nài chùng hẳn xuống:

-Ai mà không già. Nếu chỉ có thế, đâu làm em ngạc nhiên. Nhưng ở anh...

Yến ngừng lại. Nguyên đã hiểu lời mờ ý nài muốn nói, nhưng vẫn hỏi:

-Ồ anh thì sao?

Yến lắc đầu, hất những sợi tóc xõa xuống mặt ra phía sau. Nài nâng ly nước cam lên nhấp một hớp nhỏ. Bàn tay trắng

có những ngón dài, thon, móng bôi đỏ, xoay xoay chiếc ly một cách chậm chạp. Yến nhìn đắm đắm chiếc ly.

Một lát, nàng nói:

-Chẳng hạn, trước kia anh không biết uống la-de. Chẳng hạn trước kia anh vui vẻ, hồn nhiên. Chẳng hạn... nhiều lắm, em chỉ cảm thấy mà không nói được.

Nguyên cười:

-Sao em biết trước đây anh không uống được la-de? Người lính nào lại không biết uống la-de?

-Hôm ở trong quân trường, anh Hùng gọi la-de cho anh, anh “giấy nẩy” lên, anh quên rồi sao?

Nguyên lại cười:

-Hồi đó anh chưa là lính. Anh mới là lính một nửa.

Yến cũng hơi nhếch miệng cười với điều gì riêng tư thầm kín trong lòng chỉ riêng mình hay biết. Nguyên nhìn Yến và chàng thốt nhiên cảm động. “Anh quên rồi sao?”. Câu nói như một lời khiển trách nhẹ nhàng. Một lời khiển trách không dám bảo thẳng. Chàng để ý, từ lúc gặp nhau, đây là lần đầu tiên, Yến gọi nhắc đến kỷ niệm của hai người. Sự gọi nhắc lại cũng e dè, ngần ngại. Nàng như chỉ dám lượn quanh, thăm dò, ngượng ngập. Thái độ đó làm Nguyên cảm động. Giá Yến cứ một mực bắt chàng phải nhớ lại những ngày êm đẹp trước kia, có lẽ Nguyên đã cho là nàng sỗ sàng, đáng ghét: bây giờ nàng không còn xứng đáng. Đàng này Yến chỉ dám lướt qua, rụt rè, sợ sệt. Nàng không dám nói thẳng với Nguyên những lời tình tứ. Nàng mượn một hình ảnh tầm thường, nhỏ nhặt để nhắc nhở mối tình. Làm sao Yến lại có thể nhớ rõ hôm ấy chàng đã từ chối chai la-de Hùng gọi cho chàng? Cái chi tiết thoáng qua, vợ vẫn đó không ngờ lại cũng làm nàng quan tâm, lưu giữ. Nguyên cảm thấy mũi lòng, tội nghiệp. Như thế là Yến đã tự phơi bày, thú nhận cái phần xấu xa, lầm lỗi của mình. Nàng không cần che đậy, giấu diếm. Nàng không nói ra mà Nguyên hiểu hết cả, cảm thông hết cả.

Có lẽ anh khác đi nhiều thật. Nhưng, em thử nghĩ xem, từ bấy đến nay, bao lâu rồi, đã xảy ra biết bao nhiêu thay đổi. Quanh chúng ta, sự đổi thay diễn biến, lú lít không ngừng. Bộ mặt chung quanh chúng ta đổi thay từng ngày, từng giờ, có khi từng phút. Mới chiều qua, chúng ta còn bao nhiêu bạn bè, bà con thân thuộc, chỉ qua một đêm quên mất, sáng ra đã nghe thấy họ bị tàn sát tơi bời: chúng ta bỗng dung mất hết. Nơi

chúng ta vừa đi qua, phút trước, phút sau, thoát đã trở thành bình địa. Nổi bồng hoàng chưa kịp làm cho chúng ta đau đớn, tâm hồn chúng ta đã lại tức thì phải nhận những thay đổi mới (mà toàn là những thay đổi khiến cho chúng ta đau lòng). Cứ thế dồn dập, liên tiếp, tới tấp không ngừng. Chúng ta không dám tin tưởng vào một cái gì nhất định. Chúng ta không tìm thấy cái gì có tính cách lâu dài, vĩnh cửu để chúng ta hướng tới. Chúng ta trở nên hoang mang thường xuyên lo sợ... Em bảo, sống trong một xã hội như thế, làm sao những diễn biến liên tiếp chung quanh không ảnh hưởng đến tính tình, tư tưởng, quan niệm đời sống chúng ta...

Nguyên ngừng lại. Chàng chợt nhận ra, chỉ vì một mối xúc động, muốn làm vui lòng Yên, chàng đã đi quá xa; vô tình đưa dẫn câu chuyện sang một hướng mới.

Để làm nhẹ bớt sự nặng nề của lời mình vừa nói, Nguyên mỉm cười, tiếp:

-“Chẳng hạn” bây giờ anh còn ngồi đây, trong tiệm nước này với em. Ngày mai, biết đâu em lại chẳng được tin anh chết trong một cuộc hành quân, ở một chốn xa xôi nào.

-Anh nói nghe ghê quá.

-Không sao? Ngày nay, sự sống, chết đâu có báo trước cho ai? Người ta chết thình lình trong khi đang ngồi coi hát. Chết giữa lúc thông thả dạo chơi ngoài đường. Chết vô lý ngay cả trong lúc đang ăn, đang ngủ... Vậy thì, nếu anh chết ngoài mặt trận tức là được chết trong một hoàn cảnh hợp thời, hợp lý, sao lại không thể xảy ra?

Nét mặt Yên tự nhiên nhuốm vẻ buồn. Nàng nhìn ra ngoài cửa tiệm, ánh mắt hững hờ, lơ đãng. Nàng vẫn nhìn như thế, nói:

-Em sợ nghe những chuyện đó.

Yên muốn thêm: “Em sợ như khi xưa em sợ phải ngồi phía sau lưng anh mỗi lần anh đèo em trên xe đạp”. Nhưng cổ nàng nghẹn lại.

Nguyên cười:

-... Vậy em còn ngạc nhiên thấy anh “lạ hăn” không?

Yên quay nhìn Nguyên:

-Càng ngạc nhiên hơn. Mỗi lúc em mỗi thấy anh “lạ hăn”. Ngồi với anh lát nữa, không khéo em không dám nhận anh là anh Nguyên nữa. Nguyên hỏi:

-Nhận xét đó em có ý khen hay chê anh?

Yên chống khuỷu tay lên mặt bàn, tỳ cằm vào bàn tay nắm

lại, lặng lẽ nhìn Nguyên. Nét mặt nàng rầu rầu, một vẻ rầu rầu dịu dàng, triu mến. Nàng nhìn Nguyên không chớp mắt. Yên như tự cho phép mình có một cử chỉ thân mật, gần gũi với chàng.

Lát sau, vẫn giữ dáng điệu đó, nàng nhẹ lắc đầu, trả lời:

-Em cũng không biết. Dù anh thế nào thì với thâm tâm em, anh vẫn vậy. Lẽ ra, em không nên và không có quyền đề cập đến điều đó. Nhưng anh đã gợi nhắc, mở đầu cho em. Bây giờ, cho phép em hỏi một điều: nếu anh cũng có nhận xét như thế về em thì là anh có ý khen hay chê em?

Câu hỏi của Yên, thật ra, không có gì bất ngờ, vậy mà làm chàng bối rối. Từ lúc gặp nhau, Nguyên đã cố tránh, không đề cập đến những phần đổi thay của Yên. Bởi vì chính Nguyên, chàng cũng không biết nên nghĩ thế nào; nên có thái độ ra sao trước cái phần thay đổi đó.

Từ sau ngày gặp Yên trong quân trường, chưa một lần nào chàng gặp lại, hoặc nghe tin tức về nàng. Như vậy, trong mấy năm gần đây, những gì xảy đến với nàng, với gia đình nàng; những gì đã diễn ra chung quanh cuộc đời của Yên, Nguyên hoàn toàn không biết. Trong những năm trời đó, hình ảnh Yên nơi tâm trí chàng vẫn là hình ảnh một con bé con hay vòi vĩnh Nguyên hồi còn nhỏ; rồi hình ảnh một người con gái mới lớn, dịu dàng khép nép trong tấm áo dài màu xanh nhạt, điểm những bông hoa vàng cũng nhạt. Hình ảnh một Yên bước những bước rụt rè, e lệ bên chàng trên những lối đi nhỏ, vòng theo những căn trại của quân trường. Hình ảnh một Yên chưa có một vết son, vết phấn đã lặng lẽ khóc trên thảm cỏ ở phía sau túp lều dùng làm chỗ tiếp tân, khi chàng cầm tay, lần đầu tiên nói yêu nàng... một hình ảnh như thế đã “sống” trong tâm hồn chàng từ ngày nọ qua ngày kia; tháng nọ qua tháng kia; từ năm này sang năm khác, làm sao có thể bỗng dưng đổi thay, mất dạng. Cho nên, Nguyên chưa từng ngờ đến một hình ảnh Yên khác đi. Chàng đỉnh ninh, yên chí, Yên của chàng vẫn vậy, vẫn là Yên của buổi sáng trong quân trường.

Đến nay, bất thần gặp lại, Yên đã thành ra như thế; Yên đã thế này. Nguyên lấy làm lạ: Chàng không đau khổ, không cảm thấy buồn. Hình như nó vượt quá đi những tình cảm ấy: Chàng thấy băng khuâng, sững sờ, ngỡ ngàng. Như một người dời bỏ quê nhà đã lâu, lê gót thập phương chán chê, mê mãi hàng chục năm trời. Một hôm trở về làng cũ, tìm lại quê cha đất tổ, trong lòng xiết bao phập phồng, hồi hộp, tâm trí mường tượng,

hình dung đến từng khóm tre, bụi trúc; từ mái đình, bờ ao, hàng giậu... Đến khi tới nơi, dừng chân đứng lại: làng xưa đã tiêu đâu mất. Nơi đó bây giờ mọc lên hàng trăm, hàng ngàn bin-đình cao nghệu, những con đường trải nhựa bóng loáng thênh thang; xe pháo qua lại rộn ràng, tấp nập... Không còn thể tìm đâu ra chỗ nào trước kia là nhà thằng cu Tý; không còn thể hình dung được nơi nào ngày trước là nhà của bác xã Tèo; nhà cái Hĩm con, Hĩm lớn. Và không còn thể nhìn ra cho được cả đến cái chỗ khi xưa là căn nhà nhỏ của ông bà cha mẹ mình, nơi mình đã được sinh ra, lớn lên và đã sống qua những ngày thơ ấu... Một quê hương như thế. Một quê hương dù đã trở thành giàu sang, đồ sộ liệu có còn là một quê hương? Một quê hương, chao ôi, quê hương mà lại không có xã Tèo!...

Thì ra, trong những năm mình vắng mặt, ở phía sau lưng, những xê xích, biến đổi; những mất đi, thay thế vẫn cứ diễn ra liên tiếp, không ngừng. Nhưng nó diễn biến thế nào, thay đổi cách sao để đưa tới cái trạng huống hiện thời thì mình không hề hay biết.

Như thế, làm sao Nguyên dám suy bì, phán xét để đưa ra lời kết luận về trường hợp Yên; làm sao chàng dám trách hoặc khen nài. Chàng căn cứ vào đâu, dựa vào cái gì để ấn định mức khen, chê trong lúc giờ đây, quanh chàng, những lễ thói, những giá trị cổ truyền đang nổi tiếp nhau lung lay, sụp đổ. Những điều xưa kia ta coi là thiêng liêng, cao quý thì nay có thể bị hắt hủi, xem thường. Những cái ngày trước ta ghét bỏ, tránh xa thì nay lại dám được ta nâng niu, ôm ấp. Sự dở, hay, phải, quấy đang biến đổi, đảo lộn rối rít, lung tung, làm sao có thể tìm thấy cái giá trị đích thực của ta trong cái mung lung, hỗn loạn đó.

Vậy thì giờ đây, dù Yên có trở thành thế nào, thay đổi ra sao, cũng chỉ có nghĩa là nàng đã bị lôi cuốn, hút theo cái vòng biến chuyển thường tình nơi chốn thế gian. Nhìn vào cái vòng biến chuyển tối tăm mù mịt đó, khó lòng kiếm ra đâu là điều hay, nét dở của nàng: Yên đã hóa thành “con người thời đại”. Nàng đã hòa tan, trộn lẫn vào với “thời đại” mất rồi.

Thế nên, dù Yên là gái bán bar, dù Yên đã từng lấy cả Mỹ đen, Mỹ trắng? Có sao! Điều đó có gì quan trọng! Có gì mà phải ngạc nhiên, sững sốt! Sao lại ngạc nhiên một khi hầu hết con gái bây giờ đều “làm” như vậy? Nếu cất tiếng lên chê trách hoặc kết tội nàng thì tức là đã vô tình xúc phạm, động chạm đến cả cái xã hội, đến cả cái thế hệ này rồi...

Thế là, bỗng dưng, Yến đã đẩy Nguyên đến chỗ mung lung, lúng túng, chàng không dám xúc phạm tới cái thành phần đông đảo, mỗi lúc mỗi thêm đông đảo vây bủa quanh chàng. Không! Nhất định là chàng không dám.

Thế còn khen Yến? Khen đôi chân thon, có những sợi lông bám sát vào da, mịn màng, đều đặn, thò ra ngoài chiếc jupe đen, của Yến? Khen màu son đỏ chót trên môi, lớp phấn thoa dày trên mặt? Khen nét bút kẻ đậm trên hai chân mày? Khen... Nguyên lại tự trách mình: chàng đã để cho một hình ảnh Yến với tấm áo dài, chiếc quần lĩnh đen; với nước da để trần một mực, bước đi e lệ bên chàng, “sống” trong lòng chàng lâu quá. Trong những năm qua, Nguyên đã mãi mê nuôi dưỡng một hình ảnh nàng như vậy mà quên hẳn đi, không tự dàn xếp một khoảng thời gian soạn sửa, chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ hôm nay.

Cho nên, bây giờ Nguyên bỗng ngỡ ngàng, chới với, không thu nhận kịp một Yến thể này. Tâm hồn chàng xa lạ, chới từ một sự đổi thay bất chợt.

Vậy là Yến đã tự ý bôi xóa, triệt tiêu hình ảnh chính nàng trong tâm trí Nguyên. Nàng đã tự ý tách rời ra khỏi đời Nguyên. Nàng để mặc cho chàng lẻ loi, cô độc: Yến đã thành linh xô đổ, phá vỡ tan tành cái nguồn an ủi to tát, lớn lao của một đời người...

Như thế, lần này, tình cờ gặp lại nhau, Yến nghiêm nhiên lại như một thêm thắt, nối liền vào những cơn đau, đổ vỡ trong cuộc đời chàng. Có điều, sự đổ vỡ kỳ này có phần tan nát, điều tàn hơn; đem đến cho chàng nhiều đắng cay, thấm thía hơn bất cứ lần đổ vỡ nào trước đó. Trước đây, mỗi khi gặp một chuyện buồn, mỗi lần chàng bị lao đao khốn đốn vì những rắc rối, phức tạp ở đời, Nguyên còn có thể, cầu cứu, kêu gọi đến nàng: mọi nỗi muộn phiền rồi sẽ tiêu tan. Yến đã như một pháo đài kiên cố, che đỡ, bất chấp tất cả mũi tên, hòn đạn từ mọi nơi lao tới phía chàng. Đến nay, pháo đài bỗng dưng sụp đổ, quanh chàng vụt trở nên trống trải bao la. Nơi tâm hồn Nguyên bỗng trải dài ra một nỗi chán chường, một niềm ngao ngán không sao khuây lấp được.

Trong cái tan tác rã rời, điều hiu, cô quạnh đó, Nguyên vẫn thấy thương Yến, thương mình, thương đến xót xa, đau khổ.

o O o

Lúc hai người ra khỏi tiệm nước thì đã đúng giờ giới

nghiêm. Rạp chiếu bóng nhìn ra công viên trước mặt, đứng sừng sững, im lìm. Những ngọn đèn, xanh, đỏ viền trên nóc rạp đã tắt ngấm tự lúc nào. Cánh cửa sắt màu xám tro đã khép kín, lạnh lùng. Trên khoảng đất rộng ngay trước rạp, hồi chapel tối, đầy hàng quả bánh, nước ngọt, trái cây, thuốc lá... bây giờ vắng hoe, rác rưởi vương tung, bẩn thỉu,

Nguyễn đứng trước cửa tiệm, đưa mắt nhìn hai bên đầu đường: không còn một bóng người. Một anh cảnh sát đi đi, lại lại ở một ngã tư gần đó, tay lăm lăm cầm khẩu súng, dáng lắm lì, thận trọng. Từ phía xa, một chiếc xe nhà binh chọt vút ngang qua chỗ trạm xăng, hai ngọn đèn pha lóa lên, mắt hút. Bầu không khí tĩnh nhỏ bắt đầu nặng nề, ngột ngạt: chiến tranh rình rập đâu đây, sẵn sàng nổ ra bất cứ lúc nào, ở bất cứ đầu đường, góc phố nào.

Hai cánh cửa sắt của tiệm nước rít lên nặng nhọc phía sau lưng Nguyễn. Tiếng bàn ghế xô vào nhau, tiếng những bước chân qua lại vội vàng, bên trong cánh cửa, làm thành những âm thanh xô bồ, đáng ghét. Đầu óc Nguyễn trống không. Chàng lần trong túi áo treillis, lấy ra một điều thuốc, bật diêm châm hút. Châm lửa đỏ lóe lên, soi rõ mặt chàng.

Tiếng Yến lo sợ:

-Có sao không anh?

Nguyễn quay lại:

-Em muốn nói gì?

-Em sợ giới nghiêm...

Nguyễn mỉm cười:

-Đi với lính, em sợ gì.

Yến cũng mỉm cười. Nàng bủn môi:

-Oai nhỉ!

Hai người rẽ sang phía tay phải, Yến bước sau Nguyễn. Nàng nói:

-Ở đây giới nghiêm sợ lắm, anh. Em không bao giờ ló mặt ra khỏi cửa. Chỉ có một lần, tội em – em ở chung với ba con bạn - bị cảnh sát xét sổ gia đình, dẫn về bắt. Lúc đó đã mười một giờ khuya, đường sá vắng hoe. Dọc đường, em gặp hai ông cảnh sát đánh một thanh niên thâm tím mình mẩy, hộc cả máu mũi, máu mồm. Tội em hỏi thì họ bảo, anh này đi trong giờ giới nghiêm, họ kêu không đứng lại... Nghĩ đến, em vẫn còn thấy sợ.

Nguyễn vẫn lặng thinh, lăm lăm bước. Chàng nghe rõ tiếng gót giày của Yến gõ xuống mặt đường, bật lên những âm

thanh thô, gọn và giòn, xen lẫn bước chân chàng. Ý nghĩ chàng tan rồi, đứt đoạn. Mới hơn chín giờ, nhưng phố xá vắng tanh, Nguyên có cảm tưởng đêm đã khuya lắm. Con đường trước mặt hai người hun hút dưới những ngọn đèn điện thưa thớt, vàng khè. Trời bắt đầu lạnh. Không biết từ bao lâu rồi, hôm nay Nguyên mới có dịp đi bên một người con gái ngoài đường, lúc về khuya – không! lúc bắt đầu tối - đặc biệt là trong giờ giới nghiêm. Bầu không khí tĩnh mịch mang một vẻ đợi chờ, trọng đại. Và Nguyên cũng có cảm giác đang mang trong lòng một nỗi đợi chờ, trọng đại, mặc dầu, chàng không biết rõ, chờ đợi điều gì.

Tiếng Yến nho nhỏ:

- Anh Nguyên...

Chàng ngoái đầu nhìn Yến:

-Gi, em?

Yến lại im lặng. Nàng giơ tay hất một lọn tóc ra phía sau. Những âm thanh vẫn bật lên đều đều từ đôi giày cao gót.

Một lúc lâu sau, giọng Yến ngập ngừng:

-Anh Nguyên... Anh có tin, em ra tỉnh này là vì hy vọng sẽ được gặp anh?

Câu hỏi của Yến làm bước chân Nguyên chìm lại. Chàng thực sự không hiểu. Yến ngụ ý gì khi nàng hỏi vậy. Nguyên không trả lời. Đốm lửa đỏ trên môi chàng lóe sáng liên tiếp giữa vùng bóng tối của lùm cây bên đường.

Yến tiếp, giọng bây giờ trầm tĩnh như đã suy nghĩ từ lâu:

-Hồi đầu năm ngoái, một tháng trước khi chết trong trận đánh vùng Cần-thơ, anh Hùng em về phép, em hỏi thì anh ấy cho biết anh đóng ở ngoài này. Mặc dầu không biết rõ đơn vị của anh, em vẫn nghĩ em phải ra đây. Em tin và mong sẽ được gặp anh. Kể ra, như thế là... kỳ cục, là em tự đập nát hình ảnh em trong anh - nếu quả thật anh còn giữ hình ảnh em – Nhưng em muốn dứt khoát. Sự thật thì ở đâu cũng là sự thật. Và sớm muộn gì rồi anh cũng biết. Đến trước với anh, em sẽ không có mặc cảm lừa đảo, gạt gẫm anh về mặt tình cảm...

Nguyên vẫn cúi nhìn mặt đường, lầm lũi bước. Chàng không quan tâm đến ý chính của lời nói Yến. Nguyên để ý tới một chi tiết bất ngờ: cái chết của Hùng. Trong một thoáng, hình ảnh người thanh niên vóc người nhỏ bé, nhanh nhẹn, gương mặt thông minh, hiện rõ trong tâm trí Nguyên. Hôm ở trong quân trường, chính Hùng đã đưa Yến đến với Nguyên

khi nàng lên thăm hấn. Bây giờ, Hùng đã chết. Cái chết của người anh trai độc nhất trong gia đình có liên quan can dự gì đến sự thay đổi nơi Yên? Nguyên không biết, chàng cũng không buồn vì đã mất đi một người bạn. Nhưng chàng thấy xót xa: thêm một người nữa ngã xuống, đất nước vẫn chưa tới đâu, vẫn ỷ ra đó, thân nhiên, tàn nhẫn; vẫn chưa có gì khẳng định, phải cần dứt khoát bao nhiêu mạng người “đền xong nợ nước” nữa, đất nước này mới thanh bình; phải cần bao nhiêu người con gái nữa thành ra... như Yên, sự đổi thay theo cái chiều hướng hiện thời mới ngưng hẳn lại. Chàng không lường trước được. Chưa bao giờ tầm mắt và tư tưởng con người lại bị giới hạn như lúc này: Không một ai biết trước điều gì sẽ đến trong cuộc đời mình, ngoại trừ một cái chết rình chờ, quanh quẩn...

Bất giác, Nguyên quay nhìn Yên. Chàng đi thông thả để được nhìn Yên rõ ràng. Nguyên bỗng nhận ra, từ lúc gặp nhau, đã rất nhiều lần chàng nhìn Yên và nhìn Yên thật lâu, nhưng chưa lần nào chàng chủ tâm quan sát Yên. Trong ánh sáng nhạt mờ của những ngọn đèn đường, nét mặt nàng trẻ lại: Nguyên không nom rõ màu son, lớp phấn và những lớp nhăn lờ mờ hiện ra trên da mặt nàng. Đôi mắt nàng long lanh sáng. Nguyên bỗng có cảm tưởng mình đang đi bên Yên trong buổi sáng ở quân trường. Chàng bùi ngùi, xúc động. Nhớ lại những ý nghĩ của chàng lúc còn ngồi trong tiệm nước, Nguyên như vừa thoát khỏi một bầu không khí nặng nề, u uất. Bây giờ, đi trong những làn gió lạnh lạnh về khuya, chung quanh hoàn toàn vắng vẻ, chàng thấy những ý nghĩ hồi chiều lại nhuốm vẻ gì vẫn vơ, phù phiếm: Nguyên đã quan trọng hóa một cách quá đáng mọi việc chẳng?

Khi hai người rẽ sang con đường bên trái của một ngã tư, nhìn lên, Nguyên sực nhận ra, mình đã vô tình đưa Yên đi lại những con lộ hồi chiều: cảnh đồ nát hiện ra trước mặt. Tự nhiên, bước chân Nguyên chậm hẳn.

Chàng đến đứng sát bên hàng rào kẽm gai đã cháy đen, xiêu vẹo, có đoạn nằm bẹp dí xuống mặt đường. Nguyên rút một điều thuốc châm tiếp. Bây giờ cảnh đồ nát bỗng dừng lại mang một hình thái mới. Dưới lớp ánh sáng thật mờ của những ngọn đèn từ xa hắt lại; trong sự tĩnh mịch mê mông, cảnh điêu tàn mang vẻ chơ vơ, im lìm mà thâm trầm, bí hiểm. Nỗi đớn đau như đang lặng lẽ, âm thầm xao động dưới từng viên gạch, từng mẩu sắt xám đen chồi lên giữa đồng cát vụn. Những dãy nhà chung quanh nơi bị nạn, cửa đóng kín mít, tối mò. Đứng giữa

một vùng không gian u tịch, Nguyên như nghe rõ từng hơi thở của các linh hồn lẫn quất đầu đây, dưới những khe tường, trên những ngọn cỏ xác xơ, sót lại trong sân trại lính. Chàng đưa mắt nhìn quanh. Tầm mắt chàng tỉnh cỡ dừng lại chỗ gốc cây, nơi Yến và người đàn ông già đứng nói chuyện với nhau hồi chiều. Lúc này, chàng thấy những âm ức, hằn học của mình trong những giờ đầu gặp Yến trở nên quá sức nhỏ nhen, ích kỷ. Cứ cho hẳn là người tình của Yến thì cũng có sao; có nghĩa lý gì. Cả mối tình của chàng cũng có nghĩa lý gì. Và ngay đến cả đời sống của chàng cũng thật chẳng nghĩa lý gì trước nỗi đớn đau đang trải dài ra trước mặt. Nguyên lại trách mình đã quan trọng hóa một cách quá đáng những sự việc ảnh hưởng đến chính bản thân mình, mà xao lãng, quên đi cái phần quan trọng – thực sự đang nằm bề bộn, ngổn ngang khắp bốn chung quanh. Chàng ân hận.

Lúc bật que diêm, châm nốt điệu thuốc cuối cùng, Nguyên chợt nhớ ra một điều. Chàng thầm nghĩ: “Thế là mình vẫn chưa trả lời một câu Yến hỏi... Cũng chẳng cần.”. Chàng rút một hơi thuốc dài, thổi mạnh ra trước mặt. Làn khói đặc bị gió thổi ngược lại, mắt hút ở phía sau.

Nhìn lại quang cảnh tiêu điều thêm một lần nữa, Nguyên tiếp tục bước đi. Những bước chân chàng hững hờ, thông thả, như những tiếng đệm trầm, buồn cho gót giày vút cao của Yến.

Đi được một quãng, Nguyên chợt nhận ra, không biết từ lúc nào và do ai khởi xướng, bàn tay chàng đã nắm gọn bàn tay của Yến. Những ngón tay đan khít lấy nhau. Nguyên nghe rõ một làn hơi ẩm kết giữa hai lòng bàn tay, không lối thoát. Chàng phân vân tự hỏi: “Không hiểu, mình đã bảo Yến mình định đưa nàng đến chỗ nào chưa?” và chàng chặc lưỡi: “Cũng chẳng cần. Rồi nàng sẽ hiểu”

Thốt nhiên, chàng quay nhìn Yến:

-Hồi này, đầu óc anh thật tệ. Phải không em?

Yến ngược nhìn Nguyên. Nàng bước nhanh hơn để theo kịp bước chân chàng.

Và đúng vào lúc Yến cảm thấy rõ ràng, Nguyên đang nắm chặt tay mình, kéo sát lại gần, nàng mỉm cười, nói một câu chính nàng cũng chưa hiểu rõ:

-Kể cũng hơi tệ thật. Không khéo rồi em đến lây anh mất.

Khuất Đầu

NGƯỜI TỬ TÙ Truyện vừa

1

Đá
nghìn năm đá vẫn không tên
muôn năm đá vẫn không tên
đá vẫn chỉ là đá
đá có từ khi chưa có mặt trời
đá có từ khi chưa có trăng sao
đá hiện tồn và mãi mãi.
đá chưa hề biết sinh nên không hề biết diệt
đá chẳng có tuổi thơ nên chẳng có tuổi già
đá lạnh lì như khuôn mặt chai sạn của một người nham hiểm
đá cũng lạnh lẽo như mắt nhìn của một người không tình ái
đá chẳng nói một lời nên chẳng ai biết được đá đã từng suy
nghĩ những gì
đá không đầu óc nên mệnh lệnh của đá đầy sức nặng quyền uy

Đá nơi đây không như ở ghềnh ở thác, không đen như lưng của
loài trâu, không êm mát như da của loài cá voi, đá chẳng dung
thứ trên mình một sinh linh nhỏ bé nào
đá trơn tru bóng nhẵn
đá vạn niên nhưng cũng mới tinh khôi
Đá nẩy vù khỏi mặt đất một cách một cách vô cùng bạo ngược
và xốc lảo,
đá phơi mình đỏ khé dưới ánh mặt trời buổi sớm, đỏ chát dưới
nắng trưa và đỏ bầm trong những hoàng hôn khô rốc

Và đêm,
cho dù đây là phút giờ bình yên của phục sinh, chẳng những
khuôn mặt của đá không một chút dịu hiền, mà còn trở nên kỳ
bí ma quái, với màu đen nhờ nhợt như bùn, và trong bóng tối

càng lúc càng đặc đậm tràn ra từ các hốc hang sâu thẳm, đá kiêu hãnh mở banh cái lồng ngực lạnh lẽo và tăm tối của mình ra, để dẫn dụ đất trời tan biến vào cõi hư vô thăm thẳm

Và, chen lẫn một cách bạo tàn, giẫm đạp lên nhau nhoi nhói, đá cố sức ngóc cổ lên cao để nhìn xuống anh em bè bạn với cái nhìn kênh kiệu đắc thắng

bởi đó, khác hẳn mọi nơi, đá nơi đây vẫn mưa máu, vẫn kèn cựa và từng đêm, vẫn kêu thét ồn ã náo động cả thính không đá giết nhau từng phút từng giờ, nhưng đá không mất, nên những xác chết của đá chất cao thành núi.

Núi kheo khu

núi dốc ngược

núi với sống lưng cứng và nhọn, với khe sâu bén ngọt như mới vừa bị chém

núi cũng đỏ khé, đỏ bầm và đỏ chất

núi cũng vạn niên và cũng mới tinh khôi

núi không một cành cây, không một ngọn cỏ cho dù là khô tím

núi mạnh mẽ và cay nghiệt

núi non trẻ mà cũng cổ già

núi nép mình vào nhau thân thiết một cách điềm dàng

và như thể một cuộc săn mồi, núi liên kết chặt chẽ để hình thành trùng trùng những lũy thành kiên cố, vây hãm cái mặt đất đỏ ngầu vẫn không thôi vật vã từng cơn bụi máu

núi siết chặt như một người đàn bà đang nghiến răng khi nghĩ đến người tình phụ

Tuy nhiên,

trong những bình minh xanh rớt hay những hoàng hôn khuất bóng trời hồng, núi hất lên nền trời cao rộng cái hình dáng kiêu kỳ và đồ sộ, giống hệt kinh thành của một vương quốc tôn nghiêm

núi có vẻ thâm u tĩnh lặng với rêu phong và cỏ cây diềm đạm, với những dòng sương khuất lấp mờ hồ

núi gìn giữ trong lòng cả cung điện trang nghiêm, với những ngựa những xe, những quân hầu lính hạ, những vương tôn công tử

Và mỹ lệ yêu kiều

là chúa của các loài chim

là vương hậu của các loài hoa
là móng trời của các tầng mây
nàng công chúa thiên hương và khả ái vẫn đang khuya nhẹ gót
hài trên những lối đi rải đầy kim cương và hồng ngọc màu
thạch lựu

Ấy đấy, từ phía bên kia kinh thành huyền mộng, những đứa bé
và những người già vẫn ngâm thơ một cách tuyệt vời, vẫn tin
tưởng một cách thiết tha, rằng nơi chốn đó là quê hương của
những giấc mơ

Trong những buổi chiều rực vàng và trong những đêm trăng
xanh biếc, các bà nội và bà ngoại vẫn không ngớt ngoáy trầu,
kể cho các cháu bé bỏng, đứa ngồi đứa nằm, đang vênh ngược
tai lên như thỏ để nghe hoài không biết chán, câu chuyện lạ
lùng về cái rốn sâu thẳm của bà mẹ đất vĩ đại, một cái rốn chỉ
có trong những giấc mơ

Rằng, từ xa xưa lắm, khi bà mẹ đất vừa mới được sinh ra, bà
cũng chỉ là một hài nhi đỏ hồng, hãy còn mang theo bên mình
một chùm nhau ruột rả như bao bé con khác và vẫn phải chịu
cắt rốn

chính trời đã làm cái việc đó của các bà mẹ, trời đã dùng một
con dao dài như sao chổi để cắt rốn, rồi ném chùm nhau vào
thình không

chùm nhau bỗng biến thành một mặt trăng thân ái và vẫn nhớ
thương cái cuộn rốn dù đã chia lìa

khi cuộn rốn đã lành, cái rốn đẹp đến nỗi các vị tiên rủ nhau
đến xem và vì yêu thích, bọn họ đã đem tất cả châu ngọc của
trần gian tạo nên những đèn đài, những cung điện luôn luôn
ngời sáng trong những giấc mơ,

vàng, chỉ trong những giấc mơ thôi vì những gót chân phàm
tục không một ai có thể đặt chân vào được.

Nhưng hôm nay, một người phàm tục nhất, tầm thường nhất,
nhưng cũng dị kỳ nhất, một người tù có một không hai đã bước
vào. Hãy nói là bị ném vào thì đúng hơn, còn ném bằng cách
nào thì chỉ có đá mới biết được. Nhưng đá, như đã nói ở trên,
vẫn lầm lì xụ mặt không nói không rằng, còn các tên sai dịch
thì chẳng bao giờ nói cho ai nghe kể cả những cô gái, mà sau
đó họ được vui đùa ngả ngón như một phần thưởng.

Vậy nên, chỉ còn các người già và những đứa trẻ hãy còn đủ thơ ngây và thánh thiện để tin rằng, người tù là kẻ may mắn nhất, tốt số nhất, một kẻ cốt cách là tiên nên đã có một duyên phận kỳ diệu, được các nàng tiên chấp cánh đưa vào. Tin như vậy là chúc phúc cho người tù và người tù cũng nên vui vẻ ngửa lòng mình ra, mà nhận lời chúc phúc trước khi biết được sự thực của cuộc lưu đày.

Người tù, anh còn trẻ quá và người trai trẻ nào chẳng mang trong lồng ngực mạnh khỏe của mình một trái tim quả cảm và một tâm hồn dễ dàng rung động, dễ dàng bay lên như loài chim với đôi cánh ảo tưởng. Anh hãy tin rằng chính anh đã bay vào cái lòng chảo kỳ quặc và khốn khó này, chính anh đích thực là vị chúa tể giàu sang của vương quốc không người không chim muông, cái vương quốc chỉ có đá cọt cười thâm lặng và những cơn gió dài từng trận kêu than

Cái vương quốc lạ lùng xa thẳm đó giờ là của riêng anh, đá là của cái bạc tiền, là bằng hữu và cừu nhân, là nệm ấm chăn êm, là người yêu phơi mở, là tham vọng không đáy và hoài bão ngất trời...Hãy tin đi anh, cố mà tin, để những người già và em bé khỏi phải chung hừng ngẩn ngơ, khỏi phải bơ phờ tuyệt vọng, bởi anh cũng đã từng là đứa bé và nếu không có tai ương anh cũng sẽ là người già.

Anh nở lòng nào để họ âu sầu trong tê lạnh, mòm chát đắng, tai diếc câm vì chẳng còn câu chuyện thần tiên hoang đường nào nữa để kể đi kể lại, để nghe hoài nghe mãi, từ xuân sang thu, từ thế hệ này sang thế hệ khác nếu họ biết được rằng, chính xác nhất là anh đã bị quăng vào đó để đợi chết.

Hãy thương lấy họ và biết ơn họ vì dù sao trước khi chết, anh cũng đã được họ hào phóng chúc phúc hết sức ngọt ngào. Mỗi mỗi những đứa bé sẽ nói về anh với tất cả niềm mơ ước. Buổi tối, trong giấc ngủ còn thơm mùi sữa, hình ảnh anh xinh đẹp và sang trọng vẫn không ngớt lay động trái tim và đôi môi của chúng. Anh sẽ không bao giờ chết đối với người già và em bé. Anh vẫn sống sáng láng như trăng sao, vẫn như ông hoàng cưỡi con ngựa tuyệt đẹp rải những bước chân hào hoa trên những đám mây màu hồng, một đôi lúc ghé thăm họ trong những giấc mơ, để cho câu chuyện thần tiên của họ dài thêm, dài mãi như

thời gian.

Vậy thì, nhân danh một người viết về anh, tôi thực tình xin anh hãy để yên cho chúng tôi được về vùi, được thả lòng trí tưởng để câu chuyện về cuộc đời ngắn ngủi của anh, cho dù có bị thiết đến bao nhiêu thì sau cùng vẫn coi như là không hề có. Và vì không hề có, nên những người già và em bé vẫn còn tin là trên trái đất bao la mà bé xíu này, hãy còn có một cái rốn xinh đẹp, xinh đẹp hơn hết thảy mọi cái rốn xinh đẹp của trần gian.

2

Đêm không đen, đêm chỉ như mực tàu pha loãng và đêm nhẹ hẫng trong khi núi như nẩy vù cao hơn với những sống lưng gai sắc. Và oằn ẹo. Và kèn cựa. Và gằm rống như những con rồng đen đi tìm con khác giống. Núi xoạc căng xoạc chân hết sức hỗn độn sau những cơn động tình bài hoại.

Người tù thức dậy bởi sự huyền ảo âm ỉ tuy không trời long đất lở nhưng rền rĩ vang động tận tim óc. Trước mặt. Sau lưng. Bên trái. Bên phải. Núi và núi. Núi đứng nghênh ngang, núi ngồi chồm hổm, núi nằm lỏa thể, cùng ngóc cổ lên, chụm đầu lại để nhìn cho rõ cái sinh linh bé nhỏ là người tù đang ngơ ngác tự hỏi mình đang ở đâu, trên mặt đất hay dưới địa phủ.

Ý nghĩ đầu tiên buồn bã lướt qua đầu óc anh, vẫn là tù ngục, mặc dù nơi đây khác xa với cái ngục đá mà anh đã từng bị giam giữ. Anh thấy mình bị úp chụp bởi một chiếc lồng, tuy rộng lớn nhưng thực ra, còn đáng sợ hơn cái nhà ngục với tường cao hào sâu. Bởi ở đó, cái hy vọng vượt ngục cho dù bị tạt nước vẫn cứ âm ỉ như tro nóng và vẫn có thể bùng cháy thành ngọn lửa. Còn ở đây, làm sao anh thấp được chút lửa mong manh, trong khi núi non kheo khu cứ như lớn thêm từng phút từng giờ và mặt đất thì cứ tụt xuống sâu hun hút.

Anh buồn rầu nhìn lên đêm cao. Anh chỉ còn mỗi cách nhìn lên đêm cao, với bầu trời bị quây kín bởi núi đá như dưới lòng

giếng sâu nhìn lên, ở đó hãy còn vài ánh sao yếu ớt, mệt mỏi đờ đẫn như mắt cá ươn. Anh mơ hồ nghe đêm tối vẫn dâng lên, dâng lên không ngớt như mặt biển tự bơm mình căng phồng, căng mãi cho đến khi nuốt cả các vì sao. Anh cảm giác như mình đang ngồi trên đầu một ngọn sóng và khi anh nhắm mắt lại cái cảm giác ấy càng rõ rệt hơn, đến nỗi có lúc anh tưởng như mình được nâng lên, đong đưa, chỉ một chút xíu nữa thôi là vượt qua những đỉnh cao, thoát khỏi cái ngục tù không một ai thèm canh giữ.

Anh ứa nước mắt tự hỏi tại sao mình lại có thể điều linh và đơn độc như thế này. Anh quay quắt gần như phần nộ. Anh thôi nhìn lên đêm cao. Anh nhìn thẳng trước mặt và anh cảm thấy đau nhói trong tim như thể anh vừa bị ném vào vách núi, một cây gươm đá chờ sẵn đã xuyên thủng ngực anh.

Hụt chân từ ảo tưởng, anh rơi tõm xuống vũng lầy thực tại, anh rợn người khi nhận ra rằng cái cõi miền tịch liêu không xúc cảm này chính là nhà mồ của anh, một nhà mồ trống hoác giống như miệng con khủng long chẳng biết đến bao giờ mới ngậm lại. Chính giữa cái lòng chảo này, anh sẽ chết như đá tự đập vỡ mình ra sau khi đã để cho mặt trời nung chín. Và đó là số phận anh, một số phận nghiệt ngã, chính anh phải dày dạn anh, chính anh vừa là kẻ tội đồ mà cũng vừa sai dịch.

Và còn nữa, cái xác mà người ta đè anh xuống để buộc ngựa trên lưng, một cái xác xa lạ từ nay dính chặt vào anh như một cái bướu, tệ hơn, như một người em song sinh đã chết tự bao giờ. Anh cầm lấy một bàn tay căng bóng như chuối ngự đang thòng xuống bên hông. Anh bóp nhẹ, nghe mềm mềm, nhão nhão và anh hiểu rằng thịt đã chua, da đã bục, sắp vỡ ra hôi thối tanh tưởi đến buồn nôn. Và anh là một phu đòn, chỉ duy nhất một mình anh, nhọc nhằn đưa xác chết đi an táng trong cái huyết mộ lớn rộng lộ thiên này.

Cái xác của ai đó trên mình tôi, núi đá trước mặt sau lưng tôi, mặt trời phun lửa đốt cháy tôi, những cực hình lạ lùng này vì sao tôi phải chịu? Và tôi phải chịu đựng đến khi nào? Anh nghe lạnh và một nỗi ngao ngán trộn lẫn hờn căm khiến anh gục xuống.

Một lần nữa, anh nghĩ tới cách kết thúc đời mình bằng cách đập đầu vào đá. Chỉ một cái húc mạnh, người anh sẽ cong lên, sẽ vỡ ra như đá vỡ. Và như thế, tất cả đều chung hừng vò

duyên.

Xác chết, núi đá, mặt đất và mặt trời đều chẳng là gì nữa cả.
Một khi anh đã vỡ toang thì còn hành hạ anh thế nào được nữa.

Tự sát

Như thổi tắt một ngọn đèn

Như ngắt cụt một mầm cây mới nhú.

Tự sát là cách thể chiến đấu tiêu cực với chính số phận mình và trước khi để cho xác thân vỡ tan, mình vẫn có thể tự hào rằng, chính mình, không một ai khác ngoài mình, đã nuôi sống nâng niu thì cũng chính mình ra tay hủy diệt. Đó là cách làm chủ số phận mình một cách tích cực.

Tự sát, xem ra chóng vánh và dễ chịu quá đi, nhưng anh lại mơ hồ nghe ra có điều gì không ổn.

Điều gì vậy?

Hy vọng được cứu thoát chẳng?

Ai mà đến được nơi này. Mà cho dù đến được liệu có thể đem anh ra khỏi cái vực sâu hun hút này chẳng?

Vậy thì điều gì?

Anh không biết được, nhưng anh nghe đau xót tận tim óc mình, khi ý nghĩ tự sát thoáng qua lóe sáng như một đường gương. Đường như từ thẳm sâu của tuyệt vọng, anh vẫn còn yêu thân xác mình và anh không muốn xác thân cùng ý chí lại hủy diệt nhau như một cuộc tương tàn. Và lại, tự sát dù nhìn ở góc cạnh nào cũng là một cuộc đầu hàng và như thế là nghịch lý ngay cả với chính lòng can đảm. Một cuộc đầu hàng quá sớm hay là một sự hèn dối số phận cũng thế, cả hai đều bi thảm.

Anh lắng nghe từng nhịp đập hãy còn bồng bột của trái tim thơ trẻ trong lồng ngực ấm áp, tiếng dội ấm và trong, ngân nga như tiếng nhạc ngựa reo vui trong buổi chiều cuối năm và anh hiểu ra rằng anh đang sống, phải sống, mặc dù kể từ lúc này, sống được coi như một sự chịu đựng kiên khổ trước những nhục nhằn xô đẩy của cuộc hành hình.

Anh lại trông lên bầu trời, cố tìm cánh đồng sao quen thuộc của tuổi ấu thơ, và mặc dù, tất cả đã bị đảo lộn, mọi tên tuổi đã bị xóa mờ, những ngôi sao hiền từ vẫn còn đó, trái tim xinh đẹp và rực rỡ của chúng vẫn đập dịu dàng như đang hòa

âm, tất cả vẫn đang cất tiếng hát bằng một thứ ngôn ngữ diệu kỳ trong tiết điệu hết sức ngọt ngào, chỉ để riêng cho trái tim thơ ngây và đơn độc của anh hiểu. Chỉ riêng anh trong đêm nay thôi và anh cảm thấy yên bình tin tưởng như đứa bé đi lạc vừa tìm được mẹ.

Anh gối đầu vào lòng đêm, lắng nghe khúc hát mệnh mông của đêm tối, của các vì sao và tự để cho mình chìm dần vào cõi diệu êm của giấc ngủ. Trong khi đó, những vị thần bay lượn trên cao, chiếc áo choàng dài và đẹp vướng phải những ngọn móc bằng đá, đã phải dừng lại. Nhìn xuống vực sâu, các vị thần ngạc nhiên sao lại có một cậu nhỏ nào lại đi lạc vào nơi khôn khó như thế này. Các vị đều ngậm ngùi, vì tự họ cũng hiểu rất rõ rằng, chẳng thể giúp được gì cho cậu. Các vị thần lại bay đi bỏ lại đêm tối sâu và rộng như chẳng phải là đêm, mà là một ngày ở một cõi trời nào đó đang bị phủ kín bởi mây đen của ác mộng.

Người tù thấy mình đang trên đường trở về nhà. Anh vui mừng nhìn những hàng cây cao lớn đang thân ái tỏa bóng mát suốt con đường anh đi. Anh thăm hỏi những bông hoa mới nở như những người bạn hiền. Đã có lúc anh muốn nằm xuống để hôn lên mặt đất nâu như hôn lên thịt da mát thơm của người yêu dấu. Anh đi một mình, nhưng anh lại cảm thấy như con đường quá chật. Anh có cảm giác phải chen dủ rất nhẹ, để bước tới. Tại vì lòng anh hay tại vì cây cỏ cũng muốn theo anh về nhà? Anh nghe tiếng chim ca trên đầu mình và anh hiểu chúng cũng đang thân ái chúc mừng anh. Tiếng nước chảy mông lung đầu đó, tiếng của một con sông hiền hay tiếng của một dòng suối trẻ, làm anh nhớ tới ngọn đồi ở quê nhà với những dây leo dài như tóc. Anh cố bước nhanh hơn. Cây cỏ cũng hiểu được lòng anh nên đã mở rộng vòng tay để anh đi dễ dàng.

Và, anh trôi về quê nhà như dòng sông trôi vào biển. Anh thấy mình rộng lớn nhưng lại tan ra và mất hút vào cõi không cùng.

Ngôi nhà giống như một tổ chim nghèo nàn của lũ chim sẻ,
nằm quanh hiu ở lưng chừng một ngọn đồi ngập tràn những cỏ
phân hồng, đơn độc như tận cùng trái đất bé xiu và cũng đứng
trong bầu trời xiu bé, những cây thông hắt hiu đứng thưa thớt
dãi dầu như các bức tượng cổ buồn và phần thông vàng vẫn
bay đi hiu trong hơi thở của người và thú
ngôi nhà thường khi rung rinh trong những cơn gió mạnh khỏe
giống như một trái tim đang múa nhảy
ngôi nhà và những bậc đá xanh dẫn xuống con suối thanh tịnh
và mặt đất ẩm ướt đầy mùi thơm của lá khô và nhựa cây
và những triền cỏ mênh mông trong tiết lập thu vàng rực
và những buổi sáng đầy sương mù lạnh, những buổi trưa nắng
đỏ lưa thưa
và dòng nước rù rì chảy qua những kè đá nhỏ
ở đó tôi đã thân thiết biết chừng nào
tôi mất mẹ
nhưng ngôi nhà đã là mẹ của tôi
ngọn đồi, mặt đất và dòng suối là cô di chú bác tôi
tôi đã được thương yêu chở che từ tấm bé
tôi đã được ôm choàng dịu nhẹ bởi bầu trời sạch mát và bao
dung
tôi muốn được sống thêm một ngày với lũ cỏ cây hiền hậu,
được nhìn khói thổi com chiều bay lên, được nghe tiếng cãi
nhau của nhái ếch, tiếng gáy so tài thiết tha của lũ đế
tôi đang trên đường về
xin cho tôi bước tới gần hơn
xin cho ngôi nhà được ôm lấy tôi một lần nữa
và cũng xin cỏ cây lân tuất lại được ôm tôi
xin được áp môi lên mặt đất sau cơn mưa
xin được phanh ngực ra đón làn gió rộng
chỉ một lần nữa thôi mà
tôi sẽ không nài ni kêu xin một điều gì khác
tôi sẽ lặng im và chết như hoa
rụng

Tôi đang nghe cơn gió dịu ngọt gọi tên tôi
tôi cũng đang nghe con suối gọi tên tôi
và ngay cả cỏ cây sỏi đá cũng không ngớt gọi tên tôi
ở đó, không phải ở đây
ở đó, bao giờ mặt trời cũng mọc lên như một người hàng xóm
ân cần và tốt bụng, lúc nào cũng hỏi thăm hay chào nhau bằng

những tia nhìn ám áp và khi tạm biệt cũng không quên để lại
một ít bụi vàng

Tôi trông thấy cây cầu nhỏ quen thuộc uốn cong như hình
mống trời, cái màu nâu đậm đà của nó vẫn in lên trong trí tôi,
như hình ảnh yêu kiều của nó thường khi vẫn in lên nền trời,
trong những hoàng hôn thanh tịnh

và làm sao mà chân tôi không run cho được, tôi hãy còn run
như lúc nhỏ một mình đi qua trên mình nó, những khe hở cho
tôi thấy dòng sông sâu thẳm bên dưới đang ngửa mặt trông lên
cười khúc khích, cười mãi cho đến khi tôi vững chãi bước đi
trên đường, cũng hãy còn nghe tiếng cười ngân vang

tôi sẽ dừng lại ở cây cầu đó trong ít lâu bởi vì tôi đã từng thân
thiết với nó cũng như nó đã từng thiết thân với dòng sông

tôi đã từng đứng trên mình nó như con chim sáo đứng trên
lưng trâu nhìn về phía quê nhà mát tươi màu xanh dịu và
thường khi tôi trông thấy khuôn mặt mình nằm giữa lòng sông
sáng lên như một tảng đá

tôi cũng thường ngâm mình trong lòng nước ám áp lắng nghe
thân thể mình được vuốt ve tinh nghịch và âu yếm

tôi muốn được uống một ngụm nước mát từ lòng nó

tôi muốn uống nhiều ngụm

tôi muốn uống

cả một con sông đây

Tôi sắp gặp lại những người tôi mến yêu, khi tôi đi vòng ngọn
đồi từ tây sang đông để về nhà, tôi tưởng chừng như nghe thấy
họ đang tươi cười vui vẻ gọi tôi, buộc chân tôi dừng lại cho họ
vừa thăm hỏi vừa nhìn xem tôi đã cao lớn đến nhường nào,
xem tôi xinh đẹp đến nhường bao sau những ngày xa cách, tôi
cũng trông thấy những đôi mắt dịu dàng và nụ cười dịu êm của
các thiếu nữ trong khu vườn hay trên sân nhà của họ

nhưng tôi sẽ bước nhanh qua khỏi xóm giềng lân tuất để chạy
bay lên ngọn đồi tròn trịa nhỏ nhắn dễ thương
như trái vú trù mật của vợ tôi

tôi sẽ gặp nàng

lạy trời

cho tôi còn được gặp nàng

lạy trời

đừng xui khiến cho nàng phải đi đâu đó, chẳng hạn, như đi hỏi
thăm tin tức về tôi rồi tuyệt vọng ngồi khóc đến nỗi lạc mất

đường về

xin cho nàng hãy còn đứng trước sân với ngực phập phồng và
ngã xuống đúng lúc đôi tay tôi kịp đưa ra nâng đỡ tấm thân
mỏng mảnh

xin cho tôi được hôn nàng, một lần hôn cuối cùng san sẻ hết cả
máu tim của tôi và nàng

em thân yêu

chắc em đã khóc rất nhiều kể từ ngày tôi bị bắt đi như thể đời
sống của chúng ta bỗng dưng đã bị đánh cướp

em hãy mở mắt em ra như lá cây non hé mở trong đêm, xin
hãy nhìn tôi, em nhỏ xíu và dịu dàng, em mệnh mông và cao
diệu, em hãy còn nhìn thấy tôi trở về, may mắn còn hơn phép
lạ, em hãy cười bằng tất cả niềm đau của những ngày héo úa,
như lúa non khát nước gặp cơn mưa rào, hãy bùng sống mãnh
liệt một lần trong đời, hãy hôn nhau bằng cái hôn của cả trăm
năm, hãy nói với nhau một lời dài tới tận cõi chết

và sau đó

xin dâng tặng hết thầy cho đất trời

chúng ta không than khóc, không van xin, không nguyện cầu
và mơ ước một điều gì nữa

chúng ta trở lại làm những đứa trẻ và chết như là lên đường về
thăm quê ngoại

Tôi đã bước tới chân cầu

nhưng sao bỗng dưng tôi cảm thấy cây cầu tựa mình rồi vươn
cao lên như sắp đụng trời

và điều gì vậy?

tôi nghe nhói giữa tim và tiếng kêu bi thống ở miệng tôi trào ra
cùng máu ứa

tôi

rơi xuống

tôi thấy mình

đang rơi

xuống

tôi thấy mình

đang rơi mạnh mẽ

và cây cỏ vụt bay lên như một bầy chim hoảng hốt

và dòng sông bỗng cạn khô

và ngọn đồi dịu êm vụt đỏ chói như một trái tim đắm máu
khổng lồ

tôi

đang
rơi
xuống

một đáy vực
tôi đang nặng nề với một xác chết hôi thối ở trên lưng
và trên cao kia những vì sao hiếm hoi cũng đang lặn mất
tôi chông chênh nằm giữa mặt đất khô nóng

Tôi hiểu là chẳng còn gì
tôi hiểu tất cả bây giờ đã dành là nỗi huyệt hơi
tôi mỗi một chờ mặt trời chỗi dậy như chờ một khuôn mặt của
phán quan.

4

Người tù thức dậy sau khi đã thiếp đi một lúc. Anh mơ hồ nhớ lại giấc mơ không rõ rệt, những hình ảnh nhập nhòa cùng những thanh âm khi chìm khi nổi. Anh cảm giác ở trong anh vừa nở ra thơm ả, một điều gì đó rất lạ xa nhưng cũng lại mau chóng lặn tàn hút mất.

Anh trơ ra giữa một nhà mồ bằng kiếng với tay chân buồn rầu thừa thãi như không phải của chính anh. Nó nhàu nhò. Nó héo ả. Nó hôm nay không phải nó hôm qua và cũng chẳng phải của ngày mai. Nó là hiện thân của một cái gì không hình thù mặt mũi. Nó có vẻ rất gần với sự chết. Hay là sự chết đang nảy mầm mọc rễ trong châu thân anh?

Anh đứng dậy một cách khó khăn, bởi vì cái xác buột ngửa trên lưng cứ nhùng nhằng kéo anh xuống thấp. Anh nghe tiếng ọc ạch, ọc ạch từ cái bụng căng chướng như một mặt trống. Một mùi hôi gắt, đậm, tưởng như sờ nắm được làm anh nghẹt mũi. Anh váng vất, ngật ngừ. Những cơn sóng kỳ lạ vẫn không ngớt trào lên trong anh khiến ruột gan đảo lộn. Anh muốn nôn, nôn, đến cả mặt xanh mặt vàng, nôn luôn tim óc, nôn luôn những tháng ngày xưa cũ mà anh đã từng nâng niu trân quý. Anh cố gắng thử bước vài bước và anh tuyệt vọng hiểu rằng, giả dụ trước mặt anh không là núi đá kheo khu mà là dịu êm một triển cỏ mệnh mông và cho dù đời sống chỉ cách anh một tầm tiếng gọi, anh cũng khó lòng đào thoát được. Anh đứng

lặng thình giữa đêm cũng thình lặng, miệng nhay nhay như đũa bé đang nằm bú tay dưới ánh đèn. Anh mong trời mau sáng để lại nhìn thấy ánh mặt trời.

Bất chợt anh rướn người lên, toàn thân rung động như một cái cây bị gió lắc lư. Anh vừa nghe vang dội một tiếng động của đá vỡ trong khe núi sâu. Tiếng dội mạnh đến nỗi những vì sao cũng rung rinh và lá tả thừa dần như đang rụng xuống.

Đá chết

Đá tự đập vỡ mình và gằm rỗng như sư tử cùng đường

Đá đánh rơi mình trên những tảng đá khác, vẫn chưa hết thói quen so bì kèn cựa, nhảy tung tung như một quả bóng bằng đồng trước khi chịu vỡ tan thành sỏi.

Có một chút gì vừa ồ ạt vừa bị phẫn trong tiếng dội mỗi lúc một hỗn độn, như thể đó là tiếng thét liên hồi thoát ra từ một lồng ngực bị ép chặt đến cả ngàn năm. Chút gì vậy? Hay là những tảng, những khối ù lì, câm nín kia thực ra vẫn có một đời sống. Và đời sống ra sao? Phải chăng một đời xanh gợn gợn và giá băng chờ đợi, một đời góc cạnh cứng nhon như còi lòng tịch liêu chỉ thuần lý trí một chiều? Một đời sống không chuyển dịch chỉ biết âm ào quá thác, chỉ biết áp đặt, chỉ biết trừng trị, không phải một đời mà cả triệu đời, đang khốc liệt giẫm đạp những mầm sống non tơ khác. Những đời sống ấy càng cao lớn càng vững chắc, thì những cuộc đời khác mong manh như cỏ dại làm sao sống được?

Tiếng dội khá lâu mới chịu im hẳn nhưng trong tim anh vẫn còn ừng ục âm ỉ, còn trầm thống ngân vang cho đến khi mặt trời lên.

Cảm thấy khó chịu vì đứng lên cũng chẳng được ích gì, anh lại ngồi xuống. Đêm trên cao cũng dần dà xuống thấp. Giống như một con nước rút, đêm để lại trên bầu trời những vệt đen bản thiêu như một bãi biển đầy rác. Dù vậy, những luồng sáng yếu ớt nhưng âm ập quét ngang bầu trời vẫn là một đổi thay sinh động khiến lòng anh dịu xuống. Anh cảm thấy mùi vị của đời sống hãy còn lẫn trốn ở đâu đó và anh yên ổn đợi chờ.

Đúng vậy, một lúc sau, nền trời trước mặt anh ửng hồng như đôi má tươi non của thiếu nữ. Anh hiểu rằng mặt trời vẫn mọc lên ở đằng đông một cách uy nghi đường bệ sau khi đã phải những đạo quân ánh sáng đẩy lùi bóng tối về tận ổ hang của chúng. Và mọi sự xem ra có gì thay đổi mấy đâu. Đêm vẫn tàn

và ngày lên. Mặt trời vẫn mọc ở nơi thường mọc. Và cái dấu hiệu đầm ảm cũng hứa hẹn một ngày đẹp trời để cho đời sống thường hằng lại bắt đầu bằng những nhịp điệu tuy quen nhưng không nhàm chán, một ngày làm việc, ăn uống, nghỉ ngơi và ân ái.

Nhưng đó là một ngày rất bình thường, rất thân quen của mọi người chứ không phải của anh. Một ngày của anh chỉ có nỗi đau và nỗi nhục. Chỉ một mình trơ trọi cùng với cái xác đang thối rữa trên lưng. Anh như con thú bị cạo trụi lông tách ra khỏi bầy đàn. Anh sẽ làm được gì trước một ngày mới đã bị đóng đinh dấu ấn tù đày? Sẽ ngồi đây cho đến khi chảy mủ hay léch thếch bò đi? Mà đi tới những đâu và tới để làm gì khi trước mặt sau lưng bên trái bên phải đều là đá?

Anh mệt phờ, ngán ngẩm. Nỗi khổ nhục mà anh phải chịu đựng cứ đẩy lên theo từng nhịp thở. Nó nhầy nhụa, ề ạch. Nó không nguyên do, không kích cỡ, nó không là định mệnh, nhưng hiện tại nó là của riêng anh. Chính vì vậy mà anh cảm thấy nơi nhà tù vĩ đại không chán song này, mọi cái nhìn đều bị hắt ngược về tận cõi lòng mệnh mông tuyệt vọng. Con người đánh phải căng lớn hai con mắt của mình ra, chong chong nhìn cho đến ứa máu cái thực trạng nóng bỏng bơ phờ, khiến tâm hồn rung rung bốc khói. Con người đánh phải tra vấn, tự khảo tra chính mình, tự nguyên rửa chính mình để rồi sau đó, nằm dài chờ đợi như con chó bị ăn đòn nằm liếm vết thương. Sẽ có một lúc nào đó con người sẽ ngất ngư trong cơn cuồng điên xoay tròn thân phận mình như một con gió trời. Sẽ phải vùng dậy thoát ra nếu không muốn bị xéo giày mục rã.

Mặc dù với những ý nghĩ cay đắng, nhưng trong buổi bình minh yên tĩnh và có vẻ như tươi mới này, người tử tù vẫn cảm thấy tâm hồn mình vút cao vút như đỉnh trời đang bắt đầu rực sáng. Anh hiểu là chưa, những thử thách cam go nghiệt ngã mà anh phải chịu đựng, thực ra hãy còn ần mình chờ đợi như thể một con chồn tinh quái biết né sợ cây gậy quyền phép của một vị đạo nhân. Và, tất cả sẽ thực sự tung hoành, sẽ dọc ngang quây phá khi mặt trời treo cao bỗng nổ lớn như một tiếng pháo lệnh, cho cuộc giác đấu không cân xứng giữa con người bé nhỏ và chính mặt trời vĩ đại, mà đấu trường là cái lòng chảo khổng lồ này và khán giả là những tượng đá đủ hình thù quái dị đang

đứng san sát lằm lỉ kia.

Anh nhìn xuống thân thể mình nhằng nhịt những thùng những xích, nhìn những cẳng chân cẳng tay căng bóng của xác chết, nhìn cái bầu đựng nước lưng lẳng bên hông, nhìn những chiếc bánh cột thành chùm và cây gậy của lũ hành mỗi mệ. Nhìn và tự hỏi người ta muốn gì với những thứ ấy. Cho phép anh đào thoát hay kéo dài những khổ đau? Như một con thú bị lột sống da lông rồi thả ra cho chạy. Chạy rồi ngã, rồi lại chạy cho tới chết. Như thế là cố tình cười cợt, sỉ nhục anh. Như thế là tận cùng cái ác.

Và kia, mặt trời sau cùng vẫn mọc lên, đỏ và bóng láng. Người tù ngấm cái khuôn mặt tròn đầy quen thuộc kia, cảm thấy đau thắt khi nghĩ rằng cái nguồn sống mệnh mông bất tuyệt ấy, với anh lúc này, là cả một thách đố kinh hoàng. Mặc kệ, anh uống một ngụm nước và rần rôi đứng lên. Anh nhìn thẳng mặt trời, nhìn dăm dăm cái khuôn mặt luôn được lau chùi bằng lửa đỏ và anh cảm thấy không thể nào chối cãi sự thân thiết đã có tự bao giờ giữa anh và mặt trời.

Anh muốn cất tiếng chào như trước đây mỗi sáng thức dậy anh vẫn chào mừng. Anh bước tới một bước, với tất cả lòng biết ơn, anh nói, chào bạn. Nhưng đột nhiên anh thấy mặt trời đổi khác, không chỉ một mà cả trăm cả ngàn, những khuôn mặt dăm đĩa máu, cùng phát ra những giọng cười si ngốc phun thẳng vào mặt anh những búng lửa nóng ran. Anh hiểu cái bản án lạ lùng nhất thế kỷ đã bắt đầu có hiệu lực và mặt trời trở thành một tên cai ngục cay nghiệt độc ác nhất. Anh cảm thấy chưa có sự ngây thơ nào lại đại dột và bi thiết như niềm tin của anh đối với mặt trời. Anh đánh rơi cây gậy trong tay mình, lòng bỗng lạnh như đã chết tự bao năm.

5

Mặt trời

to tròn và đỏ như trái tim vừa mới cất
mặt trời thở phì phì như một loài rắn độc
mặt trời khạc từng búng lửa chang chang

mặt trời nhỏ từng bãi đờm ướt máu
cái miệng mặt trời nở tràn cả khuôn mặt
một cái miệng sâu dài không lưỡi không răng
và gằm rổng như cộp beo
và si ngốc như đười ươi
mặt trời cười sắc súa từng cơn điên hí hửng

Cả thung lũng đục ngầu và đỏ khé này
cả những núi non lăm lì xụ mặt kia, đang bốc cháy dưới những
trận cười đỏ lửa
đất cháy để trở thành guơm đao
đá cháy để trở thành quân canh lính giữ
đất và đá đã cháy thiên thu và đã chết không biết mấy triệu lần
vì đã chết
nên không biết thế nào là niềm ước mơ và hạnh phúc tốt cùng
của những cơn mưa lũ, nỗi hân hoan của những trận gió dài
trữu nặng hơi nước, vẻ xanh tươi thắm thiết của ngàn ngàn bãi
cỏ non tơ, mùi thơm trong sạch nhẹ nhàng của những loài hoa
nhỏ dại, vẻ sừng sững âm u của ngàn sâu bóng cả
đã chết
và từng chết bao nhiêu tháng năm, nên không biết được thế
nào là nỗi niềm mê đắm của những giọt nước run rẩy trườn qua
thân mình, niềm tin yêu rung động của muông thú khi bước
chân giẫm đạp đùa vui
chết tro trụi
chết vô duyên nên chẳng thể nào nghe được tiếng chim ca vang
lừng, những giọt sương rơi rụng và đến cả những khế run của
chiếc lá xa cành
đã chết
và giờ đây khô cứng như một người bị róc hết cả tuổi ấu thơ,
róc hết những niềm yêu niềm nhớ chỉ còn tro cái khuôn mặt bị
sị đầy những lỗ hang đục vọng và những nếp nhăn nham hiểm,
chỉ còn lại cái phần xác nồng tanh đến lợm giọng, một nhìn
phải quay mặt ngoác lơ, hai nhìn phải giật mình bỏ chạy.

Cả cái miền đất trùng trùng trùng những núi non chai cứng
nghiệt ngã kia đã là cái hí trường cho mặt trời năm năm tháng
tháng cợt cười gào thét, là những cái bia to tướng cho mặt trời
hung hãn bắn vào ngàn mũi tên lửa, là những hình nộm đứng
trơ cho mặt trời vùng guơm tập chém, là quặng trong lò luyện
đang tới giờ nung chảy

Mặt trời vì vậy, thực sự là chúa tể của cái vương quốc tịch liêu này và trong cái thung lũng đỏ khé giống hệt cái miệng to rộng của mặt trời, chẳng một thứ gì có thể sinh sôi nhưng cũng chẳng một thứ nào bị biến mất

Mặt trời như hiện hữu suốt 24 giờ, nên dù đêm đã từng chan rười biết bao giọt sương tinh khiết, như là hơi thở của trời cao đọng lại cũng chẳng còn được chút gì

Đất chưa mát mình mấy đất, đá chưa lảng lai hồn đá, thì mặt trời khốc liệt đã quạt xuống từng cơn lửa dữ

Và tồn tại thế nào được, khi những giọt sương mảnh khảnh yếu đuối thế kia, khác nào những thiếu nữ mong manh trong tay một thằng dâm bạo

Và gió

những cơn gió lên cao tót vời đã bị mặt trời phùng mang trọn mắt găm rổng đến nỗi gió nổi cơn điên, lông lốc quay cuồng, rồi nằm dài chờ đợi trên những bức tường đá, hay lẫn trốn vào các khe sâu, khóc than một mình cho đến khi tỉnh lại,

thì gió đã không còn là gió,

tả tơi bơ phờ,

chỉ còn một chút lắt lay như một người đợi chết

Như thế, cuối cùng người ta nghĩ rằng, cả cái thung lũng kỳ bí này là quê hương đích thực của mặt trời, rằng mặt trời không mọc lên từ phương đông và lặn ở phương tây, mặt trời mọc lên chính nơi đây và cũng lặn xuống nơi đây

chính giữa cái rốn đỏ quạch này mặt trời xé lòng đất vọt lên rồi lại chui tọt xuống đất như một loài yêu quái

bởi đó, không nơi nào trên quả đất ưu phiền này lại trần trụi, trọc trọi như ở nơi đây, không nơi nào mặt trời cuồng bạo và nham hiểm như thế

Mặt trời

ngươi có phải là con quạ vàng khè mà Hậu Nghệ đã bắn năm nào giờ bỗng dựng tái sinh quấy phá?

Ngẫm cho cùng, chính ngươi đã tự treo cổ ngươi, chính ngươi đã tự hủy diệt ngươi và triệu triệu sinh linh khốn khó

Ngươi có biết vậy không, hay ngươi vẫn dương dương tự đắc, dương dương kiêu hãnh và găm rổng hàm hè?

Và như thế là hết, đã hết

và như thế là mắt, đã mắt
những bình minh bát ngát trên biển khơi, khi đó mặt trời trần
trường và quyến rũ biết ngần nào, làn da của mặt trời nhỏ mịn
đến nỗi có thể trông thấy cả những sợi gân li ti, mặt trời dễ
thương bước đi núng nính trên đầu những ngọn sóng như một
cô gái vừa bắt đầu biết làm dáng
Và trên những cánh đồng xanh ngút mắt, những dòng sông xa
tấp đôi bờ, mặt trời thường khi ướt máu như hài nhi vừa lọt từ
lòng mẹ, chưa biết khóc cười, chỉ biết ngo ngoe cái miệng đỏ
xinh bé xíu

Những bình minh như thế, mặt trời đã mọc lên gọi cảm xiết
bao!

Mặt trời vừa mãnh liệt, vừa dịu êm, hiện ra như một nguồn
phúc vô biên, hơi ấm của mặt trời đã hé mở đôi lá non của hạt
mầm đang ủ mình trong đất, đã tô son vẽ mày cho những ngọn
tháp thiên thu dầu dãi, đã làm tuôn chảy láng lai màu xanh đậm
mát của núi rừng và sông biển

Và, những cụ già hom hem mừng rỡ vì sống thêm được một
ngày, những thiếu nữ chưa chồng náo nức đi thay áo mới
và những chuyện gì đang xảy ra cho những cặp vợ chồng trẻ,
chuyện gì vậy cả, cứ xem cái vẻ ngượng nghịu đầy ả ý của
nàng, cái mỉm cười ý nhị, cái nguýt chứa chan, cái hất tay giầy
này bên cạnh anh chàng hơi mệt mệ nhưng vẫn muốn nọ kia
và những anh chàng chưa vợ, họ làm gì thế, sao họ kêu hú hu
về phía những cô nàng có đôi mộng óng ả và những bước đi
như rắn

cho đến cả chó mèo trâu bò gà vịt, tất cả đều cùng tươi trẻ đầy
sức sống dưới ánh mặt trời vừa tỏa sáng kỳ diệu như phép
màu, tất cả vẫn không ngớt hòa tấu kỳ cục sai âm luật và tiết
điệu, chỉ được cái vui nóng sốt rộn ràng,

những tiếng mi eo mi eo, những tiếng gâu gâu gâu gâu, những
tiếng ghé ngo ngậy ngô và tiếng gáy rền vang cao vút, tiếng
gáy mạnh, đậm và đầy nhiệt tình của anh gà trống luôn kên
kiệu vì bộ mã diêm dúa lại càng thêm diêm dúa nhờ ánh mặt
trời,

tiếng gáy như một hồi kèn thúc quân

Và, dưới ánh mặt trời thân quen, người ta bắt đầu một ngày
mới thân ái và tự nhiên, người ta đi chợ búa ra đồng, hay lên

rừng xuống biển, đều cười nói xênh xang như đứa trẻ vừa được may áo mới,
một ngày bình yên ran ran trong nắng với nền trời xanh như một niềm an ủi, với gió đùa nắng lao xao trên những hàng cây, với vợ chồng tình sâu nghĩa nặng, với con cái đồ thắm ruột rà, với tình tự đắm say ở đầu ghềnh cuối bãi, với những yêu ghét giận hờn và mối thù truyền kiếp, đã đầy dần như rượu chảy trong vò, đã căng dần như trái cây đang chín.

Và như thế, mặt trời giống như một anh chàng chảnh chĩnh hơi cô độc nhưng không buồn, từ trên trời cao nhìn xuống khoan dung cho dù có hơi diều cợt và ranh mãnh, vì dưới bóng mặt trời chỉ trong một sát na, đã có hằng bao nhiêu chuyện buồn vui của cái đám nhân loại vừa giàu có vừa đói khát, vừa phê phỡn vừa gầy còm, vừa đáng yêu mà cũng vừa đáng ghét, lúc nào cũng kêu be be như một bầy chiên vĩ đại

Cứ như thế, một ngày bình thản trôi qua, cả muôn người và muôn vật đã rất nên hạnh phúc, cho tới buổi chiều cho tới hoàng hôn lộng lẫy mệnh mông, cho tới lúc mặt trời hơi ầu sầu và mới mẻ, hơi lạnh lẽo vì cô độc, mặt trời nằm chênh chếch trên đầu núi, như một người già tựa đầu lên cái sinh phần của mình, chờ đợi giấc ngủ ngàn thu, đẹp và buồn biết chừng nào giấc ngủ cô tịch của mặt trời, sau khi đã thổi sinh khí vào đời sống suốt một ngày rờn rã, mặt trời yên lặng khuất dần, mặt trời mỉm cười tạm biệt đời sống, trang nghiêm và thánh thiện như Đức Cồ Đàm nhập diệt, mặt trời sẽ ngủ giấc ngủ của chiếc lá, bóng đêm, dù vậy vẫn chưa dám hỗn hào dâng lên, hãy còn mắt nhìn của mặt trời trên lá cây, rừng núi, ruộng đồng và chiếc bóng của mặt trời ánh lên thình không như có hằng hà sa số Phật, và con người nói gì trên cõi nhân gian, phải chăng là một lời chúc thì thầm, xin mặt trời hãy ngủ ngon và ngày mai nhớ thức dậy.

Nhưng hôm nay và nơi thung lũng ngực tù này, mặt trời không phải thực mà là giả,
và chỉ có thể nghe được lời này,
hãy cắt đi và đừng bao giờ trở lại.

6

ồn ào như những người bạn lâu ngày mới gặp nhau, những cơn mưa đầu mùa cũng kéo tới ồn ào và tươi vui như thế, những cơn mưa nở trắng như cả một rừng cúc trắng mênh mông và mùi thơm của nước mưa thấm qua lá tranh khô và những bông lau trắng ngấn ngơ như một cái vẫy tay của kẻ gọi đồ trong những ngày đông lạnh, những cơn mưa hào sảng đã xối ướt cả thân thể ta và nàng
ta đã làm gì
và nàng đã làm gì
sau khi đã nằm lặng thinh trên đỉnh đồi nhìn con điều giấy
ta đã hỏi nàng có muốn điều lên đến tận mây xanh
lên cao và lên cao mãi
nhưng nàng im lặng lắng đầu
một lúc sau, nàng nói, lên cao để làm gì khi mắt mình chẳng nhìn thấy được, em không thích chơi điều đứt dây
ta cũng vậy, ta chỉ muốn sống một cuộc đời vừa phải, một hạnh phúc mỏng mảnh vừa tầm, không se cả lòng mình thành sợi chỉ dài để thả trái bóng hão huyền lên chín tầng mây, ta phải đi chân trần trên cuộc đời này, phải xắn cao ống quần lên mà cất bước, lúc mệt mỏi cứ ngồi phêch xuống đất mà nghỉ ngơi hay thoải mái nằm dài trong lòng nó
và cuộc đời nồng ấm nào có xa lạ gì với ta, đang nằm sát bên ta hé đôi môi xinh ấm đợi chờ
ta hôn nàng
hôn nhẹ hều dè sên,
như đứa bé chưa muốn ăn hết chiếc bánh trong tay mình
ừ, thì hôn nhìn nhìn, hôn chút chút
hôn cho đỡ thèm
môi nàng thơm như là nước mưa chảy qua những cánh hoa hồng thơm ngát và ta nhả nha liếm từng chút một như uống

mật ong
những cơn mưa đầu mùa đã bắt ngờ kéo tới
thực ra, cơn mưa đã báo trước bằng hơi thở mát lạnh và ta
chẳng việc gì vội vã trong khi nàng mỉm cười chờ đợi
chúng tôi đã hôn nhau giữa lúc những giọt mưa reo vui nở giòn
trên khuôn mặt hai đứa, những giọt mưa như muốn xé rách
quần áo chúng tôi, len lỏi vào tận những nơi sâu kín cho đến
khi nàng cảm thấy giật mình e thẹn, vội chạy đi mà vẫn không
giấu che được hết đôi mông núng nẩy rất phì nhiêu
cho đến khi về được tới nhà thì cả hai đều ướt đầm, tất cả
những gì xinh đẹp nhất của nàng đều lộ ra đến nỗi có thể sờ
nắn được
ta giục nàng đi thay quần áo
và ta nghe nàng cười khúc khích khi thấy mình xúng xính
trong bộ đồ mới rộng rinh của ta, nàng reo lên ngộ quá, nhờ có
ai vào thì sao
nhưng chẳng có ai thêm vào
và cơn mưa đã đến lúc nhẹ nhẹ buồn buồn như thể những
người bạn nhậu xong nằm lăn ra ngủ,
ngáy khò khò
lửa đã được đốt lên và chúng tôi ngồi sát bên nhau
chúng tôi hong tay lên lửa rồi áp lên thịt da của nhau, một đôi
khi nàng đề mạnh tay tôi sát ngọn lửa hơn để phạt tôi vì cái tội
đã áp cả hai bàn tay thô ráp lên đôi vú nhỏ nhắn và kiêu hãnh
của nàng
khi đó, tôi nhớ tới những ngày tắm bé đã tắm không quần áo
cùng nàng, tôi là nước và nàng cũng là nước
và lúc này nàng tỏa mùi thơm như hương đồng lúa trổ, chẳng
mấy nữa nàng sẽ đến ở hẳn trong ngôi nhà nhỏ này và điều đó
giản dị tự nhiên như mưa là phải rơi xuống đất,
như sông suối là phải chảy
và cũng bên ngọn lửa thơm mùi nhựa cây, giữa lúc những cây
củi nhỏ đỏ rực thành than, khuôn mặt hai đứa nhập nhòa trong
ánh lửa lung linh, tôi trông thấy đôi mắt nàng sáng ướt nhìn tôi
cũng rực đỏ như đang bốc cháy và chắc nàng thấy tôi cũng
vậy, tôi nghe nàng thì thào
anh muốn chúng mình có bao nhiêu đứa con
bốn đứa, có lẽ thế
em cũng muốn như vậy
có tham lam quá không
không đâu, bốn đứa mới chia hai được chứ

sao lại chia hai
chia để đánh nhau chơi ấy mà, em yếu hơn chọn hai đứa trai,
còn anh hai đứa gái
a, vậy thì tập đánh nhau trước đi
tôi đã rất nhanh ôm gọn nàng vật xuống, nằm đè lên
tôi nghe nàng hét la giãy dụa, nhưng thịt da nàng lại đỡ nâng
tôi âu yếm
thân thể nàng nhỏ, thơm và ấm nóng, quần quít cùng thân thể
tôi như muốn bứt tung cả quần áo
chúng tôi là hai con sông nhỏ xa nguồn, suốt một quãng đường
dài chảy bên nhau, giờ sắp hòa thành một để đủ sức chảy vào
biển rộng
suốt đêm hôm đó, chúng tôi đã nuôi mãi ngọn lửa êm đềm ở
giữa nhà, suốt đêm chúng tôi đã ôm lẫn nhau giữa lúc tiếng
mưa không ngừng thủ thiê cho ngọn lửa nghe những chuyện
dọc ngang trời biển và tôi không bao giờ quên được tiếng đập
nũng nịu của trái tim nàng bé nhỏ
một đôi khi tôi nhìn thấy thân thể nàng sáng rực lên, ngực nàng
thơm như là sắp quý và bụng nàng tròn mát như thạch
và ở những nơi mê đắm như thế, những nơi mà người con gái
hằng nâng niu để đợi chờ, không biết tại sao tôi chỉ có thể đặt
đôi môi kính cẩn của mình lên, ngoài ra không làm điều gì xúc
phạm
lửa bên ngoài, lửa trong tôi và nàng không hiểu sao chưa đốt
cháy được chúng tôi
có lẽ vì đêm thanh khiết quá, đêm thiêng liêng đầu đời đã nâng
chúng tôi lên đỉnh trời thanh tịnh
cho đến sáng ra, trong khi đất trời cỏ cây tươi mới, chúng tôi
cũng cảm thấy mình mới tươi trẻ trung, chúng tôi nhìn thấy
trong mắt nhìn của nhau. lòng biết ơn còn bao la hơn cả tình
say đắm.

(Còn tiếp)

NGUYỄN TRUNG DŨNG

ĐÔI MẮT

Chạy trước xe Khánh là chiếc xe vận tải chở hàng. Canh đúng tốc độ 65 là tốc độ cho phép ở đoạn đường này, Khánh cũng không quên giữ khoảng cách an toàn từ xe mình với xe vận tải chạy ở phía trước. Bám đuôi cái xe vừa lớn lại vừa dài như thế, nếu chỉ sơ ý như thắng không kịp, khi cái vận tải chạy đằng trước vì lý do gì đó, bất thành linh giảm tốc độ, Khánh biết chắc tai nạn sẽ xảy ra. Vậy mà, chẳng hiểu do phản ứng chậm, do thắng không ăn, hay do lúc đó trời mưa đường đang trơn, chỉ sau một tiếng rầm như tiếng đạn pháo kích, đầu mũi xe của Khánh đã ủi thẳng vào đuôi của cái xe vận tải.

Ở phòng cấp cứu, không biết thời gian mình đã mê man là bao lâu, Khánh đã hồi tỉnh. Đây là lúc đầu óc Khánh có thể nhớ lại từng diễn tiến từ lúc xe Khánh chạy sau chiếc xe vận tải, từ lúc xe Khánh húc đầu vào đuôi của cái xe chạy trước mình, đụng rồi ngất. Khi trí óc Khánh đã hồi phục, sức khỏe tương đối bình thường, duy cái chân bên trái của Khánh thì xương bị gãy, Khánh được chuyển về một căn phòng khác để nằm điều trị.

Sau một thời gian cái chân được bó bột, Khánh được xuất viện để trở về nhà. Hãng của Khánh không muốn cho Khánh tiếp tục làm việc với một cái chân què. Một nhân viên phải đu đưa thân bằng một cái nạng chống như thế, họ có lý do để cho Khánh nghỉ. Nghỉ với số tiền hãng cho nơi Khánh làm hơn mười lăm năm, nghỉ với tiền trợ cấp xã hội cho người tàn tật, với thu nhập hàng tháng, cũng đủ để cho Khánh trả tiền thuê nhà, tiền chi phí hàng ngày. Chỉ có điều khi chưa bị tai nạn, Khánh ở một nơi tương đối rộng rãi thoải mái, nay với ngân khoản giới hạn, Khánh phải dọn về cái “studio” dành cho một người trong khu chung cư.

Chung cư đó, phòng Khánh ở là tầng phía dưới. Với cửa thông ra đường, Khánh có thể dùng cái cửa đó để mỗi lần ra phố hay đi thư viện, Khánh không phải dùng tới thang máy như những cư dân sống ở các tầng lầu phía trên.

Một cái ghế có lưng tựa kê sát cửa sổ ngó ra đường, mỗi sáng

thức dậy, Khánh có thói quen hay ra ngồi ở đó. Ngồi để đưa mắt nhìn ra con phố vắng vẻ với hàng cây trồng ở hai bên vỉa hè. Cái bảng màu xanh, chữ “bus stop” màu trắng, gắn trên đầu một cây sắt ở lề đường trước cửa nhà, là trạm xe chuyên chờ công cộng thường đến rồi ngừng để đón khách. Khánh chẳng mấy khi quan tâm đến những người khách ra đó đứng để đón xe. Khách đến trạm đón xe phần lớn là những người ở trong khu chung cư. Vài người Khánh quen vì đã có lần giao tiếp, có người không quen vì ít khi gặp mặt. Ngoài những người đó ra, Khánh còn để ý thấy có một bà đứng tuổi đi với một cô gái đến đợi ở trạm xe bus đón xe. Cô gái chắc hẳn là con của bà ta. Cô còn rất trẻ. Điều đáng ngạc nhiên là mỗi lần ra trạm xe “bus”, Khánh thường thấy bà mẹ cầm tay dắt cô ta như thể nếu không được bà mẹ dắt cô đi, cô không thể tự đi một mình được. Tự nhiên Khánh có cảm tưởng cô gái là một cô gái mù. Không thể nhận ra đôi mắt của cô vì cái kính đen cô đeo. Cũng khó mà đoán được nếu chỉ nhìn qua cách cô đi đứng bởi bà mẹ cô dắt cô đi mỗi lần ra trạm xe “bus”. Mẹ cô dắt cô có thể do mắt cô không nhìn thấy đường, nhưng cũng có thể do chân cô yếu, một trong hai lý do đó, lý do nào thì Khánh thực tình không biết mà quyết đoán được.

Vào những ngày thời tiết tốt, nắng ráo và không có gió lạnh, Khánh thường hay chống nạng đi dọc theo vỉa hè con phố, để hít thở không khí trong lành cho buồng phổi, để thư giãn chân tay cho máu huyết vận hành, thay vì ở trong căn phòng cửa đóng kín mít, tù túng như một nhà tù. Đi dạo bộ như thế, Khánh nghe thấy tiếng chim hót trên cây cối xa gần, thấy xe chạy, người đi bộ, thấy con đường phố dài với nhà cửa ở hai bên, và nhìn lên bầu trời, thấy mây trắng bay lơ lửng nom như những dải lụa. Sáng nay cũng vậy, sau bữa điểm tâm với ly cà phê sữa, một lát bánh “sandwich” có lẫn nho khô, Khánh mở cửa chống nạng bước ra đường. Đi một hồi thấy chân căng đã mỏi, Khánh lại ngược con đường để quay trở về dãy chung cư. Ngang qua cửa một căn phòng, Khánh nhận ra người đàn bà có cô con gái đeo cặp kính đen, thỉnh thoảng họ ra trạm xe “bus” đón xe. Bà ta đang lo săn sóc mấy chậu cây để ở cái “patio” mặt trước tiền nhà. Khánh chưa kịp lên tiếng, chứng tỏ mình là người lịch sự xã giao, bà ta đã chào hỏi:

“Cậu đi dạo đấy hả? Dạo sớm thế!”.

Cái tính đơn đả và vui vẻ của bà ta đã, dù muốn hay không, buộc Khánh phải vồn vã để tỏ ra mình là người bất thiệp, với

một nụ cười và một câu trả lời không cần phải đắn đo suy nghĩ: “Thưa bà, bác sĩ khuyên tôi thường xuyên đi bộ để xương ở cái chân gãy không bị tê cứng. Quả đúng như lời khuyên của bác sĩ, nếu vài ngày không đi, tôi thấy bên chân gãy, xương hơi cứng, cử động khó khăn”.

“Tại sao chân cậu lại bị gãy vậy?”.

“Do một vụ đụng xe ngoài xa lộ, lúc xe tôi húc đầu vào đuôi của chiếc xe tải chạy phía trước. Đụng cỡ đó, tôi không chết cũng là may. Nhưng không chết mà chân bị gãy, tôi thấy sống trong tình trạng què quặt như thế này, tôi cũng thấy chán đời chứ còn gì để tha thiết sống nữa”.

“Nếu cậu rảnh, mời cậu vào trong nhà nói chuyện đã. Chỗ cậu và tôi cùng ở trong một khu chung cư, phòng có khác, nhưng kể như là hàng xóm láng giềng đấy”.

“Hình như bà mới dọn đến ở đây thì phải? Tôi biết cái phòng này trước đây bỏ trống vì người chủ cũ đã không còn thuê”.

“Đúng vậy. Tôi dọn đến đây ở mới chừng hai tháng”.

Đã ngồi ở cái ghế trong phòng khách, Khánh đưa mắt quan sát nơi ở, thấy đồ đạc không nhiều, nhưng mọi cái mọi thứ đều ngăn nắp, gọn gàng đúng nơi đúng chỗ. Cái bàn thờ có tượng Phật. Trên bàn thờ có bát cắm nhang, có hai cây đèn điện, có bình hoa, có những bức di ảnh của những người đã quá vãng. Một bộ sofa: cái dài kê sát vách bức tường, cái ngắn tiếp cận theo hình thước thợ. Một cái giường cá nhân đặt ở cuối căn phòng mà sau bức kệ thấp là chỗ nấu ăn. Còn một cái bàn gỗ vuông vắn, hai bên để hai cái ghế gỗ có lưng tựa, Khánh nghĩ đó là cái bàn ăn mỗi bữa cho hai mẹ con. Phòng có cánh cửa đóng chắc là phòng ngủ. Cái cánh cửa đóng đó đã không cho phép Khánh nhìn thấy đồ đạc bên trong gồm có những gì. Mà tò mò muốn biết như thế, Khánh hiểu đó là một điều không nên, vì thế, thấy cái cửa đóng của căn phòng, Khánh chỉ nhìn lướt qua rồi đưa mắt lên bức vách có bức chân dung của một người con gái. Thấy khách cứ ngược mắt nhìn chăm chú bức chân dung, bà mới từ tốn chậm chạp bảo:

“Bức họa này được vẽ bởi cậu Phước. Cậu Phước trước đây là người yêu của con gái tôi. Vừa là nha sĩ, vừa là họa sĩ, cậu ấy có cảm tình với con tôi. Ngày con tôi còn học ở đại học, hai đứa đã hứa sẽ đính hôn sau khi con gái tôi tốt nghiệp. Nhưng khi mất con gái tôi bị mù, cậu Phước đã không còn lai vãng đến nhà tôi nữa. Giận con người bạc tình bội nghĩa, đã có lần tôi muốn đem bức họa xé bỏ nó đi. Nhưng con tôi ngăn tôi

không cho xé. Vì thế, trên bức tường kia, bức họa vẫn giữ vị trí của nó như cậu đang nhìn thấy đây”.

Khánh chưa kịp lên tiếng, thì ngay lúc đó, ở trong căn phòng có cánh cửa đang đóng, cô con gái của bà đã nói vọng ra:

“Mẹ à. Con đã nói với mẹ nhiều lần rồi, chuyện của con, sao mẹ lại kể ra cho người khác nghe để làm gì vậy mẹ”.

Cùng lúc, cái cánh cửa phòng từ từ mở, cô con gái của bà hiện ra. Đường như khoảng cách và lối đi từ chỗ cô đứng đến cái bàn gỗ vuông có hai cái ghế kê ở hai bên, hàng ngày cô đã quá quen thuộc, nên những bước đi rất tự tin và rất chính xác. Những đồ vật không làm cô đụng chạm như một người mắt còn sáng, biết né tránh và biết chỗ nào trống để đi. Ở cái bàn có hai cái ghế gỗ, cô ngồi xuống một trong hai cái ghế đó. Khác với vài lần cô theo mẹ ra trạm xe bus đứng đợi xe, đôi kính đen cô không đeo để che cặp mắt. Mắt cô nom vẫn không khác mắt của người bình thường, nhưng hai con mắt đó, thị nhãn đã hoàn toàn vô hiệu lực. Thay vì nhìn, ngồi ở cái ghế ở cái bàn gỗ vuông, cô gái đã chẳng nhìn rõ vật thể ở chung quanh cô, riêng đôi tai, đôi tai làm việc để nghe thay cho đôi mắt của cô đã mù.

Thấy có mặt con, bà mẹ đâm ra mất tự nhiên. Về lúng túng thấy rõ từ cử chỉ đến lời nói khi bà vừa đưa mắt nhìn người khách, cái đầu vừa lắc qua lắc lại. Đổi câu chuyện sang đề tài khác là cách chọn lựa tốt nhất, Khánh nhanh chóng hỏi bà về những chậu cây, mà mới đây, Khánh thấy bà đứng ở ngoài “patio” chăm lo tưới tẩm cho chúng.

“Hai chậu cúc vàng hoa nở rộ nom quá đẹp. Bà mua ở đâu và giá bao nhiêu mỗi chậu vậy?”.

Đáp lời khách hỏi, bà cho biết bà mua ở đâu và giá tiền mỗi chậu, rồi, hạ thấp giọng nói như thăm thì, bà tiếp:

“Em nó không thích tôi tiếp chuyện với người lạ ở trong nhà. Xin lỗi cậu, để lúc nào tiện, tôi gặp cậu sau nhé”.

Khánh không phật ý với lời nói thành thật của bà, mà ngược lại, Khánh thực tình hiểu biết và thông cảm. Rời ghế đứng dậy để về, Khánh ra khỏi căn phòng. Bà mẹ cô gái vẫn tỏ ra vừa áy náy vừa ân hận về điều mà bà cho là có lỗi đối với khách, nên, trên nét mặt bà, Khánh vẫn có thể nhận ra điều đó một cách dễ dàng. Có những điều bà muốn nói nhưng ở trong nhà chưa nói hết, khi Khánh đã bước xuống bậc tam cấp cuối cùng để ra đường, bà còn cố níu tay Khánh lại để thăm thì khẽ:

“Em nó mù, nhưng nếu như có được đôi mắt của ai cho nó, sau

khi giải phẫu, vẫn hy vọng em nó không còn bị mù như thế này nữa. Bác sĩ nhãn khoa đã bảo thế, nhưng, chuyện đó khó như mò ngọc trai dưới đáy biển, đâu dễ gì có được”.

Với bất cứ ai, dù quen thân hay quen sơ, câu nói đó hình như đã có sẵn ở đầu lưỡi của bà, tự nó thốt ra giống như một cái đồng hồ quả lắc treo trên tường, đúng thời khắc, đồng hồ lại tự động đổ chuông.

Buổi sáng còn thấy nắng, buổi chiều, mây đen vần vũ đã kéo về. Mây chưa đủ nặng nên chưa có mưa. Phải đợi đến lúc những ngọn đèn đường vừa lóe sáng, bóng tối đã thăm đặc, mắt nhìn qua khung kính cửa sổ, Khánh mới thấy những giọt nước từ trên trời tung tóe rơi xuống. Khung kính cửa sổ nghe có tiếng lách cách như tiếng kính rạn vỡ. Kính không rạn vỡ mà thực ra đó chỉ là tiếng gỗ của những giọt mưa khi chúng bị gió thổi đập vào. Như mọi bữa, giờ này, Khánh đã lên giường tìm vào giấc ngủ. Đứng giấc, như một thói quen cố hữu, nhưng đêm nay, câu nói của bà mẹ cô gái mù “nếu như có được đôi mắt của ai đó cho nó”, đã làm Khánh phải bận tâm. Tại sao phải bận tâm vì chuyện đó đâu có gì liên quan đến Khánh. Thực ra không đơn giản chỉ có vậy. Cái nghĩ ngợi trong đầu óc Khánh nó kéo Khánh đi xa hơn không như Khánh tưởng. Đây là đôi mắt. Đôi mắt của cô gái mù. Nếu cô ta có được đôi mắt bình thường, cô đã không phải dựa dẫm trên những bước đi, cô đã có một cuộc đời hạnh phúc như các cô gái khác, cô đã có một tương lai xán lạn với nghề nghiệp vững chắc khi cô tốt nghiệp đại học, và cô sẽ có một người chồng xứng đáng để sống bên nhau. Nếu có đôi mắt của một người nào đó hy sinh cho cô, chắc chắn cô sẽ sung sướng vô cùng vì thấy được ánh sáng của ban ngày và bóng tối của ban đêm, thấy bạn bè khi cô đến ngồi ở trường lớp, thấy đời sống sinh hoạt của mọi người ở chung quanh, và thấy cảnh vật thiên nhiên ở khắp nơi khắp chỗ mỗi khi chúng ở trước mặt. Điều quan trọng nhất làm cô sung sướng là từ đó, bằng đôi mắt, cô có thể nhìn thấy mẹ cô như trước đây cô đã nhìn thấy mẹ khi đôi mắt cô chưa bị mù. Thật tội nghiệp một cô gái đẹp như cô, có hai con mắt nhưng hai con mắt đó không thể sử dụng được. Với khuôn mặt hình trái xoan dễ thương, với cái mũi dọc dừa sống mũi thẳng, với đôi môi hình trái tim xinh xắn, với mái tóc có những sợi tóc dài chấm ngang vai, cô đẹp như những cô gái được các họa sĩ vẽ trên những bức tranh. Nhưng đôi mắt, đôi mắt mù của cô đã

lấy đi tất cả những gì mà đáng lẽ ra, hạnh phúc, tình yêu, công danh, sự nghiệp, những cái cô là người xứng đáng phải có, cô đã bắt hạnh không có.

Đã ngồi ở cái ghế sofa nơi phòng khách, đã nằm trên giường trong phòng ngủ, bây giờ, đêm khuya lơ khuya lắt, đầu óc Khánh vẫn không khỏi bận tâm nghĩ đến cô con gái có đôi mắt mù. Cuối cùng, sau khi loanh quanh như một người đi lạc trong một con ngõ hẻm, Khánh đã tìm ra được con đường phố, đây là lúc Khánh nghĩ ra một cách. Khánh tự nhủ chỉ có cách đó mới giúp cô gái mù ra khỏi con đường hầm đầy bóng tối, thấy được ánh sáng của mặt trời ở bên ngoài. Khánh nhớ lại ngày còn đi học, mỗi sáng trước khi ra khỏi nhà đến trường, mẹ Khánh thường cho Khánh vài đồng bạc là tiền để ăn quà. Trên đường đi, Khánh thấy một bà hành khất mù đang đứng với cái nón ngửa ra để xin khách qua đường bố thí, không ngần ngại, Khánh đã đem đồng tiền của mẹ cho để giúp đỡ bà cụ. Hành động từ tâm có tính cách thương người như thế chỉ là một chuyện bình thường, nhưng nó đã thể hiện cái lòng thiện vốn có của Khánh từ thuở ấu thơ. Bây giờ, giữa cái nên hay không nên, giữa cái cho hay không cho, cái nào cũng có cái được và cái không. Cuối cùng, cái nên và cái cho, Khánh đã dứt khoát chọn lựa. Chọn lựa một cách tự nguyện và không một chút ân hận.

Vàng trắng vẫn ở ngoài khung kính cửa sổ sáng rực rỡ. Vàng trắng treo lơ lửng trên bầu trời màu vẩy cá bạc. Khoảng khắc thời gian chắc chắn là đã quá nửa đêm. Giải quyết với một quyết định đã có, bây giờ, đầu óc Khánh trở lại sự bình yên, để thanh thần đi vào giấc ngủ, những suy nghĩ không còn làm Khánh phải bận tâm, như lúc trước đây khi Khánh đặt lưng trên giường, thao thức và trăn trở.

Ngày hôm sau, Khánh thức giấc hơi muộn. Mọi sáng, Khánh thường dậy khi đường phố vẫn còn bóng tối. Không như hôm nay, mở mắt, Khánh đã thấy ánh nắng của buổi mai nhấp nháy sáng trên lá của những ngọn cây già, thấy đồ vật trong căn phòng của mình đã hiện nguyên hình thể. Với tai, Khánh đã nghe thấy tiếng hót của những con chim, tiếng xe chóc chóc lại băng qua đường phố ở mặt tiền nhà, và tiếng TV mở với âm thanh hơi lớn của người ở trên lầu 2 của chung cư. Thời tiết

khô se và nắng ráo đã là điều kiện tốt nhất để Khánh thực hiện việc đi bộ. Vẫn chỉ là vỉa hè của con đường trước dãy nhà, Khánh lững thững như một người nhàn tản, bước những bước chậm rãi vừa nghĩ đến bà mẹ của cô gái mù. Không biết đây có phải là thần giao cách cảm hay không, khi Khánh nghĩ đến bà mẹ của cô gái mù thì cũng là lúc bà nghĩ đến người khách đến nhà hôm qua, câu chuyện giữa bà và người khách còn chưa nói hết. Trên vỉa hè đi ngược lại, người đang đi ngược chính là bà mẹ cô gái mà Khánh muốn gặp:

“Chào bà. Bà khỏe không?”.

“Cám ơn cậu, tôi khỏe”.

“Hôm qua sang bên bà ngồi nói chuyện, lúc về, tôi cứ bận tâm suy nghĩ mãi. Cả đêm, tôi chẳng làm sao chợp mắt được”.

“Không lẽ có điều gì tôi nói làm cậu phật ý sao?”.

“Không, thưa bà. Bà có nói gì đâu mà làm tôi phật ý. Không ngủ được chỉ vì tôi cứ nghĩ về đôi mắt của con bà nên mới trằn trọc”.

“Đây là cậu mới trằn trọc có một đêm, còn tôi, từ ngày nó mù, tôi đã trằn trọc cả một năm trời ngủ không yên giấc”.

“Thưa bà, hôm qua, ngồi nghe bà nói chuyện, bà bảo bác sĩ cho biết, nếu đem đôi mắt của một người tự nguyện hiến tặng để thay thế đôi mắt mù của người khuyết tật, thì, sau cuộc giải phẫu, kết quả, người có hai con mắt mù, với hai con mắt mới thay thế, người đó sẽ có một thị giác như một người bình thường. Thực tình tôi muốn thừa với bà, tôi tình nguyện là người hiến đôi mắt của tôi cho con bà có được không?”.

Vừa ngạc nhiên, vừa sững sốt, bà mẹ cô gái hỏi lại như không tin vào đôi tai của mình:

“Cậu vừa nói gì tôi nghe không rõ?”.

Khánh lập lại lần thứ hai một cách xác quyết về lời nói của mình:

“Vâng, thưa bà. Tôi có ý định sẽ hiến tặng đôi mắt của tôi cho con bà. Đêm qua, tôi nằm suy nghĩ và đã đi đến quyết định dứt khoát về việc tôi cho đôi mắt. Nếu cô con gái của bà nhờ đôi mắt của tôi mà mắt cô sáng trở lại, thì đấy chính là niềm vui của tôi và tôi chẳng có gì phải ân hận cả”.

“Cậu không nghĩ là khi cậu mù, cậu sẽ khổ như thế nào hay sao?”.

“Tôi biết. Một cái chân bị gãy, đi phải dùng đến cây nạng, tôi quá hiểu về nỗi khổ của một người thân thể bất bình thường. Cái chân gãy đã làm tôi thất vọng vì với tình trạng của một

người què như tôi, tôi sống chỉ là sống trong nỗi bất hạnh và khổ đau. Một con người tàn tật như tôi chỉ là một con người vô tích sự chứ có ích lợi gì cho chính bản thân mình và cho xã hội. Một con người như thế, nếu có kéo dài cuộc đời với cây gậy chống, tôi thiết nghĩ chẳng cần phải giữ đôi mắt của mình để làm gì. Với đôi mắt của tôi nếu được thay thế cho đôi mắt mù của con gái bà, tôi tin chắc tương lai của con gái bà sẽ rạng rỡ sáng sủa hơn, sẽ có một mái gia đình hạnh phúc với chồng con, và sẽ là người tích cực đóng góp công sức để phục vụ cho mọi người hơn là một người què như tôi”.

Lời nói của Khánh đã có sức thuyết phục và làm bà chỉ còn biết xúc động, đứng im lặng nghe. Vẫn cái xúc động đó và lần này, cơn xúc động mạnh mẽ đến độ bà ứa nước mắt rồi cứ cầm mãi tay Khánh mà nghẹn ngào. Mọi việc kể như đã xong, Khánh gỡ tay bà mẹ cô gái ra, rồi ngậm ngùi đi về căn phòng của mình cư ngụ.

Khi đã tự nguyện hiến tặng đôi mắt của mình cho cô gái, Khánh đã trở thành một người mù. Khánh mù không do tai nạn mà do sự hy sinh để cứu người khác, vì thế, điều đó đã không làm Khánh phải ân hận mà ngược lại, mỗi lần nghĩ đến cô gái, Khánh lại thấy hành động của mình là chính đáng và là một niềm vui. Niềm vui đó, ở cô gái mù nay không còn mù nữa, chắc chắn niềm vui của cô ta còn lớn hơn, lớn ngoài sức tưởng tượng. Đúng như Khánh đã nghĩ. Giải phẫu thay đôi mắt mất nhãn lực của cô gái bằng đôi mắt của Khánh, nay đã giúp cho cô có thị giác bình thường. Hôm gỡ mảnh băng bịt mắt, cô đã òa khóc. Khóc nức nở và khóc không vì sự đau khổ mà là niềm sung sướng khi cô nhìn thấy rõ đồ đạc ở trong căn phòng. Khóc vì cô nhìn thấy mặt người mẹ già mà hơn một năm nay, kể từ ngày mất cô bị mù, cô đã không còn thấy khuôn mặt của mẹ cô nữa. Rồi cô nhìn qua khung kính cửa sổ về hướng mặt tiền nhà, cô thấy cây cối và xe cộ qua lại. Trong cơn xúc động lẫn với cái mừng khôn xiết, cô quàng tay ôm mẹ cô trong sung sướng vừa ngậm ngùi. Đây là buổi sáng của một ngày nắng vừa chan hòa đầy phổ. Bầu trời xanh lơ như mặt biển phẳng lặng cũng cùng một màu xanh lơ của bầu trời. Giống như chuyện nàng công chúa ngủ trong rừng, nàng công chúa cũng như cô sau nhiều ngày mới thức dậy, nhìn thấy cảnh vật mà ngỡ ngàng không biết đây là thực hay mơ.

Với đôi mắt bình thường như mắt mọi người, Thảo – tên của

cô gái, có thể làm tiếp những việc mà hơn một năm nay, vì mất mù, cô đã phải bỏ dở. Thảo ghi danh vào đại học để học tiếp. Thảo giúp đỡ mẹ những việc mẹ cần. Nhưng đêm tối về, ngồi ở cái bàn dưới ngọn đèn tỏa ánh sáng xuống cuốn sách, trầm ngâm suy nghĩ, Thảo nghĩ về đôi mắt. Đôi mắt ai đã hy sinh cho Thảo để cứu Thảo khỏi cảnh mù lòa? Phải đến một hôm, đó là hôm hai mẹ con ngồi với nhau, mẹ Thảo mới kể cho Thảo biết:

“Ân nhân của con là một người ở trong chung cư này. Do tai nạn đụng xe, một bên chân của cậu ấy đã bị gãy. Khi nghe mẹ nói về mất con bị mù, cậu ấy đã tự nguyện hy sinh hai con mắt của cậu để thay cho mắt của con”.

“Con muốn được gặp người con đã chịu ơn đó”.

“Không có cách nào có thể gặp được cậu ấy cả con ạ”.

“Sao lại vậy hả mẹ?”.

“Là bởi vì căn phòng cậu ấy thuê, cậu ấy đã trả lại không còn thuê nữa. Và căn phòng đó đã có người khác dọn đến ở rồi. Không biết bây giờ trong tình trạng mất cậu ấy mù, cậu ấy ở đâu và sống ra làm sao?”.

Dĩ nhiên câu hỏi của hai mẹ con bà chẳng ai có thể trả lời chỉ trừ ra Khánh. Buổi sáng hai mẹ con bà ngồi nói chuyện thì cũng là buổi sáng của Khánh ở viện khuyết tật dành cho người mù. Khánh đã chuẩn bị trước tất cả những gì phải làm sau khi rời bệnh viện để về viện khuyết tật mà không về căn phòng ở trong khu chung cư. Mọi xếp sắp tuân tự đúng theo dự định mà Khánh đã tính toán để tiến hành theo những gì Khánh đã đặt ra.

Ngồi trong cái xe lăn được một người đẩy, đẩy giúp Khánh ra sân sau viện. Bây giờ, đôi mắt Khánh chẳng còn nhìn thấy gì trừ ra đôi tai, đôi tai đã giúp Khánh nghe được âm thanh của tiếng người nói chuyện, tiếng hót của những con chim trong vườn cây, và tiếng động cơ của xe cộ chạy ở xa ở gần. Có một lúc Khánh nghĩ đến cô gái mù nay đã tìm được ánh sáng, Khánh đã nói như nói với một người ngồi bên cạnh:

“Anh biết em đã tìm lại được cuộc sống đúng với ý nghĩa. Một cuộc sống có sinh lực và khả năng để tiến về tương lai. Anh biết em sẽ có niềm vui, niềm hi vọng, và hạnh phúc cho một tương lai đầy xán lạn”.

“Ông đang nói gì vậy? Ông nói với người yêu của ông đấy có phải không?”.

“Không. Tôi không nói với người yêu của tôi như cô nghĩ, mà, tôi đang nói với một cô gái, cô gái đó tôi chỉ gặp và biết mặt có một vài lần”.

“Như vậy có nghĩa là ông đã yêu cô ta rồi có đúng thế không?”.

“Nếu tôi không nói rõ, chắc chắn cô chẳng hiểu tại sao sáng nay, tôi đã nghĩ đến cô ta nhiều tới như thế. Đây chỉ vì trên khuôn mặt xinh đẹp của cô ta, đôi mắt của cô ta chính là đôi mắt của tôi”.

“Đôi mắt của cô ta chính là đôi mắt của ông?”.

“Đúng vậy. Đôi mắt của cô ta chính là đôi mắt của tôi”.

Không thấy cô y tá hỏi thêm điều gì nữa, Khánh đã im lặng. Im lặng đúng là lúc tai Khánh chợt nghe thấy tiếng của một con chim vừa hót, Khánh đã lên tiếng hỏi:

“Cô có thấy con chim đang hót đó không? Nó là con chim gì mà hót nghe hay quá thế?”.

“Ồ cuối vườn có những bụi hoa hồng, tôi thấy con chim đó cánh nó đỏ, mỏ nó vàng, nó đang đứng nhấp nhô trên một cành cây eo lá đầu vừa gập gù vừa hót. Tôi không thể biết được nó là chim gì, nhưng con chim nom lạ và đẹp lắm”.

“Vậy là quá đủ để tôi hình dung ra con chim như cô vừa tả”.

“Đề tôi đẩy xe đưa ông vào. Lúc này mây đen trên bầu trời đang vần vũ kéo đến, gió đã thổi tới và không mấy chốc, mưa sẽ đổ xuống”.

Khánh không nói gì. Mắt chẳng thể nhìn thấy nhưng bằng đôi tai, Khánh chỉ còn nghe thấy tiếng bánh xe cọ xát trên nền nhà khi cô y tá đẩy cái xe Khánh ngồi theo dãy hành lang.

NGUYỄN TRUNG DŨNG

12.2010

thơ

Đinh Cường • Nguyễn Trung Dũng • Ngu Yên •
Khoa Hữu

Đinh Cường

Khuôn mặt của tháng Chạp

tặng Trần Hoài Thu

Người đàn ông vẫn ngồi một mình
trên chiếc ghế cũ kỹ
chiều mù tím cuối năm
gió lạnh .gió rất lạnh, ngoài thêm hoang...
có những ngày long lanh nước mắt
là muôn vạn hạt tuyết thủy tinh
trên những đợt cây khô, xuyên qua nắng hiếm
con chim màu đỏ gạch không về.

người đàn ông vẫn ngồi im
vạch thử một đường chì than
khuôn mặt của tháng Chạp
với hàng thập tự giá, những bó hoa tươi
vẫn thì thâm bên nhau, ngoài nghĩa trang
cho người nằm yên dưới mộ
có điệu ru của loài cỏ hoang ...

mặc cho những người trên trần gian tiếp tục
múa may .quay cuồng .những vòng hào quang giả
nên chiếc mũ đen, bộ râu, đôi giày,
cây gậy của Charlie Chaplin
lúc nào cũng làm ta ứa lệ
tháng Chạp rồi, mù sương Paris
con gà vẫn còn nguyên trên thánh giá
nóc giáo đường cao vút Ville d ' Avray .

người đàn ông vẫn ngồi im
một mình trên chiếc ghế cũ kỹ
nghe “ ...từ vườn khuya bước về

bàn chân ai rất nhẹ
tựa hồn những năm xưa ...''(1)
Virginia, 12.2010

(2) Phôi pha, ca khúc Trịnh công Sơn 1960

██████████

nguyễn trung dũng

TRÀ GA. THUỐC MỘC

khỏa nỗi buồn trong chén trà ga
ngồi ở đó nhìn ra phố xá
phố vẫn phố đông người xe cộ
đời vẫn đời một thoáng đi qua.

siêu âm đất. chén trà hạt lựu
thêm ga ngồi uống nước mộc trà
tàu ở bắc xuôi nam về muộn
đợi chuyến đi bi thuốc thổi phà.

uống nghe vị trà khô đắng hòng
đậm và thơm chan chất mùi cây
núi đất rừng già thân mộc ngậm
mỗi lá trà hương quện khói mây.

ngồi ở đó buổi chiều tắt nắng
ga vẫn ga xưa. ở nơi đây
những khách đi xa thừa và vắng
chẳng còn mấy kẻ đứng chia tay.

bình trà. siêu đất trong làn gió
than quả bàng đốt vội. cời tay
khách uống ngẩn ngơ. ngơ ngẩn nhớ
sài gòn một thuở đất trời quay.

trà ở sân ga ngồi ngóng đợi

tàu không về đúng giấc tối nay
sân vắng vắng. người đi cũng vắng
nhìn xa. nhìn xa. hai vệt đường ray.

ờ. hóa ra chén trà khổ nhục
vội uống. vội đi. mưa bay bay
cái ẩm. cái siêu. ly và tách
đựng gió. đựng trà. đựng thuốc say.

ga cũ. thêm xưa. nhà mái lợp
hạ rồi san phẳng. đất trồng cây
đường ray đã bốc. tường. rào. giậu
để lại nơi đây buồn heo may.

không còn trà gió. không thuốc say
những chiều ngồi uống. mưa bay bay
những tối phố đã lên đèn vội
chẳng còn trà mộc tay trao tay.

(trích Cúc Vàng, Thư Quán Bản Thảo vừa xuất bản)

■■■■■■■■■■

NGU YÊN

Chửi Thề Là Tử Tế Với Mình

Vợ nói:
Tử tế đừng chửi thề
Tập nuốt thề không chửi
Lâu rồi không chửi ai
Thấy mình tử tế

Hôm nay xui đủ chuyện
Ra đường đựng xe
Đứng giữa trời mưa
Gẫm ra
Đ. M một hơi
Lòng thoải mái

bình thường	bình thường	bình thường	bình thường
bình thường	bình thường		
bình thường		bình thường	bình thường
bình thường	bình thường		
	bình thường	bình thường	bình thường
bình thường	bình thường		
tập		hoài không được	
	bình thường	bình thường	bình thường
bình thường	bình thường		
bình thường	bình thường		
bình thường	bình thường		
làm hoài	không	được	
	bình thường	bình thường	bình thường
thường bình	thường bình	thường bình	thường bình
bình thường	bình thường	bình thường	bình thường
bình thường			
	bình thường	không được	bình thường
không được	bình thường	bình thường	
bình thường	bình thường	sống hoài không được	bình thường
thường	bình thường	bình thường	

Đêm S.C

Những tập sách đầy chữ lạnh suốt đêm
Tác giả còn tên không thấy xác
Thông thái tài hoa hỏi nhau:
- Anh này ngồi yên sao không đọc?
Vì chiều nay bạn ghé thăm
Tặng viên thuốc hừng
Uống rồi lỡ quên
Làm thơ hay đọc sách?

Đêm đối diện thức
Trưởng sẽ viết được gì
Lại nhớ bệnh
Bác sĩ không nói chơi

Báo tin mắc chứng hiểm
Com muỗi sống được mấy ngày?
Hút máu đi
Ta đãi người tiệc tùng hoan hỉ

Tôi thích sống dù tò mò chết
Như thích cười dù buồn
Tôi thích yêu dù ngán ngẩm
Như thích hát dù không người nghe

Đêm
Răng buốt rụng mình tóc bạc thêm
Nhà phê bình không nói chơi
Không nhắc tên tôi trong dòng thơ sống
Buồn cho tôi
Buồn cho ông
Hôm nào nhắm mắt gọi nhau
Thơ tro vãn bụi
Nguyễn Hưng Quốc, Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Vy Khanh,
Nguyễn... Tuấn, Trần....., Lê.....Lý.....Bụi nào khác tro nào
Xin hỏi: - Ai đây?

Đêm không có trăng
Bóng đen mừng rỡ
Tại sao phải có ánh sáng
Như em chiếu rọi đời anh
Đê rõ ràng vô lý một người
Sẽ chết

Houston, 22 tháng 2 năm 2011

██████████

KHOA HỮU

CÁI CHẾT CỦA MỘT TƯỢNG ĐÁ

DẪN THƠ:

Vào cuối thập niên 60, đơn vị tôi thất trận, bổ sung gần một nửa quân số cấp tiểu đoàn gửi ra trung tâm huấn luyện Vạn Kiếp. Đoàn xe đi qua nghĩa trang Biên Hòa thấy bức tượng lính dựng trước ngã ba công như nhìn theo, mỉm cười.

Vài năm sau đôi lần tôi theo trục thẳng chở xác đồng đội hy sinh về nhà vĩnh biệt, khi trở về đơn vị bằng xe Jeep của hậu cứ đón qua đây, bức tượng đá ấy vẫn như nhìn theo, vẫn như mỉm cười.

Năm 1990 tôi viết bài thơ này như những giọt nước mắt tìm thấy từ ký ức và muốn lưu giữ một mình.

Năm 2010 tình cờ được biết tác giả của bức tượng, nhà điêu khắc Nguyễn Thanh Thu còn đang sống tại Saigon.

Tôi đăng bài thơ này nghĩ còn kịp để chia sẻ cảm xúc với anh, và với những người bạn chiến đấu khác một thời đã qua đó, đã gặp bức tượng lính hiển hiện cả sự sống và cái chết.

Saigon, 2011

Cái chết của một tượng đá

Si Dieu existe, que souhaiteriez vous qu'il vous dise après votre mort.

Tạc mãi đau thương người thành đá
ngồi canh đồng đội đã bao năm
cây súng gác ngang đời không ngủ
chiếc ba lô vai nặng vết hằn.

Người ngồi đó, mở trang bị sử
chiến bảo như thấm máu chưa khô
ta ngồi đó xanh hàng bia mộ
áo nhung rêu cũng bạc đầu thù.

Ta muốn hỏi người từ đâu đến
bèo mây hạnh ngộ, có nhớ ta
ta về từ những vùng, khu chiến
bọc kinh hoàng xương mất, để da.

Ta muốn hỏi người, câu sinh tử
mất trẻ thơ, môi cánh hoa đào
trán cô phụ băng lời tình sử
tóc mẹ già phủ mặt chiêm bao.

Cái chết - những con thiên nga trắng
ngàn năm tuyết tích trời đông phương
anh hùng mặt lộ, chiến trường tận
đâu trái tim của một gã cuồng?

Đêm thập tự hàng hàng, vấn tội
đôi bạch dương chụm những đầu ma
oán sâu sương khói cao mù núi
sát thời gian, người, đá hay ta.

Mười năm, lại mười năm sống sót
chuyện dữ tan tành, đồng đội đâu
đất nghĩa trang nhớ hoang dại mọc
quê nhà đây, cỏ mới, ngang đầu.

Saigon 1990.

Sự tích của đá và người

Trên tảng đá ấy sự sinh tồn
gã tóc xám ngồi coi dĩ vãng
đề nước mắt nhỏ thấm trăm năm
mục rã hết những tà thuyết luận.

Cuộc hành hương dọc suốt lịch sử
mấy mươi năm tối nhọ mặt người
mỗi sợi tóc bạc đi thế sự
những ngón tay mài. ngọn bút tôi.

Đất ấy, sấm rung truyền lời hịch
núi rừng thiêng đứng dậy hai vai
bút hóa thành guơm. thơ thành lửa
ta làm ma ôm đá chống trời.



Nguyễn thị Hải Hà

Màu Mất Chưa Quên
Truyện

Tháng Chín, tôi trở lại trường cũ ghi tên học một lớp. Buổi chiều tôi đạp xe điện ngầm đến trường. Mùa thu, năm giờ chiều trời đã nhá nhem. Bước vội về hướng lớp học tôi nghe gió lao xao trên ngọn cây, thứ gió đặc biệt của mùa thu làm lá rung mà cành không lay. Thoảng trong gió hình như có ai gọi tên tôi theo đúng kiểu Việt Nam. Tôi nhìn chung quanh chẳng thấy ai và tự nhủ mình chỉ giỏi tưởng tượng. Đã gần hai mươi năm tôi mới trở lại trường, ngay từ lúc còn đi học chẳng ai có thể gọi tên tôi bằng tiếng Việt. Chỉ có một người làm việc chung có thể gọi tên tôi như thế. Tôi đang cầm cúi bước đi chợt nhận ra có người đứng chắn ngang đường; ngẩng mặt lên tôi nhìn thấy Scott.

Anh cười tươi. Bao nhiêu năm rồi sao nụ cười và ánh mắt ấy vẫn còn rất trẻ. Trong nắng chiều chập choạng, tóc anh đã nhiều sợi bạc. “Tôi thấy em từ lúc em đi ngang Colton Hall, gọi em khản cả giọng mà em không nghe.” Tôi ngạc nhiên. “Thì ra đó chính là anh? Tôi nghe tiếng gọi nhưng chẳng thấy người. Và cũng không nghĩ là ở đây có người biết tên mình.” Chỉ có Scott là người có thể gọi tên tôi phát âm đúng cách. Có lẽ vì anh đã thực tập biết bao nhiêu lần. Lòng tôi chùng xuống.

Khi mới biết nhau, cái tên của tôi đơn giản hai chữ như vậy; mà anh, cũng như bao nhiêu người Mỹ khác, đều vất vả khó khăn trong việc phát âm. Tôi dễ dãi bảo mọi người gọi tôi bằng gì cũng được. “Cứ cười ‘Ha Ha’ thì tôi biết ngay đó chính là tôi!”. Tuy thế, dần dần anh phát âm tên tôi thật chính xác và không ngần ngại sửa sai những người làm việc chung với một chút bồn chồn. Scott hỏi: “Em đã ăn tối chưa? Tôi đang đói, em có thể dành cho tôi vài phút không? Sáu giờ lớp học mới bắt đầu. Em làm gì ở đây?”. Tôi nói, “trời nhá nhem thế này mà anh cũng nhận ra tôi, hay thật!”. Scott nhìn tôi: “Em chẳng khác ngày xưa bao nhiêu, vẫn mái tóc dài, vẫn dáng đi cúi đầu”. Anh trêu: “Và vẫn không cao thêm chút nào.”

Tôi ngoan ngoãn theo Scott đi ra phía sau khuôn viên của trường nơi có những quán ăn cho sinh viên. Và trong chừng ba mươi phút ngắn ngủi giữa pizza và trà Lipton, chúng tôi cố gắng ghi nhận phần đời của nhau trong mười năm không gặp, tưởng như tình đã cũ. Gió thu như nhẹ nhàng thổi bay đi lớp tro tàn, ngọn lửa của than hồng vẫn còn âm ỉ cháy.

Chúng tôi làm việc chung với nhau. Tôi có nhiệm vụ đặt thang và bậc thêm cho công nhân phụ trách công việc chăm sóc cầu quay có thể lên xuống dễ dàng. Scott có nhiệm vụ cung cấp ngân quỹ, và vượt qua những luật lệ lỗi thời áp dụng lên những chiếc cầu cổ lỗ sĩ của công ty xe lửa. Công việc không khó nhưng người ta cấm đoán và đòi hỏi đủ thứ giấy tờ phức tạp; lý do là vì đây là một trong những cây cầu đã hơn trăm tuổi. Giới bảo tồn văn hóa không muốn làm mất vẻ cổ kính của cây cầu. Nhóm kỹ sư muốn công việc dễ dàng nhanh chóng và ít tốn phí. Nếu ai đã từng làm việc cho cơ quan nhà nước của Mỹ sẽ biết là đôi khi vì bè nhóm phe phái, ai cũng muốn làm vua một cõi, người ta tha hồ gây khó khăn làm cản trở công việc của nhau. Scott gọi điện thoại yêu cầu tôi đưa anh đến chỗ cây cầu ở gần cửa biển. Tôi hẹn giờ, chỉ đường và chúng tôi gặp nhau ở bên đầu của cây cầu.

Trời đã bắt đầu xuân. Hôm ấy nắng ấm dù mới mấy ngày trước một cơn bão tuyết đã để lại cả mét tuyết. Tuyết đã được gom thành từng đống cao nghệu rải rác khắp nơi. Scott nhìn tôi trong áo thun dài tay, quần jean, nón bảo hộ, anh cười tự giới thiệu, rồi bảo thêm, “trông cô như vẫn còn là học sinh Trung học”. Tôi cười, “Tôi đã có gần mười năm kinh nghiệm lặn lưng rồi đấy nhé”.

Scott cao lớn vạm vỡ như một ông thần hộ pháp. Tóc anh vàng tơ, mắt xanh như màu biển, màu trời, và màu của cây cầu ngày hôm ấy. Scott có cái vẻ đóm dáng của dân làm việc văn phòng sống trong thành phố, đi ra cầu mà anh mặc áo trắng quần ka ki như thể đây là bộ đồ cũ nhất và xấu nhất của anh. Cái áo khoác mỏng không cài cúc dù chỉ mới mười giờ sáng. Gió biển lồng lộng làm tôi thấy lạnh. Cơn bão tuyết đã qua nhưng trời vẫn lộng gió và lạnh. Anh khen trời đẹp và mát.

Tôi dẫn Scott băng ngang cầu, nhắc chừng anh ngoái đầu trông chừng xe lửa. Tôi chỉ cho anh những chỗ trú an toàn nếu xe lửa đến giữa lúc chúng tôi đi trên cầu. Tôi nói, để chúng tôi biết rõ môi trường và công việc của tôi. “Cầu dài chừng sáu trăm mét. Thời khóa biểu cho biết là sẽ có xe lửa chạy ngang

trong vòng hai mươi phút nữa nhưng chúng ta không thể ỷ y.” Đến giữa cầu chúng tôi leo xuống chân cầu. Từ chân cầu chúng tôi phải vào hầm, chỗ đặt cái trục quay bằng thép của cầu. Tôi chỉ Scott những chỗ có mỡ bò được dùng để làm trơn máy. Dặn anh đừng dựa lưng bất cứ nơi nào nếu anh không muốn ném cái áo trắng của anh vào sọt rác.

Từ trên thành cầu, Scott nhảy xuống gọn gàng và đưa tay đỡ tôi xuống hầm. Tôi đã trông vào người bộ đồ bảo hộ lao động màu nâu mà các người làm việc chung thường bảo làm tôi giống cái bánh ginger bread. Lúc mới xuống từ ngoài sáng vào chúng tôi không nhìn thấy gì, một lúc sau định thần nhìn kỹ Scott nói: “Tôi sẽ chẳng ngạc nhiên nếu thấy ở đây có một bộ xương khô và chuột bỏ lúc nhúc”. Tôi cười, “nơi đây tuy tối tăm bẩn thỉu nhưng không đến nỗi mất an toàn. Người canh giữ cầu ở trên cái tháp kia”. Tôi mở túi xách lấy ra cái đèn bấm, bản vẽ, giải thích công việc của tôi. Những người thợ chăm nom và sửa chữa máy quay cầu cần có thang để công việc của họ an toàn và hữu hiệu hơn. Scott cười, “nếu có thang những người nhỏ bé như cô không cần phải có người giúp”. Tôi nói, “bình thường dưới hầm không tối như thế này, tuy nhiên trận bão tuyết mấy ngày trước đã lấp đi nhiều chỗ cho ánh sáng rọi vào. Và nếu tuyết không lấp lối, tôi có thể tự leo lên xuống dễ dàng”. Scott đưa mắt nhìn chung quanh nào là nùi giẻ rách dính dầu, tàn thuốc lá, chai đựng sơn đa bằng nhựa, những cái ly đựng cà phê bằng mốp xốp: “Công việc này không khó tuy nhiên chỗ này chật hẹp khó xoay trở”. Gió thổi qua những kẽ hở của cầu nghe như tiếng hú. Tôi rung mình vì lạnh. Qua Mỹ bao nhiêu năm tôi vẫn giữ bản chất của cô gái miền nhiệt đới, dưới hai mươi độ là tôi thấy khó chịu.

Chúng tôi đo đạc, ghi chép, chụp ảnh xong trời đã trưa. Mây lại tụ về làm chúng tôi sợ bị mắc mưa nên thu xếp ra về. Lúc xuống dễ dàng nhưng bây giờ leo lên là chuyện khó. Scott nhảy lên bám lấy thành cầu rồi đu nhẹ nhàng lên như một lực sĩ. Còn tôi, tôi không thể tự leo lên. Tôi bám lấy một thanh ngang đưa cái túi xách có chứa bản vẽ, máy chụp hình, thước đo, của mình cho Scott mang lên trước, nhưng hai cánh tay của tôi quá yếu nên tôi không thể tự đu lên như Scott. Scott muốn kéo tôi lên nhưng thành cầu ở gần mé nước nếu sơ suất cả hai sẽ rơi xuống nước. Cửa biển, nước chảy xiết, và ở buổi đầu xuân như thế này có lẽ nước lạnh cỡ chừng tám độ. Nếu rơi xuống chắc là khó sống. Loay hoay một hồi, thấy không có

cách nào hiệu quả, Scott nhảy xuống trở lại. Scott bảo tôi, “thế này nhé, cô đứng lên đầu gối của tôi, bám tay vào vách thép của cầu, leo lên hai cánh tay của tôi và leo lên mặt ngang của thành cầu. Cần thận đừng để rơi xuống biển nhé”.

Tôi cười đôi ủng, cởi cả bộ quần áo bảo hộ lao động dày cui ngăn cản tôi không thể xoay trở dễ dàng, nhưng hai cánh tay của Scott vẫn còn chông chênh quá. Cái nón bảo hộ của tôi cứ va vào hết nơi này đến nơi kia kêu côm cốp. Cuối cùng, tôi phải ngồi lên vai Scott, anh đứng lên rồi tôi đứng lên vai anh, tay anh đẩy tôi lên rồi cho đến khi tôi có thể nằm lên mặt thép của thành cầu thấp nhất. Trong lúc vất vả như thế cái nón của tôi rơi xuống trúng đầu Scott và tóc của tôi xõa đầy mặt anh. Vốn không quen việc người lạ chạm vào người tôi nghe người mình nóng hổi, tim đập thình thình, mùi kem dùng để cạo râu, hơi thở đàn ông hăng hăng của Scott làm tôi ngáy ngất. Chỉ một cái quay đầu là môi sẽ chạm và thân thể sẽ bốc cháy khi những sợi thần kinh đã căng thẳng cực độ vì sợ và hoạt động mạnh. Khi lên khỏi cầu cả hai chúng tôi đều bần thiêu, cái áo trắng và cái quần ka ki của anh dính cả dầu giày ủng của tôi.

Trở về chỗ đậu xe, anh nói đùa về trọng lượng của tôi còn tôi chê đôi cánh tay của anh không đủ khỏe. Rồi tôi trêu trọng lượng của anh và anh trả đũa bằng cách chế nhạo đôi cánh tay yếu đuối của tôi. Scott rút khăn tay lau vài chỗ bẩn trên mặt tôi và nói “Cái nón của cô rơi làm u đầu tôi, nhưng vì tóc của cô rất thơm nên tôi tha thứ cho cô”. Tôi đỏ mặt, nhìn Scott rồi ngó ra biển và chợt nhận ra màu mắt anh thay đổi theo màu trời và màu nước biển. Tôi nói lảng: “Anh có biết là cầu dành riêng cho xe lửa, nếu băng ngang mặt nước thì phải sơn màu xanh biển còn băng ngang đất thì sơn màu xanh lá cây không?” Có những nơi tuyết đã tan tạo thành những vũng nước nhỏ Scott nắm tay giúp tôi nhảy qua những vũng tuyết này. Cái ngăn cách ban đầu giữa hai người làm việc khác phái cũng bắt đầu tan. Anh có cái ân cần săn sóc phụ nữ rất tự nhiên của đàn ông Âu Mỹ. Anh giúp tôi mở cửa xe và khi tôi ngồi vào xong anh đóng cửa lại. Tôi nhìn anh lái xe đi, sân nhà ai có những đóa hoa crocus nở tím tím vươn lên trên mặt đất còn đọng tuyết. Gió mang theo mùi hoa hyacinth làm tôi nhớ hai câu thơ “Trông theo ai đến cuối đường. Gió bay làm dậy mùi hương ngây lòng”. Dầu giày của tôi in trên quần của Scott và mùi kem cạo râu cùng với hơi thở của Scott dính đầy trên tóc tôi.

Tôi hỏi anh lập gia đình chưa, có con không, có hạnh phúc

không? Anh cho tôi xem ảnh vợ và hai con trai. Vợ anh là người Phi Luật Tân, tóc dài, da màu mật, dáng nhỏ nhắn. Tôi ngạc nhiên: “Thế còn cô tóc vàng?”. “Cô tóc vàng nào?”. Tôi tả hình dáng cô gái tóc ngắn, dáng cao và thanh, đã thân mật quảng vai anh trong buổi tiệc tiền đưa anh. Tôi có hứa đến dự nhưng không về kịp vì bận đi họp ở một cái cầu quay rất xa ở tận cái mồm bùn cuối tiểu bang. Anh bảo không nhớ ra, không biết tôi nói đến ai, có thể đó là một khách hàng, cũng có thể đó là cô em gái của anh đến gặp anh. Tôi hỏi: “Anh đến đây để làm gì?”. “Tôi hiện đang làm chủ tịch hội đồng cựu sinh viên kiến trúc của trường. Tôi đến họp. Còn em?”. “Lấy một lớp học cho vui”.

Do công việc chúng tôi gặp gỡ nhau thường xuyên. Tôi cung cấp tài liệu bản vẽ, ước tính tôn phí và những chuyện linh tinh. Scott cung cấp ngân quỹ và thuyết trình về dự án. Anh thuyết phục mọi người công việc này rất cần thiết. Chuyện hai chúng tôi bị kẹt dưới chân cầu là bằng chứng hiển nhiên. Nhân viên có thể bị tai nạn chết người nếu không có thang giúp thi hành công việc dễ dàng hơn. Chúng tôi sẽ cố gắng duy trì vẻ cổ kính của cây cầu. Tôi tán phục nhìn Scott làm chủ buổi thuyết trình dễ dàng bơi lội trong ao nhà. Ao nhà với anh nhưng lại là biển lạ với tôi. Nơi đây, phụ nữ và đặc biệt phụ nữ ngoại quốc, luôn luôn là người ngoại cuộc. Những lý luận Scott dùng trong buổi thuyết trình là của tôi nhưng anh nói người ta nghe còn tôi nói thì như viên đá nhỏ rơi xuống hồ không đủ khoảng thành vòng. Scott bảo nếu tôi đảm nhiệm công việc thuyết trình tôi sẽ được chú ý nhiều hơn nhưng tôi từ chối viện cớ là mình nói có giọng ngoại quốc người ta nghe không hiểu. “Em không biết, giọng nói người ngoại quốc có cái duyên của nó”. Anh nói, đôi mắt xanh cười lóng lánh.

Tôi nghe lòng mình nhiều mơ ước. Anh luôn tràn đầy trong tư tưởng tôi ngay cả khi anh không có mặt ở bên tôi. Tôi tìm đủ mọi cách để bôi xóa ý nghĩ của mình. Không khéo mình tự biến mình thành một cô Phà Ca thời đại và chế diễu mình khi tự so sánh với Tiểu Siêu. Chúng tôi ăn trưa chung với nhau một vài lần khi công việc cho phép nhưng không tiến xa hơn. Tôi vốn không thích bị lệ thuộc vào ai cả. Nương vào Scott tôi có thể vượt biên giới da màu, trở thành người nhập cuộc và nhờ đó sẽ tiến xa hơn trong lãnh vực nghề nghiệp nhưng như thế là tôi sẽ lệ thuộc vào cái bóng lớn của anh. Scott làm tôi

thấy nhỏ bé và thêm được anh bảo bọc. Tôi mơ ước được che chở nâng niu và cố gắng từ bỏ niềm ao ước ấy. Đôi khi tôi nghĩ đến việc mang Scott vào cuộc đời tôi, dạy cho anh phong tục của tôi. Anh bảo rằng từ khi biết tôi anh thích ăn chả giò và phở. Tôi cười, anh cần phải biết ăn bánh cuốn và nước mắm, rồi còn mắm kho với cá bông lau rau kèn và bông súng chẻ. Và Việt Nam không chỉ có bao nhiêu đó thôi. Có lần tôi thử hát một câu tiếng Việt cho anh nghe, ngâm một câu Kiều, đọc một câu ca dao, rồi tôi bỗng nghe giọng của mình lạ lẫm, nhạt thêch. Tôi có thể bơi lội ngụp lặn trong phong tục xứ anh nhưng không thể nào giải thích cho anh hiểu sự rung cảm một câu thơ xưa trong lòng tôi “*Quê hương khuất bóng hoàng hôn. Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai*”. Và quê nhà xa lắc xa lơ đó, ngoảnh lại tha hồ mây trắng bay. Làm sao khi tôi gác chân ngang bụng anh, tôi có thể mang anh vào một không gian nơi đó có bóng trắng xuyên lá dừa, bát ngát hương lải, hương dạ lý ở một miền quê ngoài thành phố Sài Gòn có con kênh đào và đồng cỏ u ru. Nói thì tôi cứ nói nhưng chắc anh không bao giờ hiểu được hay thấy được những gì tôi đã thấy và vẫn còn đang thấy. Nếu giữa tôi và anh sẽ có những phút giây mê đắm của hai thể xác quyện thành một, thì những dị biệt mù mờ lẫn khuất trong ngõ ngách của tâm hồn sẽ không thể nào với tới dù ở cạnh bên nhau.

Scott không sẵn đuôi quá đáng dù là tôi biết lòng anh mở cửa chờ đón tôi. Tôi không tiến tới dù chưa có người đàn ông nào làm tôi có thể thêm muốn đến thế. Tôi nhớ cái mùi đàn ông của anh đến ngậy ngát. Tim tôi vẫn đập rộn ràng khi nghĩ đến buổi sáng dưới chân cầu. Scott thích mái tóc dài, dáng dấp nhỏ nhắn, nước da màu mật của tôi. Anh không ngần ngại nói với tôi điều này và ngạc nhiên khi tôi nói thật là tôi vẫn thường mang mặc cảm xấu xí. Màu da của anh và màu da của tôi thường làm tôi liên tưởng đến cà phê sữa và kem vanilla hay con ong bầu đậu trên hoa lan trắng. Anh thường bảo, “Mỗi sáng em phải soi gương và tự bảo mình là Scott thấy em rất là xinh xắn”. Tôi nói xa xôi, “Quan hệ làm việc không nên để lẫn tình cảm cá nhân. Những người làm việc chung dễ ghét nhau vì tranh tài giành chức giành quyền, tình cảm riêng tư thường bị tổn thương và chết sớm”. Anh hay nói đùa là tôi là hiện thân của sắt (thành cầu) và đá (chân cầu). Anh nói nếu vợ anh làm lương cao hơn, anh tình nguyện ở nhà nấu cơm và viết văn. “Nếu em trở thành xếp của tôi, tôi sẵn sàng nâng xếp lên

khỏi đầu bằng hai cánh tay tôi”. Tôi dùng một ẩn dụ của dân kỹ thuật trả lời, “Thép này đã từng đổ biết bao nhiêu mồ hôi đấy nhé!”. Điều mà tôi muốn nói nhưng giữ lại lời là, tôi là một phiến đá biết sầu tư!

Rồi Scott xin chuyển qua một công ty khác. Buổi tiệc đưa tiễn anh tôi bận không về kịp chỉ thấy nhìn anh từ nơi xa khi tiệc đã tàn. Anh đứng nói chuyện có vẻ thân mật với một cô tóc vàng. May là chúng ta chưa có gì trước khi có cô gái xinh đẹp này. Tôi không tranh giành nên không thể nói tôi là người thua cuộc. Anh gọi điện thoại vài lần dặn tôi gọi lại cho anh nhưng tôi không trả lời. Thịnh thoảng tôi có dịp trở lại cây cầu cũ, bây giờ đã có những bậc thang màu vàng gắn theo thành cầu người ta dễ dàng lên xuống. Tôi đứng tần ngần chỗ ngày xưa Scott đỡ tôi lên. Đặt chân lên đầu chân người đã khuất. Trồng cây hoa lên đầu chân của người. Suối ngừng xối. Rừng thôi thay lá. Đẻ giấc mơ người cũ lại về. Tôi tự nhắc nhở vì sao tôi không tiến tới. Tôi chọn nhìn thấy những dị biệt mà làm ngơ những tương đồng. Tôi chọn cái quá khứ quen thuộc của một quê nhà xa lắc xa lơ để từ chối một hiện tại còn quá xa lạ. Tôi được quyền chọn lựa, biết điều mình muốn và cả những điều mình không muốn. Tôi yên tâm với sự chọn lựa của mình. Scott không phải của tôi, chưa bao giờ là của tôi, mà sao tôi thấy trong sự chọn lựa này có nhiều mất mát đến độ làm tôi đau đớn.

Hôm nay gặp lại người năm xưa. Dòng đời mang chúng tôi đến gần nhau rồi cuốn chúng tôi xa nhau rồi đưa chúng tôi gặp lại nhau. Lần đầu tiên gặp anh trời vào xuân, gió lạnh và hoa bắt đầu nở. Lần này gặp lại anh trời chuyển sang thu, gió vẫn lạnh và lá bắt đầu rơi. Chúng tôi trao đổi số điện thoại. Anh nhắc lại ngày chúng mình bị vướng dưới chân cầu chưa có cell phone. Anh đưa tôi đến lớp học. Tôi nhìn bóng anh khuất dần ở hành lang hun hút. Lại thêm một lần nữa tôi mang cảm giác phải ở lại. Làm người ở lại có bao giờ vui.

Đêm đó tôi lái xe về. Nhà ai đó đã treo đèn Halloween sáng rực, những con ma dễ thương màu trắng, những bà phù thủy áo tím mặt xanh, và những trái bí màu cam vàng rực. Trong tôi vọng nhẹ một câu thơ Trong hồn tôi có một chút gì cô quạnh và vườn tôi xưa vẫn một vuông rất nhỏ. Ở những con đường tối, mặt trăng sáng lấp lánh lẻo đẻo theo tôi. Trong tâm tư tôi lãng đãng màu mắt của Scott. Ánh trắng trong veo lạnh lẽo, cái lạnh như thấm cùng bóng tối trong tim tôi thành những

hạt sương lẫn dài vòng quanh buồng tim âm thầm nhói buốt.

Một nhân vật trong Alexis Zorba bỗng hiện về. “Rồi bạn sẽ không còn nhớ đôi mắt của chàng màu xanh hay màu đen!”

Tôi ước gì tôi có thể đồng tình với nhân vật ấy.

Thơ LÂM HẢO KHÔI

Ta về nhúm lửa chờ nhau

Đi tiếc đời nhau sông nước cũ
Ta về nhúm lửa đợi cơm sôi
Nhớ em đầy chén thơm trong khói
Tình nở xanh khuya chạm đáy nồi

Ngày em lúa trở ta xuôi ngược
Chim chóc kêu bầy lung nước trong
Em thơm trái chín cây bình bát
Tình nở xanh mùa em biết không

Về đây hơ ấm lòng chần chiếu
Củ cháy kêu than đỏ mắt chiều
Đâu nụ cười em môi chín bói
Bên giàn bếp cũ mái nhà xiêu

Cho ta môi lửa em âm ỉ
Đốt bụi trần ai cháy ngọt ngào
Thấy mưa về ướt hai lồng ngực
Chạnh ấm vai ta nước mắt nào...

Cho ta môi lửa em ma quái
Nhúm lại đời nhau sắp tối trời
Còn giữ nụ cười môi chín bói
Tình xanh đâu để bạc em ơi.

Lữ Quỳnh

người tù Truyện

Ồ tận cùng sự đau khổ là niềm hoan lạc của hạnh phúc? Hắn nhớ rõ rằng hắn đã nghĩ như thế vào một ngày cảm thấy tuyệt vọng vô cùng, vào một ngày hắn nhìn mảnh trời xanh bị cắt xén bởi mái tôn nhà ngục và hàng cây chi chít dây kềm gai mà mơ tưởng tới hình ảnh thân yêu đã có trong quá khứ. Hắn chỉ có quá khứ để nghĩ tới. Dù cho hắn biết với quá khứ, chỉ nên ngẩng nón chào. Hắn biết điều ấy rõ lắm, nhưng điều ấy chỉ có thể có với một người còn tương lai. Với hắn thì tương lai mù thắm. Hắn đang sống mỗi ngày với các động tác như nhau, với một thứ không khí, và trí tưởng tượng cùng quần bởi không một dự phóng, không một khung cảnh đổi thay. Hắn chỉ biết chịu đựng. Và phút mà hắn khám phá ra cái điều ở cuối sự đau khổ là niềm hoan lạc của hạnh phúc là phút sự tuyệt vọng đã làm giác quan hắn tê liệt hẳn.

Người tù hỏi chuyện người quân cảnh một cách tự nhiên:

-Giờ này người ta vẫn đang sinh hoạt ngoài kia chứ?

Người quân cảnh im lặng nhìn hắn rồi quay đi không chú ý. Sự tuyệt vọng làm người tù thân nhiên lạ lùng, hắn tiếp tục hỏi:

-Buổi sáng vẫn có những người đàn bà đến chợ, và lũ trẻ thì tới trường học...sinh hoạt vẫn như mọi ngày?

Người quân cảnh hỏi một người bạn tù đang đứng bên cạnh hắn:

-Sáng nay có bác sĩ đến không?

Hắn nhìn xuống đất mỉm cười khinh bạc. Anh ta không hiểu gì hắn hết. Mà anh ta làm sao hiểu được khi mỗi ngày anh vẫn từ cái sinh hoạt đó đến đây. Có lẽ anh hỏi bác sĩ đã đến chưa để khai bệnh giúp hắn chăng? Hắn bị loạn trí, hắn sắp điên? Thật là nhảm lẫn. Hắn phải làm cho anh ta hiểu rằng hắn, không đau yếu gì cả. Người tù nói:

-Nếu anh còn tin có những con người trên mặt đất này, xin anh hãy tin tôi. Tôi đã thành thật hỏi anh những điều mà anh cho là ngớ ngẩn, nhưng với tôi, nó thỏa mãn tôi như nắm cơm khi đói, như miếng nước khi khát. Anh nhớ cho tôi đã ở đây bốn năm chưa kể chốn tù ngục cũ. Mỗi ngày tôi đã ăn những chén

com, làm tạp dịch và ngủ. Ăn, ngủ, làm tạp dịch, ngày nào cũng như ngày nào. Anh thử tưởng tượng tôi đã sống bốn năm với từng ấy động tác. Những nhớ mong cũng trở thành cũ kỹ, kỷ niệm rồi cũng rỉ sét mất. Xin anh hãy tin tôi như tin những con người dù còn rất ít chẳng nữa trên mặt đất này.

Người quân cảnh có vẻ chú ý tới câu nói cuối của người tù. Anh gỡ nón xuống ôm vào ngực, ôn tồn nói với hắn:

-Anh là một người tù tốt trong khu vực này. Ngoài nhiệm vụ phải có của tôi đối với anh, tôi còn quý anh...Tôi mong anh đừng bao giờ để tôi phải nói ra như thế. Nên ở trong vị trí của mỗi người và vững tin vào lương tri...

Người tù bỗng ứa nước mắt:

-Cảm ơn anh, cảm ơn anh. Thật đủ quá rồi, tôi xin im lặng cho tới bao giờ...

Người quân cảnh bỏ hắn đứng lại một mình dưới hiên, lặng lẽ tiến ra phía cổng. Người tù ngồi xuống, đưa hai bàn tay lên úp mặt, tự nhiên thấy nước mắt ứa ra, thấm qua kẽ những ngón tay. Hắn khóc ngon lành như một đứa bé.

Hắn cứ tưởng rồi hắn sẽ không bao giờ làm phiền người quân cảnh ấy nữa. Dù chỉ một lời nói, anh ta đã trở thành ân nhân của hắn. Anh ta đã hiểu hắn, như hắn vẫn nhớ mong nếp sinh hoạt tầm thường ngoài bốn bức tường tù ngục. Nhưng buổi chiều người quân cảnh đã gọi chuyện trước:

-Anh có nghĩ tới một ngày nào đó cuộc chiến sẽ ngừng lại và người ta làm công việc trao trả tù binh...

Người tù nghe tiếng người đối diện mình xa xôi quá. Hắn nói:

-Có một điều lạ là tôi chưa nghĩ tới chuyện đó. Điều tôi đang mơ ước sao tầm thường quá, có lẽ anh không ngờ tới đâu...

Người quân cảnh ngắt lời vội vàng:

-Thử nói xem?

Người tù nhìn người quân cảnh dò hỏi, nhưng ánh mắt hắn xoắn vào đôi mắt của anh ta, hắn tự nghĩ không có gì phải đề dặt cả. Hắn nói chậm rãi:

-Nếu anh còn tin có những con người chân thật trên mặt đất này, xin anh tin những điều tôi sắp nói ra. Tôi đang ao ước được rời khỏi những vòng rào dày kèm gai này chỉ trong chốc lát. Tôi chỉ cần thời gian đủ đi một vòng trên bãi cát, tôi sẽ đi bằng chân không...Có phải ngoài kia là biển không anh? Biển xanh thẳm và bọt sóng thì trắng ngần...Ước gì được như thế nhỉ, tôi sẽ không mang theo gì hết, tôi đi bằng chân không, tôi bước rất chậm rãi, cát mềm dưới mỗi bước...Sự ao ước của tôi

giản dị quá phải không anh...

Giọng nói của người tù xa vắng, có lúc sự mơ màng đã làm mất hẳn đi một cách tội nghiệp. Người quân cảnh hỏi:

-Rồi sao nữa?

-Thì còn sao nữa! Sau đó tôi sẽ trở về đây, chắc chắn sẽ trở về đây...

Người quân cảnh áy náy khi nghe câu trả lời bình thản của người tù. Anh ta nhìn hấn, rồi bất chợt nói nhỏ:

-Có thật anh ao ước như thế?

Người tù thấy anh ta bỏ đi, không đợi câu trả lời của mình.

Bây giờ thì biển đang ở trước mặt người tù. Biển đen thẳm với những đóm đèn ẩn hiện trên mặt sóng ngoài khơi. Người tù bước đi rất chậm rãi, hấn lắng nghe hơi mát dưới lòng bàn chân. Hơi mát từ mặt cát ướt tỏa lên như mang theo sinh khí thấp nóng các mạch máu trong người. Hấn đi thật chậm, đủ ý thức rõ ràng từng phút tự do của một con người. Hấn đang bước trên mặt đất mệnh mông, đang thở gió biển và cảm thấy mình trực tiếp tham dự vào sinh hoạt của những con người tự do. Hấn đang đứng trên chỗ đứng của con người. Dù với niềm hân diện nào về những tháng ngày trong ngục tù chẳng nữa, cũng không thể đổi được giây phút xúc động này. Nỗi xúc động òa vỡ bất ngờ, khi hấn không thể ngăn được nước mắt. Những giọt nước mắt cùng với gió biển làm mặn chát môi hấn. Hấn không thèm để ý tới, tiếp tục bước với tâm hồn rộn rã. Những tàn cây xao xác bóng đêm, tiếng sóng cùng bọt sáng lòe liếm mát đôi chân. Ôi cảm giác của ngày nào xa thẳm với tâm hồn tràn ngập thiên nhiên.

Người tù bước đi không ngừng nghỉ. Bờ cát thoải thoải hoang vắng. Đôi chân trần tiếp tục đem sinh khí từ lòng đất lên. Người tù không ngờ sự tuyệt vọng đã đưa hấn đến những giây phút hạnh phúc bất ngờ như thế này. Hấn vươn vai hít không khí vào phổi. Gió của biển đây. Mùi thơm của đất đây. Hấn hít thở tham lam. Bằng những bước đi chậm rãi, hấn cố thu hết cảm giác thoải mái, những cảm giác làm hấn có cảm tưởng như được tái sinh. Hấn đang cảm thấy ngất ngây trong sự sung sướng kỳ diệu.

Có lẽ đêm đã khuya. Người tù rung mình kéo cao cổ áo, nhưng đó chỉ là cái thói quen xưa cũ. Chiếc áo tù binh không có cổ đủ cao cho hấn làm thế. Hấn nhận ra trước mặt mình, từ đằng xa,

một chiếc quán với ánh đèn hiu hắt và hình như có cả tiếng nhạc bị thổi giạt trong gió. Hắn chậm rãi đi tới. Sự sống kỳ diệu như quán lấy mỗi bước chân. Hắn bắt đầu nghe rõ tiếng nhạc lạ hoắc. Người tù ngập ngừng đứng lại trước hàng rào, đưa tay áo lên lau mặt, xong mạnh dạn bước vào quán. Hắn tìm một chiếc bàn khuất trong bóng tối, ngồi xuống và nhìn quanh ngẩn ngơ. Quán với những chiếc bàn trống trơn, có lẽ khách đã bỏ về hết trước đó. Đã quá lâu rồi hắn không trở lại với không khí này. Hắn gọi một tách cà phê, không đợi cho đưa trẻ đến gần. Hắn nhớ tới một hơi thuốc lá, nhưng không thèm lắm. Chợt một cánh tay lay động sau đám lá cây ở chiếc bàn cạnh đó làm hắn chú ý.

Khi người tù nhìn được khuôn mặt của người đàn bà, cũng là lúc hắn bắt gặp đôi mắt nàng đang nhìn hắn với vẻ quan sát.

Quán hoàn toàn vắng vẻ. Người đàn bà có lẽ là người khách sau cùng nếu hắn không tới. Đứa trẻ mang tách cà phê đặt trước mặt người tù với ánh nhìn lạ lùng. Người tù im lặng mỉm cười với nó.

Ngắt những giọt cà phê nhỏ giọt qua lớp thủy tinh, hắn không quên mình là người tù chỉ tự do trong vài tiếng đồng hồ. Sự tự do được đổi bằng lòng tin, và có thể hơn thế nữa, bằng sự huyền nhiệm chỉ có giữa những con người. Hắn thầm cảm ơn lòng tốt của người quân cảnh, lòng tốt mà trước đó hắn tin là không thể nào có thực. Bỗng một ý nghĩ thoáng qua đầu, làm người tù mạnh dạn ngẩng mặt nhìn người đàn bà ngồi một mình ở bàn bên cạnh. Nàng còn trẻ, tóc ngắn đỏ xuống vai, có nhiều sợi bị gió vất qua trán như một cách điểm trang cho khuôn mặt thêm phần gợi cảm. Nhưng đôi mắt của người đàn bà bỗng làm lòng hắn chùng xuống. Đôi mắt sâu hút, thâm quảng, biểu lộ một tâm hồn phiền muộn đầy an phận. Nhận xét đó làm người tù chạnh lòng, đánh bạo hỏi:

-Xin phép cho tôi được ngồi cùng bàn...

Người đàn bà có vẻ lưỡng lự, trong khi người tù chậm rãi mang tách cà phê bỏ bàn của mình. Hắn nhận ra sự ngạc nhiên đến gần như hốt hoảng của nàng khi hắn xuất hiện trước nàng trong cặp đồ tù binh. Hắn nói:

-Xin lỗi, tôi đã làm bà kinh ngạc. Tôi xin giới thiệu tôi là tù binh...

Người đàn bà vẫn mờ tròn mắt không thốt được lời nào.

-Tôi là tù binh. Đây là lần thứ nhất tôi được tự do tạm vài giờ. Sự tự do trên nguyên tắc không thể nào có được. Xin bà yên

tâm...

Người đàn bà cúi nhìn mặt bàn một lúc rồi nói ngập ngừng, câu nói mà hần nghĩ như một cách triển hạn để nàng có thêm thì giờ tìm hiểu .

-Tôi không ngạc nhiên đâu...Hình như ông nói tiếng Bắc?

-Vâng, tôi sinh ra ở Hà Nội.

Người tù trả lời và cũng nhận ra nàng nói đặc tiếng Nam. Hần lấy phin cà phê ra khỏi tách, lắng nghe một bản nhạc cũ. Hần cảm thấy ngỡ ngàng, rồi dè dặt hỏi:

-Nhạc xưa...

Người đàn bà gật đầu. Hần nghe lòng bùi ngùi khi tiếng hát dẫn hần trở về với quá khứ. Người đàn bà hỏi:

-Ông có thích nhạc tiền chiến không?

Người tù áp ứng, không biết phải trả lời sao. Người đàn bà tiếp:

-Nhạc của Văn cao, Đoàn Chuẩn...ấy.

Người tù chột hiệu, đáp:

-Vâng, có...Những bản nhạc thật xưa nhưng mỗi khi nghe vẫn cảm xúc như thuở nào...

Những ngày dài tù ngục đã ngăn cách hần với đời sống bên ngoài. Riêng cuộc sống ở miền Bắc với miền Nam đã là một khoảng cách lớn rồi, huống gì khoảng cách giữa trong và ngoài nhà ngục. Người tù cảm thấy ngượng ngùng trước mỗi câu hỏi của người đàn bà. Hần phải lắng nghe để đoán hiểu một vài danh từ chỉ mới xuất hiện trong thời gian hần bị bắt. Người đàn bà có lẽ cũng nhận ra thế, nên nàng bắt đầu cẩn thận trong cách nói của mình:

Một bài hát vừa cất lên làm cho họ cùng cảm thấy buồn não nuột. Người đàn bà quay mặt nhìn ra biển. Gió hất tung những sợi tóc nàng ra sau cho người tù thấy trọn làn da trắng của nửa khuôn mặt nhìn nghiêng. Chỗ trũng của mắt và nét cao thẳng của chiếc mũi cắt nền đen của đêm trông linh hoạt đến đẹp mắt. Bản nhạc với âm thanh như tơ trời đang làm rối lòng người nghe. Người tù hỏi:

-Bà có biết tên bản nhạc này?

Người đàn bà quay lại, dành một phút lắng nghe:

Yên phụ đôi bờ sóng vỗ

Nhị Hà lấp lánh sao thưa

Cầu Giấy...

Rồi nhìn hần với ánh mắt dịu dàng:

-Bản *Thương về năm cửa ô* xưa đây.

Người tù thì thầm lặp lại: Thương về năm cửa ô xưa, năm cửa ô xưa... Trong khi người đàn bà vẫn giữ nguyên mắt mình trong mắt người đối diện. Chợt nàng bắt theo tiếng nhạc đệm, hát nho nhỏ:

Thương về năm cửa ô xưa

Nhớ nhưng biết mấy cho vừa...

Người tù cảm thấy buồn tràn ngập tâm hồn mình mãnh liệt. Hắn nén tiếng thở dài trong cổ. Người đàn bà bỏ ngang câu hát hỏi:

- Năm cửa ô là những cửa nào ông nhỉ? Chưa một lần tới Hà Nội nhưng sao mỗi lần nghe những bài hát nhắc về thành phố đó lòng tôi cứ nao nao... Hà Nội nghe sao thân thiết quá chừng. Người tù nhìn sững nàng. Hắn phải kể như thế nào về năm cửa ô, năm cửa đã mở ra thiên đường của thời thơ ấu hắn, mà giờ đây chỉ còn mịt mù ký ức. Những kỷ niệm xa vời tưởng cũng đã mờ nhạt như thế, tưởng đã vượt xa trên quãng đường gian khổ, tưởng đã làm trắng trí nhớ, bỗng chỉ trong một phút kéo về tràn ngập, làm cảm xúc như nước sông Hồng vào một ngày mùa đông dâng cao nhanh chóng. Hắn ngậm ngùi nhìn người đàn bà đã nặng tình với thành phố quê hương hắn.

- Năm cửa ô... có lẽ nên chờ một ngày nào đó, tôi tưởng tượng một ngày nào đó sẽ mời bà đáp chuyến tàu suốt đầu tiên đến Hà Nội, tôi bây giờ có lẽ cũng như bà, bằng một cảm xúc mới mẻ khi cùng đứng trước ô Cầu Giấy...

Người đàn bà nhấp nháy mắt, có lẽ vì cảm động, nàng hỏi giọng mềm đi trong gió khuya:

- Biết đến bao giờ ông?

Hắn nhớ đến một câu hỏi của người quân cảnh sáng nay, và nghĩ đến ngày cuộc chiến phải ngừng lại. Hắn nói:

- Có lẽ còn không lâu nữa...

Người đàn bà mở lớn mắt nhìn hắn, như ngằm chờ ở hắn sự giải thích tiếp. Nhưng người tù đã im lặng kíp. Hắn không quên mình là tên tù binh, hắn cũng không muốn lợi dụng những giờ tự do ngắn ngủi để vượt xa hơn vị trí của mình. Hắn cố tránh cho nàng nghĩ tới cái vị trí ấy, để từ đó như một thói quen buồn thảm, nàng phải thấy hắn qua một lăng kính chủ nghĩa hay giới tuyến hận thù này nọ. Trong đôi mắt trũng sâu và quầng thâm kia, biết đâu chẳng đang theo hút một bóng hình không còn nữa. Người thân yêu đã ngã xuống một ngày nào trên mặt trận. Người thân yêu ấy của nàng và hắn từng găm gù nhau trên một chiến trường đã xa. Biết đâu chẳng đã

như thế... Ý nghĩ đó bỗng làm người tù cảm thấy sợ hãi trước những dấu tích đau khổ của người đàn bà. Hắn sợ hãi thật sự.

-Những tâm hồn cao đẹp như bà, cùng với những ánh mắt trong veo của đám trẻ mới lớn mới làm cho quê hương chúng ta rực rỡ...

Người tù cảm thấy hổ thẹn về câu nói của mình. Có lẽ hắn không định nói thế. Hắn đang cần trấn an mình, chứ không phải nói cho người đàn bà nghe. Hắn sợ người đàn bà có thể đang suy nghĩ về vị trí hiện tại của mình nên bối rối hỏi tiếp:

-Hắn bà đã có cháu...

Đôi mắt người đàn bà ánh lên rồi sụp xuống buồn bã. Người tù nghe giọng nàng nghẹn đi.

-Vâng, nhưng cháu không còn ở đây...

Rồi như không muốn nhắc đến chuyện cũ, người đàn bà đổi giọng:

-Ông sắp tới giờ trở lại trại chưa?

Người tù nhìn chiếc đồng hồ treo hút trong quán.

-Cũng sắp, nhưng vẫn còn đủ thì giờ cho tôi ngồi lại thêm chốc nữa.

Người đàn bà nhìn hắn thương hại :

-Người ta dám cả gan cho ông ra ngoài như thế này ư?

-Nếu bà là người giữ ngục, bà có dám cho tôi tự do như người quân cảnh kia không? Có lẽ khi thả tôi lang thang như thế này, anh ta đã đem chính bản thân mình ra đổi lấy sự bội phản có thể có ở một kẻ như tôi. Nhưng cái gì đã làm anh ta cả gan đến thế? Bà ạ, tôi nghĩ đến ánh mắt của tôi mà anh ta nhìn thấu, tôi nghĩ đến tình yêu thương chân thật từ trái tim tôi mà anh ta đã cảm nhận được...

Trong quán, một ngọn đèn vừa bị tắt. Bóng tối trùm xuống một khoảng sân. Có lẽ chủ nhân muốn nhắc với họ rằng đêm đã rất khuya.

-Tôi phải trở về trước khi người quân cảnh đổi gác.

Người đàn bà nhìn người tù với vẻ ngậm ngùi.

-Rồi ông còn dịp nào nữa không?

Ý người đàn bà muốn hỏi hắn còn cơ hội nào được sống tự do dù vài tiếng đồng hồ như thế này nữa không. Người tù nghĩ đến câu chuyện giữa người quân cảnh với hắn sáng nay. Cuộc chiến rồi sẽ ngừng lại và người ta rộn rịp làm công việc trao trả tù binh. Hắn tự hỏi mình có đang chờ đợi ngày đó? Để rồi không chờ câu trả lời hiện ra, hắn quay lại câu chuyện bỏ dở với người đàn bà:

-Mà bà vẫn chưa kể cho tôi nghe về cháu nhỏ. Hẳn cháu có phải có đôi mắt lạ giống bà...

Người đàn bà mỉm cười nhưng sau đó mỉm môi lại. Nàng có vẻ không hài lòng về sự nhắc nhở đó của hân. Nàng nói, giọng đành lại:

-Vâng, nhưng như tôi đã nói với ông, cháu không còn ở đây...

Và tiếp theo bằng giọng chua chát:

-Quả như ông nói, cháu có đôi mắt lạ, nhưng không giống tôi chút nào. Đôi mắt cháu đẹp, xanh lơ như của bố nó. Bây giờ thì cả hai bố con đang sống bên kia bờ đại dương.

Nàng ngừng nói, nhìn thẳng vào mắt người tù, người tù không muốn giữ lâu tia nhìn như một sự thách thức ấy, hân cúi mặt xuống im lặng:

-Không biết có nên kể với ông về cuộc sống tôi, cuộc sống dưới mắt ông sẽ bản thiú biết chừng nào.

Người tù đưa một bàn tay lên ngăn người đàn bà lại. Hân cảm thấy lao đao, hân đã hiểu hết tất cả nỗi bất hạnh của nàng.

-Xin lỗi bà, tôi đã lỡ nhắc đến một điều không vui. Có lẽ chúng ta nên quên đi những gì đã xảy ra không bởi sự chấp nhận của chính lương tri mình.

Nỗi buồn vẫn còn nguyên trong đôi mắt người đàn bà. Người tù biết những điều hân nói ra vừa rồi cho có nói vậy thôi, thật ra nó chẳng san sẻ được gì giúp nàng và cho cả chính hân. Hân cúi xuống nhìn màu áo buồn thảm đang mặc.

-Bà có tự hỏi tại sao tôi không lợi dụng lúc này để vượt ngục?

Người đàn bà cũng nhìn tấm áo trên người hân.

-Tôi đã tự hỏi như thế rồi đây. Cái gì đã giữ ông lại?

Người tù gõ tay vu vơ xuống mặt bàn. Một lúc hân nói chậm rãi:

-Tôi cũng không biết nữa. Nhưng tôi tự hỏi cho vui vậy thôi, chứ tôi vẫn luôn luôn nghĩ tôi phải quay trở lại đó, và có thể chờ đợi đến cái ngày trao trả... Ngày đó ra sao nhỉ? Ngày đó tôi sẽ ra sao nhỉ?

Người tù thì thầm như nói cho mỗi mình nghe. Người đàn bà thắc mắc:

-Thế ông vẫn chưa tưởng ra nỗi cảm xúc của ông sẽ ra sao vào ngày trọng đại ấy?

Người tù không trả lời. Hân chưa nghĩ tới ngày đó. Hân không biết ngày đó có cho hân cảm xúc ngây ngất, có cho hân thứ hạnh phúc ngọt ngào như hân đã có trong đêm nay, khi với hai bàn chân trần dẫm lên mặt cát ướt, khi với buồng phổi khô

hít đã không khí tự do không hận thù của đại dương. Hắn không biết ngày đó giữa con người và con người có còn nhìn nhau bằng tâm hồn phẳng phiu, không nghi ngại, không đề phòng, như của một con diêm và tên tù binh đối nghịch đang có đêm nay trên bờ biển này?

-Tôi thường nghĩ tù binh là những kẻ may mắn nhất trong mọi cuộc chiến tranh...

Người đàn bà cắt ngang ý nghĩ của hắn. Đó có phải là một câu an ủi?

-Xin cảm ơn bà. Xin cảm ơn bà về điều đó, và cũng xin cảm ơn bà về sự gặp gỡ mà bà đã cho tôi đêm nay.

Người đàn bà im lặng một lúc, rồi chỉ tay về phía trại giam, nơi có một khoảng sáng mờ trong sương.

-Ông sắp phải đi về phía đó? Chắc chắn không đổi ý...?

Người tù gật đầu.

-Tôi sẽ tiễn chân ông một quãng.

Người tù ngồi im, hắn không phản đối. Người đàn bà từng có một đứa con lai với người lính viễn chinh vốn là thù nghịch của hắn, sắp đi bên cạnh hắn trên một quãng đường. Người tù cảm thấy chua xót trước sự bình yên của thực tế.

Người đàn bà trả tiền. Hắn nhìn cử chỉ đó mà cảm động mềm lòng. Cử chỉ xa xưa nào của người chị, người mẹ mà từ lâu lắm rồi hắn không có được. Người đàn bà đứng dậy. Người tù cũng chậm chạp đứng lên theo.

Khi họ bước xuống bờ cát ướt, người tù thấy người đàn bà ngừng lại tháo giày ra cầm trên tay. Nàng bước thật chậm rãi. Người tù nhìn hai bàn chân trắng ngần của nàng trên mặt cát, nghĩ đến ít phút nữa đây nàng sẽ quay về một mình trên bãi biển hoang vắng.

Quy Nhơn 1971

San Jose, Calif. 2010.

Đặng Kim Côn

Đã Tạnh Mưa Chưa? Truyện

Hành khách đang chờ kiểm soát ra cổng. Trời đã khuya lắm, Vọng, với cái ba-lô cũ rách trên lưng, cũng đang xếp hàng, thả mắt nhìn vu vơ, tìm lại những hình ảnh quen xưa, ẩn hiện dưới ánh đèn điện tù mù như những ngọn đèn hột vẹt muốn hết dầu. Có gì đó không còn thân thuộc, có gì đó bóp mạnh tim anh...

Hành khách khá đông, nhiều người phía sau coi bộ không mong đến lượt mình, nhẩn nha đứng nhìn trời nhìn đất. Một người đàn ông ăn mặc nhếch nhác, chìa một tờ giấy trước mặt mọi người, nói giọng van vỉ:

- Tôi mới được ra trại, từ ngoài Bắc về đây, không còn tiền bạc gì, xin bà con thương xót giúp đỡ.

Một vài người thọc tay vào túi áo, Vọng lững thững bước lại, liếc khe tờ giấy, thấy ghi “Giấy Phóng Thích” mang tên Thiếu tá..., anh giật lấy tờ giấy trên tay người ăn xin:

-Tờ giấy này đã cách đây hơn sáu tháng, trại viên nào ra trại mà sáu tháng còn chưa về nhà? Trại nào cũng cấp lộ phí cho trại viên về đến địa phương mà? Ông có muốn tôi đập ông ngay đây không? Ông rút đi, đừng bôi bác sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa.

Gã “Thiếu Tá” há hốc miệng nhìn Vọng, lùi lại, rồi biến đi giữa giòng người cũng đang còn ngơ ngác, anh ta gấp tờ giấy lại, vừa định cho vào túi thì một bàn tay đập lên vai anh, chưa kịp quay lại, một giọng sắc lạnh vang lên:

-Anh nói gì sĩ quan cộng hòa?

Một người thanh niên chừng hơn hai mươi, mặc sắc phục công an (Vọng cũng chỉ mới biết là công an hôm nay, khi còn trên tàu, thấy họ đi qua đi lại, anh đã hỏi những người bên cạnh, mấy năm nay, ở trong trại, anh chỉ biết có màu xanh cút

ngựa của quần áo bộ đội), vừa nói vừa như kéo vai Vọng đi. “Anh theo tôi”. Chán nản, Vọng bước theo người công an vào phòng làm việc. Cũng trong lúc nhốn nháo đó, một nữ nhân viên trên dưới hai lăm, mang băng đô “Thư Ký Ga” trên tay áo cũng xuất hiện và vội vã bước theo. Trước gã công an nói giọng Bắc, Vọng chợt giật mình, nhớ tới mấy cái giọng Bắc ở trong trại. “Hội chứng đọa đày” buốt lên sống lưng anh, nguy hiểm như đang mở rộng cánh cổng. Vọng bèn đổi giọng hợp lý hóa cái vụ cương ẩu vừa rồi: “Tôi thấy hấn bồi bác nhà nước, trại viên nào cũng được cấp tiền tàu xe, ăn uống để về đến nhà mà, sao hấn còn đi xin”. Người công an đang định tìm lời bắt bẻ, thì bất chợt, người phụ nữ thư ký ga kia, bước vội vào, nắm tay Vọng: “Trời ơi, về hồi nào vậy? Sao ở đây?”. Rồi quay sang người công an, cười cầu tài: “Có chuyện gì to tát không? Thăng em bà con đây mà, cho bà chị nó làm chút lễ ra mắt nó đi, bỏ hén?”. Vẫn giữ vẻ mặt nghiêm trang, vừa được làm ơn, vừa đỡ phải đối phó với cái “gân gả” mà mới rồi gã cũng còn đang lúng túng trước câu trả lời hợp lý của Vọng, gã công an nói với người phụ nữ: “Được rồi, chị đưa hấn ra ngoài”, và cũng không quên thông một câu gỡ quê với Vọng: “Lần sau không phát biểu linh tinh nhá” sau khi không quên tịch thu tờ giấy phóng thích của tên thiếu tá ăn xin hồi nãy.

Gần như lời xetch Vọng ra ngoài, sau khi nói cảm ơn gã công an trẻ, Chiêu, tên người thư ký ga, dẫn Vọng bước đi thật nhanh vào phòng bán vé của chị, thở phào, trừng mắt, nhỏ giọng với Vọng:

-Cái tật nóng nẩy không chừa. Mấy cái giọng đó bị nó cho đi bán muối hết rồi, giờ còn sót lại có ông thôi đó.

Không vội trả lời, một chút đau đớn khi thấy Chiêu đã trở thành người của chế độ mới, mà lại đang ngồi nơi cái bàn có chữ “Tổ Trường Khách Vận” kia, Vọng đảo mắt nhìn quanh:

-Bà làm đây lâu chưa?

Không ai trả lời ai, mà chỉ dồn dập những câu hỏi:

-Ông về luôn?

-Bà muốn về luôn hay không?

-Sao không ai biết hết vậy?

-Ai thì có thể, chứ bà mà biết chi?

Chiêu mở to hai mắt, rơm rớm, rút trong xách tay ra một mảnh giấy nhỏ, cũ kỹ, chia trước mặt Vọng. Nhận ra cái thư lén lút gửi cho một bạn tù được thả đợt trước cách đây hơn

sáu tháng, Vọng chụp lấy thật nhanh, nhưng Chiêu còn nhanh hơn, giựt tay lại:

-Không phải của tui sao? Công tui gìn giữ lâu nay. Lúc nào nó cũng ở đây.

Vọng thấy lòng chùng xuống. Lúc nào nó cũng ở đây để làm gì. Càng lúc hai người như càng xa nhau hơn. “Hy vọng bà đã hiểu được những ngày tháng này! Tôi vẫn nhớ, nhớ hết! Hôn mấy nhỏ”. Nề nang và liễu lĩnh lắm, người bạn tù mới dám nhận chuyển mảnh giấy kia. Có gì đó mơ hồ, như có như không giữa họ. Một mối tình học trò lãng đãng không hứa hẹn, chỉ hiểu nhau qua ánh mắt của nhau, và qua sự ủng hộ, vun đắp của bạn bè, mọi người đều tin chắc một điều, là trời sinh ra hai người để gần gũi nhau! Để rồi ai cũng bật ngựa khi một người lên xe hoa, một người bỏ học tình nguyện vào quân đội. Bên mỗi cuộc đời riêng đó, có dịp thì họ cũng thăm nhau, cũng xa xa gần gần nhắc nhở nhau hoặc chút chút gì đó thăm một nỗi ngậm ngùi. Hôm nhận lệnh ra sân bay, để đáo nhậm đơn vị mới, một nơi heo hút đi dễ khó về, Vọng đã đến từ già Chiêu, để lại cái hình ảnh đầy đủ yên cương giáp trụ ấy để Chiêu thao thức mỗi khi nghe tiếng súng vọng xa xa về, tiếng súng tai ác đã một lần chụp những mảnh khăn tang lên đầu ba cô nhi và một quả phụ... Và hình ảnh “ra trận” ấy là hình ảnh cuối cùng đã ở suốt trong lòng Chiêu cho đến hôm nay. Ở một góc núi xa nào, Vọng đã bị bắt, bị lừa đi tập trung ở một trại tù binh cả tháng trước ngày Sài-Gòn sụp đổ.

Vọng nói một câu vu vơ:

-Bà có nghĩ thằng thiếu tá xin tiền hồi nãy là chó săn của công an không?

-Nửa. Tai vách. Mà tui biết chi mấy chuyện đó.

Vọng thất vọng:

-Bắt tri vong quốc hận?

Chiêu đảo mắt nhìn quanh:

-Thì cũng một phận thương nữ thôi. Tui không dám chết đói. Hơn nữa còn ba đứa nhóc cũng phải sống. Ông về thực tế rồi biết, ông có dám để mấy nhỏ của ông chết đói không. Tui cũng đang không dễ dàng, an ninh khó dễ hoài, nó thăng cấp cho ba mấy nhỏ lên đại úy, thiếu tá, rồi còn nói ông còn sống, đang hoạt động chống phá này nọ... Cũng may, ông hạt trưởng là bạn thân của ông già.

-Ông già?

-Còn ở lại ngoài Bắc. Ba gửi tui làm đây.

Thốt nhiên, Vọng hòa nhập vào đời sống của Chiêu, lo lắng:

-Rồi bà có thể bị sao không?

Chiêu thở ra nhẹ nhẹ:

-Giờ thì chưa. Tối đâu hay đó.

-Thấy bà cũng có uy với thằng công an.

-Ghen? Lâu lâu lợi dụng nó một lần.

Vọng nhìn Chiêu từ đầu xuống chân, hiểu ý Vọng, Chiêu trêu:

-Cái mấu chưa chừa. Muốn sao nữa?

Vọng nhìn Chiêu. Đẹp, hơn cả hồi còn đi học. Cái dáng thon thả, eo là ngày xưa có nét đẹp khác. Bây giờ, không biết áo quần không theo kịp hay năng cổ ăn mặc vậy, từng mảng thịt da trắng ngần, sau bộ đồ bà ba vải nilfan, những ngực, những hông những đùi cứ như chừng muốn nhảy xổ ra mà nỏ mù mắt thiên hạ. Anh thở nhẹ:

-Lợi dụng nó, nó không biết lợi dụng lại?

Chiêu nhún vai:

-Chúng tưởng chúng là ai chứ? Nhờ cái là không phải một thằng. Thằng nào cũng thom lom, mình cứ ung dung lách giữa những cặp mắt canh chừng nhau ấy.

-Nói nghe già dặn quá.

Sân ga đã thưa người. Các kiểm soát viên lần lượt vào phòng vé, thấy Vọng, họ gật đầu chào, rồi to nhỏ gì đó với Chiêu. Thấy bận rộn, Vọng định nhồm dậy, nhưng Chiêu không quên sự có mặt của anh, chị gọi thằng bé bán hàng rong mua một gói Hero, đưa cho Vọng và dặn:

-Ông chờ tui, lát cùng về luôn.

Hai người rời quán cháo vịt ở đầu ghi (?). Bắc, bước đi bên nhau. Con đường này cứ đi thẳng về phía Bắc non ba cây số là tới nhà Vọng, và nhà Chiêu thì nằm ở khoảng giữa, rẽ xuống xóm một đoạn gần mười phút.

Trời không một vì sao, mây đã giăng kín khắp trời. Chưa bao giờ họ gần nhau hơn thế. Họ không muốn đi nhanh, cái liến thoắng ban đầu đã lắng xuống, như là, cả hai cùng rơi vào một vũng buồn, cùng nín thở nằm im trong đó. Con đường mòn dọc theo đường sắt không đủ rộng để họ có thể tránh không phải đụng vai nhau, chưa nói là đá sỏi lởn ngoen dưới

chân cứ làm cho họ chao qua đảo lại, nhiều lúc cứ muốn chụp tay nhau, mà vốn, những bàn tay, từ lâu, lâu lắm, cũng đã muốn tìm nhau quá. Khi họ bắt đầu qua khỏi cái trụ đèn điện cuối cùng của ga thì trời lắt rắc mưa. Họ cũng cứ đi, mưa đột ngột nặng hạt, thấy có một toa tàu đang nằm ở cuối ghi, Vọng hỏi “Toa đó làm gì?”. “Toa dự trữ, mà như là lâu lắm không dùng hay sao ấy”. “Minh lên đó có sao không?”. “Thì lên đại, mưa to rồi”. Vậy là cả hai hồi hả phóng lên cái toa tàu tối đen, vừa lúc cơn mưa ập xuống như thác.

Họ cũng đã bị ướt. Cả hai co ro đứng ...bâng khuâng trong bóng tối:

-Bà lạnh không?

-Không. Ông lạnh?

-Ở trong núi, mưa không ướt cũng lạnh hơn đây nhiều.

Bà làm đó đủ sống không?

-Tui cũng định hỏi ông học tập có khổ không, mà chưa hỏi được. Thật ra câu hỏi thừa quá phải không? Vô duyên nữa, mấy ông học tập cải tạo đói khát cơ cực, chết chóc sao thì ở ngoài người ta biết hết. Ông biết không, có những chuyến tàu chuyển tù, ở ga nhiều người chưa biết gì mà dân thì đã biết hết, an ninh dày đặc rải hai bên đường rail, nhất là các ga, mà dân thì còn dày hơn, họ lẩn quẩn, nấn ná như là đang làm việc gì, cho đến khi tàu băng ngang qua, chuẩn bị gì trên tay họ hất tung lên tàu nấy, tội nghiệp mấy người hàng rong, vốn liếng có nhiều mà bánh chưng, bánh mì, thịt, chả gì cho hết. Ồ, mà không hỏi thì có nghĩ vô tình không?

-Có, nhất là mồ côi như tui.

-Tui cũng muốn ông trách.

-Tui không biết chuyện bà kể, nhưng đôi khi đi công tác ra ngoài trại, anh em cũng gặp cảnh đó hoài, người dân hai bên đường bắt chấp vệ binh ngăn trở, có gì họ mang chạy theo nhét vội vào tay đoàn tù, thậm chí nồi cơm đang vùn trên bếp hay nải chuối còn xanh trên bàn thờ.

Bóng đêm im lặng. Họ lắng nghe nhau tiếng tim của mình đập ở người kia, những bề dẫu quanh họ, những mong ngóng, dõi chừng từng bước chân trong đời. Vọng hỏi:

-Mấy nhỏ ra sao?

-Ở chung với ngoại, đi làm thì gửi đó.

-Nhà tui sao, bà biết không?

-Không biết là... ông đã biết hết những điều gọi là biến cố của nhà chưa?

-Chuyện lớn thì biết rồi, như ba, như bà xã. Gần đây, lâu không ai lên thăm.

-Gần đây thì không sao. Tui có tới. Nhưng những chuyện gọi là nhỏ hơn thì đề ông về hăng biết.

Vọng lo lắng:

-Sợ mất vui?

Chiêu trấn an:

-Không sao mà, sợ...là sợ hết giờ.

-Ngày mai trời sập hả?

-Sợ sập bây giờ.

-Cả đời cứ bênh bồng không thực.

-Ai bênh bồng?

Bóng tối giữa họ vẫn cứ như cơn mưa, mênh mông. Mặc dù họ đã cố xích gần nhau lại rồi mà cứ như xa tận đầu đầu. Mà dường như, sợ thì giờ ít quá hay sao mà cơn mưa vẫn chưa tỏ dấu hiệu kết thúc, gió mạnh và sấm sét càng làm cho không khí thêm nặng nề, ghê rợn. Vọng nói:

-Sét thường đánh vào những nơi u ám và có kim loại, toa tàu này là mục tiêu để nó tìm kiếm đấy.

-Vậy ông chạy ra kiếm cho tui cái mền là được.

-Chi?

-Sét có nung cũng đỡ lạnh.

-Nghĩa là hết nói cứng?

-Sét đâu không thấy, thấy gió cứ thốc vô thấu tim.

-Gió nào? Thì nói gì đi cho đỡ lạnh. Bà chưa trả lời, làm đủ sống không?

-Thì nhẹ nhàng hơn người dân, về rồi biết, via hè la liệt ăn xin, ví dụ giờ này nhiều gia đình chụm đầu nhau lại, chịu trận giữa gió mưa, như những con chim ướt lông cánh nằm sà giữa vũng nước, tội nhất là mấy đứa nhỏ, núp dưới lòng bố mẹ, mà gió cũng không tha, ướt như chuột, chịu suốt đêm, mà không biết bụng đã ló được thứ gì.

-Thảm hơn ở tù rồi.

-Nhà tù lớn.

-Bà cũng nghĩ vậy?

-Ông vẫn muốn gây với tui? Cũng không sao. Ông có đi gánh phân, đốt than thì cũng là lấy công điểm của nó mà sống. Mẹ con tui tháng được hơn năm chục ký lương thực, trong đó có cả sắn mì, bobo. Còn vài vốc, dép mủ, song quánh, thì năm bảy tháng được phân phối một lần, thứ nào cấp trên chưa lại mới tới mình. Lương tháng, nếu ông uống cà-phê thì có thể đủ

cho ông ngày một ly...

-Nghĩa là gói thuốc hồi nãy hết hai ngày lương?

-Tui có phụ phí mà.

-?

-Tiền “chịt cổ” ấy.

Trời hừng sáng, mưa đã ngớt, hai người bước ra khỏi toa tàu, con đường đá sỏi trơn ướt, câu chuyện không đâu vào đâu lại tiếp tục:

-Chưa nghe hai tiếng “chịt cổ”. Giết người hả?

-Gần như. Ai ra cổng không vé thì cứ chung cho kiểm soát viên, hành lý mấy bà buôn thì tự động đóng hụi chết. Bán vé chợ đen... Hồi nào ông cứ thử mua mấy cái vé đi Sài-Gòn, Hà Nội gì coi có hay không, mà biết chỗ thì có.

Ngừng chút, Chiêu phân trần:

-Lấy được cứ lấy, chứ không, chẳng hóa ra “yêu nước là yêu xã hội chủ nghĩa” lắm sao? Tui tui có đứa nào biết gì xã hội chủ nghĩa.

-Tui tui?

-Chị em tui tui “chịt cổ” xong, cộng chia đều, đắp đổi qua ngày.

-Không phải cơ quan là cộng sản hết sao?

-Hỏi nghe ghê.

-Tổ trưởng không phải “đồng chí” hả?

-Tổ trưởng là cái đình gì gì? Lúc đầu cũng có mấy người làm, rồi làm không được, tui trên núi về biết gì đâu mà bắt nó cộng trừ sổ sách, cuối cùng đưa tui làm thử, được việc làm luôn.

-Thật mà, tui cứ thấy rờn rợn. Chưa quen, chắc phải lâu lắm mới thích nghi được.

Vọng bước thử lên đường rail, đôi dép râu trơn trượt làm anh suýt té:

-Bà đi trên đường rail được không?

Chiêu cười:

-Có khi cũng có thử, mà không đơn giản. Tui thấy mấy đứa cầu đường nó đi giỏi lắm, mà hình như hai người đi hai đường nắm tay nhau dễ đi hơn.

-Sao biết hay vậy?

-Cũng cái giọng cà chớn đó. Tui nói là tui thấy người khác. Người ta nắm tay nhau đi, không té, trông hay lắm, thơ mộng như một bức tranh.

-Bà đi làm đường này?

-Không, đường này vắng vẻ lắm, ban ngày nếu bị trể, đôi khi tui cũng có đi cho gần, nhưng thường thì đi đường phố, vòng một chút mà đỡ lạnh lưng. Tui biết cái gì trong đầu ông.

-Thì lúc nào bà không biết những gì trong đầu tui. Có điều đi kiêu đó, có nắm tay nhau, đến cuối trời thì cũng cứ song song. Không ham, tranh kiêu đó chỉ để treo lên tường.

-Chứ muốn treo ở đâu?

Một tốp người mang súng đi ngược chiều. Họ rọi thẳng đèn pin lên mặt Vọng và Chiêu, hai người né một bên cho họ qua, có tiếng cười:

-Chị Chiêu mai bao chè nhé!

Chiêu không dừng lại:

-Không thì sao?

Và giải thích với Vọng:

-Mấy đứa du kích trong xóm. Thích mang súng bắt nạt người khác thôi. Cách mạng luôn biết khai thác nhân lực, lợi dụng từng con người. Có lương bổng mẹ gì đâu.

-Tui..?

-Tui hiểu ông nghĩ gì, cái chúng cần là sức lực. Sỏi đá cũng thành com, ông sẽ được cấp hai sào ruộng, giống như làm rế cho nhà nước, cuối vụ tính cho ông mỗi tháng miệng ăn hai một ký lúa, mắm muối, chè thuốc, khách khứa, đau ốm, học hành gì cũng trong đó, còn nhiều nộp họ hết.

-Rồi làm sao sống?

-Ráng. Đi cái tạo về, mấy ông thầy cũ của mình đập xích lô, ba gác, bán cà rem... Ông nào có xe chạy thồ thì còn đỡ.

Trời có vẻ vẫn còn ẩm ướt, một vài vì sao như mới vừa ráo nước, rụt rè giữ những tia sáng yếu ớt, lấp ló trên nền trời mù mịt. Hai người đã đi tới đường rẽ xuống xóm, Chiêu dừng lại, tàn ngắn:

-Không ấy...ông ghé xuống thăm mấy nhỏ chút?

-Tui cũng định nhưng chưa phải lúc này. Tui không muốn ghé đâu, trước khi về đến nhà, thấp mấy nén nhang lên bàn thờ cho ba và mẹ mấy nhỏ.

-Vậy ông chờ tui ở đây, tui về mượn cái xe đạp...

-Thôi khỏi, hơn cây số nữa chứ mấy. Về đây mà chưa về nhà là đã thấy có lỗi rồi.

-Tại tui?

-Tại mưa.

Chiêu dậm bước, không rẽ xuống xóm mà đi theo phía nhà Vọng:

-Tui đưa ông về.

Vọng vẫn còn chôn chân tại chỗ, anh gọi khẽ:

-Chiêu!

Chiêu dừng lại:

-Tui biết ông nói gì.

-Biết thì làm ơn. Trời chắc sẽ còn mưa. Lát bà về một mình làm sao tui ngủ được.

-Ông về một mình..., ừ...ngủ được sao? Một mình khuya khoắt tui thật không yên lòng, nhất là...phó thường dân liều mạng. Hồi nãy ở ga, suýt chết chưa chưa.

-Thôi kệ tui, một mình bà đi bộ trong đêm khuya, ghê quá, thôi về đi. Bày về làm gì, trời chưa sập đâu.

-Tui là công nhân viên mà, ai làm gì.

Vọng đồ quạu gắt nhỏ:

-Công nhân viên không có...cái gì sao?

Trong bóng tối lơ mờ, Vọng kịp thấy ánh mắt tinh nghịch của Chiêu ánh lên trừng anh. Vọng hiểu là Chiêu dư thông minh để hiểu hai tiếng “cái gì” là cái gì, anh nhóm bước, vừa đi vừa nói như ra lệnh:

-Về đi. Trời chưa sập mà.

Chiêu gọi giật lại:

-Sắp sập nè, nghe tui nói, bây giờ là mùa Xuân, biển êm, nhiều chuyện lắm. Tui đã có rất nhiều cơ hội, và cũng không khó để tiếp xúc với những người tổ chức, mình không có nhiều thì giờ đâu, ông phải tin tui, mình có hai cái đầu ngu cũng đỡ hơn. Mọi chuyện tui đã chuẩn bị đủ cho tui, ông và mấy đứa nhỏ, tui chỉ chờ ông về, chuyện bất ngờ có thể đến ngay ngày mai hay ngày mốt, bữa kia nào đó, nên tui không muốn chờ ...

-Tui chưa về thì sao?

-Thì bây giờ chưa phải mùa Xuân chớ sao.

ĐẶNG KIM CÔN

Nhạc Sĩ và Con Két

Tác giả Cáp Kim

Người dịch Nguyễn thị Hải Hà

Trước khi cùng với đoàn quay phim đi Thái Lan, Supriya gửi Fanlin con két, quà người ta tặng cho nàng, nhờ trông nom dùm. Fanlin không hỏi người yêu con két này là của ai tặng cho nàng, nhưng chàng tin là chủ trước của Bori, tên con két, là một người đàn ông. Supriya chắc chắn đã có hàng tá bạn trai trước khi yêu chàng. Là một nữ diễn viên Ấn Độ xinh đẹp, đi đến đâu nàng cũng được người ta quay đầu ngắm nhìn. Cứ mỗi lần nàng rời New York, Fanlin không khỏi lo lắng là nàng sẽ rơi vào vòng tay của người khác.

Chàng đã ngụ ý nhiều lần là chàng sẽ hỏi cưới nàng, nhưng nếu nàng không lắng tránh vấn đề thì cũng nói rằng sự nghiệp điện ảnh của nàng sẽ chấm dứt trước khi nàng ba mươi bốn tuổi, vì thế nàng cần phải tận dụng năm năm còn lại để đóng thêm nhiều phim. Nói cho đúng, nàng chưa bao giờ được đóng vai chính, luôn luôn đóng vai phụ. Nếu như nàng chẳng nhận được vai trò đóng phim nào cả, thì may ra nàng sẽ chấp nhận vai trò làm vợ và sau đó là làm mẹ.

Fanlin không mấy quen thuộc với Bori, một con két nhỏ màu hồng có cái đuôi trắng, và chàng chưa bao giờ cho phép nó vào phòng viết nhạc của chàng. Supriya thường gửi Bori ở trại nuôi chim khi nàng phải đi xa; và nếu chuyển đi chừng hai hay ba ngày, nàng chỉ cần nhốt nó vào trong chuồng cho đầy đủ thức ăn và nước uống. Nhưng lần này nàng phải ở ngoại quốc đến ba tháng, vì thế nàng nhờ Fanlin săn sóc con két.

Không giống những con két khác, Bori không biết nói; nó thậm lặng đến độ Fanlin tự hỏi không biết con két này có thuộc loại ngu không. Suốt đêm con két ngủ gần cửa sổ, trong chuồng để trên một cái trụ như một cái chân đèn to tướng cắm trên nền nhà. Ban ngày nó đậu ở khung cửa sổ hay trên chóp bu của cái chuồng, phơi mình trong nắng đến độ có vẻ như phai màu bộ lông màu hồng của nó.

Fanlin biết Bori thích hạt kê. Vì không biết nơi nào trong Flushing có tiệm bán thú vật, chàng đến siêu thị Hồng Kông ở

cúi góc đường và mua một bao. Đôi khi chàng cho con kết những món chàng đang ăn như cơm, bánh mì, táo, dưa hấu, và nho. Chàng thấy Bori ăn một cách thích thú. Bất cứ lúc nào, hễ thấy chàng đặt thức ăn lên bàn ăn là con kết lại bay chập chờn bên cạnh chàng, chờ được thưởng cho một miếng. Vì Supriya không có ở nhà, Fanlin có thể ăn thức ăn Trung quốc tự do – điều thuận lợi duy nhất khi nàng vắng mặt.

“Mày cũng muốn ăn Cheerios nữa sao?”. Fanlin hỏi Bori vào một buổi sáng lúc chàng đang ăn điểm tâm.

Con chim ngẩng nghía chàng với đôi mắt có viền trắng. Fanlin chọn một cái đĩa con cho một nhúm cereal vào, và đặt trước mặt Bori. Chàng nói tiếp “Mẹ của mày đã bỏ rơi mày và mày phải ở với bố”. Bori mổ vài hạt Cheerios, đôi mắt nhấp nháy. Fanlin đâm ra “phải lòng” con kết từ ngày hôm ấy vì thế chàng tìm một cái ly uống rượu vang nhỏ xíu và rót vào ít sữa cho Bori.

Ăn sáng xong, chàng để Bori ở lại phòng viết nhạc lần đầu tiên. Fanlin sáng tác nhạc trên một cái đàn piano điện bởi vì chàng không có chỗ để đặt cái dương cầm. Con chim đậu yên lặng ở cạnh bàn làm việc, ngẩng nhìn chàng, như thể nó có khả năng hiểu được những nốt nhạc chàng đang viết ra. Sau đó Fanlin thử một khúc nhạc trên phím đàn điện, Bori bắt đầu vỗ cánh và đầu gục gặc ngó nghiêng. “Con có thích nhạc của bố không?” Fanlin hỏi Bori.

Con kết không trả lời.

Khi Fanlin sửa chữa lại các nốt nhạc chàng đã viết. Bori đáp nhẹ nhàng lên phím đàn và nhấn phím tạo lên những nốt nhạc yếu ớt làm cho nó hứng chí chơi thêm vài nốt nữa. “Đi chỗ khác chơi đi!” Fanlin nói. “Đừng làm choán chỗ của bố.”

Con kết bay trở lại bàn, ngồi bất động nhìn nhà soạn nhạc viết nguệch ngoạc những nốt màu đen trên giấy.

Vào khoảng mười một giờ, khi Fanlin duỗi tay và dựa lưng vào ghế chàng thấy có hai đốm trắng bên cạnh Bori, một đốm to hơn đốm kia. “Đồ quỷ, đừng có ị lên bàn của tao!” chàng quát mắng.

Nghे tiếng quát, con chim bay vụt ra khỏi phòng. Sự vắng mặt của con kết làm Fanlin nguôi cơn giận một chút. Chàng tự nhủ mình phải kiên nhẫn với Bori, nó cũng như đứa bé chưa biết tự kể chuyện bài tiết. Chàng đứng dậy dùng giấy lau chùi chỗ bẩn.

Một tuần ba ngày chàng dạy nhạc cho năm học sinh. Học phí

là nguồn thu nhập thường xuyên của chàng. Những học sinh này đến căn hộ của chàng trên đường Ba Mươi Bảy vào buổi tối học hai giờ đồng hồ. Một trong năm người học sinh này là một cô gái xương xẩu chừng hai mươi hai tuổi, rất quyến luyến Bori và thường xuyên chìa ngón tay trở ra, nói rằng, “Đến đây nào, cưng ơi.” Con két chẳng bao giờ hưởng ứng lời dụ dỗ của cô gái, trái lại nó ngồi chễm chệ trong lòng của Fanlin như thể nó cũng đang ngồi học. Wona có lần nhắc con két kên và đề nó lên đầu của mình, nhưng Bori quay trở lại với Fanlin ngay lập tức. Cô gái lăm bằm, “đồ két ngu, chỉ giỏi tài nịnh chủ của mày thôi.”

Fanlin đang hợp tác với một nhóm nhạc kịch địa phương dựa vào huyền thoại dân gian của Trung quốc để viết một vở nhạc kịch, nhân vật chính là nhạc sĩ Ah Bing. Lúc còn trẻ, cũng như bố, Bing là một vị sư. Về sau Bing bị mù và bị đuổi ra khỏi chùa. Ông bắt đầu sáng tác nhạc, trình diễn trên đường phố, để kiếm sống.

Fanlin không thích phần libretto, lời trong vở nhạc kịch có chỉ cách diễn xuất, vì nó nhấn mạnh đến cách diễn tùy hứng. Nhân vật chính của vở nhạc kịch, Ah Bing, bảo rằng, “Nghệ thuật đạt đến mức tuyệt hảo, thật ra, chỉ là sự tình cờ.” Đối với Fanlin, cái lý luận ấy đã không giải thích được lý do thành công của những bản giao hưởng vĩ đại của Beethoven hay là Tchaikovsky. Những bản giao hưởng này không thể hiện diện nếu không có lý thuyết về thẩm mỹ, hướng nhìn hay mục đích. Không có nghệ thuật nào chỉ thuần dựa vào sự ngẫu nhiên.

Tuy thế, Fanlin rất chăm chỉ soạn thảo phần nhạc của vở nhạc kịch *Nhạc Sĩ Mù*. Thẽ theo bản hợp đồng đã ký, chàng sẽ được trả công sáu ngàn đô la, trả thành hai lần cộng thêm 12 phần trăm tiền hoa hồng trên thu nhập của vở nhạc kịch. Lúc này chàng quá bận rộn với vở nhạc nên ít khi nấu ăn. Chàng viết nhạc từ 7 giờ sáng đến 2 giờ chiều, rồi đi ăn trưa, thường khi mang Bori theo. Con chim đậu trên vai chàng, và Fanlin cảm thấy móng của nó bầu lên da chàng trên mỗi bước đi.

Một buổi chiều ở quán cà phê Đài Loan trên đường Roosevelt, sau khi trả tiền thức ăn ở quầy, Fanlin trở lại chỗ ngồi uống nốt ly trà. Chàng đặt một đồng đô la lên bàn thì Bori nhặt nó lên và đặt vào tay của Fanlin.

“Úi chà, hấn biết giá trị của tiền đây!” cô hầu bàn có đôi mắt ốc nhồi kêu lên. “Đừng có lấy trộm tiền của tao, tên trộm nhóc tí!”

Đêm ấy nói chuyện điện thoại với Supriya, Fanlin kể nàng nghe chiến công của Bori. Nàng trả lời. “Em không dè anh yêu mến nó. Nó chẳng bao giờ nhụt tiền cho em, chắc chắn thế.”

“Anh chỉ là người trông chừng nó.” Fanlin nói. “Nó là của em.” Chàng cứ ngỡ là nàng sẽ thích thú lắm, nhưng giọng nàng vẫn giữ vẻ bình thường – giọng nữ cao trung với một chút ngái ngủ. Chàng tự kềm lại, không nói là chàng nhớ nàng, rất thường xuyên chàng vẫn về quần áo của nàng trong tủ.

Buổi sáng hôm ấy trời mưa. Ngoài trời, những sợi mưa uốn éo trong gió như hàng hà vô số những sợi chỉ đan rối vào nhau; ở hướng Tây có tiếng xe chuyển động nhẹ nhàng. Nằm trên giường với một tờ giấy viết nhạc vo tròn nhẵn nhúm trên bụng, Fanlin nghĩ về Supriya. Nàng luôn mơ ước có con và bố mẹ nàng ở Calcutta đã thúc giục nàng kết hôn. Tuy nhiên, Fanlin có cảm giác chàng chỉ là cái lưới an toàn của nàng – một người dự trữ đề phòng khi nàng không thể tìm một ý trung nhân. Chàng cố gắng để không bị ám ảnh bởi nhiều điều đen tối và hồi tưởng những đêm hai người đã ái ân đến tuyệt đỉnh của đam mê và kiệt sức ngất ngư. Chàng nhớ nàng, nhớ ghê lắm, nhưng chàng hiểu rằng tình yêu cũng như một ân huệ của người khác làm cho mình, nó có thể bị chấm dứt bất cứ lúc nào.

Bất thành linh, một nốt nhạc chói lói vang lên từ phòng làm việc – Bori đang ở dặm chân trên cái đàn điện. “Ngừng lại!” Fanlin quát con két. Nhưng nốt nhạc cứ tiếp tục vang lên inh ỏi. Chàng bước vội ra khỏi giường và tiến về phòng viết nhạc.

Đi ngang qua phòng khách, chàng thấy cửa sổ không hiểu tại sao lại mở toang hoác và nền nhà vương vãi những tờ giấy có dòng kẻ nhạc bay phất phơ theo gió lùa qua cửa. Chàng lại nghe có tiếng động khác lạ, và nhìn thấy một thằng nhóc đang bò ra khỏi cửa sổ. Fanlin, không đủ nhanh nhẹn để bắt hấn, tựa người vào cửa sổ và hét với theo tên trộm đang bỏ chạy trên cầu thang dùng để thoát nếu có hỏa hoạn, “Nếu mà mày còn đến đây nữa, tao sẽ gọi cảnh sát bắt mày. Đồ chó chết!”

Thằng bé nhảy xuống lề đường bên dưới, chân nó quỵ xuống, nhưng nó gượng dậy. Đứng quần jean của nó đầm ướt. Nhoáng một cái nó đã chạy thoát ra đường phố và mất hút.

Khi Fanlin trở lại phòng khách, Bori bay vèo đến thờ hồn hển đầu trên ngực chàng. Con chim có vẻ sợ hãi, cánh nó run rẩy.

Hai tay Fanlin ôm lấy con két, bế nó lên rồi hôn nó. “Cảm ơn con,” chàng thì thầm. “Con có sợ không?”

Bori thường khi bài tiết ngay ở trong chuồng, cánh cửa chuồng để mở cả ngày lẫn đêm. Cứ hai ba ngày Fanlin lại thay tờ giấy báo lót dưới đáy chuồng để giữ cho nó được sạch sẽ. Nói cho đúng, cả căn hộ đã biến thành cái chuồng chim bởi vì Bori được phép ở khắp nơi, kể cả phòng viết nhạc. Khi nó không ngủ, con két ít khi ở trong chuồng, bên trong có một thanh ngang bằng nhựa cho nó đậu. Ngay cả ban đêm, nó cũng lảng tránh thanh ngang này, mà đeo bầu vào cạnh của chuồng, thân hình nó treo lủng lẳng. *Không lẽ nó ngủ như thế mà không biết mệt sao?* Fanlin nghĩ. *Chẳng trách sao mà nó có vẻ mệt mỏi cả ngày.*

Có một buổi chiều, khi con két cúi đầu vào khuỷu tay anh tìm hơi ấm, Fanlin thấy một bên bàn chân của Fanlin dày hơn bên kia. Chàng lật ngửa con két lên và ngạc nhiên thấy bàn chân trái của nó có một chỗ bị phồng to cỡ chừng nửa hạt đậu nành. Chàng tự hỏi có phải vì cái thanh ngang dùng làm chỗ cho chim đậu bằng nhựa nhẵn quá con két không bám vào được nên nó phải bám lủng lẳng trên những thanh que của cái lồng chim lúc ngủ và vì thế sinh ra bị phồng chân. Có lẽ chàng nên mua một cái lồng mới cho Bori. Chàng mở cuốn điện thoại niên giám để tìm một cửa tiệm bán chim và đồ dùng để nuôi chim.

Buổi tối ấy chàng thông thả đi dạo các cửa tiệm ở khu Vườn Bách Thảo trong Queen và tình cờ gặp Elbert Chang, Giám đốc dự án của vở nhạc kịch Fanlin đang sáng tác. Elbert đang chạy thể dục và khi ông ngừng lại để trò chuyện với Fanlin, Bori bay vút lên ngọn của một cây bách rất to, chui ra chui vào những chùm lá lóc xộc mãi rồi mới đậu yên lên một nhánh.

“Xuống đây,” Fanlin gọi, nhưng con két chẳng buồn di động, chỉ đeo lấy cành cây đang sà nhẹ xuống và nhìn hai gã đàn ông.

“Con két nhỏ ấy trông xoàng quá,” Elbert nhận xét. Ông ta hí mũi, chùi ngón tay vào cái quần thể thao bằng vải dầy và mềm, rồi chạy đi, miếng mỡ thừa phía sau cổ của ông ta núng nính. Xa hơn nữa, phía trước mặt ông ta là một cặp trai gái trẻ tuổi đang dẫn một con chó dachshund được xích bằng một sợi dây rất dài.

Fanlin quay người bỏ đi, và Bori bay sà xuống đáp nhẹ nhàng lên đầu chàng, Fanlin đặt con két lên cánh tay. “Sợ bố bỏ con lại hả?” chàng hỏi. “Nếu con không nghe lời, bố sẽ không cho con đi ra ngoài với bố nữa, hiểu chưa?” Chàng vỗ nhẹ lên đầu của Bori.

Con két nhấp nháy mắt nhìn chàng.

Fanlin nhận ra rằng Bori thích đậu trên nhánh cây thật. Chàng nhìn quanh thấy một nhánh cây nhỏ rơi dưới gốc cây sồi rất cao và mang nó về nhà. Chàng tháo rời thanh chắn ngang lồng cho chim, và lắp cái nhánh cây thật vào, sau khi chuốt và cắt rãnh ở hai đầu của thanh cây. Sau đó Bori đậu trên cành cây thật ngủ mỗi đêm.

Rất tự hào, Fanlin khoe với Supriya về cành cây chàng mới làm cho chim đậu, nhưng nàng suy nghĩ đầu đầu nên không chú ý. Nàng có vẻ mệt mỏi chỉ nói, “Em rất mừng là đã đề nó ở lại với anh.” Nàng chẳng buồn cảm ơn. Chàng đã định hỏi thăm về chuyện phim ảnh tiến triển đến đâu, nhưng kìm lại.

Công việc sáng tác vở nhạc kịch tiến triển tốt đẹp. Khi Fanlin đưa phân nửa đầu của vở nhạc – tất cả là 132 trang – Elbert Chang có vẻ vui mừng, nói rằng ông đã lo ngại không biết Fanlin đã bắt tay vào việc chưa. Bây giờ Elbert có thể bớt lo lắng – mọi chuyện tiến triển trôi chảy. Một vài ca sĩ đã tham gia. Xem chừng vở kịch có thể được mang lên sân khấu vào mùa hè sang năm.

Phi phà điều xì gà trong văn phòng, Elbert nở một nụ cười đầy vẻ gượng gạo và nói với Fanlin, “Tôi e rằng tôi không thể trả trước cho cậu phân nửa số tiền công viết nhạc lúc này.”

“Tại sao thế? Hợp đồng nói ông phải trả bây giờ.”

“Tôi biết thế, nhưng tôi không có sẵn tiền mặt. Tôi sẽ trả cho cậu vào đầu tháng tới khi tôi nhận được tiền.”

Fanlin xụ mặt, đôi chân mày hình cánh bướm của chàng nhướng lên. Chàng đã dính líu quá sâu đậm với dự án này nên không thể rút lui; tuy thế chàng lo ngại về sau chuyện lương hưởng không xuôi chèo mát mái. Đây là lần đầu tiên chàng làm việc với Elbert Chang.

“Con két này hôm nay trông càng xấu xí hơn,” Elbert nói, tay cầm điều xì gà trở về hướng Bori đang đậu trên bàn, giữa hai bàn tay của Fanlin.

Nghe câu nói của ông ta xong, con két vụt cánh bay đảo một vòng và đậu lên vai của Elbert. “Hay, hay, nó thích tôi đấy!” ông Giám đốc kêu lên. Ông ta hất tay đuôi và Bori hoảng sợ

bay đi.

Fanlin thấy một vệt xanh xanh dính lên áo khoác của Elbert, ở trên vai. Chàng cố trấn áp cơn cười đang dâng lên trong cổ.

“Đừng lo lắng về chuyện trả lương,” Elbert trấn an chàng, ngón tay ông ta nhịp như đánh trống trên bàn. “Cậu có hợp đồng và có thể kiện tôi nếu tôi không trả tiền sòng phẳng. Trường hợp này là ngoại lệ. Tiền đã được các vị Mạnh Thường Quân dành riêng cho vở nhạc kịch này rồi. Tôi hứa với cậu là chuyện này sẽ không xảy ra như thế nữa.

Thấy an tâm hơn, Fanlin bắt tay ông Giám đốc và bước ra khỏi văn phòng.

Lúc ký hợp đồng soạn nhạc cho vở nhạc kịch Nhạc Sĩ Mù ba tháng trước, người viết vở kịch, một nhà thơ lưu vong hiện đang sống ở Staten Island, đã nhất quyết là không ai có thể thay đổi một lời một chữ nào của vở nhạc kịch. Nhà thơ, Benyong, chẳng hiểu rằng, nhạc kịch, không giống như thơ, là một nghệ thuật trình diễn cho công chúng thưởng thức, đòi hỏi sự nỗ lực hợp tác của nhiều người. Elbert Chang thích vở kịch này quá nên chấp thuận những điều kiện tác giả đòi hỏi và đưa vào hợp đồng. Chuyện này gây khó khăn cho Fanlin, chàng đã hình thành trong tư tưởng một cấu trúc âm nhạc nhưng không thể hoàn toàn thích hợp với từng lời từng chữ trong thơ. Thêm vào đó, có những chữ không thể hát được vì cách phát âm của nó. Chàng cần phải thay bằng những chữ mà cuối chữ là những nguyên âm cần phải mở vành môi.

Một buổi sáng, Fanlin đi đến Staten Island để gặp Benyong, với dụng ý là xin phép được thay đổi vài chữ trong vở kịch. Chàng không định mang Bori theo, nhưng ngay lúc chàng bước ra khỏi căn hộ, chàng nghe con két cứ bay va vào trong cửa nhiều lần liên tiếp. Móng chân của nó cào lên cửa. Chàng mở cửa và hỏi, “Có muốn đi với bố không nào?” Con két lao ngay vào trong ngực chàng bầu lấy cái áo thun của chàng và kêu chiêm chiêm. Chàng vuốt ve Bori và hai bố con cùng đi đến trạm xe điện ngầm.

Ngày hôm ấy là một ngày mùa hè rất đẹp, bầu trời được rửa sạch nhờ trận mưa đêm trước. Trên chuyến phà Fanlin ngồi tầng trên của chiếc phà, nhìn những con chim biển bay chung quanh. Một vài con chim biển đi đùng đỉnh hay chạy lảng quăng ở mũi tàu, nơi có hai cô gái nhỏ đang ném ra những mẩu

bánh mì cho chim ăn. Bori cũng tham gia những con chim khác, nhặt thức ăn nhưng chẳng ăn miếng nào. Fanlin biết con kén chỉ làm thế cho vui, tuy thế cho dù chàng gọi cách nào đi nữa, con chim này vẫn không trở về chỗ của chàng. Vì thế chàng đứng gần đấy, nhìn Bori đi một cách sung sướng giữa những con hải âu, ó biển, và nhạn biển. Chàng rất ngạc nhiên vì thấy Bori chẳng chút sợ hãi những con chim to hơn và tự nhủ có lẽ con kén cảm thấy buồn vì cô độc ở nhà.

Benyong đón tiếp Fanlin một cách thân mật, như thể hai người là bạn của nhau. Thật ra hai người chỉ gặp nhau một đôi lần, mà lần nào cũng chỉ vì công việc. Fanlin thích người đàn ông này, đã bốn mươi ba tuổi, mà tính tình vẫn còn rất trẻ thơ thường ngửa đầu ra phía sau cười khanh khách.

Ngồi trong phòng khách, Fanlin hát vài câu để chứng tỏ sự khó khăn trong việc phát âm của những chữ nhà thơ đã dùng. Chàng chỉ có giọng hát bình thường, hơi khản; tuy nhiên khi chàng hát những bài hát do chính tay chàng biên soạn chàng rất tự tin và biết cách biểu diễn, với khuôn mặt sống động và cử chỉ diễn tả thích hợp, dường như chàng không còn biết đến sự hiện diện những người chung quanh.

Khi Fanlin đang hát, Bori chơi đùa chung quanh cái bàn ở bộ ghế sa lông, vỗ cánh và gập gù đầu, cái mỏ quặm của nó mở ra và khép lại kêu lên những tiếng chẳng có nghĩa gì nhưng lại rất vui vẻ. Rồi con chim ngừng lại nhip nhip bàn chân như đánh nhịp, làm nhà thơ vô cùng thích thú.

“Nó có biết nói không?”, Benyong hỏi Fanlin

“Không, nó không nói được, nhưng nó rất khôn và biết nhận ra tiền”.

“Cậu nên dạy nó nói. Đến đây nào, chú bạn nhỏ”. Benyong ra đầu gọi con kén, nhưng nó chẳng thèm để ý đến bàn tay mời gọi của nhà thơ.

Không một chút khó khăn nào Fanlin thuyết phục nhà thơ đồng ý cho anh sửa chữa những chữ không hát được, với điều kiện là hai người sẽ thảo luận trước khi Fanlin muốn thay đổi bằng chữ khác. Đến giờ ăn trưa cả hai cùng đến một nhà hàng nhỏ ở gần đấy và mỗi người gọi một miếng pizza loại cá nhân chứa trong một cái chảo con. Dùng tờ giấy lau màu đỏ thắm chung quanh khoe môi, Benyong nói. “Tôi thích chỗ này và ăn trưa ở đây một tuần năm ngày. Đôi khi tôi cũng sáng tác hay sửa chữa các bài thơ của tôi ở đây. Xin nâng ly chúc mừng”. Nhà thơ nâng ly bia và cụng với ly nước của Fanlin.

Fanlin rất ngạc nhiên vì lời nói của nhà thơ. Benyong không đi làm lãnh lương bình thường như mọi người và chuyện sáng tác thơ của ông chẳng được nhiều tiền; không có mấy người ở trong trường hợp của ông ta có thể đi ăn tiệm năm ngày một tuần. Thêm vào đó nhà thơ lại yêu thích phim ảnh và âm nhạc. Hai cái kệ cao ngất trong căn hộ của ông ta chứa đầy những CD và càng nhiều DVD hơn. Rõ ràng là nhà thơ được bà vợ, làm nghề y tá, săn sóc chu đáo. Fanlin thấy cảm động trước sự rộng lượng của một người phụ nữ.

Ăn trưa xong hai người thả bộ dọc theo bờ biển cát trắng, cả hai cùng tháo giày đi chân không. Không khí đầy mùi cá, và điểm một chút mùi khắm thối của rong biển bị vướng cạn trên bờ. Bori thích biển và cứ tiếp tục bay xa, nhảy dọc theo những ngọn sóng liếm bờ hay mổ trên mặt cát.

“Aaa, ngọn gió biển này làm tôi khỏe hẳn ra”, Benyong nói lúc ông ngắm Bori. “Khi nào tôi đi bộ ở đây, cảnh trí của biển làm tôi suy nghĩ rất nhiều. Trước sự hùng vĩ bao la của biển, ngay cả những chuyện sinh và tử cũng trở nên nhỏ bé, không quan trọng”.

“Thế đối với ông điều gì thật sự quan trọng?”

“Nghệ thuật, chỉ có nghệ thuật mới bất tử”.

“Đó là lý do ông dang hiến tất cả thì giờ vào công việc viết?”

“Vâng, tôi chỉ thích làm một nghệ sĩ tự do”.

Fanlin không nói gì nữa, không thể nào che lấp được hình ảnh người vợ đầy lòng hy sinh của Benyong. Bức hình trong phòng làm việc cho thấy bà là một người khá xinh, gương mặt hơi rộng nhưng có nét. Gió thổi mạnh hơn và mây đen đang kéo về từ ngoài biển xa.

Khi chuyển phà nhỏ neo, mây đen đang bao trùm Brooklyn, những sợi chớp không có tiếng sấm chạy ngoằn ngoèo trên nền trời. Trên boong phà, có một người đàn ông gầy gò râu bạc, đang nói ra rả về những hành động đầy tội lỗi của các công ty lớn. Mắt nhắm tít, lão kêu gào, “Anh chị em, hãy nghĩ về những kẻ đã cướp đoạt tất cả tiền bạc đáng lẽ thuộc về phần của anh chị em, hãy nghĩ đến những kẻ đã mang các thứ ma túy ra ngoài đường phố để giết chết con em của chúng ta. Tôi biết bọn người này. Tôi thấy bọn chúng làm những điều tội lỗi chống lại Chúa hằng ngày. Cái mà quốc gia này đang cần là một cuộc cách mạng để chúng ta có thể nhốt chúng vào tù hay chớ chúng qua Cuba. . .” Fanlin bị hấp dẫn bởi những con chữ

tuôn trào ra khỏi mồm của lão, như thể lão bị quỷ ám, mắt lão lấp lánh ánh sáng lạnh như thép. Những người hành khách khác chẳng ai để ý gì đến lão.

Trong khi Fanlin tập trung sự chú ý vào lão già, Bori rời khỏi vai của Falin và chập chờn bay về các lượn sóng. “Quay lại đây, quay lại đây”, Fanlin gọi, nhưng con két bay dọc theo chiếc phà.

Bất thành linh một cơn gió mạnh bắt được Bori và quét nó vào trong những lượn sóng đang nhào lộn. “Bori! Bori!” Fanlin kêu lên, chạy vội về cuối phà, đôi mắt chàng dán chặt vào con chim đang hụp lặn trong con hỗn loạn.

Chàng đã tung đôi xăng đan, nhảy vào trong nước và bơi về phía Bori, vẫn còn gọi tên con két. Một lượn sóng tạt vào mặt của Fanlin và mồm anh ngập tràn nước biển. Anh ho sặc sụa và mất dấu của con két. “Bori, Bori, con đâu rồi?” chàng gọi, nhìn chung quanh cuống cuống. Rồi chàng nhìn thấy con két đang nằm trên một lượn sóng cách chàng chừng mười mét. Với tất cả sức lực, Fanlin nhào về hướng con két.

Phía sau chàng, chiếc phà chạy chậm dần và một đám người tụ họp lại trên boong phà. Một người đàn ông xuất hiện với một ống loa. “Đừng lo sợ! Chúng tôi sẽ giúp ông!”

Cuối cùng Fanlin nắm được Bori, nhưng nó đã trở nên bất động, mở há hốc. Nước mắt trào ra khỏi mi mắt của Fanlin đang cay xè vì nước biển trong lúc chàng đang cầm con két lên và nhìn vào mặt nó, dốc ngược nó xuống để giữ cho ráo nước ra khỏi bầu điều của nó. Lúc ấy thì chiếc phà đang quay đầu lại đón Fanlin.

Người ta thả một chiếc thang xuống. Ngậm Bori trong mồm, Fanlin trèo lên khỏi mặt nước. Khi anh lên sàn tàu, lão râu bạc bước đến chìa cho anh đôi xăng đan mà không nói một lời. Người ta tụ tập chung quanh khi Fanlin đặt con chim lên sàn phà làm bằng thép và nhẹ nhàng dùng hai ngón tay nhấn vào bầu điều của con két để đẩy nước ra khỏi thân hình đã mất sinh khí của con két.

Sấm vang dội từ xa xa và chớp như bẻ đôi vòm trời, tuy nhiên vẫn còn một vạt nắng ở chân trời nơi giáp biển. Khi chiếc tàu lấy lại tốc độ chạy về hướng Bắc, hai bàn chân co quắp của con chim mở ra, và bơi quào trong không khí. “Nó đã tỉnh lại rồi”, có một người đàn ông nào đó kêu lên.

Đầy vẻ mệt mỏi, Bori mở mắt. Chung quanh mọi người kêu lên những tiếng kêu mừng rỡ trong khi Fanlin khóc nức lên vì

mừng và tri ân. Một người đàn bà đứng tuổi chụp hai tấm ảnh của Fanlin và con kết, nói rằng, “Đây là một chuyện phi thường”.

Hai ngày sau, một bản tin ngắn xuất hiện trong phần Metro của tờ The New York Times, kể lại chuyện cứu con kết. Nó miêu tả Fanlin đã lao vào trong biển không chút ngại ngần và kiên nhẫn cứu sống Bori. Bài viết rất ngắn không đầy hai trăm chữ nhưng nó gây tiếng vang trong cộng đồng địa phương. Chỉ trong vòng một tuần một tờ báo tiếng Trung hoa ở địa phương, The North American Tribune, in một bài dài về Fanlin và con kết có cả hình của cả hai kèm theo.

Elbert Chang đến vào một buổi chiều đưa nốt phần còn lại của tiền ứng trước cho tác phẩm như đã hứa. Ông ta đã đọc bài báo về việc cứu con kết và nói với Fanlin, “chú kết nhỏ này thật là không vừa. Trông nó không mấy khôn ngoan tuy thế lại rất nhiều trò quỷ quyệt”. Ông ta đưa tay ra cho Bori, ngón tay ông ta vẫy mời, “Đến đây”, ông dụ dỗ, “Chú mày đã quên việc chú mày ị lên áo tao sao?”

Fanlin cười to. Bori chẳng muốn nhúc nhích, đôi mắt khép hờ như thể đang buồn ngủ.

Elbert lại hỏi về tiến triển của vở nhạc kịch, Fanlin chẳng có dịp viết lách gì thêm kể từ khi có tai nạn của con kết. Vị Giám đốc trấn an Fanlin là vở nhạc kịch sẽ được trình diễn theo đúng thời điểm ấn định. Fanlin hứa sẽ trở lại với công việc và tăng nỗ lực lên gấp đôi.

Mặc dù được mọi người chú ý, sức khỏe của Bori giảm dần đi. Nó không ăn nhiều hay di chuyển chung quanh như trước. Ban ngày nó ngồi ở bậc cửa sổ, thường xuyên nấc. Fanlin cho là có lẽ nó bị cảm hay chỉ bởi vì tuổi già. Chàng hỏi Supriya về tuổi của con kết. Nàng không biết nhưng trả lời, “Có thể nó đã bị lẫn đấy.”

“Em nói thế có nghĩa là thế nào? Bộ nó tương đương với người bảy mươi hay tám mươi tuổi?”

“Em không biết rõ lắm”.

“Em có thể hỏi chủ của nó không?”

“Làm sao em làm được chuyện này khi em đang ở Thái lan?”

Chàng không hạch hỏi thêm nhưng không vui bởi vì nàng

chẳng quan tâm đến Bori. Có lẽ nàng thật sự không còn liên lạc với chủ cũ của con kết tuy nhiên Fanlin nghi ngờ chuyện không đúng như thế.

Một buổi sáng, Fanlin nhìn vào chuồng của Bori, và chàng hoảng hốt, nhìn thấy con kết đang nằm bất động. Chàng nhặt Bori lên, cái thân hình gầy gò, không còn sinh khí nhưng vẫn còn hơi ấm. Fanlin không thể ngăn nước mắt khi chàng vuốt lông con kết, chàng đã không thể cứu người bạn của chàng.

Chàng để cái thi hài nhỏ bé của con kết trên bàn ăn và quan sát nó một thời gian rất lâu. Con kết nhìn có vẻ yên tĩnh và có lẽ chết trong lúc ngủ. Fanlin tự an ủi là Bori đã không phải hứng chịu tuổi già khôn khổ.

Chàng chôn con chim dưới gốc cây hạnh nhân sau vườn. Cả ngày chàng chẳng thể làm việc gì nhưng ngồi như người mất hồn trong phòng làm việc. Học trò đến buổi tối ấy nhưng chàng không thể dạy được gì. Sau khi họ ra về chàng gọi điện thoại cho Supriya, nàng có vẻ mơ màng ngáy ngủ. Với tiếng nấc nghẹn trong cổ chàng bảo với nàng, “Bori đã chết sáng nay.”

“Trời ơi, anh làm như thể anh em của anh qua đời vậy”.

“Anh buồn quá!”

“Em xin chia buồn, nhưng mà đừng có làm trò kỳ cục như thế, anh không nên khó khăn với mình. Nếu anh nhớ con kết nhỏ ấy quá anh có thể mua một con khác ở tiệm bán chim”.

“Nó là con kết của em”.

“Em biết. Em đâu có trách anh. Em không nói chuyện được nữa, cưng ạ. Em cần phải đi”.

Fanlin không ngủ được mãi cho đến gần sáng đêm ấy. Chàng ôn lại cuộc đàm thoại với Supriya, cảm thấy giận ghét nàng như thể nàng chịu trách nhiệm cho cái chết của Bori. Điều làm chàng tức giận là thái độ thân nhiên của nàng. Có lẽ nàng đã gạt con chim ra khỏi tư tưởng của nàng từ lâu lắm rồi. Chàng tự hỏi không biết mình có nên tình nguyện dứt tình yêu với nàng khi tháng sau nàng sẽ về, bởi vì chuyện chia tay chàng biết trước sau gì cũng sẽ xảy ra.

Rất nhiều ngày Fanlin bỏ dạy học và dồn hết tâm trí vào việc soạn vở nhạc kịch. Dòng nhạc chảy ra từ ngòi bút của chàng khá dễ dàng, giai điệu rất uyển chuyển và tươi mát đến độ chàng phải ngưng lại để tự hỏi mình có vô ý thức sao chép lại nhạc của các nhà soạn nhạc vĩ đại tiền bối hay không. Không, tất cả mọi nốt nhạc chàng chép xuống đều là của chàng.

Chàng bỏ bê việc dạy nhạc đến độ các học sinh lo ngại. Một buổi chiều họ đến mang theo một cái lồng trong đó có một con kết màu vàng tươi. “Chúng tôi mang cái này đến tặng cho thầy”, Wona bảo Fanlin.

Tuy không có con kết nào có thể thay thế Bori, Fanlin rất quý cử chỉ này vì thế chàng đồng ý để con kết mới được ở trong chuồng của Bori. Chàng bảo họ trở lại học tối hôm ấy.

Con kết đã có tên: Devin. Mỗi ngày Fanlin bỏ nó một mình, không nói một lời nào với con kết mặc dù nó nói được nhiều chữ, kể cả những chữ chữ thề nói tục. Đến giờ ăn Fanlin cũng cho một ít thức ăn chàng đang ăn lên đĩa của Bori đưa cho Devin, tuy thế chàng thường để cửa chuồng mở toang, hy vọng là con chim sẽ bay đi.

Phần hai của vở nhạc kịch hoàn tất. Khi Elbert Chang đọc vở nhạc kịch, ông ta gọi Fanlin muốn được gặp chàng. Sáng hôm sau Fanlin đến văn phòng của Elbert, không biết chắc ông ta muốn thảo luận việc gì.

Ngay sau khi Fanlin ngồi xuống, Elbert lắc đầu và mỉm cười. “Tôi hơi thất vọng, tại sao phần nửa này rất khác phần nửa trước”.

“Ông muốn nói là hay hơn hay dở hơn?”

“Tôi không thể nói điều ấy, nhưng phần hai có vẻ có nhiều cảm xúc hơn. Cậu thử hát một hai đoạn xem sao”.

Fanlin hát hết đoạn này đến đoạn kia với một niềm thương tiếc, như thể nhạc đang tuôn trào ra từ đáy lòng chàng. Chàng cảm thương cho người nhạc sĩ mù, nhân vật chính trong vở nhạc kịch, cảm thán qua tấm lòng của nhân vật, nỗi mất mát người ông yêu. một cô gái rất đẹp trong làng bị cưỡng ép kết hôn một vị đại tướng để làm vợ lẽ của ông ta. Giọng của Fanlin run rẩy, điều này chưa bao giờ xảy ra khi chàng biểu diễn trước đây.

“A, bài hát buồn quá”, người phụ tá của Elbert kêu lên. “Nó làm tôi muốn khóc”.

Lời nói của cô gái xoa dịu tâm hồn của Fanlin. Rồi chàng hát thêm vài đoạn từ phần nửa đầu tiên, nó có vẻ thanh lịch và nhẹ nhàng, đặc biệt là những điệp khúc xảy ra suốt vở nhạc kịch.

Elbert nói, “Tôi biết chắc là phần nửa sau diễn tả tình cảm rất đạt. Nó có tâm hồn hơn – một nỗi thương tiếc mà không oán hận, âu yếm mà không ủy mị. Tôi phục lắm”.

“Rất đúng”, cô gái phụ tá nói góp vào.

“Tôi phải làm gì đây?” Fanlin thở dài.

“Làm cho cả vở kịch phù hợp với nhau”, Elbert đề nghị.

“Chuyện này phải vài tuần mới xong”.

“Chúng ta có đủ thì giờ”.

Fanlin chuẩn bị sửa lại phần nhạc của vở kịch, đặc biệt là phần đầu. Chàng làm việc chăm chỉ quá nên sau một tuần chàng ngã bệnh và phải nằm tĩnh dưỡng trên giường. Ngay cả khi nhắm mắt chàng cũng không thể trấn áp được tiếng nhạc âm vang trong đầu. Ngày hôm sau chàng trở lại công việc soạn nhạc. Mặc dù mệt mỏi, chàng cảm thấy sung sướng, có thể nói ngây ngất đến xuất thần, trong công việc sáng tác này. Chàng bỏ lơ Devin hoàn toàn, ngoại trừ công việc cho nó ăn. Con két thỉnh thoảng mon men đến cạnh chàng nhưng chàng quá bận nên không để ý đến nó.

Một chiều, sau khi làm việc nhiều giờ, chàng nằm nghỉ ngơi trên giường. Devin đậu xuống bên cạnh chàng. Con két ngúng nguẩy cái đuôi chim dài màu xanh ở ngọn, rồi nhảy lên ngực của Fanlin, nghiêng đôi mắt hạt cườm nhìn chàng. “On khỏe khon?” con két kêu quang quác. Đầu tiên, Fanlin không hiểu những chữ phát âm không rõ này, nó nói như một người đút hơi. “An khỏe khan?” Con chim lặp lại.

“Khỏe, tôi khỏe lắm”. Fanlin mỉm cười, nước mắt dâng lên.

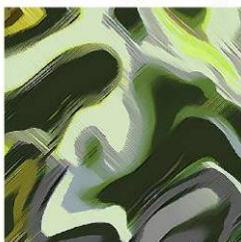
Devin bay đi và đậu lên cánh cửa sổ mở hé. Cái màn trắng bay phất phơ trong gió nhẹ như thể bắt đầu khiêu vũ; bên ngoài lá cây tiêu huyền rì rào. “Quay lại đây”, Fanlin gọi.

Gọi chiều nước lên...

(Đọc XA XỨ, tập Thơ của Trần Hoài Thu,
Thư Ấn Quán Xuất Bản 2010)

Người đọc: **Đỗ Nghệ (VN)**

Trần Hoài Thu



xa xứ

Tập thơ mỏng tanh mà nặng trĩu với tôi. Tôi đọc mà nghe lòng mình rung rúc. Toàn tập thơ có thể nói chỉ có một bài duy nhất từ đầu đến cuối- như một bản trường ca chưa viết xong - mà cũng có thể coi là một tập hợp của nhiều bài thơ rải rác mang một cái tên chung: ***Xa Xứ***.

Một tập thơ lạ, không như những tập thơ khác của Thư Ấn Quán: vuông vức, cứ mỗi trang thơ lại có một trang tranh tương ứng.

Ừ nhỉ, cuối năm nơi đất lạ
Mưa mênh mông và sống mênh mông
Ừ nhỉ, hình như lòng rướm lệ
Như một người không có quê hương (tr 16)

Cuối năm, ấy là lúc lòng chợt như dừng lại. Không khí sảng đặc hơn với cái buốt lạnh chiều đông. Và chỉ cần dừng lại, người ta đã thấy khác đi- trên con đường bươn chải, miệt mài, mù tăm... của bao ngày tháng nơi đất lạ quê người.

Dừng lại. Thì nghe được mưa ngoài trời và mưa trong lòng.

Anh nói hình như, hình như thôi, mà tôi tin lòng anh rướm lệ thật rồi. Rướm lệ bởi vì trời tháng chạp rồi. Đó là lúc người ta trở về. Về đâu? *Đi về sao chẳng về đi/ Ruộng hoang vườn rậm còn chi không về* (Đào Tiềm)... Nhưng, về đó là về cho kẻ có quê hương. Còn anh, như một người không có quê hương. Ở đây đất lạ quê người. *Mấy mươi năm cũng một đời xứ xa* (tr 50).

Thì về đâu? Chẳng về đâu cả. Về với lòng mình thôi.

Anh như muốn hét to lên một tiếng. Một tiếng dài cho lạnh tới sao khuê. “Trường khiêu nhất thanh hàn thái hư” (Không Lộ thiền sư) vậy.

Bây giờ trời đất thênh thang
Tôi lên trên núi trên ngàn để vui
Dưới kia, một quá cuộc đời
Xa kia, xa quá, vợi vời Việt Nam... (tr 52)

Dưới kia, một quá cuộc đời... Xa kia, xa quá, vợi vời Việt Nam. Chỉ cần mấy giờ bay, chỉ cần một cái “cân đầu vân” là đến thế mà xa quá, xa như từ cội lòng này đến cội lòng kia, từ bờ bên này đến bờ bên nọ, khi ta chưa có trong tay con thuyền Bát nhã, khi ta chưa đọc câu thần chú: Gaté, Gaté, Paragaté, Parasamgaté...

Anh viết *vợi vời* không phải vì anh “kẹt vắn” đâu mà tôi nghĩ anh đã không còn cách nào khác. *Vợi vời* rõ ràng không phải *vội vội*. *Vội vội* dẫu xa muôn trùng mà không cách biệt. *Vợi vời* thì hết. Không phải là chuyện cách núi ngăn sông nữa rồi.

Hình như có lúc anh chẳng cần thơ nữa. Anh nói, “Có một ngày giữa tiểu bang mộng mệnh, chúng tôi đã bàng hoàng dừng xe, thẩn thức” (tr 22). Thẩn thức? Phải. Tôi nghĩ anh đang chạy xe với tốc độ cao trên xa lộ, mắt lại cận thị nặng, vậy mà, cũng đã kịp nhận ra:

“Bụi chuối nhà ai bên đường đã mọc
Chuối mẹ chuối con, trời hời quê nhà ! “(tr 22).

Vâng chỉ là một bụi chuối xúm xít mẹ con. Chỉ thế thôi. Nhưng trong anh là cả một quê nhà vắng vắng, Tôi biết anh chẳng quên Trần Minh khổ chuối, cũng chẳng quên *Gió đưa bụi chuối sau*

hè, anh mê vợ bé bỏ bè con thơ...

Hai tiếng “trời hồi” mới “cải lương” làm sao! Nhưng nó đã làm tôi muốn rơi nước mắt! Cải lương thật tuyệt vời!
Rồi anh “lý giải” cho cái sự *trời hồi* đó của mình:

Ở đâu cũng vẫn đất trời
Cũng rừng cô tịch cũng đôi tà dương
Cũng ngày nắng cũng đêm sương
Cũng qua cũng lại phố phường người dừng
Cũng trên trời một vầng trăng
Cũng sông vẫn chảy hai giòng ngược xuôi
Nhưng lòng sao lại không nguôi
Nghe như bìm bịp gọi chiều nước lên...(tr 46)

Lạ lùng là ở chỗ đó. Bìm bịp gọi chiều nước lên nó khác biệt bao nhiêu tiếng rừng rừng chuyển động của những con tàu cơ khí với rầm rập bước chân người lạc lõng giữa đám đông, với ..., với...

Tôi có sống ở Boston mấy tháng mà thấy trăng Boston sao khác trăng mình. Trăng to quá, bự quá, sùng sững quá, lộ liễu quá, tênh hênh quá. Khác với trăng năm sóng soải trên cảnh liễu, khác với bên lèn làm sao lúc nửa đêm của quê nhà. Cho nên “nghe như” tiếng bìm bịp kêu chiều kia đã làm cho anh khóc được: chiều chiều lại nhớ chiều chiều...

Ngăn kéo cũ đã lâu rồi không mở
Tâm hình tôi lem luốc nhìn không ra
Tôi đứng giữa những nỗi buồn lịch sử
Lấn ngồng cuồng của tuổi trẻ hôm qua...(tr 56)

Bạn chúng tôi, Lữ Kiều, nói “lịch sử chọn chúng ta chứ chúng ta không chọn lịch sử”.

Bốn mươi năm trước, những ngày ở Nha Trang, tôi lang thang cùng anh trên bãi biển đầy những cơn sóng thịnh nộ những ngày bão bùng... Rồi ở Saigon, có lần tôi đeo anh bằng chiếc xe lọc cọc của mình đến tòa soạn Bách Khoa, nơi anh hò hẹn, nhưng nàng không đến. Anh ủ rũ quay về. Chiếc xe nặng trĩu. Trong trí nhớ tôi, Trần Hoài Thư là một chàng thư sinh nho nhã, vầng trán rộng quá khổ, đôi mắt hun hút sau tròng kính cận, những ngón tay lòng thòng, dáng đi lỏng không... Anh là một kẻ “nồi tình”, dễ nước mắt, dễ giận hờn, dễ đấng cay...

Bốn mươi năm không gặp lại. Anh vẫn nhắc tôi món bánh cuốn nóng ở cạnh nhà mình mà hôm đó anh và tôi ra ngồi bên lò lửa từ rất sớm, để tiễn anh đi, không, tiễn anh về, Về nơi gió cát. “Đêm trăng này nghĩ mát nơi nao”. Không cảm lòng được, hôm đó tôi đã viết cho bạn:

Ta cũng muốn ngâm tràn câu tống biệt
Đưa người đi tiếng sóng ở trong lòng
Nhưng khói thuốc đã cay sè đôi mắt
Có ai còn thổi sáo trên sông

Trời buổi sáng mù sương lớp lớp
Người hành trang nỗi tuyệt vọng rã rời
Và khí phách thôi một thời trẻ dại
Ta nói gì cho bớt chút chia ly?

Đưa người ta nâng ly cà phê nhỏ
Rồi quan san rồi bụi đỏ người đi
Rồi khói súng người tập tành nỗi chết
Ta trở về hiu hắt đường khuya...

.....

(ĐN)

Bây giờ đọc Xa Xứ của Trần Hoài Thư:

Hẹn với lòng tháng chạp sẽ về quê
Mà hơn ba mươi năm vẫn chưa về cố xứ
Khi hứa hẹn cứ nghĩ mình trẻ quá
Giờ thì già, ngựa đã nắn chân bon (tr 76)

Tôi nghĩ không phải đợi tới bây giờ ngựa mới nắn chân bon đâu. Lâu lắm rồi, bốn mươi năm về trước rồi, Trần Hoài Thư như lừa chúng tôi đã thấy rõ “Nỗi bơ vơ của bây giờ ngựa hoang”(*) rồi! Nhưng hãy đọc tiếp:

Tôi lạc lối, em biết không
Tôi đang quờ quạng giữa vùng mù sương
Cũng vì cái ngành cái ương... (tr 44)

Tôi bản khoăn khi ghi lại những dòng này. Nghĩ trong lòng

không biết có nên.

Thơ, tắc lòng ngàn năm - thốn tâm thiên cổ - là vậy. Không “hư cầu” được với thơ đâu Thư ơi!

Đêm quá khuya , đêm không chịu trôi mau
Mắt đã mỏi mà sao trông chẳng khép (tr 38)

Còn nói gì thêm được nữa?

Rồi những bức tranh, như đã nói, cứ một trang thơ lại có một trang tranh tương ứng. Những bức tranh đắm đuối quê nhà : khi thì đồi núi cao nguyên trùng trùng điệp điệp của Thân Trọng Minh, khi thì những con thuyền phôi mình nhớ sóng của Thanh Hằng, rồi cầu tre lắt léo, rồi bụi chuối sau hè... Và những mượt mà, thẳng thốt, trầm tư, ưu uất... của Đinh Cường, Nguyễn Trọng Khôi, Tống Phước Cường, Lệ Liễu.... Tranh không còn là tranh nữa mà đã thành thơ trong Xa Xứ. Tôi bàng hoàng với bức tranh của Trần Quý Thoại ở trang 55: một con nai vàng, phải, một con nai vàng - và ngơ ngác, dĩ nhiên - nhưng không phải « đập trên lá vàng khô » mà đập trên lưng một con người cúi gục, với cái đầu to quá khổ mà chiếc cổ nhỏ bé không sao giữ nổi !



Rồi ở trang 61, một lần nữa tôi ray rứt với những giọt nước mắt của khuôn mặt đàn bà mộng du, từng mảng rời đóng hộp, và những làn mây trôi trên cao. Cũng tranh Trần Quý Thoại. Hình như Thoại vẽ được những gì Trần Hoài Thư không viết

được nên lời.

Vỏ tôi đỏ nhưng hồn tôi trôi dạt

Em ở quê nhà có hiểu lòng tôi ?(tr 60).



* *

*

Em có hỏi tại sao ta chưa về cố xứ

Ta trả lời: Ta về chứ đêm qua

Ta vẫn về, rất thẳm lặng thiết tha (tr 78)

Ai sao không biết, tôi thì tôi tin. Tôi tin Trần Hoài Thư vẫn về đêm đêm, về thẳm lặng, thiết tha... Thậm chí không cần phải dặn : *thấy hiu hiu gió thì hay chị về !* (Nguyễn Du).

Nhưng, gió bắc đã hiu hiu rồi đó Thư ơi !

Đỗ Nghê *

(Mùng 4 Tết Tân Mão 2011).

* Đỗ Nghê là bút hiệu của bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc. Hiện sống ở VN.

GIỚI THIỆU SÁCH

Phụ trách: Phạm Văn Nhân

(LTS : Mục giới thiệu sách do anh Phạm Văn Nhân phụ trách. Chúng tôi sẽ cố gắng đọc và rất trân trọng ở mỗi tác phẩm mà quý vị gởi tặng. Tuy nhiên vì trang báo có giới hạn, những tác phẩm trong và ngoài nước gởi đến chúng tôi nhận sớm sẽ giới thiệu sớm trong kỳ phát hành báo sớm nhất. Còn lại chúng tôi sẽ lần lượt giới thiệu sau trong những số kế tiếp.

Xin gởi sách về địa chỉ: 2004 Heather St/ Amarillo, TX 79107.)

ĐẶNG KIM CÔN



**Đề Trăng Khuya Kịp
Rớt Dây Sớm Mai**
THƠ

THƯ AN QUÂN 2011



Đề Trăng Khuya Kịp Rớt Dây Sớm Mai. Tập thơ của **Đặng Kim Côn** do Thư Ấn Quán xuất bản ở Hoa Kỳ đầu năm 2011. Sách dày 132 trang. Tựa Du Tử Lê. Phụ bản: Lương Thu Trung trò chuyện với Đặng Kim Côn.

Đúng như tựa của tập thơ. Nhà thơ gói gắm vào trong tập này những hoài niệm một thời, mà trước hết là những bài thơ anh làm trước 1975 (số ít bài), còn lại là những bài thơ làm sau 1975. Trước hay sau không thành vấn đề. cái quan trọng là chất THƠ. Đúng vậy, đọc Đề Trăng Khuya Kịp Rớt Dây Sớm Mai ta mới thấy cái gần gũi, nếu có cùng một tâm trạng, thoát ra từ cuộc chiến. Nhưng với những con chữ nhẹ nhàng, đầy gọi cảm và chân thật của người lính cũ làm thơ.:

*Người lính thấy dưới chân mình xác chết
Không kịp dừng để biết là ai*

Hay, khi Côn viết về quê hương, thơ anh nặng trĩu tình quê trong lòng:

*Đất trời ai xưa, nông nân hương lúa
Đêm thần tiên chiếu trái giữa trăng treo
Bước thấp, bước cao, trên nương, dưới ruộng
Chợ xa, chợ gần, Mẹ gánh ấu thơ theo.*

Với thi tập: ĐTKKRĐSM là một thi tập hay mà Thư Ấn Quán chọn in và phát hành đầu năm Tân Mão.

Độc giả TQBT cần tập thơ này, xin liên lạc với tác giả, dangkimcon@gmail.com

Hay: phone: 408-421-9391.



Tập truyện: Một Ngày, Một Ngàn Ngày Tập truyện ngắn của **Đặng Kim Côn** do Thư Ấn Quán Hoa Kỳ xuất bản, năm 2011. Đây là một tập truyện ngắn gồm 11 truyện . Truyện đầu: Đầu Đó Ngày Mai và truyện cuối : Một Ngày, Một Ngàn ngày.

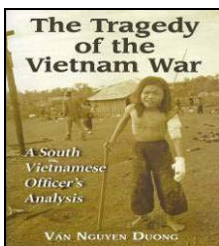
Trong 11 truyện ngắn có hai truyện tác giả viết trước 1975, còn lại viết sau 1975. Nhưng, đọc những truyện trong tập Một Ngày, Một Ngàn Ngày của Đặng Kim Côn ta mới thấy cuộc chiến Việt Nam dưới cái nhìn của một người lính miền Nam, trực tiếp tham dự vừa cầm súng vừa cầm bút. Bối cảnh trong truyện thường là những nơi, có lẽ, là những địa danh mà tác giả tham dự - miền Trung - Nhất là những địa danh ở Tuy Hòa, Phú Bổn, Cheo Reo...Những nơi mà mỗi khi nói đến ta thấy “cuộc chiến” những nơi ấy xảy ra như thế nào. Về thân phận con người.

Đọc Một Ngày, Một Ngàn Ngày của Đặng Kim Côn để thấy thân phận con người trong và sau cuộc chiến như thế nào trên mảnh đất miền Trung có quá nhiều đau khổ và nghi kỵ.

Giá \$12 (Ngoài Hoa Kỳ thêm \$5 cước phí)

Địa chỉ liên lạc: dangkimcon@gamail.com

Điện thoại 408-421-9391.



The Tragedy of the Vietnam War: của Van Nguyen Duong.

Do nhà xuất bản McEaland & Company, Inc. Publishers. N.Carolina, Hoa Kỳ xuất bản. Sách viết bằng Anh Ngữ. Dày 268 trang. Gồm 16 chapters (chương). Có phụ đính những bản đồ quân sự qua những trận đánh và nhiều hình ảnh khác mà ông đưa vào sách như một minh chứng.

Được biết Van Nguyen Duong tên thật là Nguyễn Văn Dường, nguyên là Trung tá QLVNCH. Sinh năm 1934, Quận Cà Mau, Bạc Liêu. Tốt nghiệp khóa 5/SQTB/TĐ. Ông đã đảm nhận nhiều chức vụ quan trọng trong quân đội.. Sau ngày 30/4/1975 ông bị tập trung cải tạo hết 13 năm qua các trại ở miền Bắc và miền Nam từ năm 1975 cho đến 1988.

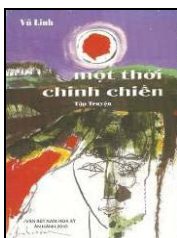
Trong thư ông gởi riêng cho tôi, ông nói với tập biên khảo này, nhà xuất bản chỉ chịu in với điều kiện là phải bớt 1/3 nội dung và những hình ảnh và bản đồ. Ông đồng ý và cuốn sách được phát hành. Xin trích phần sơ lược tiểu sử ở bìa sau : *After the fall of Saigon Van Nguyen Duong was imprisoned for 13 years for "re-education". He came to the United States in 1991 and now lives in Honolulu.*

Đây là một tác phẩm biên khảo, soạn bằng Anh ngữ. Có lẽ mục đích của tác giả là muốn cho người Mỹ, và thế hệ người Việt (thế hệ thứ ba) đọc.

-Tác phẩm đã xuất bản: Thơ: Vùng Đêm Sương Mù. Sài Gòn, năm 1966.

Khảo Sử: The Tragedy of the Vietnam War. Anh ngữ, Hoa Kỳ 2008.

Độc giả TQBT giỏi Anh ngữ nên tìm đọc qua hệ thống phát hành sách online: <http://www.amazon.com>



Tập truyện: **Một Thời Chinh Chiến** của **Vũ Linh**. Tập truyện được chia làm ba phần. Phần I: Một Thời Chinh Chiến. Phần II: Tuyển Truyện. Phần III: Phụ Lục (viết về những người bạn của anh).

Sách dày 270 trang. Bìa Họa sĩ Đinh Cường. Lời giới thiệu: Nguyễn Thế Giác. Thay lời tựa: Túy Hà.

Được biết đây là những truyện anh viết chưa đi trên các báo ở Hoa Kỳ thì anh đã đi vào cõi vĩnh hằng. Và bạn bè của anh gom góp lại để in thành sách do Văn Bút Nam Hoa Kỳ Ấn Hành vào năm 2010. Có sự đồng ý của gia đình.

Với Vũ Linh, TQBT chúng tôi không lạ gì mà còn rất thân tình nữa, mỗi khi tôi về Houston. Văn của anh rất bình dị, trong sáng như người kể truyện cho chúng ta nghe khi đọc Một Thời Chinh Chiến.

Nhà văn Vũ Linh tên thật là: Võ Công Linh. Tốt nghiệp khóa 12 SQTĐ/TĐ. Cấp bậc cuối cùng của anh là Thiếu Tá. Định cư tại Houston, Hoa Kỳ vào năm 1995.

Tác phẩm đã xuất bản:

- *Trước 1975: tập thơ Mùa Lá Rụng
- * Năm 2002 : Tuyển truyện Vũ Linh
- * năm 2010: Tập truyện Một Thời Chinh Chiến

Anh mất vào ngày 21-4-2010.

Một Thời Chinh Chiến là một tác phẩm hay, cần đọc. Nhất là những người lính miền Nam.

Liên lạc để có sách qua địa chỉ: vulinh4@yahoo.com.

Sách tặng. Không bán

GIỮA TÒA SOẠN VÀ THÂN HỮU

Cáo lỗi : Vì số trang có hạn nên một số bài vở của các thân hữu lẽ ra có mặt trong số này, phải bắt buộc tạm gác lại cho những kỳ sau. Mong quý bạn thông cảm. Xin cảm ơn trước.

Anh Duy Trác : Thành thật cảm ơn anh đã tặng những CD rất quý hiếm. Đặc biệt có cuốn phim **Đất Khổ** được dựng từ tác phẩm *Giải Khăn Sô Cho Huế* của Nhã Ca mà hầu như những tinh hoa của miền Nam bấy giờ đều có mặt như Kim Cương, Bích Hợp, Lê Thương, Trịnh Công Sơn, Văn Quỳnh. Điều ngạc nhiên là trong phim TCS lại nói giọng Bắc. Mới hay là chính giọng của ca sĩ Duy Trác thay vào. Vì bà mẹ của TCS (nhân vật người con trai) là người Bắc chính tông, trong khi TCS nói giọng Huế rặc ! Bấy giờ tôi mới biết, anh ạ.
Chúc anh chị an vui.

Chị MN:

Cảm ơn chị đã gởi bài thơ của anh Đặng Tiến sáng tác vào năm 1960 cùng hai bài thơ mới làm của anh.

Rất vui mừng sau khi biết sức khỏe anh ĐT được khả quan sau một ca mổ tim và nay anh đã hồi phục rất nhiều. Chúc anh sớm rời khỏi bệnh viện. Thân mến

Thư của nhà thơ NDQ (VN)

Hôm đầu tháng chạp, tôi rất vui được anh N. từ SG lên giao 2 cuốn Thư Quán Bản Thảo 44 và 45 (cùng tập thơ Mây Khói Quê Nhà của Phạm Cao Hoàng và 1 số truyện của các anh Ý Thức)

Vui vì được bắt đầu hít thở không khí văn chương (như tôi đã nói với anh là trước kia tôi chỉ ham đá banh và "đàn ca sáo thổi"), được đọc TQBT, thơ mình được đăng, được đứng trong một mái nhà đúng nghĩa dù muộn, được biết Lâm Hảo Dũng cùng khóa 27 TĐ.

Vui để chuẩn bị năm 2011 rảnh in 2 tập thơ (sẽ nhờ anh và

...).

Vui vì do việc PCH nhờ chuyển MKQN đến các bạn bên này em mới có dịp tìm đến nhà LVT, một vùng quê hẻo lánh ở Xuân Lộc, Đồng Nai; NĐS cũng rất hẻo lánh ở Đại Lào, Blao.

Lâm Anh thì thỉnh thoảng gặp. Tháng rồi Lâm Anh lên Dalat dịp ra mắt tuyển tập thơ "Thơ Tình Cao Nguyên" do nhóm SG chủ trương có mang cuốn Quá Giang Thuyền Ngược (1) lên tặng tôi nhưng gặp 1 cô bạn thơ ở Tùng Nghĩa, giáo viên, đệ tử PCH, nên LA tặng mất. LA ngủ lại nhà tôi, thổ lộ và hẹn sẽ gởi Quá Giang Thuyền Ngược cho tôi sau, cũng vui.

Vui lẫn buồn vì đọc truyện Mây Trôi (trong Tường Chùng Đã Quên) (2) của NM, chợt nhớ cô bạn học cùng lớp Vân Phi với tôi năm Đệ Ngũ, Đệ Tứ, cũng có kỷ niệm tôi sẽ kể trong thư sau.

Gần đây đọc trên mạng mới biết thêm nhiều về anh, kể cả hình ảnh anh bên các máy móc in ấn cũ kĩ. Thật cảm động về "một thứ hạnh phúc kỳ diệu" của anh (như đọc trong Rong Bút).

(3) Thi phẩm, Thư Ấn Quán xuất bản

(4) Tập truyện, Thư Ấn quán xuất bản. Sách tặng theo yêu cầu

.

Đính chánh :

Trong số 45, chủ đề về nhà thơ Lâm Hảo Dũng, có những lỗi như sau :

- Trong phần tiểu sử, ghi là « giáo chức». Thật ra ông là "cán sự nông nghiệp" trước khi vào quân đội. (Xin được cảm ơn anh LHK cho biết việc này)

- bài thơ "**Tôi vẫn biết em buồn bên mái lá**" được sáng tác sau 1975 chứ không phải trước 1975 như trong bài viết của tác giả Trần Thế Đức.

- Hai câu thơ : "*Chư Pao ai oán hờn trong gió.
Mỗi một khăn tang một tắc đường.* "

Xin sửa lại :

"*Chư Pao ai oán hờn trong gió.
Mỗi **chiếc** khăn tang một tắc đường.* "

Xin cáo lỗi cùng nhà thơ LHD và độc giả.

